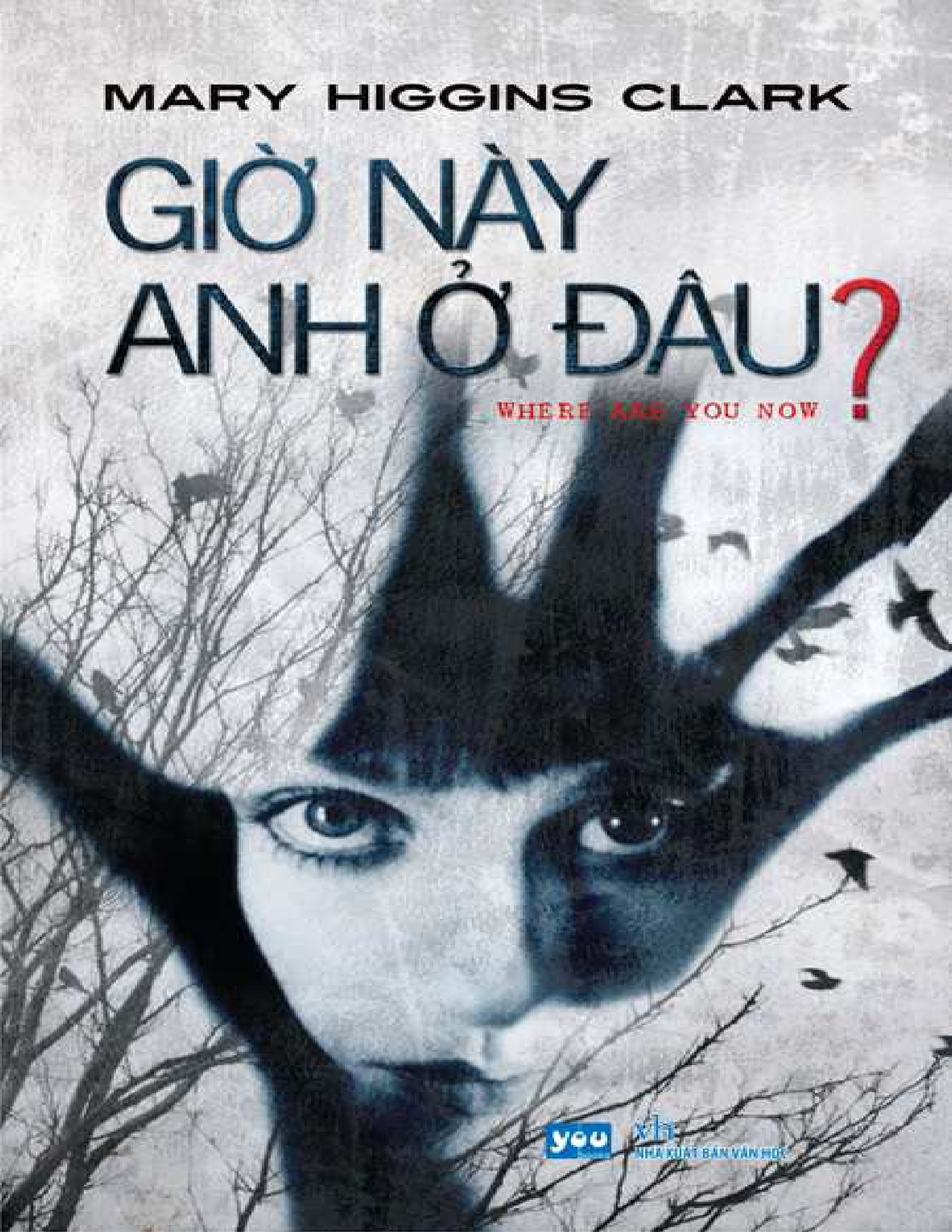


MARY HIGGINS CLARK

GIỜ NÀY ANH Ở ĐÂU?

WHERE ARE YOU NOW



you

nh

NHÀ QUÁT BẮN VĂN HỌC

Giờ Này Anh Ở Đâu?

Mary Higgins Clark

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[1](#)
[2](#)
[3](#)
[4](#)
[5](#)
[6](#)
[7](#)
[8](#)
[9](#)
[10](#)
[11](#)
[12](#)
[13](#)
[14](#)
[15](#)
[16](#)
[17](#)
[18](#)
[19](#)
[20](#)
[21](#)
[22](#)
[23](#)
[24](#)
[25](#)
[26](#)
[27](#)
[28](#)
[29](#)
[30](#)
[31](#)
[32](#)
[33](#)
[34](#)
[35](#)
[36](#)
[37](#)
[38](#)
[39](#)
[40](#)
[41](#)
[42](#)
[43](#)
[44](#)
[45](#)
[46](#)
[47](#)
[48](#)
[49](#)
[50](#)

Giới thiệu

Nữ hoàng truyện trinh thám Mỹ Mary Higgins Clark đã gửi tới độc giả yêu mến một câu chuyện hấp dẫn về hành trình khám phá bí ẩn trong bi kịch gia đình cô gái trẻ Carolyn Mackenzie. Cuộc truy tìm để lại những hậu quả khủng khiếp.

Giờ này anh ở đâu là tiểu thuyết trinh thám về mối quan hệ chồng chèo, các tình huống căng thẳng. Bắt đầu bằng một bi kịch gia đình nhuộm màu bí ẩn, kết thúc bất ngờ và đau đớn, nhưng Giờ này anh ở đâu cũng không thiếu những chi tiết ám áp tình người. Bên cạnh đó, những diễn biến nội tâm phức tạp của nhân vật được lồng ghép khéo léo giữa mạch truyện gay cấn thể hiện tài năng đỉnh cao của tác giả. Tất cả những điều này khắc họa nên nét đặc sắc nổi trội cho tác phẩm...

Ngày của Mẹ. Điện thoại reo.

Mười năm trước, Mack MacKenzie biến mất. Anh hứa hằng năm sẽ gọi về nhà vào Ngày của Mẹ.

Mười năm sau, Leeseey Andrews mất tích. Cô hứa hằng năm sẽ gọi về nhà vào Ngày của Mẹ.

Đó phải chăng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên? Và trong vòng mười năm ấy, đã có đến ba cô gái khác cũng bỗng dưng “bốc hơi”.

Em gái của Mack, Carolyn MacKenzie, quyết tâm tìm cho ra anh trai. Cô không ngờ mong muốn đó lại đẩy mọi chuyện trở nên rối rắm.

Liệu cô có khám phá được sự thật khi muôn vàn khó khăn liên tục ập đến? Chưa kể, cảnh sát còn dồn hết mọi nghi ngờ trong tất cả các vụ mất tích của những cô gái vào Mack.

Hoang mang tột cùng, một câu hỏi cứ xoáy sâu trong đầu Carolyn: “Giờ này anh ở đâu?”



Mary Higgins, sinh năm 1929 ở Mỹ, đã làm nhiều công việc khác nhau trước khi đến được với nghề viết văn. Cha mất sớm, hoàn cảnh khó khăn nên ngay khi học xong trung học, Mary phải lo giúp gia đình bằng cách nhanh chóng tìm một công việc. Bà đã làm thư ký rồi làm tiếp viên hàng không trước khi lập gia đình với Warren Clark. Lấy chồng một thời gian sau, Mary mới có thể theo đuổi sự nghiệp văn chương bằng nghề viết báo.

Mary Higgins Clark được mệnh danh là Nữ hoàng truyện trinh thám. Hơn ba mươi năm sáng tác, với nhiều tác phẩm được dựng thành phim, bà đã tạo cho mình một sự nghiệp đáng tự hào với nhiều giải thưởng và vinh quang. Hầu hết các tác phẩm của Mary Higgins Clark đều trở thành sách best-seller như: *Where are the children?* (Con chúng ta đâu?), *The cradle will fall* (Lộ diện), *A cry in the night* (Tiếng hét trong đêm), *No place like home* (Không đâu bằng nhà mình), *Two little girls in blue* (Hai cô bé trong đại dương)

Lúc đó là đúng nửa đêm, nghĩa là Ngày của Mẹ chỉ vừa mới bắt đầu. Tôi thức qua đêm với mẹ trong căn hộ ở Sutton Place nơi tôi lớn lên. Bà đang ở trong phòng mình, phía cuối hành lang, và chúng tôi cùng thức với nhau. Chúng tôi đã cùng thức với nhau hàng năm kể từ khi anh trai tôi, Charles McKenzie, Jr. "Mack" đi khỏi căn hộ anh sống cùng với hai người sinh viên năm cuối của Đại học Columbia cách đây mười năm. Kể từ đó trở đi, chẳng có ai gặp lại anh cả. Nhưng mỗi năm vào một thời điểm nào đó trong Ngày của Mẹ, anh lại gọi điện thoại để đoán chắc với mẹ rằng anh vẫn khỏe. "Đừng lo lắng cho con." Anh bảo bà. "Một trong những ngày này con sẽ tra chìa khóa vào ổ và sẽ có mặt ở nhà." Thế rồi anh cúp máy.

Chúng tôi không hề biết trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ đó lúc nào cuộc gọi này sẽ đến. Năm ngoái Mack gọi điện chỉ vài phút sau nửa đêm, và việc chúng tôi định thức với nhau đã chấm dứt ngay khi cuộc gọi vừa mới bắt đầu. Cách đây hai năm anh lại đợi cho đến giây cuối cùng mới gọi. Và mẹ hoảng hốt sợ rằng mối liên lạc mong manh với anh đã chấm dứt.

Mack hẳn đã biết rằng cha tôi bị chết trong thảm họa Tháp Đôi. Tôi chắc chắn dù đang làm gì đi nữa thì cái ngày khủng khiếp đó lẽ ra phải kéo anh quay về nhà mới đúng. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Thế rồi vào Ngày của Mẹ kế tiếp, trong cuộc gọi hàng năm của mình, anh bắt đầu kêu gào hỗn hển: "Con rất lấy làm tiếc về cha. Con thực sự rất lấy làm tiếc." Rồi anh ngừng cuộc gọi.

Tôi là Carolyn. Tôi mười sáu tuổi khi Mack biến mất. Tiếp bước chân anh, tôi theo học ở Đại học Columbia, rồi sau đó tiếp tục đến học ở Trường Luật Duke. Mack đã được chấp thuận cho nhập học ở đó trước khi anh biến mất. Sau khi tốt nghiệp ngành Luật năm ngoái, tôi làm thư ký cho viên thẩm phán tòa án dân sự tại trụ sở tòa án trên phố Center Street ở khu Manhattan hạ. Thẩm phán Paul Huot vừa mới về hưu, do vậy, vào lúc này tôi chưa có việc làm. Tôi dự định nộp đơn xin làm trợ lý cho chương lý quận tại Manhattan, nhưng vẫn chưa làm điều đó.

Trước hết tôi cần phải tìm ra cách truy tìm anh trai tôi. Điều gì *đã xảy ra* cho anh? Tại sao anh lại biến mất dạng? Không có dấu hiệu nào của trò đùa tai quái. Những thẻ tín dụng của Mack không bị sử dụng. Xe hơi anh vẫn nằm trong gara gần căn hộ của anh. Không có đặc điểm nào về nhân dạng của anh được tìm thấy trong nhà xác, mặc dầu hồi đầu cha mẹ tôi thỉnh thoảng vẫn được mời đến nhìn thi thể của một thanh niên nào đó bị chết đuối khi câu cá trên sông hoặc bị chết vì một tai nạn nào đó.

Khi chúng tôi cùng lớn lên, Mack là người bạn tốt nhất của tôi, người mà tôi có thể chia sẻ, thổ lộ tâm tình. Phần nửa bạn gái của tôi đều phải lòng anh. Anh là người con, người anh hoàn hảo, một sinh viên đẹp trai, tử tế, vui nhộn, tuyệt vời. Giờ đây tôi cảm thấy thế nào về anh nhỉ? Tôi không biết gì hết. Tôi nhớ là tôi đã yêu thương anh biết chừng nào, rằng lòng yêu thương đó giờ đây đã biến thành cơn tức giận và nỗi bất bình. Tôi ước gì mình thậm chí có thể ngờ vực là anh vẫn còn sống và có ai đó đang chơi một trò đùa độc ác, nhưng chẳng có nỗi ngờ vực nào như vậy trong tâm trí tôi. Cách đây nhiều năm chúng tôi đã thu băng một trong những cuộc gọi điện thoại của anh và đã đem mẫu tiếng nói đó so sánh với tiếng nói của anh trong các cuốn phim ở gia đình. Nó đều giống hệt nhau.

Tất cả những điều này cho thấy rằng mẹ và tôi đang trong tình trạng lửng lơ, không đầu vào đầu cả, và trước khi cha chết trong cái lò luyện ngục cháy bỏng đó, đây cũng là cách ông sống. Trong ngần ấy năm tháng, tôi chưa hề đi đến nhà hàng hay rạp hát nào mà không đảo mắt một cách quán tính để quét tìm xem có thể may mắn ngẫu nhiên bắt gặp anh chẳng. Một người nào đó có nhân dạng tương tự với mái tóc nâu màu cát sẽ buộc được tôi phải nhìn lại lần thứ hai, và đôi khi người này còn bị xem xét kỹ lưỡng thật gần. Tôi còn nhớ không dưới một lần đã gần như hất mọi người ra để có thể đến gần hơn một người nào đó, để rồi người này hóa ra hoàn toàn chỉ là một người xa lạ.

Tất cả những điều này lướt qua tâm trí tôi khi tôi cài đặt âm lượng của máy điện thoại ở chế độ kêu to nhất, rồi leo lên giường, cố dỗ giấc ngủ. Tôi cho rằng mình đã rơi vào cơn mơ ngủ một cách khó nhọc bởi tiếng chuông điện thoại ré lên khiến tôi bật dậy. Tôi nhìn mặt chiếc đồng hồ dạ quang và thấy lúc đó là ba giờ kém năm. Tôi dùng một tay với lên mở chiếc đèn ngủ, tay còn lại chộp lấy ống nghe. Mẹ đã bốc máy rồi, và tôi nghe thấy tiếng bà, nín thở, đầy lo lắng. “Chào Mack.”

“Chào mẹ. Chúc mẹ Ngày của Mẹ hạnh phúc. Con yêu mẹ.”

Giọng anh vang vang, đầy vẻ tự tin. Có vẻ như anh chẳng cần gì phải lo lắng trên cõi đời này, tôi cay đắng nghĩ thế.

Như thường lệ, âm thanh giọng nói của anh làm mẹ tôi choáng váng. Bà bắt đầu khóc. “Mack, mẹ yêu con. Mẹ cần được nhìn thấy con.” Bà van xin. “Mẹ không cần biết con đang gặp rắc rối gì, con sẽ phải giải quyết vấn đề trực trac gì, mẹ sẽ giúp con. Mack, vì Chúa, đã mười năm rồi. Đừng làm điều này với mẹ lâu hơn nữa. Xin con... xin con...”

Anh chẳng bao giờ ở trên đường dây lâu hơn một phút. Tôi chắc rằng anh biết chúng tôi sẽ cố gắng truy tìm cuộc gọi, mà giờ đây công nghệ hiện đại sẵn có ở mọi nơi, anh luôn gọi từ một trong những máy điện thoại di động với thẻ trả trước.

Tôi đã hoạch định điều sẽ nói với anh và chạy ào đến để buộc anh phải nghe tôi trước khi anh cúp máy. “Mack, em sẽ tìm ra anh.” Tôi nói. “Cảnh sát đã cố gắng và thất bại. Người điều tra tư nhân cũng thế. Nhưng em sẽ không thất bại. Em *thẽ* là mình sẽ không như thế.” Giọng nói của tôi trầm tĩnh và cương quyết như tôi đã dự định, nhưng rồi âm thanh tiếng khóc của mẹ lại vọng đến tôi. “Em sẽ truy tìm ra anh, anh thật khốn nạn.” Tôi rít lên “Và tốt hơn hết anh nên tìm ra một lý do thật sự chính đáng để tra tấn mẹ và em như thế này.”

Tôi nghe thấy tiếng *click* và biết rằng anh đã ngắt đường dây. Tôi chỉ muốn cắn lấy lưỡi mình để rút lại ngôn từ mà tôi đã gán cho anh, nhưng dĩ nhiên là mọi thứ đã quá muộn.

Biết rằng tôi sẽ phải đương đầu với điều gì, rằng mẹ tôi sẽ nổi con thịnh nộ vì cách tôi đã quát mắng với Mack, tôi khoác chiếc áo choàng và đi xuôi hành lang đến căn phòng bà và cha tôi đã từng sống chung.

Sutton Place là khu lân cận thượng lưu của Manhattan với những ngôi nhà và cao ốc căn hộ của thành phố nhìn ra Bờ Sông Phía Đông. Cha tôi đã mua nơi này sau khi tự buộc mình phải làm việc ban đêm ở Trường Luật Fordham và làm việc theo cách của ông để trở thành đối tác của một hãng luật. Thời thơ ấu đầy đặc quyền của chúng tôi là kết quả trí não và đạo đức chăm chỉ làm việc mà ông đã thừa hưởng từ người mẹ Tô Cách Lan lai Ái Nhĩ Lan góa bụa của ông. Ông chẳng bao giờ cho phép một đồng năm xu nào trong số tiền mẹ tôi được thừa kế tác động lên cuộc sống của chúng tôi.

Tôi gõ nhẹ và đẩy cho cửa mở ra. Bà đang đứng ở cánh cửa sổ nhìn ra toàn cảnh hướng về Bờ Sông Phía Đông. Bà không quay lại dù biết tôi đang có mặt ở đó. Lúc đó là một đêm trời quang mây tạnh và nhìn về phía tay trái tôi có thể thấy những ánh đèn trên cầu Queensboro Bridge. Thậm chí vào cái thời khắc trước bình minh này đã có một dòng xe cộ đều đặn qua lại trên cầu. Một ý tưởng kỳ lạ lướt qua đầu tôi rằng có thể Mack đang ở một trong những chiếc xe ấy khi gọi cuộc điện thoại hàng năm của anh, và giờ đây đang trên đường đi về điểm đích xa xăm nào đó.

Mack đã luôn yêu thích du lịch; và điều này đã thấm vào máu thịt của anh. Ông ngoại tôi, Liam O’Connell chào đời ở Dublin, theo học tại Cao đẳng Trinity và khi đến Mỹ, tuy khôn ngoan,

được giáo dục kỹ lưỡng, nhưng khánh kiệt. Chỉ trong vòng năm năm ông đã mua được những cánh đồng khoai tây ở Long Island mà sau này trở thành Hamptons, khu bất động sản trong hạt Palm Beach, bất động sản trên Đại Lộ số Ba từ khi nó còn là một con phố dơ dáy, tối tăm nằm khuất bóng trong tuyến đường xe lửa nền cao lừng lờ bên trên nó. Đó là lúc ông cho mời bà tôi đến và lập gia đình với bà, người con gái Anh quốc mà ông đã gặp ở Trinity.

Mẹ tôi, Olivia là một người đẹp thực sự kiểu Anh, cao và vẫn còn thon thả như cây lau sậy ở lứa tuổi sáu mươi hai, với mái tóc ánh bạc, cặp mắt màu xanh xám, và những đường nét cổ điển, về ngoại hình, Mack thực sự là bản sao của bà.

Tôi thừa hưởng mái tóc nâu ngả đỏ, cặp mắt màu hạt dẻ và cái cằm buร่อง bình của cha tôi. Khi đi giày có gót, mẹ tôi sẽ cao nhỉnh hơn cha tôi một chút, trong khi đó, giống như cha, tôi chỉ có chiều cao trung bình. Tôi thấy mình rất nhớ ông khi tôi băng qua căn phòng đến quầy tay quanh người mẹ.

Bà quay ngoắt người lại và tôi có thể cảm nhận được nổi tức giận toát ra từ người bà. “Carolyn, làm sao con lại có thể nói chuyện như thế với Mack?” Bà vươn người tới, đôi tay khoanh chặt trước ngực. “Bộ con không thể hiểu được là có một vấn đề khủng khiếp nào đó đã ngăn nó đến với chúng ta sao? Bộ con không thể hiểu được là nó cảm thấy sợ hãi, vô dụng và cuộc gọi này là tiếng kêu cầu sự thấu hiểu sao?”

Trước khi cha tôi mất, họ thường có những cuộc trao đổi nhiều cảm xúc như thế này. Mẹ luôn bảo vệ Mack, còn cha tôi thì đi đến chỗ ông sẵn sàng phũ tay mọi chuyện và ngừng lo lắng. “Vì lòng kính Chúa, Liv” - Ông gắt gỏng với mẹ. “Nó sẽ ổn thôi mà. Có thể nó đang dính dấp với một người phụ nữ nào đó và lại không muốn đem cô ta về đây. Cũng có thể nó đang cố trở thành một nghệ sĩ. Nó đã từng muốn làm nghệ sĩ từ khi còn bé cơ mà. Có thể tôi đã quá khắt khe với nó, buộc nó phải làm việc mùa hè. Ai mà biết được?”

Họ luôn kết thúc bằng cách xin lỗi nhau. Mẹ thì khóc còn cha thì khốn khổ và tức giận chính mình vì đã làm buồn lòng bà.

Tôi không phạm cái lỗi thứ nhì bằng cách cố biện minh cho mình. Thay vì vậy, tôi nói: “Mẹ ơi, hãy nghe con nói đây. Vì cho đến nay chúng ta vẫn chưa tìm thấy Mack, anh ấy không lo lắng gì về lời đe dọa của con đâu. Mình hãy cứ nhìn sự việc theo cách này đi. Mẹ đã nghe tin về anh ấy. Mẹ biết anh ấy vẫn còn sống mà. Anh ấy thực sự còn có vẻ lạc quan nữa chứ. Con biết mẹ ghét thuốc ngủ, nhưng con cũng biết là bác sĩ của mẹ đã cho mẹ một toa thuốc. Thế thì bây giờ mẹ hãy uống một viên và đi nghỉ một chút nhé.”

Tôi không đợi bà trả lời. Tôi biết mình không thể làm điều gì tốt đẹp bằng cách ngồi lại lâu thêm với bà nữa vì bản thân tôi cũng cảm thấy tức giận. Tức giận với bà vì đã la mắng tôi, tức giận Mack, tức giận thực tế rằng căn hộ kép mười phòng này quá lớn để mẹ sống một mình trong đó, nơi tràn ngập những kỷ ức. Bà sẽ không bán nó đi bởi bà không tin rằng cuộc gọi điện thoại hàng năm của Mack sẽ được chuyển về địa điểm mới, và dĩ nhiên bà cũng nhắc nhở tôi rằng anh đã nói một ngày nào đó anh sẽ tra chiếc chìa khóa vào trong ổ và có mặt ở nhà... Mái ấm. *Nơi đây.*

Tôi quay về giường ngủ, nhưng giấc ngủ vẫn còn xa lắc phía trước. Tôi bắt đầu hoạch định mình sẽ tìm kiếm Mack như thế nào. Tôi nghĩ về việc đi đến gặp Lucas Reeves, người điều tra tư nhân mà cha đã thuê, nhưng rồi lại đổi ý. Tôi sẽ xử lý việc Mack biến mất dạng như thể nó chỉ vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Điều đầu tiên cha làm khi chúng tôi được báo về Mack là gọi ngay điện thoại cho cảnh sát và tường trình lại việc anh ấy bị mất tích. Tôi sẽ bắt đầu như thế ở giai đoạn đầu này.

Tôi biết những nhân viên ở bên dưới trong trụ sở tòa án; đây cũng là nơi tọa lạc của văn phòng

Chương lý Quận. Tôi quyết định rằng việc tìm kiếm của mình sẽ bắt đầu từ đó.

Sau cùng tôi trôi vào giấc ngủ và mơ về một hình dáng mờ nhạt đang băng ngang qua cây cầu. Dù tôi đã cố hết sức để bắt kịp anh ta, anh ta vẫn quá nhanh so với tôi, và khi chúng tôi đi vào đất liền, tôi chẳng biết phải rẽ lối nào. Nhưng rồi tôi nghe thấy tiếng anh ta gọi tôi, giọng nói mới buồn thảm, bối rối làm sao. *Carolyn, hãy dừng lại, hãy dừng lại.*

“Em không thể, Mack.” Tôi kêu to lên và thức giấc. “Em không thể.”

Mục sư Devon MacKenzie bình luận một cách rầu rĩ với những khách viếng thăm rằng ngôi nhà thờ đáng yêu St. Francis de Sales của ông tọa lạc quá gần với Thánh đường Tân giáo St. John the Divine đến nỗi không nhìn thấy nó được.

Mười hai năm trước, Devon nghe nói rằng St. Francis sẽ bị đóng cửa, và thành thực mà nói thì ông đã không thể tranh đấu chống lại quyết định đó. Suy cho cùng nó được xây dựng vào thế kỷ thứ mười chín và cần sửa chữa lớn. Thế rồi khi có nhiều tòa nhà chung cư mọc lên trong khu vực và những tòa nhà cũ kỹ không có thang máy được tân trang, ông cảm thấy hài lòng được nhìn thấy những khuôn mặt của các giáo dân mới vào những buổi lễ Misa mỗi chủ nhật.

Giáo đoàn ngày càng tăng tiến có nghĩa là trong vòng năm năm vừa qua ông có thể thực hiện một số công việc sửa chữa. Những cửa sổ lợp kính màu được lau chùi; lớp đất tích tụ trong nhiều năm tháng được bóc khỏi những bức bích họa, dây ghế gỗ có lưng dựa trong nhà thờ được đánh bóng bằng cát và làm hoàn chỉnh lại, những băng ghế để quỳ cầu nguyện được bọc bằng vải bọc thảm mềm, mới.

Thế rồi khi Giáo hoàng Benadict ra sắc lệnh rằng mỗi cha xứ có thể quyết định tiến hành lễ Misa thuộc cộng đồng Trent, thì Devon, người thông thạo tiếng Latin tuyên bố rằng từ giờ trở đi buổi lễ Misa ngày chủ nhật lúc mười một giờ sẽ được tiến hành bằng loại ngôn ngữ cổ xưa đó trong nhà thờ.

Sự hưởng ứng của giáo dân làm ông kinh ngạc. Buổi lễ Misa đó giờ đây tràn ngập những người, không phải chỉ có những công dân cao tuổi, đáng kính, mà cả thiếu niên và thanh niên trưởng thành, những người tôn kính đáp lại *"Deo gratias"* thay vì *"Tạ ơn nhân danh Chúa"* và cầu nguyện *"Pater Noster"* thay vì *"Cha chúng con"*.

Devon đã sáu mươi tám tuổi, trẻ hơn người anh bị mất trong sự kiện 11/9 hai tuổi, là chú và cha đỡ đầu của đứa cháu trai đã mất tích. Tại buổi lễ Misa khi ông mời giáo đoàn thầm lặng đưa ra những lời khẩn cầu của họ, thì lời cầu nguyện đầu tiên của ông luôn dành cho Mack, rằng một ngày kia cậu ấy sẽ quay về nhà.

Vào Ngày của Mẹ, lời cầu nguyện ấy luôn đặc biệt nồng nhiệt, tha thiết. Hôm nay khi ông quay trở về nhà nghỉ dành cho mục sư, có lời nhắn dành cho ông trên máy trả lời tự động từ Carolyn. *"Chú Dev, anh ấy đã gọi vào lúc ba giờ kém năm sáng nay. Nghe có vẻ khỏe mạnh. Cúp máy rất nhanh. Hẹn gặp chú tối nay."*

Mục sư Devon có thể nghe thấy sự căng thẳng trong giọng nói của cháu gái ông. Sự nhẹ nhõm rằng đứa cháu trai đã gọi điện thoại hòa trộn với nỗi tức giận gay gắt. *Mack thật tồi tệ*, ông nghĩ. *Chẳng lẽ cháu không có ý kiến gì về những điều cháu đang làm cho chúng ta sao?* Khi ông nói chiếc cổ còng La Mã, ông với lấy cái máy điện thoại để gọi lại cho Carolyn. Trước khi ông có thể quay số thì chuông cửa reo lên.

Đó chính là người bạn thời thanh niên của ông, Frank Lennon, một nhân viên điều hành phần mềm đã về hưu, làm việc như người dẫn chỗ chính cho giáo dân vào mỗi chủ nhật, có nhiệm vụ đếm số, phân loại và ký gửi các món đồ quỳ được vào mỗi chủ nhật.

Từ lâu Devon đã học được cách đọc nét mặt của người khác và biết ngay nếu có vấn đề thực sự. Đó là điều ông đang đọc được trên khuôn mặt khắc khổ của Lennon. *"Có chuyện gì thế Frank?"* Ông hỏi.

“Mack đã có mặt ở đây lúc mười một giờ, Dev.” Lennon nói tuột ra. “Anh ta có để lại một lá thư ngắn cho ông trong cái rổ. Nó được gấp lại bên trong một tờ hai mươi đôla.”

Mục sư Devon MacKenzie chụp lấy mẫu giấy, đọc mười từ được viết trên đó, rồi như thể không tin được những gì đang trông thấy, ông đọc lại nó một lần nữa. “CHÚ DEVON, BÁO CAROLYN KHÔNG ĐƯỢC PHÉP TÌM KIẾM CHÁU.”

Hàng năm, trong vòng chín năm qua, Aaron Klein luôn thực hiện chuyến lái xe dài từ Manhattan đến nghĩa trang ở Bridgehampton để đặt một viên đá lên ngôi mộ mẹ mình, bà Esther Klein. Bà là một người phụ nữ đã ly dị, năm mươi tư tuổi hoạt động rất nhiều, bị chết dưới bàn tay của một kẻ cướp của giết người khi bà đang trên đường chạy hàng ngày của mình vào một buổi sáng sớm gần ngôi Thánh đường St. John the Divine.

Aaron lúc đó hai mươi tám tuổi, vừa mới lập gia đình, đang cảm thấy bình yên một cách thật thoải mái trên bậc thang thẳng tiến của anh ở vị trí giám đốc ngân hàng đầu tư Wallace và Madison. Bây giờ anh đã là cha của hai đứa con trai, Eli và Gabriel, và một đứa con gái nhỏ, Danielle, có vẻ bề ngoài giống người bà quá cố của cô bé đến nỗi lòng. Aaron chưa bao giờ đến thăm nghĩa trang mà không trải qua cơn tức giận và nỗi tuyệt vọng thực tế rằng kẻ cướp của giết người đối với mẹ anh vẫn còn nhơn nhơn trên phố, một gã tự do.

Bà đã bị tấn công từ phía sau đầu bằng một vật nặng. Chiếc điện thoại di động của bà nằm trên mặt đất bên cạnh bà. Phải chăng bà cảm thấy nguy hiểm và lấy nó ra khỏi túi để cố gắng gọi 911? Khả năng này là điều duy nhất nghe có vẻ hợp lý.

Chắc là bà chỉ đang cố gọi. Hồ sơ mà cảnh sát thu thập được cho thấy vào thời điểm đó bà không gọi mà cũng chẳng nhận cuộc điện thoại nào cả.

Cảnh sát cho rằng đó là vụ cướp của giết người ngẫu nhiên. Đồng hồ của bà, món nữ trang duy nhất mà bà luôn đeo vào thời điểm đó trong ngày đã biến mất, chìa khóa nhà của bà cũng bị như vậy. “Tại sao lại lấy chìa khóa nhà của bà nếu người nào đó giết bà không biết bà là ai và sống ở đâu?” Anh đã hỏi cảnh sát như thế. Nhưng cảnh sát chẳng có câu trả lời nào cho câu hỏi đó.

Căn hộ của bà có lối vào riêng ngoài mặt đường, gần góc đường nơi có cổng chính của tòa nhà với người gác cửa giám sát, nhưng theo các thám tử xem xét vụ việc này chỉ ra cho thấy thì không có gì bị mất khỏi căn hộ. Cái ví chứa vài trăm đôla của bà vẫn nằm trong túi xách nhỏ. Hộp nữ trang của bà, bị mở ra trên bàn phấn, chứa một vài món nữ trang quý giá mà anh biết bà sở hữu chúng.

Cơn mưa bắt đầu lác đác rơi khi Aaron quỳ xuống và chạm vào lớp cỏ trên ngôi mộ mẹ anh. Đầu gối anh chìm trong lớp đất bùn khi anh đặt viên đá xuống và thì thầm: “Mẹ ơi, con ước gì mẹ còn sống để trông thấy lũ trẻ. Mấy đứa con trai sắp xong lớp một và mẫu giáo. Danielle giờ đây đã là một nghệ sĩ tí hon rồi. Con chỉ có thể nhìn thấy nó sau mười hai năm nữa, đang thử giọng cho một trong những vở kịch mà mẹ đạo diễn tại Columbia.”

Anh mỉm cười, nghĩ đến điều mẹ anh sẽ đáp lại. “Aaron, con thật là đứa mơ mộng. Hãy làm con tính xem nào. Vào thời gian Danielle đi học cao đẳng thì mẹ đã bảy mươi lăm tuổi rồi.”

“Mẹ vẫn còn đang dạy học và làm đạo diễn và mẹ sẽ vẫn còn tràn đầy nhiệt huyết cơ mà.” Anh nói to lên.

Sáng thứ hai, cầm mẫu giấy Mack bỏ trong cái rổ đựng đồ quyên góp, tôi đi đến văn phòng Chương lý Quận ở khu Manhattan hạ. Trời hôm đó đẹp tuyệt, có nắng và ấm áp với làn gió thoảng thơm ngát, loại thời tiết thích hợp cho Ngày của Mẹ, thay vì một ngày lạnh lẽo và ẩm ướt, làm tiêu tan mọi hy vọng tụ tập ngoài trời.

Mẹ, chú Dev và tôi đã đi ra ngoài dùng cơm tối vào đêm chủ nhật. Hiển nhiên lá thư ngắn mà chú Dev trao cho chúng tôi khiến mẹ và tôi rơi vào tình trạng bồn loạn. Phản ứng đầu tiên của mẹ là hoảng sợ rằng Mack có thể ở rất gần. Bà đã luôn bị thuyết phục rằng anh ở đâu đó xa xôi tận Colorado hay California. Rồi bà lại lo lắng rằng lời tôi đe dọa sẽ tìm cho ra anh sẽ đặt anh vào tình trạng nguy khốn.

Thoạt tiên tôi chỉ đơn thuần không biết phải nghĩ gì về điều đó, nhưng giờ đây tôi ngày càng ngờ vực rằng Mack có thể đang gặp rắc rối và cố gắng đẩy chúng tôi ra khỏi điều đó.

Tiền sảnh của I Hogan Place đông đặc những người và an ninh được thắt chặt nghiêm ngặt. Mặc dù tôi có đầy đủ những giấy tờ nhận dạng, nhưng vì không có cái hẹn cụ thể gặp ai, tôi không thể qua được người bảo vệ. Khi những người xếp hàng sau tôi bắt đầu bồn chồn, nôn nóng, tôi cố gắng giải thích rằng anh trai của tôi bị mất tích, và sau cùng chúng tôi có được điều gì đó cho thấy là chúng tôi có thể bắt đầu tìm kiếm anh ấy.

“Thưa bà, bà cần phải gọi điện thoại đến bộ phận Người Mất Tích và xin sắp một cuộc hẹn.” Người bảo vệ khẳng khái nói. “Bây giờ thì xin mời bà, vì còn có những người khác cần lên lầu cho công việc của họ.”

Tuyệt vọng, tôi đi ra khỏi tòa nhà, lấy cái điện thoại di động ra, thẩm phán Huot đã từng ở tòa án dân sự, mà tôi thì chưa bao giờ có mối liên hệ với trợ lý B.A.S, nhưng tôi thực sự biết một người, Walt Wilson. Tôi gọi điện cho văn phòng Chương lý Quận và được nối với máy điện thoại của ông ấy. Walt không có mặt ở bàn giấy của ông, và đã thu lại những hướng dẫn thông thường trong máy trả lời tự động: “Hãy để lại tên và số điện thoại cùng lời nhắn ngắn gọn của bạn. Tôi sẽ gọi lại sau cho bạn.”

“Đây là Carolyn MacKenzie.” Tôi bắt đầu. “Chúng ta đã gặp nhau vài lần. Tôi là thư ký ngành luật của thẩm phán Huot. Anh trai tôi đã bị mất tích mười năm. Anh ấy để lại cho tôi lá thư ngắn ngày hôm qua trong nhà thờ trên Đại lộ Amsterdam. Tôi cần giúp đỡ để xem chúng ta có thể truy tìm ra anh ấy không trước khi anh ấy lại biến mất dạng.” Tôi kết thúc bằng cách cung cấp số điện thoại di động của mình.

Tôi đang đứng trên những bậc tam cấp. Một người đàn ông đi ngang qua, người này có bờ vai ngang, trong tầm tuổi năm mươi với mái tóc xám cắt sát và sải bước đầy vẻ tự tin, quả quyết. Tôi có thể nói rằng ông ta đã nghe thấy tôi nói, vì, có điều gì đó do sự mất tinh thần của tôi khiến ông dừng bước và quay người lại. Trong phút chốc mắt chúng tôi giao nhau và ông đột ngột thốt lên: “Tôi là thám tử Barrott. Tôi sẽ đưa cô lên lầu.”

Năm phút sau tôi ngồi trong một văn phòng nhỏ, tồi tàn có cái bàn giấy, một cặp ghế và những chồng hồ sơ. “Chúng ta có thể nói chuyện trong này.” Ông nói. “Trong phòng ấy quá ồn ào.”

Ông không hề rời mắt khỏi khuôn mặt tôi trong lúc tôi kể về Mack. Ông chỉ ngắt lời tôi để hỏi vài câu hỏi. “Những cuộc gọi chỉ vào Ngày của Mẹ à?”

“Đúng vậy.”

“Chẳng bao giờ hỏi xin tiền chứ?”

“Không hề.” Tôi đã đặt lá thư ngấn đỏ vào trong cái túi nhựa đựng bánh mì sandwich. “Tôi không biết là dấu vân tay của anh ấy có còn trên đó không.” Tôi giải thích. “Dĩ nhiên trừ phi anh ấy cho ai đó bỏ vào cái rổ hộ mình. Có vẻ như thật điên khùng nếu anh ấy muốn tạo cơ hội cho Chú Dev phát hiện ra anh ấy ngay tại bệ thờ.”

“Cũng còn tùy. Cậu ấy có thể nhuộm tóc, có thể nặng thêm khoảng mười kilogram, đeo kính đen. Chẳng khó khăn gì để hóa trang chính mình trong đám đông, đặc biệt khi người ta mặc áo mưa.”

Ông nhìn vào mẫu giấy. Chữ viết thật dễ nhìn xuyên qua lớp nhựa. “Chúng tôi có dấu vân tay của anh cô trong hồ sơ không?”

“Tôi không chắc lắm. Vào thời điểm chúng tôi báo cáo về vụ mất tích của anh ấy, người quản gia của chúng tôi đã quét dọn và hút bụi căn phòng của anh ở nhà. Anh đã sống chung trong căn hộ sinh viên với hai người bạn của anh, và giống như hầu hết các nơi chốn khác, có ít ra hàng tá người khác ra vào mỗi ngày. Xe hơi của anh đã được chùi rửa sạch sẽ sau lần cuối cùng anh sử dụng nó.”

Barrott trả nó lại cho tôi. “Chúng tôi có thể chạy tờ giấy này qua máy để in ra dấu vân tay, nhưng tôi có thể nói ngay bây giờ với cô là chúng ta sẽ chẳng lấy được cái gì cả. Cô và mẹ cô đã xử lý nó rồi. Chú cô, vị mục sư cũng đã làm thế. Người dẫn chỗ đem tờ giấy này đến cho chú cô đã làm thế rồi. Tôi đoán rằng có thể còn có một người dẫn chỗ khác để bổ sung thêm vào các món đồ quyền góp.”

Cảm thấy cần đưa thêm thông tin, tôi nói: “Tôi chỉ là em gái Mack. Cha mẹ tôi và tôi đã đi đến phòng xét nghiệm DNA cho những người thân trong gia đình. Nhưng chúng tôi chẳng nghe thấy điều gì từ họ, vì thế tôi đoán là họ chẳng tìm ra bất kỳ ai có sự trùng khớp một phần nào cả.”

“Cô MacKenzie, từ những điều cô kể cho tôi nghe, anh trai của cô đã tự ý biến mất mà tuyệt đối chẳng có lý do gì cả. Có lẽ cô đã từng xem vài chương trình tội phạm trên truyền hình và có lẽ cô cũng đã từng nghe nói rằng khi người ta biến mất, lý do thường thấy là sự tích tụ những rắc rối hoặc do tình yêu, hoặc do tiền bạc. Vị hôn phu bị phụ bạc, ông chồng hay bà vợ ghen tuông, người hôn phối gây phiền phức, sự nghiện thuốc điên cuồng cần thỏa mãn. Cô cần phải xem xét lại những ý kiến mà cô đã định trước về anh trai mình. Cậu ấy hai mươi một tuổi lúc đó. Cô nói rằng cậu ấy rất được lòng các cô gái. Có cô gái nào đặc biệt không?”

“Không ai trong đám bạn bè anh ấy bảo cho chúng tôi biết về điều này. Chắc chắn không ai từng ngỏ lời trước.”

“Ở tuổi cậu ấy, có quá nhiều trò chơi dành cho trẻ con. Có quá nhiều trải nghiệm với các loại thuốc kích thích và có thể trở nên nghiện ngập. Giả sử cậu ta mắc nợ thì sao? Cha mẹ cô đã phản ứng như thế nào về điều này?”

Tôi thấy mình ngập ngừng trả lời. Thế rồi tôi tự nhắc mình rằng có những câu hỏi cách đây mười năm cha mẹ tôi đã được hỏi không chút ngờ vực. Tôi tự hỏi không biết họ có lẩn tránh, thoái thác trả lời không. “Cha tôi hẳn đã rất tức giận.” Tôi thừa nhận. “Ông không chấp nhận những kẻ ném tiền qua cửa sổ. Mẹ tôi có khoản thu nhập riêng từ số tài sản thừa kế. Nếu Mack cần tiền, anh ấy có thể lấy từ bà, và bà sẽ chẳng nói gì với cha tôi.”

“Thôi được rồi, cô MacKenzie. Tôi sẽ vô cùng thành thật với cô. Tôi không nghĩ chúng ta có

một tội ác ở đây, do vậy chúng ta không cần xử trí trường hợp biến mất của anh cô như là một tội ác. Cô không thể tưởng tượng được mỗi ngày có bao nhiêu người đã bước ra khỏi cuộc sống của họ đâu. Họ bị khủng hoảng. Họ không thể đương đầu, hay thậm chí còn tồi tệ hơn, họ không còn muốn kháng cự nữa. Anh trai của cô vẫn gọi cho cô đều đặn”

“Mỗi năm một lần.” Tôi ngắt ngang.

“Vẫn là đều đặn. Cô đã bảo với cậu ấy rằng cô sẽ truy tìm cậu ta, và cậu ta đã đáp lại ngay lập tức. “Hãy để tôi yên thân” trong lời nhắn cậu ấy gửi cho cô. Tôi biết nghe thế có vẻ sẵn quá, nhưng lời khuyên của tôi sẽ làm cho cô ý thức được rằng Mack đang ở nơi cậu ấy muốn ở và mỗi liên lạc duy nhất cậu ấy muốn có với cô và mẹ cô là cuộc gọi điện thoại hàng năm vào Ngày của Mẹ. Hãy làm một ân huệ cho cả ba người. Hãy tôn trọng những ước muốn của cậu ấy.”

Ông đứng lên. Rõ ràng cuộc phỏng vấn của chúng tôi đã kết thúc. Rõ ràng tôi không nên tốn phí thời gian với y tá phòng cảnh sát lâu hơn. Tôi nhặt lá thư ngăn lên, và như đã từng làm, đọc lại lời nhắn. “CHÚ DEV, BẢO CAROLYN KHÔNG ĐƯỢC PHÉP TÌM KIẾM CHÁU.”

“Ông quả là rất... thành thực, thám tử Barrott.” Tôi nói, thay thế từ “thành thực” bằng từ “hay giúp đỡ”. Suy cho cùng tôi chẳng hề nghĩ rằng ông ấy hay giúp đỡ. “Tôi hứa sẽ không làm phiền ông nữa.”

Trong hai mươi năm, Gus và Lil Kramer, giờ đây đã ở ngưỡng tuổi bảy mươi, làm giám thị cho tòa nhà căn hộ bốn tầng trên Đại lộ West End, mà người chủ, Derek Olsen đã tân trang thành nhà trọ sinh viên. Như Olsen giải thích khi ông thuê họ: “Xem nào, những đứa trẻ học cao đẳng, dù thông minh hay đần độn, cơ bản đều là những kẻ nhếch nhác, bẩn thỉu. Chúng có những hộp pizza chất đống trong nhà bếp. Chúng tích tụ những lon bia trống rỗng đủ để làm nổi một chiến hạm. Chúng bỏ những áo quần dơ bẩn và khăn tắm ẩm ướt của chúng trên sàn nhà. Chúng ta chẳng bận tâm. Tất cả chúng nó rồi sẽ dọn ra khỏi đây khi đã tốt nghiệp.”

“Quan điểm của tôi,” ông tiếp tục. “Là tôi có thể tăng tiền nhà nhiều bao nhiêu như tôi muốn, nhưng chỉ khi khu vực công cộng sử dụng chung trông sắc sảo. Tôi kỳ vọng hai người sẽ giữ cho tiền sảnh và khu vực hành lang như trên Đại lộ số Năm. Tôi muốn máy điều hòa nhiệt độ và máy lạnh luôn phải làm việc, bất kỳ trục trặc nào về đường ống nước phải được chú ý gấp đôi để sửa chữa, lối dành để đi bộ phải được quét dọn mỗi ngày. Tôi muốn phải nhanh chóng sơn phết lại khi có chỗ nào được dọn trống. Khi có những người mới dọn vào đi cùng cha mẹ họ đến để kiểm tra nơi ăn ở, tôi muốn những người đó đều có ấn tượng tốt.”

Trong hai mươi năm, gia đình Kramer đã trung thành tuân theo những chỉ thị của Olsen, và tòa nhà nơi họ làm việc đã trở thành một khu nhà trọ sinh viên hạng sang. Tất cả sinh viên từng sống ở đây đều may mắn có những ông bố, bà mẹ túi đầy tiền. Nhiều người trong các bậc cha mẹ này còn thu xếp riêng với gia đình Kramer để lau chùi dọn dẹp nơi ăn ở cho con cái họ.

Gia đình Kramer đã kỷ niệm Ngày của Mẹ bằng bữa ăn sáng muộn tại Tavern on the Green với con gái, Winifred và chồng cô, Parry. Đáng tiếc là cuộc trò chuyện hầu như chỉ mang tính độc thoại từ Winifred. Cô thúc giục cha mẹ từ bỏ công việc của mình và chuyển đến sống trong ngôi nhà nhỏ của họ ở Pennsylvania. Đây là cuộc độc thoại mà họ đã từng nghe trước đó, cuộc độc thoại luôn kết thúc bằng điệp khúc: “Bố mẹ ơi, con ghét phải nghĩ đến việc hai người lau chùi, dọn dẹp, hút bụi cho lũ trẻ đó.”

Từ lâu Lil Kramer đã biết cách nói: “Con nói đúng đấy cưng. Mẹ sẽ suy nghĩ về điều đó.”

Nhắm nháp món kem trái cây cầu vồng, Gus Kramer chẳng nói nửa lời. “Khi đã sẵn sàng bỏ việc, chúng ta sẽ bỏ, nhưng không phải lúc này. Nếu nghỉ việc, ta sẽ làm gì với chính mình cả ngày?”

Trưa thứ hai tuần trước trong khi Lil đang đan cái áo len cho đứa con đầu tiên được kỳ vọng của một trong những cựu sinh viên, bà đã suy nghĩ về lời khuyên có ý nghĩa rất tốt nhưng lại gây ra phiền toái của Winifred. Tại sao Winifred không hiểu là ta yêu mến việc có mặt với những đứa trẻ này? Bà nổi đóa lên. Đối với chúng ta, hầu như chúng là những đứa cháu ngoại mà nó chắc chắn chẳng bao giờ cho chúng ta bất kỳ đứa nào.

Tiếng chuông điện thoại làm bà giật mình. Vì Gus dạo này bắt đầu hơi khó nghe, ông đã tăng âm lượng lên và nó trở nên quá ồn ào. Ông có thể đánh thức cả người chết sống dậy với lối làm ồn thật huyền não này, Lil suy nghĩ trong khi vội vã trả lời cú điện thoại.

Khi nhắc ống nghe lên, bà hy vọng rằng đó không phải là Winifred đang độc thoại bài diễn văn yêu cầu bà về hưu. Nhưng chỉ khoảnh khắc sau bà lại ước gì đó là Winifred.

“Xin chào, đây là Carolyn MacKenzie. Có phải bà Kramer đó không?”

“Phải rồi.” Lil cảm thấy đôi môi bà khô lại.

“Anh trai của tôi, Mack đã sống trong tòa nhà của bà khi anh ấy biến mất cách đây mười năm.”

“Đúng rồi, cậu ta đã sống ở đây.”

“Bà Kramer, chúng tôi nghe tin từ Mack một ngày kia. Anh ấy không kể cho chúng tôi biết mình đang ở đâu. Bà có hiểu việc này đang gây ra điều gì cho mẹ tôi và tôi không. Tôi sẽ cố gắng tìm cho ra anh ấy. Chúng tôi có lý do để tin rằng anh ấy đang sống trong khu vực này. Cho phép tôi đến và nói chuyện với bà nhé?”

Không, Lil nghĩ. Không, nhưng bà lại nghe thấy chính mình có cách trả lời duy nhất có thể được... “Dĩ nhiên, cô có thể. Tôi... chúng tôi... đã rất yêu mến Mack. Khi nào cô muốn đến gặp chúng tôi?”

“Sáng ngày mai được chứ?”

Quá sớm. Lil nghĩ. Tôi cần thêm thời gian. “Ngày mai chúng tôi sẽ rất bận rộn.”

“Thế thì sáng thứ Tư, khoảng mười một giờ nhé?”

“Vâng, tôi cho rằng lúc đó là được.”

Gus bước vào khi bà vừa đặt ống nghe xuống. “Ai gọi thế?” Ông hỏi.

“Carolyn MacKenzie. Cô ta sẽ bắt đầu cuộc điều tra về việc người anh cô ta biến mất. Cô ấy sẽ đến đây nói chuyện với chúng ta vào sáng thứ tư.”

Lil nhìn vào khuôn mặt bè bè, đỏ lựng của chồng và đằng sau cặp kiếng là đôi mắt bé hẹp. Chỉ với hai sợi chân, thân hình ngắn ngủn, chắc nịch của ông đã ở trước mặt bà. “Lần trước bà đã để bọn cảnh sát thấy bà lo lắng, Lil. Đừng để điều đó xảy ra trước mặt em gái của Mack. Bà nghe tôi chứ? *Đừng để điều đó xảy ra lần này.*”

Vào trưa thứ hai, ca làm việc của thám tử Roy Barrott kết thúc lúc bốn giờ. Hôm đó là một ngày trôi chậm, và vào lúc ba giờ ông nhận thấy chẳng có gì buộc mình phải chú ý ngay lập tức. Nhưng có điều gì đó đang làm phiền ông. Tình trạng cứ như thể lưỡi ông đang rà quanh miệng để tìm ra nguồn cội vết lở loét làm ông đau, tâm trí ông bắt đầu truy cứu cái ngày ấy để tìm ra căn nguyên sự kém thoải mái này.

Khi nhớ đến cuộc phỏng vấn của ông với Carolyn MacKenzie, ông biết mình đã tìm ra nó. Cái nhìn mất hết tinh thần và sự coi khinh mà ông thấy trong đôi mắt cô lúc chia tay khiến giò đây ông vừa cảm thấy xấu hổ vừa cảm thấy bối rối. Cô lo lắng một cách tuyệt vọng về người anh trai và đã hy vọng rằng lá thư ngắn mà anh ta để trong cái rổ đựng đồ quỳen góp trong nhà thờ ấy có thể là một bước tiếp theo giúp tìm ra anh mình. Mặc dầu cô không đề cập về điều đó, hiển nhiên cô nghĩ rằng anh ta có thể đang gặp một loại rắc rối nào đó.

Ta đã phớt lờ cô ấy, Barrott nghĩ. Khi bỏ đi, cô đã bảo rằng sẽ không làm phiền ta nữa. Đó là lời nói cô dùng. “Làm phiền.”

Giờ đây khi ngồi dựa vào cái ghế đằng sau bàn giấy trong căn phòng của tổ công tác đông đúc, Barrott gác hết mọi máy điện thoại vây quanh ông. Rồi ông nhún vai. Việc xem lại hồ sơ một chút đâu có giết chết ta được. Nếu không có gì khác, thì ta thỏa mãn rằng đó là một gã không muốn bị tìm ra, một gã sẽ thay đổi ý kiến và sẽ chấm dứt mọi thứ về *Tiến Sĩ Phil***[1]** khi đoàn tụ với mẹ và em gái của hắn trong khi mọi người khóc một mẻ ra trò.

Nhấn mặt vì cơn đau nhói do chứng viêm khớp ở đầu gối, ông đứng lên, đi xuống phòng hồ sơ, lục ra hồ sơ MacKenzie, đem nó trở lại bàn làm việc và mở nó ra. Cạnh chồng báo cáo chính thức cùng những phát biểu của gia đình và bạn bè Charles MacKenzie Jr., có một phong bì chứa hình ảnh có kích cỡ thường dùng trong ngành luật, Barrott lôi chúng ra và bày lên bàn.

Ánh mắt ông ngay lập tức chớp lấy một bức hình. Đó là tấm thiệp Giáng sinh với gia đình MacKenzie đang đứng trước cây Giáng sinh của họ. Nó gợi cho Barrott nhớ về tấm thiệp Giáng sinh mà ông và Beth đã gửi đi hồi tháng mười hai, hai người với những đứa con, Melissa và Rick, đang đứng trước cây Giáng sinh của họ. Ông vẫn còn giữ tấm thiệp ở đâu đó trong bàn giấy của mình.

Gia đình MacKenzie ăn mặc chỉnh tề hơn chúng ta trong bức hình của họ, Barrott nghĩ. Ông bố và cậu con trai mặc hàng Tuxedo, bà mẹ và cô con gái mặc trang phục dạ hội. Nhưng nhìn chung tất cả đều có ấn tượng như nhau. Một gia đình hạnh phúc, đang mỉm cười, chúc mừng bạn bè họ những niềm vui Giáng sinh và những lời chào nhân dịp Năm mới. Hắn đó là tấm thiệp cuối cùng họ gửi đi trước khi cậu con trai biến mất dạng.

Giờ đây Charles MacKenzie Jr. đã mất tích mười năm còn Charles MacKenzie Sr. thì đã chết trong biến cố **11/9**.

Barrott lục soát hết các giấy tờ cá nhân trong bàn giấy và lôi tấm thiệp của gia đình ông ra. Ông tì khuỷu tay lên bàn giấy và cầm hai tấm thiệp Giáng sinh lên, so sánh chúng. Ta thật may mắn, ông nghĩ. Rick vừa mới hoàn tất năm học thứ nhất tại Fordham trong danh sách của trường khoa. Melissa, một đứa trẻ được tuyển thẳng với điểm A, đang hoàn tất trung học cơ sở tại Cathedral High và sẽ đi đạo tối nay. Beth và ta may mắn hơn. Chúng ta được ơn trên che chở.

Một ý nghĩ chợt lướt qua tâm trí ông, giả sử có điều gì đó xảy ra với ta và với công việc này, và Rick bước ra khỏi ký túc xá của nó rồi mất dạng. Điều gì sẽ diễn ra nếu ta không có mặt ở gần

đó và tìm cho ra nó?

Rick sẽ không làm điều này với mẹ và em gái nó, sẽ không cho dù sau cả một trăm ngàn năm, ông bảo với chính mình.

Nhưng về mặt bản chất, đó là điều Carolyn MacKenzie muốn ta tin về người anh trai của cô.

Một cách chậm chạp, Barrott đóng hồ sơ của Charles MacKenzie Jr. lại và đẩy nó vào cái ngăn kéo trên cùng trong bàn giấy của ông. Ta sẽ xem lại nó vào buổi sáng, ông quyết định, và có thể sẽ ghé qua vài người trong số những người đã có phát biểu vào thời điểm đó. Ta không thể làm họ tổn thương bằng cách đưa ra vài câu hỏi và xem thử trí nhớ của họ có phục hồi được sau cả quãng thời gian dài như vậy không.

Lúc đó là bốn giờ. Đã đến lúc đi. Ông muốn quay về nhà trước thời gian để chụp hình Melissa trong bộ váy áo đi dạo với người bạn trai của nó, Jason Kelly. Một thằng bé khá dễ thương, Barrott hồi tưởng, nhưng gây đến nỗi nếu nó uống một ly nước cà chua, chất nước đó sẽ được nhìn thấy rõ trong người nó như thủy ngân trong ống cặp thủy. Ta cũng muốn chuyện trò một chút với gã tài xế limousine sẽ đón lũ trẻ. Chỉ để nhìn bằng lái xe của hắn và thậm chí còn cho hắn biết là tốt hơn hết hắn đừng bao giờ nghĩ đến việc chạy hơn một dặm một giờ so với tốc độ giới hạn. Ông đứng lên vào mặc áo khoác vào.

Bạn áp dụng mọi biện pháp phòng vệ mà bạn có thể làm để bảo vệ con cái bạn, Barrott nghĩ thế khi ông quay người lại và nói to “Hẹn gặp lại các bạn” với mọi người trong tổ công tác và đi xuôi theo hành lang. Nhưng đôi khi cho dù bạn có làm điều gì chẳng nữa, chỉ một điều gì đó sai chệch là con cái của bạn sẽ bị liên lụy, thậm chí trở thành nạn nhân của một vở kịch tai quái nào đó.

Lạy Chúa, ông cầu nguyện và nhấn nút bấm trong thang máy, xin đừng bao giờ để điều đó xảy ra với chúng con.

Chú Dev đã kể với Elliot Wallace về lá thư ngắn mà Mack bỏ lại trong thùng đựng đồ quỳên góp, và vào tối thứ hai, Elliot gặp chúng tôi để dùng cơm tối. Chỉ có cảm giác lo lắng thoáng qua về bề ngoài điềm tĩnh đặc trưng của ông. Elliot là Tổng Giám đốc và Chủ tịch của Wallace và Madison, hãng đầu tư trên phố Wall, giải quyết những vấn đề tài chính gia đình. Ông là một trong những người bạn tốt nhất của cha tôi; Mack và tôi đã luôn xem ông như một người chú thay thế. Đã ly dị nhiều năm, tôi nghĩ Elliot hiện đang phải lòng mẹ tôi. Tôi cũng tin rằng cái chết của cha tôi, và kể đến là sự biến mất của Mack, khiến mẹ tôi không còn tâm trí đâu mà quan tâm đến Elliot.

Ngay khi đã ổn định chỗ ngồi tại cái bàn mà Elliot ưa thích ở Le Cirque, tôi trao cho ông lá thư ngắn của Mack, và bảo rằng nó đã khiến tôi càng quyết tâm hơn bao giờ hết phải tìm cho ra anh ấy.

Tôi thực sự hy vọng rằng Elliot sẽ ủng hộ tôi trong quyết định cố tìm ra Mack, nhưng ông đã làm tôi thất vọng. “Carolyn”, ông nói, chậm rãi trong khi đọc đi, đọc lại lá thư ngắn đó. “Ta không nghĩ rằng cháu đang đủ công bằng với Mack. Hàng năm cậu ta đều gọi điện để mẹ con cháu biết cậu ta vẫn bình thường. Cháu vừa bảo với ta rằng chính cháu cũng cảm thấy cậu ta tự tin, thậm chí còn hạnh phúc nữa. Cậu ta đã phản ứng ngay lập tức với lời hứa - hay có thể nói là lời đe dọa - của cháu. Với phương tiện trực tiếp nhất trong khả năng có thể làm được của mình, cậu ấy đã ra lệnh cho cháu phải để cậu ấy được yên thân. Tại sao cháu không chiều theo ước muốn của cậu ấy chứ? Và điều quan trọng hơn nữa, tại sao cháu từ chối không cho phép Mack vẫn cứ còn nguyên vẹn trong sự tồn tại của cháu và mẹ cháu?”

Đó không phải là loại câu hỏi mà tôi kỳ vọng từ Elliot, và tôi có thể nhìn thấy nỗ lực của ông khi làm điều đó. Cặp mắt ông bối rối, trán ông cau lại, và ông xoay cái nhìn chăm chăm từ tôi sang mẹ tôi, người có sự biểu cảm không thể đọc được. Tôi vui mừng vì chúng tôi đã ngồi ở một cái bàn trong góc và không ai khác có thể quan sát thấy bà. Tôi e rằng bà sẽ nổi cáu với Elliot như bà đã từng với tôi sau cuộc gọi của Mack vào Ngày của Mẹ, hay tồi tệ hơn, sẽ trở thành cơn bão nước mắt.

Khi bà không trả lời, Elliot thúc giục: “Olivia, hãy cho Mack khoảng không gian cậu ấy muốn. Hãy hài lòng rằng cậu ấy vẫn còn sống, và thậm chí hãy cảm thấy thoải mái với thực tế rằng rõ ràng cậu ấy vẫn quanh quẩn đâu đây. Tôi có thể nói với bà ngay lập tức rằng nếu Charley có mặt ở đây, ông ấy sẽ nói với bà như vậy.”

Mẹ luôn làm tôi ngạc nhiên. Bà nhặt một cái nĩa lên và vạch ra một cái gì đó bằng những ngón nĩa lên trên lớp vải khăn trải bàn. Tôi sẵn sàng cá cược mất bất kỳ điều gì rằng đó là tên của Mack.

Ngay khi bà nói, tôi ý thức được ngay rằng tôi đã hoàn toàn sai khi đánh giá phản ứng của bà trước lá thư ngắn của Mack.

“Kể từ khi Dev đưa cho chúng tôi xem lời nhắn của Mack tối qua, tôi cứ mãi suy nghĩ về điều gì đó trong máu thịt mình, Elliot ạ.” Bà nói, nổi đau thật rõ nét trong giọng nói của bà, nhưng chẳng có dấu hiệu gì của những giọt nước mắt ở đó. “Tôi đã mắng Carolyn như tát nước vào mặt nó chỉ vì nó nổi nóng với Mack. Điều đó thật không phải với con bé. Tôi biết Carolyn lúc nào cũng lo lắng cho tôi. Giờ đây Mack đã cho chúng tôi câu trả lời, không phải là câu trả lời mà tôi muốn có, nhưng đây là cách của nó.”

Đến đây thì mẹ cố gắng mỉm cười. “Tôi sẽ cố gắng xem nó như đứa con bỏ nhà đi hoang. Nó có

thể đang sống trong khu vực này. Như ông nói, nó đã nhanh chóng phản ứng, và nếu nó không muốn gặp chúng tôi, Carolyn và tôi sẽ tôn trọng ước muốn của nó.” Bà ngừng lại, và nói thêm một cách cứng rắn: “Và chỉ thế đó.”

“Olivia, tôi hy vọng bà sẽ giữ quyết định đó.” Elliot nồng nhiệt nói.

“Tôi chắc chắn sẽ cố. Như là bước đầu tiên, bạn bè tôi, gia đình Clarence sẽ có chuyến hải hành bằng du thuyền của họ, khởi hành ở quần đảo Hy Lạp vào thứ sáu này. Họ cứ thuyết phục tôi đi cùng với họ. Tôi sẽ làm điều đó”. Bà đặt cái nĩa xuống như cử chỉ dứt khoát cuối cùng.

Tôi ngồi lại và trầm tư suy nghĩ về diễn biến sự kiện không được kỳ vọng này. Tôi đã định nói với Elliot về cái hẹn của tôi với những người giám thị tòa nhà của Mack vào thứ tư. Nhưng hiển nhiên tôi sẽ không nói. Thật mỉa mai, sau cùng, mẹ đã chấp nhận tình trạng của Mack, như tôi đã cầu xin bà trong nhiều năm, và giờ đây tôi lại chẳng hoan nghênh điều đó. Mỗi giờ khắc trôi qua, tôi càng bị thuyết phục rằng Mack đang gặp rắc rối nghiêm trọng và phải đối đầu một mình. Tôi sắp sửa nêu khả năng đó ra, nhưng rồi lại mím chặt đôi môi. Khi mẹ đi rồi, tôi sẽ có thể tìm kiếm Mack mà không cần phải che giấu việc tôi đang làm, hay tôi tệ hơn, phải nói dối bà về điều đó.

“Cuộc du hành có lâu không hả mẹ?” Tôi hỏi.

“Ít nhất là ba tuần.”

“Con nghĩ đó là ý kiến tuyệt vời.” Tôi thành thực nói.

“Tôi cũng nghĩ thế.” Elliot đồng ý. “Còn bây giờ về phần cháu thì sao, Carolyn? Vẫn quan tâm đến việc trở thành Trợ Lý Chương Lý Quận chứ?”

“Tuyệt đối ạ.” Tôi đáp. “Nhưng cháu sẽ chờ một tháng hay hơn mới nộp hồ sơ. Nếu may mắn được tuyển dụng, cháu sẽ không còn rỗi rãi một thời gian đầu.”

Buổi tối diễn ra thật thoải mái. Mẹ, trông đáng yêu trong chiếc sơ mi lụa màu xanh da trời nhạt và chiếc quần tây tương xứng, trở nên linh hoạt và tươi tắn hơn nhiều so với những gì tôi đã thấy về bà trong nhiều năm. Cứ như thể đã đến lúc tình trạng của Mack sẽ tạo cho bà sự bình yên.

Tâm trạng Elliot thật tươi tỉnh khi ông ngắm nhìn bà. Mọi thứ đang tiến triển tốt đẹp. Tôi thường tự hỏi không biết Elliot có mặc sơ mi và đeo cà vạt khi đi ngủ không nhỉ. Ông luôn cực kỳ trịnh trọng, nhưng khi mẹ có vẻ duyên dáng thì ông tan chảy ra thôi. Ông lớn hơn mẹ vài tuổi, điều này khiến tôi tự hỏi không biết cái đầu với mái tóc màu nâu than đá của ông có là tự nhiên không, nhưng tôi cho rằng có thể nó là tự nhiên. Ông có dáng vẻ thẳng đứng của một sĩ quan quân đội chuyên nghiệp. Nét mặt của ông luôn kín đáo, thậm chí hơi xa cách cho đến khi ông mỉm cười hay cười thành tiếng, và lúc đó toàn bộ dáng vẻ bên ngoài của ông trở nên rực rỡ, và thậm chí bạn còn bắt gặp một ánh nhìn của con người nhiều ngẫu hứng nhất ẩn giấu đằng sau vẻ trịnh trọng cố hữu của ông.

Ông đùa cợt về mình. “Cha tôi, Franklin Delano Wallace, được đặt tên theo người bà con xa của ông, Tổng Thống Franklin Delano Roosevelt, người anh hùng của cha. Các bạn có biết tại sao tên tôi lại là Elliot không? Vì đó là tên tổng thống chọn cho một trong những người con trai của ông. Và bất chấp mọi điều mà ông làm cho điều mong muốn bình thường đó, hãy nhớ rằng Roosevelt là nhà quý tộc số một và đứng hàng đầu. Tôi e rằng cha mình không chỉ là một quý tộc mà còn là loại trưởng giả học làm sang đích thực nữa. Vì thế khi tôi quá sức câu nệ, hãy trách cứ điều đó với con người câu nệ đã nuôi nấng tôi lớn lên nhé.”

Khi chúng tôi dùng xong cà phê, tôi quyết định tuyệt đối không hé lộ cho Elliot biết rằng tôi sẽ tích cực tìm kiếm Mack. Tôi đề nghị sẽ ở lại trong căn hộ của mẹ khi bà đi vắng, một điều làm bà hài lòng. Bà chẳng hề có ấn tượng tốt với căn phòng mà tôi thuê tại làng Greenwich khi tôi bắt đầu công việc thư ký với vị Thẩm phán. Bà chắc chắn không biết lý do tôi muốn ở lại Sutton Place là để sẵn sàng có mặt nếu Mack biết rằng tôi vẫn đang tìm kiếm anh ấy và cố gắng tiếp cận với anh ấy ở đó.

Ra khỏi nhà hàng tôi gọi một chiếc taxi. Elliot và mẹ tôi chọn cách đi bộ về Sutton Place. Lúc chiếc taxi chạy đi, tôi ngoái nhìn lại với những cảm xúc lẫn lộn khi Elliot nắm lấy tay mẹ, vai họ cà sát vào nhau và họ cùng đi xuôi xuống phố.

Bác sĩ David Andrews, chuyên gia phẫu thuật về hưu sáu mươi bảy tuổi, chẳng biết tại sao ông không cảm thấy thoải mái sau khi đưa con gái ra ga xe lửa đi Manhattan, nơi cô sẽ hoàn tất năm học thứ ba của cô tại Đại học New York.

Leesey và Gregg, anh trai của cô đã đến Greenwich để ở với ông vào Ngày của Mẹ, một ngày thật khó nhọc đối với họ, vì chỉ mới là lần thứ hai không có Helen. Ba người đã đến thăm mộ bà tại nghĩa trang St. Mary, rồi ra ngoài ăn tối sớm ở câu lạc bộ.

Leesey dự định lái xe quay trở về thành phố với Gregg, nhưng đến phút cuối đã quyết định ngủ lại qua đêm và sẽ quay trở về vào buổi sáng. “Buổi học đầu tiên của con vào lúc mười một giờ.” Cô giải thích. “Và con cảm thấy thích ở quanh quẩn bên cạnh cha, cha ạ.”

Chiều tối chủ nhật họ cùng xem qua một số cuốn album hình ảnh và nói chuyện về Helen. “Con nhớ mẹ nhiều lắm.” Leesey thì thầm.

“Cha cũng thế, con yêu.” Ông thú nhận.

Nhưng sáng thứ hai khi ông thả cô ngoài sân ga, Leesey lại có vẻ sôi sục, hăm hở thông thường của cô, điều này khiến David Andrews không hiểu được lý do tại sao và cảm giác day dứt cứ gặm nhấm lấy ông khi chơi golf cả vào ngày thứ hai lẫn thứ ba.

Vào chiều tối thứ ba, ông mở bản tin lúc 6 giờ 30 và ngủ gà gật trước màn hình khi chuông điện thoại reo. Đó là Kate Carlisle, người bạn tốt nhất của Leesey mà cô cùng sống chung trong căn hộ ở Làng Greenwich. Câu hỏi của cô và giọng nói lo lắng mà cô có khi hỏi khiến ông nhảy dựng ra khỏi chiếc ghế bành.

“Bác sĩ Andrews ơi, Leesey có ở đó không?”

“Không, nó không có ở đây, Kate. Tại sao nó lại có mặt ở đây?” Ông hỏi.

Khi nói, ông liếc quanh căn phòng. Mặc dù ông đã bán căn nhà lớn sau cái chết của Helen, và bà chẳng bao giờ ở trong căn hộ nhà nước này, khi chuông điện thoại reo, theo bản năng ông quay tìm bà, bàn tay bà luôn nhanh chóng vươn ra nhận lấy ống nghe từ tay ông.

Khi không có câu trả lời, ông gay gắt hỏi: “Kate, tại sao cháu lại đi tìm Leesey?”

“Cháu không biết, cháu chỉ hy vọng...” giọng nói Kate vỡ vụn.

“Kate, hãy nói cho bác biết chuyện gì đã xảy ra?”

“Đêm hôm qua cô ấy đi ra ngoài chơi với một trong những người bạn của chúng cháu, đến Woodshed, một nơi chốn mới mà chúng cháu cứ nói chuyện sẽ đến thử xem sao.”

“Nó ở đâu?”

“Nó nằm ở vùng ranh giới giữa Làng và SoHo. Leesey ở lại sau khi những người khác đã bỏ về. Có một ban nhạc thực sự chơi rất hay, và bác biết là cô ấy mê khiêu vũ như thế nào.”

“Những người khác bỏ về lúc mấy giờ?”

“Khoảng hai giờ, thưa bác sĩ Andrews.”

“Leesey có uống rượu lúc đó không?”

“Không nhiều ạ. Cô ấy vẫn khỏe khi họ bỏ về nhưng cô ấy không có ở đây khi cháu thức giấc sáng nay, và chẳng ai nhìn thấy cô ấy cả ngày hôm nay. Cháu đã cố gắng liên lạc với cô ấy qua điện thoại di động, nhưng cô ấy chẳng trả lời. Cháu đã gọi cho mọi người mà cháu nghĩ có thể gặp cô ấy. Nhưng chẳng có ai gặp cả.”

“Cháu đã gọi đến chỗ nó có mặt ở đó tối qua chưa?”

“Cháu đã nói chuyện với người nhân viên pha chế rượu ở đó. Anh ấy nói rằng Leesey đã ở lại đó cho đến lúc họ đóng cửa vào ba giờ sáng rồi cô ấy bỏ đi một mình. Anh ta thề rằng cô ấy tuyệt đối không hề say sưa hay loanh quanh ở bất kỳ nơi nào gần đó. Cô ấy chỉ ở lại cho đến phút cuối thôi.”

Andrews nhắm mắt lại, cố gắng một cách tuyệt vọng lọc tìm những biện pháp ông cần làm. Lạy Thượng Đế, xin cho con bé được bình yên, ông cầu nguyện như thế. Leesey, đứa bé không được kỳ vọng ra đời khi Helen đã bốn mươi lăm tuổi và đã lâu họ từ bỏ hy vọng có đứa con thứ nhì.

Mất kiên nhẫn, ông kéo đôi chân ra khỏi cái gối quỳ, đẩy nó sang một bên, đứng lên, chải mái tóc trắng dày của ông ở phía trước trán ra sau, rồi nuốt xuống để kích thích tuyến nước bọt vận hành trong cái miệng bỗng dưng khô khốc đi của ông.

Phương tiện vận chuyển người đi làm đã ngừng rồi, ông nghĩ. Không thể mất hơn một tiếng để đi xuống Làng Greenwich.

“Từ Greenwich, Connecticut xuống Làng Greenwich” Leesey vui vẻ tuyên bố cách đây ba năm khi cô quyết định nộp xin giấy chấp nhận nhập học sớm ở Đại học New York.

“Kate, bác sẽ đi xuống đó ngay bây giờ.” Andrews nói. “Bác sẽ gọi cho anh của Leesey. Chúng ta sẽ gặp cháu ở căn hộ. Từ quán rượu này đến chỗ cháu mất bao xa?”

“Khoảng một dặm ạ.”

“Con bé hẳn đã gọi một chiếc taxi?”

“Hôm đó ngoài trời rất đẹp. Có lẽ cô ấy đã đi bộ ạ.”

Một mình trên đường phố tối đen, thật muộn trong đêm, Andrews nghĩ ngợi, cố giữ cho giọng nói không vỡ vụn ra, ông thốt lên: “Bác sẽ có mặt ở đó trong vòng một tiếng nữa. Cứ tiếp tục gọi cho bất kỳ ai cháu nghĩ họ có thể biết nó đang ở đâu nhé.”

Tiến Sĩ Gregg Andrews đang tắm vòi sen thì điện thoại reo. Anh quyết định để máy tự động trả lời nhận cuộc gọi đó. Anh đã xong ca trực và có một cuộc hẹn với một người anh đã gặp tối hôm trước buổi tiếp tân để tung ra cuốn tiểu thuyết của một người bạn. Bây giờ anh là một bác sĩ tim mạch tại Bệnh Viện do tín đồ giáo hội Scotland ở New York cai quản, như cha anh đã làm cho đến khi về hưu, anh dùng khăn tắm lau khô người, đi vào phòng ngủ và thấy thực tế rằng buổi tối tháng năm trời đã bắt đầu trở lạnh. Từ trong tủ quần áo của mình, anh chọn lấy cái sơ mi màu xanh da trời nhạt, tay dài, cổ mở, cái quần tây màu râm nắng và cái áo khoác màu xanh nước biển.

Leesey nói với mình rằng mình luôn câu nệ, anh nhớ lại, suy nghĩ với nụ cười về đứa em gái nhỏ, thua anh đến mười hai tuổi. Con bé nói mình cần phải có thêm vài món đồ màu lạnh rồi

trộn lẫn chúng lại với nhau.

“Gregg, anh thực sự rất duyên dáng, không chỉ đẹp trai, mà là duyên dáng nữa.” Cô nói điều ấy rất hiển nhiên với anh. “Em muốn nói phụ nữ thích những người đàn ông có cái nhìn về họ như thể họ có khối óc trong đầu. Và họ luôn phải lòng các vị bác sĩ. Đó là kiểu kết hợp “như quan hệ cha con”, theo em nghĩ. Nhưng cũng chẳng tổn hại gì nếu có sự láu lỉnh một tí.”

Đèn để lại tin nhắn nhấp nháy trên điện thoại. Anh cân nhắc xem có nên bận tâm kiểm tra nó bây giờ không, nhưng rồi vẫn ấn nút chạy máy.

“Gregg. Cha đây. Người bạn cùng phòng của Leeseey vừa gọi cho cha. Leeseey mất tích rồi. Nó rời quán rượu một mình tối qua, và chẳng ai trông thấy nó kể từ lúc đó. Cha đang trên đường đến căn hộ của nó. Hãy gặp cha ở đó nhé.”

Cảm thấy ớn lạnh, Gregg Andrews ngừng máy, và nhấn số gọi cho chiếc xe của cha anh. “Cha ời, con vừa nhận được lời nhắn của cha.” Anh nói khi cha anh trả lời. “Con sẽ gặp cha ở căn hộ của Leeseey. Trên đường đi con sẽ gọi cho Larry Aheam. Đừng lái xe nhanh quá nhé.”

Chụp lấy chiếc điện thoại di động, Gregg chạy ào ra khỏi căn hộ của mình, bắt kịp cái thang máy khi nó đang đi xuống từ một tầng cao hơn, chạy qua khu vực tiền sảnh, phớt lờ người gác cổng, chạy ào ra ngoài đường và ngoắc đại một chiếc taxi. Như thường lệ, giờ này chẳng còn thấy được ai dưới ánh đèn cả. Hoảng loạn, anh nhìn ngược xuôi trên phố, hy vọng có một trong những chiếc limousine của dân gypsy vẫn luôn có sẵn ở góc Đại Lộ Công Viên.

Anh thấy có một chiếc đang đậu ở phía cuối khu phố bèn chạy ào đến leo lên xe. Anh nói thật nhanh địa chỉ của Leeseey với người tài xế, rồi mở điện thoại di động để gọi cho người bạn cùng phòng thời học cao đẳng của anh ở Georgetown, người này bây giờ là đội trưởng đội thám tử tại văn phòng Cảnh sát Quận Manhattan.

Sau hai hồi chuông, anh nghe thấy tiếng Larry Aheam hướng dẫn người gọi để lại lời nhắn.

Lắc đầu tuyệt vọng, Gregg nói: “Larry, Gregg đây. Hãy gọi vào di động cho tôi. Leeseey mất tích rồi.”

Anh kiểm tra các cuộc gọi suốt thời gian đó. Gregg tự nhắc nhở mình trong khi chiếc xe len lỏi một cách chậm chạp đáng thương xuôi xuống phố. Khi họ băng qua Đường số Năm Mươi Hai, anh chợt nhớ rằng trong vòng mười lăm phút nữa, người phụ nữ trẻ mà anh đã gặp tối qua sẽ chờ anh trong quán rượu Bốn Mùa.

Anh sắp sửa để lại lời nhắn cho cô thì Aheam gọi lại.

“Hãy kể cho tôi nghe về Leeseey.” Anh ra lệnh.

“Con bé có mặt ở một quán rượu, hay một câu lạc bộ hay một cái gì đại loại như vậy nếu anh muốn gọi những chỗ đó là như thế trong khu vực Làng và SoHo tối qua. Con bé bỏ đi một mình khi chỗ đó đóng cửa và chẳng hề thấy nó quay về nhà.”

“Tên gọi quán rượu đó là gì?”

“Tôi không biết. Tôi không nghĩ đến việc hỏi cha tôi. Ông ấy đang trên đường đi đến đấy.”

“Ai có thể biết được.”

“Kate, bạn cùng phòng của Leeseey. Cô ấy là người vừa gọi cho cha tôi xong. Tôi sẽ gặp ông ấy ở

căn hộ mà cô bé này và Leesey cùng chia sẻ.”

“Hãy cho tôi số điện thoại của Kate. Tôi sẽ gọi lại cho anh sau.”

Văn phòng riêng của Larry Ahearn kế bên phòng tổ công tác. Anh rất mừng vì vào thời điểm này không có ai thấy được sự biểu cảm trên khuôn mặt anh. Leesey chỉ mới sáu tuổi khi anh đến thăm nhà Andrews ở Greenwich vào mùa thu năm học thứ nhất của anh ở Georgetown. Anh đã chứng kiến cô từ một đứa bé xinh xắn trở thành một phụ nữ trẻ trung, quyến rũ, khiến người khác ngây ngất, đường nét xinh đẹp đến độ bất kỳ gã đàn ông nào, cho dù có là kẻ háo sắc hay không, cũng đều ham muốn.

Cô rời quán rượu một mình khi nó đóng cửa. Lạy Chúa, thật là một đứa trẻ khủng khiếp.

Họ chẳng hề đến đó.

Larry Ahearn biết chỉ trong chốc lát nữa anh sẽ phải nói với Gregg và cha Leesey rằng trong vòng mười năm qua ba người đàn bà đã biến mất trong cùng một khu vực SoHo-Village sau khi trải qua buổi tối ở một trong những quán rượu đó.

Sáng thứ tư, khi chuông đồng hồ gần điểm mười một giờ, Lil Kramer càng lúc càng trở nên kém thoải mái. Kể từ khi có cuộc gọi điện thoại từ Carolyn MacKenzie, Gus thường xuyên cảnh báo bà chỉ nói điều bà biết về việc Mack biến mất cách đây mười năm. “Không có gì cả.” Ông tiếp tục nhắc nhở bà. “Tuyệt đối *chẳng có gì cả!* Cứ làm việc thường ngày của bà nói về gã thanh niên dễ thương như hân đã từng, chấm hết. Không có gì phải lo lắng - Nelly nhìn tôi để giúp bà vượt qua khó khăn nhé.”

Căn hộ luôn sạch như lau như ly, nhưng hôm nay ánh mặt trời chiếu sáng trực diện, và giống như tấm kính phóng đại, nó phô bày những chỗ bị mòn cũ trên hai tay vịn của cái ghế trường kỷ và chỗ rạn nứt trên cái bàn cà phê bằng kính.

Tôi chẳng bao giờ muốn có cái bàn kính đó, Lil nghĩ, vui mừng vì đã tìm ra một đối tượng để trút nỗi muộn phiền của mình. Nó quá lớn, không tương xứng với bộ đồ gỗ kiểu cũ này. Khi Winifred trang trí lại căn hộ của mình, nó cứ khẳng khẳng rằng tôi phải lấy cái bàn đó, và quăng đi cái bàn xinh xắn bọc da trên bề mặt, là món quà cưới của Di Jessie tặng tôi. Cái vật bằng kính này quá lớn, tôi cứ luôn bị vấp đầu gối vào nó, và nó chẳng cân xứng với những cái bàn chặn cuối góc như những cái bàn khác, bà nghĩ.

Tâm trí bà lại nhảy sang một mối lo lắng khác. Tôi chỉ hy vọng rằng Altman không có mặt ở đây khi cô gái nhà MacKenzie đến.

Howard Altman, viên quản lý của chín tòa nhà chung cư nhỏ do ông Olsen làm chủ đã đến cách đây nửa giờ cho một trong những chuyến đến thăm không định trước của mình. Gus gọi hân ta là Gestapo của Olsen. Công việc của hân ta là đảm bảo sao cho các giám thị phải bảo dưỡng, giữ gìn mọi thứ theo tiêu chuẩn hạng sang. Thậm chí hân ta chẳng bao giờ có lời than phiền dù là nhẹ nhất về chúng ta, Lil nghĩ; điều làm ta sợ là bất kỳ khi nào hân bước vào căn hộ này, hân luôn nói rằng thật là sự phí phạm tiền bạc khi có tới hai người sống trong khu vực năm căn phòng lớn ở góc tòa nhà như vậy.

Nếu hân nghĩ ta sẽ phải chuyển đến cái nhà tù một phòng ngủ ấy, thì hân cần có sự suy nghĩ khác khi đến đây, bà cảm phần tự nói với mình khi chỉnh lại những chiếc lá trên thân cây giả đặt trên bệ cửa sổ. Và bà co cứng người lại khi nghe thấy những giọng nói trong phòng tiền sảnh và nhận ra rằng Gus đang đi vào cùng với Altman.

Mặc dầu ngoài trời rất ấm áp, Howard Altman, như thông lệ, vẫn mặc chiếc áo sơ mi, đeo cà vạt và mặc áo vét. Lil không thể nào nhìn thấy hân ta mà không nghĩ về sự mô tả đầy khinh miệt của Winifred về hân. “Hân chỉ là một kẻ thích làm ra vẻ thôi, mẹ ạ. Hân cứ nghĩ chỉ cần diện quần áo đẹp để đến kiểm tra các cao ốc chung cư sẽ khiến người ta nghĩ rằng hân là kẻ thuộc giới thượng lưu, bảnh bao. Hân chỉ là một giám thị, y hệt như mẹ hay cha mà thôi cho đến khi hân bắt đầu hôn chân của lão già Olsen. Đừng để hân làm phiền cha mẹ.”

Nhưng hân *thực sự* đang làm phiền ta, Lil nghĩ. Hân đang làm phiền ta bởi cách hân nhìn khi bước qua cánh cửa. Ta biết một ngày kia hân sẽ làm cho chúng ta phải chuyển đổi những căn hộ, để hân có thể nói với ông Olsen rằng hân đã nhìn ra cách thức mới làm được nhiều tiền hơn cho ông ấy. Hân đang làm phiền ta bởi vì ông Olsen đang ngày càng già nua đi và thực tế là đang chuyển dần cách điều hành những tòa nhà cho hân.

Cánh cửa mở ra, rồi Gus và Altman bước vào. “A, xin chào, Lil.” Howard Altman nói một cách vui vẻ, khi hân đi qua phòng khách bằng những bước sải dài và vươn cánh tay ra chào bà. Hôm nay hân đeo cặp kiềng mát rất mới, hân mặc cái áo vét màu nắng nhạt và cái quần màu nâu, áo

sơ mi màu trắng, và đeo cà vạt màu nắng có sọc xanh lục. Mái tóc màu cát của hắn quá ngắn theo Lil nghĩ, và cũng còn quá sớm để có các món đồ nhiều màu nắng như vậy. Winifred chắc chắn rằng hắn phải sử dụng ít nhất phân nửa thời gian nhàn rỗi của mình cho phòng nhuộm da xám màu lại. Nhưng xem xét hết mọi điều thì bà buộc phải thừa nhận một cách miễn cưỡng rằng hắn là gã đàn ông bánh trai, thậm chí còn có những đường nét nổi bật, cặp mắt nâu sẫm, thân hình lực sĩ và nụ cười ấm áp. Nếu bạn không biết hắn có thể bần tiện đến đâu, thì hắn có thể biến bạn thành kẻ ngốc, bà nghĩ. Hắn ôm chặt cứng tay bà. Hắn tuyên bố hắn chưa đến bốn mươi. Ta lại cho rằng hắn phải bốn mươi lăm nếu đúng tuổi, Lil nghĩ và bà mỉm cười hết cỡ với hắn.

“Tôi không biết tại sao tôi cứ bận tâm đến việc ghé ngang qua đây.” Howard vui vẻ nói. “Nếu tôi chỉ có hai bạn cho tất cả các tòa nhà, thì chúng ta có thể tạo ra cả một gia tài.”

“À, chúng tôi cố gắng giữ mọi thứ ở đây trông tốt đẹp.” Gus nói bằng giọng xum xoe, nịnh nọt khiến Lil phát khùng.

“Ông làm nhiều hơn cố gắng. Ông đã thành công đấy.”

“Ông thật tốt khi ghé ngang đây.” Lil nói, liếc nhìn cái đồng hồ trên bệ lò sưởi. Lúc đó là mười một giờ kém năm.

“Không thể đi ngang qua mà không thò đầu vào chào một cái. Bây giờ tôi phải đi đây.”

Tiếng máy điện thoại nội bộ vang lên trong phòng giải lao, và Lil chắc chắn rằng đó là Carolyn MacKenzie. Bà và Gus trao đổi nhau những cái liếc mắt, và ông bước đến cái điện thoại treo trên tường. “Vâng, dĩ nhiên, xin mời vào ngay. Chúng tôi đang chờ cô...”

Đừng nói tên cô ấy ra. Lil cầu nguyện. Đừng nói tên cô ấy. Khi Howard nhìn thấy cô ấy trên đường hắn đi ra, có lẽ hắn sẽ đơn thuần nghĩ rằng cô ấy muốn lấy thông tin về một căn hộ.

“... Cô MacKenzie,” Gus kết thúc, “Căn hộ 1B, ở bên phải, khi cô bước vào phòng giải lao.”

Lil quan sát thấy nụ cười tạm biệt biến mất trên khuôn mặt Howard. “MacKenzie, đấy không phải là cái tên của gã biến mất dạng trước khi tôi đến làm việc cho ông Olsen chứ?”

Không có câu trả lời, ngoại trừ: “Đúng đấy Howard.”

“Ông Olsen đã bảo cho tôi biết rằng việc lùm xùm đó gây phiền toái biết bao. Ông ấy cảm thấy thực sự điều đó đã làm chấm dứt hình ảnh tốt đẹp của tòa nhà. Tại sao cô ta lại đến đây để gặp các người?”

Khi Gus đi ra cửa, ông nói thẳng thừng: “Cô ấy muốn nói chuyện về anh trai mình.”

“Tôi muốn gặp cô ta.” Howard nói, trầm tĩnh. “Nếu các người không thấy phiền, tôi sẽ ở lại.”

Tôi không thực sự chắc chắn về điều mình kỳ vọng khi bước chân vào tòa nhà đó trên Đại Lộ West End. Tôi nhớ Mack đã cho tôi xem căn hộ sau khi anh dọn ra khỏi ký túc xá ở Columbia. Lúc ấy anh đang bắt đầu năm học cuối cùng, còn tôi vừa bước sang tuổi mười lăm.

Bởi anh sống ngay trong thành phố, nên không có nhu cầu cho cha mẹ và tôi đến thăm anh ở đó. Thay vì vậy, anh ghé qua nhà hay gặp gỡ chúng tôi thường xuyên ở một nhà hàng. Tôi biết sau khi anh mất dạng, cha mẹ tôi đã đi đến nói chuyện với những người bạn cùng phòng của anh và những người khác trong tòa nhà, nhưng họ chẳng bao giờ để tôi đi cùng với họ đến đó. Mùa hè thứ nhất đó họ đã buộc tôi quay về cắm trại trong khi tất cả những gì tôi muốn làm là giúp họ cùng tìm kiếm anh trai tôi.

Hóa ra tôi lại thấy mừng vì gia đình Kramer không thể gặp tôi cho đến tận bây giờ. Ngày hôm qua mẹ đã dẫn tôi đi ra ngoài cả ngày với bà, mua sắm đôi chút vào phút cuối cho chuyến du hành của bà. Thế rồi bản tin lúc mười một giờ đêm qua kể câu chuyện về một sinh viên Đại học New York đã biến mất dạng sáng sớm ngày hôm qua sau khi rời khỏi một quán rượu ở SoHo. Có một bức ảnh người cha và anh của cô gái ấy đang rời khỏi tòa nhà căn hộ trong khu Village và tôi choáng váng nhận ra rằng nó chỉ kể ngay bên tòa nhà của tôi thôi. Tôi cảm thấy đau đớn cho họ.

Không khoản tiền nào có thể thuyết phục mẹ rằng việc sống ở khu Village thì cũng an toàn y như ở Sutton Place. Đối với bà, Sutton Place là nơi trú ẩn, một mái ấm mà bà và cha tôi đã vui sướng mua được khi bà đang mang thai tôi. Thoạt tiên đó là một căn hộ một tầng, có sáu phòng lớn, nhưng khi cha tôi ngày càng thành công hơn, ông đã mua lại căn hộ bên trên chúng tôi và biến nó thành căn hộ kép với kích cỡ tăng gấp đôi.

Giờ đây, đối với tôi, nó giống như một nhà tù, nơi cho đến tận bây giờ mẹ tôi đã cứ lắng nghe, luôn lắng nghe tiếng chìa khóa vặn vào trong cửa và Mack sẽ gọi to lên: "Còn đã về nhà rồi." Đối với tôi, niềm tin rằng anh ấy sẽ quay về đã trở thành nỗi tuyệt vọng, một sự buồn thảm chẳng bao giờ rời bỏ chúng tôi. Tôi cảm thấy ích kỷ khủng khiếp. Tôi yêu thương Mack, người anh lớn của tôi, người bạn thân thiết của tôi. Nhưng tôi không còn muốn cầm giữ cuộc đời tôi lâu hơn nữa. Ngay cả cái quyết định chờ đợi trước khi nộp đơn xin việc tại văn phòng Chương Lý Quận cũng chỉ vì thực tế là nếu được thuê mướn tôi sẽ không còn chút thời gian nào rảnh rỗi nữa. Tất cả cũng chỉ vì nỗ lực muốn tìm ra Mack, và nếu thất bại, tôi tự hứa rằng cuộc sống sẽ đi theo cuộc sống riêng của mình. Tôi đã trải qua gần hết ba tuần lễ này ở Sutton Place trong lúc mẹ tôi đi vắng, vậy mà vẫn chẳng thấy an toàn - cứ như thể trong trường hợp Mack có cách nào đó biết được tôi đang bắt đầu nói chuyện với mọi người, những ai từng gần gũi với anh và cố gắng gọi cho tôi.

Tòa nhà này, nơi Mack từng sống trong đó thật cũ kỹ, mặt tiền cần đá xám thật phổ thông ở New York đầu thế kỷ hai mươi, nhưng lề đường đi bộ và các bậc tam cấp thì sạch sẽ, tay nắm cửa phòng ngoài được đánh bóng. Cái cửa ấy không khóa và dẫn vào một phòng giải lao hẹp, nơi người ta có thể quay số điện thoại một căn hộ và được đưa vào trong, hoặc sử dụng một cái chìa khóa mở cánh cửa dẫn vào phòng tiền sảnh.

Tôi đã nói chuyện với bà Kramer và tôi thực sự không hiểu tại sao, nhưng dẫu thế nào tôi vẫn kỳ vọng được nghe giọng nói của bà ấy trên máy điện thoại nội bộ. Nhưng thay vì vậy, một người đàn ông đã trả lời và hướng dẫn tôi đi đến căn hộ ở tầng trệt của họ.

Khi tôi bước vào, cánh cửa căn hộ 1B đã mở rồi, và một người đàn ông đang chờ tôi trong đó, ông ta tự giới thiệu là Gus Kramer, người giám thị. Khi xem qua hồ sơ sáng nay, tôi nhớ cha tôi

đã nói chuyện về ông ấy. “Gã này lo lắng rằng hần sẽ bị đổ lỗi về việc Mack biến mất nhiều hơn là hần lo lắng đến điều gì đó đã xảy ra cho Mack. Và vợ hần còn tệ hơn. Bà ta trơ tráo nói rằng ông Olsen sẽ phiền lòng. Cứ như thể chúng ta cần phải quan tâm đến chủ nhân của khu bất động sản được tân trang đó vậy.”

Thật buồn cười khi tôi ăn mặc chỉnh tề lúc đến căn hộ này, tôi đã thay đổi ý định về việc nên mặc cái gì. Thực sự tôi đã mặc bộ quần áo đồng màu mỏng, cái bộ tôi vẫn mặc đến tòa án khi còn làm việc với vị thẩm phán ấy, nhưng dẫu sao nó trông quá sức trịnh trọng. Tôi muốn gia đình Kramer cảm thấy thoải mái với tôi. Tôi muốn họ nhìn tôi như đứa em gái nhỏ của Mack càng nhiều càng tốt, để họ sẽ thích tôi và sẽ muốn giúp đỡ tôi. Đó là lý do tại sao tôi quyết định mặc cái áo len cô tông tay dài, quần jeans và đi sandal. Như điềm báo cho sự thành công, tôi đã đeo sợi dây chuyền Mack tặng nhân sinh nhật thứ mười sáu của tôi. Có hai món đồ xinh xắn bằng vàng trên đó, một là cái ván trượt băng, còn cái kia là quả banh trong môn bóng đá, để tôn vinh hai môn thể thao mà tôi ưa thích.

Sau khi Gus Kramer tự giới thiệu rồi mời tôi vào, lúc đó giống như đang quay ngược về thời gian quá khứ vậy. Bất chấp sự thành công của cha, ông chẳng bao giờ có thể làm bà tôi nhúc nhích ra khỏi căn hộ của mình ở Jackson Heights, Queens. Căn hộ này cũng có bộ đồ gỗ bọc nhung, tấm thảm Ba Tư được dệt bằng máy và những cái bàn ở góc trên mặt có bọc da như của bà. Chỉ có vật duy nhất dường như không ở đúng chỗ đó là cái bàn cà phê bằng kính.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về Gus và Lil Kramer ở chỗ họ là loại người ngày càng trở nên giống nhau sau nhiều năm tháng sống chung. Mái tóc xám màu thép của bà giống y hệt như ánh màu tóc của ông ta. Họ là những người có chiều cao thấp hơn mức trung bình một chút, với cơ thể cứng cáp. Cặp mắt họ màu xanh da trời nhợt nhạt tương xứng, và không có chút lỗi lầm nào trong sự biểu cảm trên cả hai khuôn mặt khi họ trao cho tôi nụ cười đầy vẻ ganh tỵ.

Thực ra còn có người thứ ba trong căn phòng, có vẻ như là chủ nhân. “Cô MacKenzie, tôi rất vui mừng được gặp cô. Tôi là Howard Altman, quản lý khu vực quận các bất động sản của ông Olsen. Tôi không có mặt ở thời điểm anh trai cô biến mất, nhưng tôi biết ông Olsen đã - và vẫn còn - quan tâm đến việc này như thế nào. Tại sao chúng ta không cùng ngồi xuống và để cô có thể nói với chúng tôi xem chúng tôi có thể giúp gì được cho cô?”

Tôi có thể cảm thấy được sự bất bình mà gia đình Kramer có đối với việc Altman can thiệp vào vấn đề này, nhưng đối với tôi, việc này lại khiến tôi dễ dàng hơn khi đưa ra bài diễn văn đã hoạch định. Tôi ngồi xuống mép ghế gần nhất và tự giới thiệu mình với hần ta. “Hiển nhiên như ông biết, anh trai tôi, Mack đã biến mất dạng cách đây mười năm. Đơn thuần là chẳng có vết tích gì về anh ấy kể từ đó. Nhưng thực sự anh ấy vẫn gọi điện thoại cho chúng tôi hàng năm vào Ngày của Mẹ như anh ấy đã làm cách đây vài ngày. Tôi có mặt trên đường dây lúc anh ấy nói chuyện với mẹ tôi và thể là tôi sẽ tìm cho ra anh ấy. Sau đó, một ngày kia anh ấy đi đến St. Francis, nhà thờ trong khu vực lân cận này nơi chú tôi là mục sư, và để lại một bức thư ngắn cho tôi, cảnh cáo tôi phải đứng sang một bên. Vì vậy tôi e sợ rằng Mack đang gặp rắc rối gì đó và xấu hổ không muốn xin trợ giúp.”

“Một lá thư ngắn à!” Sự cảm thán của Lil Kramer khiến tôi ngưng lại. Tôi sửng sốt khi trông thấy đôi má bà trở nên đỏ bừng lên và cử chỉ vô thức của bà khi vươn tay ra, chụp lấy tay chồng bà. “Cô muốn nói là cậu ấy đã đi St. Francis và để lại một bức thư ngắn cho cô à?” Bà ấy hỏi.

“Vâng, tại buổi lễ Misa lúc mười một giờ. Tại sao điều đó lại làm bà ngạc nhiên hở bà Kramer? Tôi biết trong nhiều năm tháng đã có những bài viết về sự mất dạng của anh tôi và thực tế là anh ấy vẫn liên lạc với chúng tôi cơ mà.”

Gus Kramer trả lời thay cho vợ. “Cô MacKenzie, vợ tôi luôn cảm thấy kinh khủng về việc của anh trai cô. Cậu ấy là một trong những đứa trẻ lễ độ nhất, tử tế nhất mà chúng tôi từng có ở

đây.”

“Đó là điều ông Olsen nói.” Howard Altman bảo với tôi. Rồi hắn ta mỉm cười. “Cô MacKenzie, hãy để tôi giải thích này. Ông Olsen ý thức được rằng những cam bẫy xảy ra ngày nay vào thời đại này với những người trẻ tuổi, thậm chí những người trẻ được thiên phú thật thông minh, trí thức đấy. Ông ấy luôn quanh quẩn ở đây để đón chào các sinh viên mới. Bây giờ thì ông ấy đã ngừng có mặt ở đó, nhưng ông ấy kể cho tôi nghe rằng ông ấy đã có ấn tượng ra sao với cha mẹ cô và anh trai cô. Và tôi có thể nói với cô rằng gia đình Kramer đã luôn để mắt không cho phép có những vụ chè chén say sưa, hay tệ hơn nữa, sử dụng ma túy. Nếu anh trai cô vướng phải một loại rắc rối nào đó, thì nó đã không bắt đầu hay tiếp diễn dưới mái nhà này.”

Điều này đến từ gã đàn ông không biết Mack, hắn chỉ nghe nói về Mack thôi. Thông điệp thật to tát và rõ ràng. Thưa quý bà, xin đừng đến đây dòm ngó gì về vấn đề rắc rối của anh bà.

“Tôi không định gợi ý rằng bất kỳ vấn đề gì liên quan đến việc Mack cư ngụ ở đây khơi mào cho việc anh ấy biến mất. Nhưng ông có thể hiểu rằng điều hợp lý đối với tôi là phải bắt đầu việc tìm kiếm anh ấy từ nơi chốn cuối cùng anh ấy được nhìn thấy. Người anh mà tôi biết chẳng bao giờ tự nguyện gây ra nỗi thống khổ và lo lắng cho cha mẹ tôi và tôi như chúng tôi đang trải qua trong cuộc sống mười năm nay.” Tôi cảm thấy những dòng lệ đang chảy ra quá gần trên khuôn mặt, long lanh đôi mắt tôi khi tôi chỉnh lại lời nói của mình: “Tôi muốn nói là nỗi lo lắng mà mẹ tôi và tôi thường xuyên trải qua. Tôi nghĩ có lẽ ông đã biết rằng cha tôi là một nạn nhân của biến cố 11/9.”

“Anh trai cô dường như chẳng bao giờ giống như loại đàn ông trẻ chỉ cần biến mất dạng mà chẳng có lý do gì thực sự quan trọng.” Gus Kramer đồng ý.

Giọng nói của ông ta rất chân thành, nhưng tôi chẳng bỏ sót ánh mắt ông liếc nhìn nhanh vợ mình hoặc thực tế là bà lo lắng đến nỗi cứ cắn lấy môi mình.

“Cô có bao giờ xem xét khả năng rằng anh cô có thể bị tình trạng xuất huyết não, hay bất kỳ điều kiện thể chất nào khác có thể khiến cậu ấy bị mắc chứng lãng quên hay một phần chứng lãng quên không?” Howard Altman hỏi.

“Tôi đang xem xét mọi điều.” Tôi bảo hắn ta. Tôi vội lấy cái túi đeo vai và lấy ra một cuốn sổ với cây bút. “Ông bà Kramer, tôi biết điều đó đã xảy ra cách đây mười năm, nhưng có thể nào cho phép tôi được yêu cầu ông bà kể lại cho tôi nghe những gì ông bà còn nhớ về bất kỳ điều gì Mack đã làm hoặc đã nói có thể có điều gì đó quan trọng không? Tôi muốn nói rằng đôi khi chúng ta nghĩ về một điều đã không xảy ra với chúng ta vào thời điểm đó. Có thể như ông Altman vừa gợi ý, Mack đã bị chứng bệnh mất trí tấn công. Phải chẳng anh ấy đang gặp rắc rối hay lo lắng gì đó, hay ngay cả anh ấy cảm thấy không khỏe về mặt thể chất chẳng hạn?”

Khi tôi đưa ra những câu hỏi này, tôi nghĩ về cách, sau khi cảnh sát đã đầu hàng từ bỏ việc cố gắng tìm cho ra Mack, cha tôi đã thuê người điều tra tư Lucas Reeves tiếp tục cuộc tìm kiếm ra sao. Trong vài ngày vừa qua tôi đã xem xét lại từng lời nói của ông trong những bộ hồ sơ. Mọi điều gia đình Kramer nói với ông đều có trong những phần ghi chú của tôi.

Tôi lắng nghe bà Kramer ngập ngừng, rồi sau đó nồng nhiệt kể về việc Mack là loại người thanh niên trẻ trung ra sao, người luôn giữ hộ cửa mở giúp bà, người bỏ quần áo giặt ủi vào trong cái hòm mây của mình, người luôn vượt qua các trở ngại. “Tôi chẳng bao giờ thấy cậu ta có vẻ gặp rắc rối.” Bà nói. Lần cuối cùng bà trông thấy cậu ấy là lúc bà dọn dẹp sạch sẽ căn hộ mà cậu ở cùng với hai người sinh viên năm cuối khác. “Cả hai người con trai kia đều đi ra ngoài. Cậu ấy đang làm việc với máy tính trong phòng ngủ của mình và bảo tôi rằng việc hút bụi chẳng làm phiền gì cậu cả. Đó là cách cậu ta luôn như vậy. Dễ dàng. Tử tế. Lễ độ.”

“Lúc đó là mấy giờ ạ?” Tôi hỏi bà.

Bà mím môi lại. “Lúc đó là khoảng mười giờ sáng, tôi nghĩ là như vậy.”

“Điều đó đúng đấy.” Gus Kramer nhanh chóng khẳng định.

“Và bà chẳng bao giờ trông thấy lại anh ấy nữa à?”

“Tôi nhìn thấy cậu ấy rời khỏi tòa nhà vào khoảng ba giờ. Tôi đang trên đường về nhà từ chỗ nha sĩ. Tôi đang dứt chìa khóa vào ổ căn hộ của chúng tôi. Gus nghe thấy tôi và ra mở cửa. Cả hai chúng tôi đều trông thấy Mack đi xuống cầu thang. Cậu ấy vẫy tay khi đi ngang qua khu vực tiền sảnh.”

Tôi quan sát thấy bà liếc mắt sang ông chồng để chờ sự chấp thuận.

“Lúc đó Mack đang mặc gì thừa bà Kramer?”

“Những cái mà cậu ấy đã mặc buổi sáng. Một cái áo T-shirt, quần jeans và đôi giày thể thao, và...”

“Lil, bà lại lẫn lộn rồi. Mack mặc một cái áo khoác, quần tây, sơ mi thể thao cổ mở khi cậu ấy ra đi.” Gus Kramer nhanh chóng ngắt lời.

“Đó là điều tôi định nói.” Bà vội vã thốt lên. “Tôi cứ quen nhìn cậu ấy mặc T-shirt với quần jeans bởi vì đó là khi tôi nói chuyện chút ít với cậu ấy sáng hôm đó.” Khuôn mặt bà bị chấn động. “Gus và tôi chẳng làm gì với việc cậu ấy biến mất.” Bà gào lên. “Tại sao cô lại tra tấn chúng tôi?”

Khi tôi nhìn chăm chăm vào mặt bà, tôi nghĩ đến điều Lucas Reeves, người chuyên viên điều tra tư đã viết trong hồ sơ của ông rằng gia đình Kramer lo lắng là họ sẽ bị mất việc bởi sự biến mất của Mack. Giờ đây sau gần mười năm, tôi không thể chấp nhận lý luận đó.

Họ lo lắng bởi họ đã che giấu điều gì đó. Giờ đây họ đang cố gắng giữ vững câu chuyện kể của họ. Cách đây mười năm bà Kramer đã bảo với Reeves rằng Mack vừa mới bước ra khỏi tòa nhà khi bà trông thấy anh ấy và lúc đó chồng bà đang ở trong khu vực tiền sảnh.

Vào thời điểm đó, tôi có thể lấy cả cuộc đời mình ra cá cược rằng chẳng một ai trong hai người đó trông thấy Mack rời khỏi tòa nhà. Hoặc anh ấy *có thực sự* rời khỏi tòa nhà ấy chẳng? Câu hỏi ấy chọt vào tâm trí tôi, nhưng ngay lập tức bị bác bỏ.

“Điều đó đã xảy ra lâu biết bao.” Tôi nói. “Tuy nhiên, không biết có thể nào nhìn thấy căn hộ nơi anh trai tôi đã từng sống trong đó không?”

Tôi có thể thấy là yêu cầu của tôi khiến họ giật mình. Lần này cả hai ông bà Kramer đều nhìn về phía Howard Altman để được hướng dẫn.

“Dĩ nhiên căn hộ đã được cho thuê rồi.” Hấn nói. “Nhưng vì bây giờ là cuối học kỳ nên nhiều sinh viên đã bỏ đi. Tình hình ở 4D như thế nào hả Lil?”

“Hai người sống cùng trong căn phòng lớn hơn đã đi rồi. Walter Cannon ở căn phòng cũ của Mack, nhưng hôm nay cậu ta sẽ đi.”

“Thế thì bà có thể gọi điện thoại hỏi xem cô MacKenzie có thể ghé qua một chút không?” Altman gợi ý.

Một lúc sau chúng tôi cùng leo cầu thang lên lầu bốn. “Các sinh viên chẳng phiền lòng việc leo cầu thang.” Altman nói với tôi. “Tôi phải nói rằng tôi sung sướng khi không phải đi lên đi xuống chúng mỗi ngày.”

Walter Cannon là một thanh niên hai mươi hai tuổi, cao khoảng một mét tám, gạc phẳng đi những lời xin lỗi của tôi vì sự chen ngang. “Tôi rất vui là cô đã không có mặt ở đây cách đây một tiếng.” Cậu nói. “Tôi đã bày đồ đạc khắp nơi.” Cậu giải thích rằng cậu đang thu xếp về nhà ở New Hampshire để nghỉ hè và sẽ bắt đầu học trường luật vào mùa thu.

Cậu ta đang ở cùng thời điểm như Mack khi anh ấy biến mất, tôi buồn phiền nghĩ vậy.

Căn hộ trùng lặp với ký ức mờ nhạt của tôi về nó. Một phòng giải lao nhỏ bây giờ chất đầy hành lý Cannon sẽ đem đi, một cái bếp đối diện trực tiếp với cánh cửa dẫn ra ngoài, một phòng ngoài về phía tay phải có phòng khách với phòng ngủ phía sau nó, một phòng tắm ở cuối dãy. Về phía tay trái của phòng giải lao, một phòng tắm thứ hai, và sau nó là phòng ngủ nơi Mack đã từng sống ở đó. Không thèm lắng nghe những lời bình luận của Altman về cách tòa nhà được bảo dưỡng tốt ra sao, tôi đi ngay vào nơi đã từng là phòng ngủ của Mack.

Những bức tường và trần nhà đều sơn màu trắng ngà. Một tấm vải bằng hàng cô tông có họa tiết hoa hòe sáng màu được trải trên giường. Những tấm gỗ có màn rủ tương xứng đóng khung trên hai cánh cửa sổ, một cái bàn trang điểm, một cái bàn giấy, một cái ghế bành làm thành bộ đồ gỗ hoàn chỉnh. Một tấm thảm màu xanh xám phủ kín sàn nhà.

“Căn hộ này, cũng giống như những căn hộ khác, sau khi dọn trống, chúng sẽ được quét một lớp sơn mới ngay lập tức.” Altman đang nói. Thảm, tấm trải giường, và rèm che cửa sổ sẽ được giặt giũ. Gus Kramer sẽ đảm bảo để nhà bếp và nhà tắm không có tì vết. Chúng tôi rất tự hào về các phòng ốc của mình.”

Mack đã sống ở đây hai năm, tôi nghĩ. Tôi hình dung anh ấy cảm nhận về nó như tôi cảm thấy về căn hộ của mình. Đó là nơi chốn của anh. Anh có thể thức dậy sớm hay muộn, đọc sách hay không, trả lời điện thoại hay không. Cánh cửa tủ đang mở, và dĩ nhiên lúc này nó trống rỗng.

Tôi nghĩ đến lời tuyên bố của gia đình Kramer rằng anh mặc áo khoác với sơ mi cổ mở và quần tây khi anh ra đi vào trưa hôm đó.

Thời tiết hôm đó ra sao nhỉ? Tôi tự hỏi. Có phải đó là một trong những buổi trưa tháng năm lạnh lẽo như thứ bảy vừa rồi? Hay nếu thời tiết rất nóng, và Mack thực sự đã rời nhà lúc ba giờ và mặc áo khoác có điều gì đó quan trọng không? Một cuộc hẹn à? Một chuyến lái xe đến nhà người bạn gái ở Connecticut, hay ở Long Island?

Thật khôi hài, nhưng trong căn phòng đó mười năm trước đây tôi đã cảm nhận được sự hiện diện của anh ấy. Anh ấy luôn cường lại. Cha rất quyết liệt, luôn nhạy cảm, và với sự chính xác, ông đã đánh giá và xét đoán tình hình nhanh như chớp. Tôi biết mình cũng giống như thế. Mack có phần giống mẹ hơn. Anh ấy luôn cho mọi người một cơ hội. Cũng giống như bà, nếu có bao giờ anh ấy ý thức được mình bị sử dụng hoặc bị đối xử tồi tệ, anh ấy sẽ chẳng bao giờ đối đầu, anh ấy sẽ chỉ đơn giản ra sức rút lui khỏi tình thế đó thôi. Và điều tôi nghĩ mẹ đang làm bây giờ - bà xem lá thư ngắn Mack bỏ trong cái rổ đựng đồ quỳen góp là một cái tát vào mặt.

Tôi đi ra cửa sổ, cố nhìn điều anh đã nhìn thấy. Biết Mack từng yêu thích đứng tại cửa sổ của căn hộ ở Sutton Place ra sao, rồi nghiền ngẫm quang cảnh, khu Bờ Sông Phía Đông với tàu bè và xà lan, những ngọn đèn trên cầu, giao thông trên không, đến và đi khỏi Phi Trường La Guardia, tôi chắc anh ấy thường đứng ngây ra nhìn những cái cửa sổ này, nhìn qua Đại Lộ West End, những lối dành cho người đi bộ thường xuyên tràn ngập dòng người, dòng xe cộ nối đuôi

nhau trên đường.

Giấc mơ mà tôi có với anh sau cuộc điện thoại trước bình minh vào Ngày của Mẹ lại tái hiện trong tâm trí tôi. Một lần nữa, tôi lại đang đi trên con đường tối tăm, tuyệt vọng tìm cho ra Mack.

Và một lần nữa, anh ấy đang cảnh cáo tôi phải dừng lại.

Bằng giọng mệt mỏi, bác sĩ David Andrews nói: “Thám tử Barrott, Leeseys đã rời khỏi quán rượu đó vào lúc ba giờ sáng hôm qua. Bây giờ là một giờ trưa thứ Tư. Con bé đã mất tích ba mươi tư tiếng đồng hồ. Ông có thấy cần phải kiểm tra lại với bệnh viện không? Nếu có bất kỳ ai biết rằng những phòng cấp cứu bận rộn như thế nào. Chúa biết đó là tôi.”

Cha Leeseys đang ngồi tại cái bàn nhỏ trong nhà bếp trong căn hộ cao đẳng của con gái ông, tay ông nắm lại, đầu ông cúi xuống. Trái tim đau đớn, không ngủ được và tuyệt vọng, ông từ chối lời cầu khẩn của con trai ông quay về căn hộ của nó và chờ tin ở đó. Sau khi có mặt ở đây cả đêm, Gregg đã quay về nhà để tắm táp và thay quần áo trước khi ghé qua bệnh viện gặp các bệnh nhân sau phẫu thuật của anh.

Roy Barrott đang ngồi đối diện cha Leeseys tại cái bàn đó. Cái đêm con gái tôi đi dạo, thì con gái ông ấy đi đến hắc điểm ấy rồi biến mất. Roy nghĩ với cảm giác có tội bất chợt vì sự may mắn tốt đẹp của chính mình. “Bác sĩ Andrews,” ông nói, “Ông cần phải tiếp tục nghĩ đến khả năng rằng Leeseys hoàn toàn bình thường. Cô ấy là một người lớn, và có quyền được riêng tư.”

Barrott thấy được khuôn mặt người bác sĩ rần rần vì cơn tức giận và sự khinh miệt. Tôi thấy mình nói giống như cô ấy là một loại người lang bang, dễ tính, ông nghĩ thế và vội vã nói thêm: “Xin đừng nghĩ tôi tin rằng đây là trường hợp của Leeseys. Chúng tôi xem việc cô ấy biến mất là một vấn đề nghiêm trọng.” Sếp của Barrott, Đội Trưởng Larry Ahearn rõ ràng đã đặt trường hợp này vào hạng mục khẩn cấp rồi.

“Thế thì ông đang làm gì để tìm ra con bé?” Nỗi tức giận toát ra trên khuôn mặt của David Andrews. Giọng nói của ông trầm xuống, ngắc ngứ.

Rõ ràng là ông ấy đang ở trong tình trạng bị sốc rồi, Barrott nghĩ thế. “Chúng tôi đã xem lại những máy camera an ninh ở Wooshed, và cô ấy *thực sự* đã ra về một mình. Những người duy nhất rời khỏi quán rượu là ban nhạc chơi ở đấy, người nhân viên pha chế rượu và người bảo vệ. Tất cả những người đó đều thề rằng không ai trong bọn họ rời khỏi nơi đó trễ hơn Leeseys ít nhất là hai mươi phút. Vì thế chúng tôi cho rằng chẳng có ai trong bọn họ đi theo cô ấy cả. Cho đến nay tất cả bọn họ đều được kiểm tra và xem như không có vấn đề gì. Ngay bây giờ, người của chúng tôi đang đi kiểm tra từng khung hình camera tại quán rượu đó vào đêm thứ hai để xem chúng tôi có thể xác định được tung tích những kẻ nào có khả năng quấy rối không.”

“Có lẽ có kẻ nào đó đã đến sớm hơn chờ con bé bên ngoài.” David Andrews biết giọng nói của mình thật vô hồn, đơn điệu. Phải chăng viên thám tử này đang cố gắng tái khẳng định lại với ta? Ông tự hỏi mình. Rồi cùng một ý nghĩ chợt lướt qua tâm trí ông đến lần thứ một ngàn: Ta *biết* có điều gì đó thật khủng khiếp đã xảy ra cho Leeseys mất rồi!

Ông đẩy ghế ra khỏi cái bàn và đứng lên. “Tôi sẽ trao giải thưởng hai mươi lăm ngàn đôla cho bất kỳ ai giúp chúng ta tìm ra con bé.” Ông nói. “Tôi sẽ đưa hình của con bé và bản mô tả nó mặc gì lúc đó vào những tấm áp phích. Ông đã gặp Kate, người bạn cùng phòng của con gái tôi. Cô ấy sẽ bảo bạn bè Leeseys dán chúng trên mọi ngã đường giữa quán rượu ấy và tòa nhà này. Hẳn là có ai đó đã trông thấy điều gì đó.”

Với tư cách là một người cha, chính xác đó là điều tôi sẽ làm nếu tôi ở vào địa vị của ông ấy. Roy Barrott nghĩ thế khi ông đứng lên. “Bác sĩ Andrews, thật là một ý kiến rất hay. Hãy đưa chúng tôi tấm hình trong bóp của ông, cùng chi tiết chiều cao, cân nặng và màu tóc của cô ấy. Chúng tôi sẽ lo thu xếp làm áp phích. Sẽ có được sự trợ giúp lớn lao nếu dán những tấm áp phích đó lên trước khi đám đông sẽ đến quán rượu đó vào tối nay. Tôi có thể hứa với ông rằng

các nhân viên chìm của chúng tôi sẽ có mặt ở Wooshed và khắp các ngã đường quanh đây để nói chuyện với mọi người. Với bất kỳ may mắn nào chúng ta có thể tìm ra người trông thấy kẻ nào đó chú ý nhiều đến cô ấy. Nhưng thưa ông, tôi cũng đề nghị ông đi đến căn hộ của con trai ông và nghỉ ngơi đôi chút ở đó. Tôi sẽ cho một viên chức đưa ông đến đó nhé.”

Ta chỉ mới đang trên đường đi thôi, David Andrews chán chường suy nghĩ. Nhưng ông ấy nói đúng - Ta thực sự cần phải ngủ. Chẳng nói năng gì, ông gật đầu.

Cánh cửa từ phòng ngủ được mở ra, Kate Carslile đã trải qua một đêm không ngủ, và giờ đây, sau khi chớp mắt một chút, cô trông thấy họ ra đi, với bàn tay Barrott nắm chặt dưới cánh tay vị bác sĩ. “Bác sĩ Andrews, bác khỏe chứ?” Cô lo lắng hỏi.

“Bác sĩ Andrews sẽ đi đến căn hộ của con trai ông ấy.” Barrott giải thích. “Tôi sẽ còn chạy tới chạy lui. Kate ơi, cô có ngẫu nhiên có được tấm hình chụp mới nhất của Leeseey không? Cái tấm mà tôi thấy trong bóp của bác sĩ Andrews đã cách đây hơn một năm rồi.”

“Vâng, tôi có một tấm tốt lắm. Tôi chỉ mới chụp nó hồi tuần trước. Angelina Jolie và Brad Pitt đang đi dạo trên SoHo với con cái của họ và những tay săn ảnh có mặt quanh quần bên họ. Tôi bảo Leeseey giả vờ như cô ấy là một ngôi sao điện ảnh. Và tôi đã chụp hai tấm hình của cô ấy bằng máy chụp hình trong điện thoại di động của tôi. Một trong hai tấm chụp rất tuyệt vời. Cô ấy đang định đem đi lộng khung rồi gửi cho bác đấy, bác sĩ Andrews ạ.” Giọng cô vỡ vụn ra. Bối rối, Kate chạy vào trong phòng ngủ, mở ngăn kéo cái bàn ngủ, lấy một tấm hình từ đó ra và vội vã quay trở lại với họ.

Trong tấm hình, Leeseey đang tạo dáng người mẫu, khuôn mặt tươi cười của cô hướng về máy chụp hình, mái tóc dài của cô tung bay trước cơn gió thoảng, thân hình thon mảnh của cô hầu như đang uốn lượn, đôi tay cô ử sâu trong hai túi của chiếc áo khoác bằng hàng denim.

Cặp mắt Barrott lướt từ cô gái đáng yêu ở vị trí trung tâm sang những người khách qua đường ở phía sau. Chẳng có khuôn mặt nào rõ ràng cả. Phải chăng một trong những kẻ đó đã chú ý đến Leeseey? Ông tự hỏi. Một kẻ háo sắc đang rình mồi.

Ta sẽ cho phóng lớn tấm hình này, ông nghĩ, rồi nhận nó từ tay Kate. “Đây là một tấm hình rất rõ của Leeseey.” Ông nói. “Tôi cũng muốn cô cho tôi bản in tấm hình khác mà cô đã chụp cô ấy. Từ những điều mà tôi biết thì cô ấy đã mặc áo khoác denim vào đêm cô ấy đi đến câu lạc bộ. Trong tấm hình này cô ấy cũng đang mặc chiếc áo khoác denim.”

“Cô ấy mặc cùng một chiếc áo khoác.” Kate nói.

“Con bé đã mua nó cách đây hai năm, chỉ trước ngày mẹ nó mat.” David Andrews nói. “Nó có một cái váy để con bé mặc cùng. Mẹ nó đã cười, trêu nó về cái váy có những sợi tua lủng lẳng trên đó. Leeseey bảo với bà ấy rằng đó là thời trang. Mẹ nó bảo nếu đấy được xem là thời trang thì đã đến lúc quay trở lại với loại váy phồng.”

Ta có vẻ ủy mị quá. David Andrews tự nói với chính mình. Ta đang giữ tay thám tử này lại không để hắn đi tìm Leeseey. Ta phải tránh ra khỏi nơi đây thôi. “Kate, đây là một tấm hình đẹp của Leeseey. Bất kỳ ai nhìn thấy con bé cũng có thể xác định ra nó từ tấm hình này. Cảm ơn cháu rất nhiều.”

Không chờ cô trả lời, ông bắt đầu đi ra cửa, biết ơn vì cánh tay mạnh mẽ đang kẹp dưới nách mình. Một cách thăm lặng, ông bước xuống ba dãy bậc cầu thang. Ông ý thức một cách mơ hồ ánh đèn camera lóe sáng và có ai đó la lên những câu hỏi với ông khi ông băng qua lối đi và được giúp đưa vào chiếc xe của tổ công tác. Ông nhớ đã hỏi thám tử Barrott về những điều sẽ làm để cố tìm cho ra Leeseey. Barrott đóng cửa xe lại và dựa người vào đó.

“Bác sĩ Andrews, chúng tôi đã vận động tất cả những người trong tòa nhà này. Chúng tôi biết từ máy camera an ninh ở đây rằng Leesey đã không bước vào cánh cửa này, nhưng tất cả các ngôi nhà này đều giống hệt nhau. Cô ấy có thể bước lầm vào ngôi nhà khác. Chúng tôi đang bắt đầu từ nhà một, làm việc với toàn bộ khu vực lân cận này. Việc có hình của cô ấy sẽ giúp đỡ chúng tôi.”

“Tại sao con bé lại bước lầm vào cánh cửa khác trên còi đời này? Con bé đâu có uống rượu quá nhiều, chính ông đã bảo tôi thế mà. Người nhân viên pha chế rượu và tất cả những người khác ở Wooshed đều thề rằng con bé tỉnh táo khi nó rời chỗ đó mà.” David Andrews nhắc nhở mình ngay lập tức.

Đây chỉ là lời nói đầu môi chót lưỡi của Barrott để đáp lại, trừ phi có thể chứng minh khác đi, chín mươi chín phần trăm nhân viên pha chế rượu luôn thề thốt rằng người bị mất tích đều rời quán rượu trong trạng thái tỉnh táo. Thay vì thế ông nói “Bác sĩ ời, không có vấn đề gì xảy ra đâu. Đó là lời hứa của tôi với ông.”

Một phóng viên duy nhất có mặt tại hiện trường đã dí micro vào mặt Barrott khi ông quay trở lại xe tổ công tác. “Xem kìa,” Barrott mất kiên nhẫn nói. “Đội trưởng Ahearn sẽ đưa ra thông cáo báo chí vào lúc năm giờ. Ông ấy được ủy quyền phát biểu. Tôi thì không.”

Ông quay trở lại khu vực tiền sảnh của tòa nhà, chờ cho đến lúc người phóng viên và thợ chụp hình bước vào chiếc xe van và lái xe đi, rồi mới quay trở ra và bước đến tòa nhà kế đó. Giống như hầu hết các cánh cửa trong khối nhà này, cánh cửa bên ngoài không khóa, và có thể đi vào bằng chiếc chìa khóa hay người thuê mướn có thể gọi điện thoại liên lạc.

Cặp mắt Barrott đảo lên xuống trong danh sách những người thuê mướn, rồi chúng mở to ra khi ông chớp lấy cái tên “Carolyn MacKenzie”. Cách nhau sáu độ. Ông tự hỏi mình. Rất có thể.

Roy Barrott đứng sững lại, rồi sau đó dùng ngón trỏ rà quanh cái tên Carolyn MacKenzie.

Bản năng chưa hề sai sót khiến ông trở thành một thám tử tuyệt vời đã mách bảo với ông rằng dấu sao, theo một cách nào đó, có sự liên kết giữa hai trường hợp này.

Sau khi rời tòa nhà chung cư nơi Mack từng sống, tôi quay về Sutton Place. Trong vòng một ngày rưỡi kể từ khi mẹ quyết định sẽ tham gia cuộc hải hành, bà đã được tiếp thêm năng lượng, cứ như thể sau khi sống quá lâu trong tình trạng lầy lúng, bà đang cố gắng bù đắp lại thời gian đã mất. Bà bảo với tôi rằng bà sẽ lục soát hết các tủ quần áo và bỏ chúng đi hết, rồi chiều tối nay bà sẽ gặp Elliot và vài người bạn khác nữa để dùng cơm tối.

Tôi tự hỏi tại sao bà lại bận tâm đến việc dọn dẹp sạch các tủ quần áo trước khi đi nghỉ, nhưng rồi điều đó trở nên thật hiển nhiên. Sau khi ăn thật nhanh bữa trưa, một miếng bánh sandwich và một tách trà trong phòng dùng điểm tâm, bà bảo tôi rằng bà sẽ lên danh sách các căn hộ với một nhà môi giới, và ngay khi quay về bà sẽ tìm một căn hộ nào đó nhỏ hơn. “Con sẽ chẳng bao giờ dọn về nữa.” Bà nói. “Mẹ sẽ gọi công ty vận chuyển đồ đạc, trong trường hợp Mack quyết định gọi điện thoại vào Ngày của Mẹ sang năm, nhưng nói một cách khác, nếu mẹ hựt cuộc điện thoại của nó, thì hãy cứ để như thế. Mẹ không thể chỉ cứ quanh quẩn ở đây và chờ đợi cú điện thoại đó.”

Tôi nhìn bà, sửng sốt. Khi bà nói sẽ dọn dẹp các tủ quần áo, tôi nghĩ bà định nói các tủ quần áo của bà. Nhưng bây giờ, không cần hỏi, tôi cũng chắc chắn rằng chính những tủ quần áo trong phòng của Mack sẽ bị dọn trống.

“Thế mẹ định làm gì với đồ đạc của Mack?” Tôi hỏi, cố gắng giữ giọng nói bình thường.

“Mẹ sẽ để Dev cho ai đó lấy chúng ra và đem chúng đi giao đến chỗ nào chúng có thể được sử dụng tốt.” Mẹ nhìn tôi để có sự đồng ý, và khi thấy có điều gì đó đang che giấu trong nét mặt của tôi, bà nói nhanh: “Carolyn, con là người luôn nói mẹ phải tiến lên phía trước. Thực tế vẫn là, ngay cả nếu Mack có bước qua cánh cửa nhà mình hôm nay, và ngay cả nếu quần áo của nó vẫn còn vừa vặn với nó, thì chúng cũng đã lỗi thời rồi.”

“Đừng hiểu lầm con.” Tôi bảo bà. “Con nghĩ đó là ý kiến hay, nhưng con cứ tưởng rằng hai ngày nay đó là điều cuối cùng mẹ lo lắng trước khi đáp máy bay đi Hy Lạp chứ. Kìa mẹ, hãy làm một ân huệ cho chính mình. Hãy để con xem qua tất cả các quần áo của Mack và soạn chúng ra.” Thậm chí khi tôi nói, điều xảy đến với tôi rất có thể là cách đây mười năm, chẳng có ai bận tâm xem xét kỹ lưỡng những túi quần, túi áo khác mà Mack đã để lại trong căn hộ này. Lucas Reeves đã nêu trong bản báo cáo vụ việc của ông rằng chẳng có gì quan trọng được tìm thấy trong mớ áo quần mà Mack đã để lại trong căn hộ sinh viên của anh ấy.

Chẳng ngần ngại nhiều, thậm chí còn thấy thanh thản, mẹ đồng ý ngay. “Mẹ chẳng biết sẽ làm được gì nếu thiếu con, Carolyn ạ.” Bà nói: “Con vừa là chỗ dựa vừa là niềm an ủi của mẹ trong suốt những việc này. Nhưng mẹ biết con. Con chỉ vừa mới ngừng làm việc hai tuần nay, và mẹ có thể nói rằng con chẳng hề nghỉ ngơi gì cả. Con sẽ làm gì khi mẹ đi vắng?”

Bà đã vô tình đưa cho tôi một câu trả lời ít ra là có phần chân thực. “Chúng ta biết một kẻ nào đó sẽ háo hức sở hữu căn hộ này.” Tôi nói: “Con chẳng hề có ý định ở lại trong căn phòng thuê đó mãi mãi. Con sẽ nhìn quanh quần để tìm một chỗ lớn hơn cho chính mình. Mẹ sẽ cho con lấy bất kỳ món đồ đạc nào mẹ không đem theo với mình, đúng không?”

“Dĩ nhiên rồi. Hãy báo cho Elliot biết. Căn hộ một phòng ngủ tử tế là khoản phí tổn chắc chắn ông ấy sẽ chấp thuận.” Elliot là người được ủy thác quản lý số tiền bà tôi để lại cho tôi.

Mẹ uống nốt ngụm trà và đứng lên. “Mẹ phải đi ngay thôi. Helene sẽ ngạc nhiên nếu mẹ trễ cuộc hẹn cắt tóc. Với số tiền mà bà ấy sẽ tính, bà ấy có thể có sự khiêm tốn nhiều hơn một chút

đấy.” Bà hôn nhanh lên má tôi rồi nói thêm: “Nếu con tìm ra căn hộ con thích, hãy đảm bảo rằng nó có người gác cổng. Mẹ sẽ không cảm thấy thoải mái nếu con sống ở một nơi con phải tự mình mở cửa đi vào. Mẹ vẫn đang kiểm tra tin tức. Chẳng có dấu hiệu nào về người con gái sống ở căn hộ kế bên con bị mất tích. Chúa sẽ trợ giúp cho gia đình cô ấy.”

Tôi vui mừng mẹ có cuộc hẹn ở phòng thẩm mỹ. Giờ đây tôi càng quyết tâm tìm cho ra Mack. Tôi có cảm giác là mình không được phép mất một phút nào trong cuộc truy tìm anh ấy. Xét về mặt địa lý, anh ở rất gần chúng tôi khi để lại lá thư ngắn ấy vào ngày chủ nhật. Cuộc gặp gỡ gia đình Kramer đã khiến tôi càng bứt rứt kinh khủng. Ký ức thực sự đang phai nhạt. Nhưng khi tôi nói chuyện với họ, họ lại mâu thuẫn với chính mình về việc Mack mặc cái gì và chính xác là họ đã trông thấy anh lần cuối là lúc nào. Cũng như thế, Lil Kramer hoàn toàn bị sốc khi tôi bảo với bà rằng anh đã có mặt ở buổi lễ Misa. Tại sao? Phải chăng Mack là nỗi đe dọa cho họ? Họ đã biết điều gì khiến họ phải sợ hãi nhiều đến thế?

Tôi đã lấy bản báo cáo của chuyên viên điều tra Reeves từ ngăn kéo đựng hồ sơ trong bàn giấy của cha. Giờ đây tôi muốn lấy địa chỉ người bạn cùng phòng trước kia của Mack, Bruce Galbraith và Nicolas DeMarco. Nick vẫn giữ liên lạc đều đặn với cha, ngay từ đầu. Thật tự nhiên, thời gian dần trôi, và càng ngày ông càng ít nhận được tin anh ấy. Lần cuối cùng tôi trông thấy anh ấy là khi anh tham dự buổi lễ cầu hồn kỷ niệm cho cha, nhưng ngày đó bây giờ hoàn toàn mờ nhạt trong tôi.

Công trình nghiên cứu của cha không lớn lắm, nhưng như ông vẫn thường nói, nó đủ lớn cho những gì ông cần. Cái bàn giấy lớn của ông chiếm hết căn phòng có đóng ván ô. Mặc cho nỗi kinh khiếp của mẹ tôi, tấm thảm có kích cỡ chín nhân mười hai đã phai màu từng có trong phòng khách mẹ ông, vẫn còn ở trên sàn. “Hãy nhắc nhở anh rằng anh đã đến từ đâu nhé Liv.” Ông sẽ nói như thế sau một hoặc hai nỗ lực lặp đi, lặp lại của bà muốn từ bỏ tấm thảm đó. Cái ghế da đã mòn có gối quỳ để cầu nguyện là điểm ông ưa thích vào buổi sáng. Ông luôn thức dậy rất sớm, tự pha cà phê cho mình, ngồi vào cái ghế ấy với những tờ báo buổi sáng trước khi tắm táp, mặc quần áo đi đến văn phòng.

Những kệ sách che kín bức tường đối diện cửa sổ. Rải rác trên đó là những tấm hình có lộng khung của bốn người chúng tôi từ những tháng ngày hạnh phúc ấy khi chúng tôi vẫn còn bên nhau. Cha hiện diện ở khắp nơi, có khi ở cả những tấm hình chụp rất ngẫu nhiên: cái hàm cương quyết, được làm mềm mại hơn nhờ nụ cười rộng miệng, sự thông minh sắc sảo trong đôi mắt ông. Ông đã làm đủ mọi việc có thể được để truy tìm Mack và sẽ còn cố gắng làm điều đó nếu ông vẫn còn sống. Tôi chắc chắn về việc này.

Tôi mở ngăn kéo trên cùng trong bàn giấy của ông và lấy ra cuốn sổ điện thoại. Tôi viết số điện thoại của Bruce Galbraith ra một tờ giấy. Tôi nhớ anh ấy đã đi theo con đường kinh doanh bất động sản gia đình ở Manhattan. Tôi ghi lại cả số điện thoại nhà lẫn cơ quan của anh.

Nick DeMarco, có cha mẹ là những người nhập cư, làm chủ một nhà hàng nhỏ ở phía trước cửa hàng tại khu Queens, là một sinh viên được trao học bổng ở Columbia. Tôi còn nhớ sau khi anh ấy nhận bằng MBA từ Harvard, anh ta đã đi vào ngành kinh doanh nhà hàng, và tôi hiểu là anh rất thành công. Cả số điện thoại nhà, cơ quan và địa chỉ của anh đều ở Manhattan.

Tôi ngồi tại bàn giấy của cha và nhắc ông nghe lên. Tôi quyết định trước tiên gọi cho Bruce đã. Có lý do cho việc này. Khi tôi mười sáu, tôi đã phải lòng Nick thật mãnh liệt. Anh ấy và Mack là những người bạn thân thiết một cách đặc biệt, và Mack thường xuyên đưa anh về nhà dùng cơm tối. Tôi đã sống vì những bữa cơm tối đó. Nhưng rồi một buổi tối anh ấy và Mack đưa một người con gái về cùng với họ. Barbara Hanover, sinh viên năm cuối của Columbia, sống cùng họ trong tòa nhà căn hộ sinh viên, và điều ngay lập tức thật rõ ràng đối với tôi là Nick đang say mê cô ấy.

Mặc dù tâm trí tôi hoàn toàn bị đè bẹp, tôi cho rằng tôi đã cố trấn tĩnh buổi tối hôm đó, nhưng Mack có thể đọc được tâm trạng tôi như đọc một cuốn sách. Trước khi anh ấy, Nick và Barbara bỏ đi, anh kéo tôi ra một bên và nói: “Carolyn, anh biết em rất ngưỡng mộ Nick. Hãy quên điều đó đi. Mỗi tuần Nick có một bạn gái khác nhau. Hãy gắn bó với những chàng trai ở lứa tuổi của em đi.”

Sự phủ nhận đầy tức giận của tôi chỉ khiến Mack mỉm cười. “Em sẽ vượt qua điều đó,” là những lời chia tay của anh tối hôm ấy. Lúc đó là khoảng sáu tháng trước khi anh biến mất dạng và đó cũng là lần cuối cùng tôi ở lại nhà khi Nick đến. Tôi bị bối rối và không còn muốn có mặt ở đó nữa. Thực tế hiển nhiên đối với Mack là việc tôi phải lòng Nick khiến cho tôi chắc chắn rằng điều đó được bộc lộ rất rõ ràng đối với bất kỳ ai khác. Tôi biết ơn vì cha mẹ tôi chẳng ai đề cập đến chuyện đó cả.

Tôi nối được điện thoại với thư ký của Bruce ở Công ty Bất động sản Galbraith và được báo cho biết rằng anh ấy đang đi công tác cho đến tận thứ hai sau. Tôi có cần bận tâm để lại lời nhắn không nhỉ? Nói với cô thư ký tên và số điện thoại của mình, tôi ngần ngừ nói thêm: “Đó là về Mack. Chúng tôi vừa mới lại nghe tin về anh ấy.”

Sau đó tôi gọi cho Nick. Văn phòng anh ấy ở 400 Đại Lộ Công Viên. Khoảng mười lăm phút đi bộ từ Sutton Place, tôi nghĩ thế lúc quay số. Khi tôi yêu cầu được nói chuyện với anh ấy, cô thư ký của anh nhắc máy và nhanh chóng bảo tôi rằng nếu tôi gọi từ giới truyền thông thì bất cứ tuyên bố nào đều sẽ được luật sư của ông DeMarco đưa ra thôi.

“Tôi không gọi từ giới truyền thông.” Tôi nói. “Nick là một trong những người bạn của anh trai tôi tại Columbia. Tôi xin lỗi. Tôi không biết anh ấy đang gặp những vấn đề rắc rối về pháp lý.”

Có lẽ sự thương cảm trong giọng nói của tôi và cách tôi dùng tên tộc của anh ấy là lý do để cô thư ký của anh nói rất thành thực. “Ông DeMarco là chủ nhân của khu Woodshed, nơi một người phụ nữ trẻ được trông thấy lần cuối trước khi cô ấy biến mất dạng và tối hôm nọ.” Cô thư ký giải thích. “Nếu cho tôi số điện thoại của cô, tôi sẽ nói ông ấy gọi lại cho cô.”

Aaron Klein đã làm việc cho Wallace và Madison được mười bốn năm. Anh bắt đầu công việc ngay ở nơi này sau khi nhận bằng MBA. Vào thời điểm ay, Joshua Madison là giám đốc điều hành công ty quản lý tài sản tư nhân. Nhưng khi ông bất thành lĩnh qua đời hai năm sau đó, đối tác của ông, Elliot đã đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch và CEO.

Aaron rất yêu mến ông Josh Madison thô lỗ ấy, nhưng thoát tiên anh đã bị hoảng sợ vì Wallace có kiểu cách trịnh trọng hoàn toàn đối lập với phong thái xem nhẹ mọi chuyện của chính mình. Nhưng rồi khi Aaron đều đặn thăng tiến trên mức thang danh vọng, làm việc với những khách hàng có tiểu sử hoạt động ngày càng cao hơn, Elliot bắt đầu mời anh đi ăn trưa ở phòng ăn cho cấp điều hành tại văn phòng của họ trên Phố Wall. Một dấu hiệu rõ ràng rằng anh ấy đang được chuẩn bị cho một chức vụ cấp cao.

Mười năm trước đây, mối quan hệ của họ đã có bước tiến khổng lồ về phía trước khi Elliot bỏ lớp phòng vệ của ông và thú thật với Aaron về nỗi thống khổ, đau đớn mà ông đã trải qua vì việc Charles MacKenzie, Jr. biến mất. Elliot đã quản lý tiền bạc của gia đình MacKenzie trong nhiều năm trời, và sau khi Charles Sr. chết vì biến cố 11/9, ông đã nói chuyện với Olivia MacKenzie và con cái của bà theo kiểu cách bảo vệ mạnh mẽ nhất. Từ tất cả những điều Elliot từng nói về chàng thanh niên mất tích, Aaron hiểu ông xem Mack như là đứa con trai được thay thế của mình. Thực tế việc mẹ của Aaron, bà Esther đã dạy Mack tại một trong những lớp kịch nghệ của bà ở Columbia chỉ càng tăng cường thêm nữa mối quan hệ giữa họ với nhau.

Thế rồi, sau đó một năm, khi mẹ Aaron bị giết chết trong sự cố bị mọi người cho là một vụ giết người cướp của ngẫu nhiên, mối quan hệ lại càng thắt chặt hơn nữa. Và nói chung giờ đây mọi người trong công ty đều chấp nhận rằng Aaron Klein đã được chọn là người kế tục Elliot Wallace.

Aaron luôn phải đến thăm khách hàng ở Chicago vào thứ hai và thứ ba. Sáng thứ tư tuần trước, anh nhận được cuộc điện thoại của ông chủ. “Aaron này, anh đã có kế hoạch cho bữa cơm trưa?”

“Chẳng có gì mà tôi không thể thay đổi được.” Aaron đáp ngay lập tức.

“Thế thì vui lòng đến gặp tôi lúc 12 giờ 30 tại phòng ăn nhé.”

Điều gì đã xảy ra, Aaron tự hỏi khi cúp máy. Thường thì Elliot không có mặt ở phút cuối cho bữa cơm trưa. Vào lúc 12 giờ 15, anh đứng lên khỏi bàn giấy, đi vào phòng tắm riêng, chải mái tóc thừa của mình và chỉnh cà vạt thẳng lại. Chỉ có gương với gương trên tường, anh mĩa mai nghĩ, ai sẽ là người hói đầu nhiều nhất trong tất cả chúng ta? Ba mươi bảy tuổi, ngoại hình tốt, vẻ ngoài không xấu, nhưng với mức độ hiện tại, vào thời điểm năm mươi tuổi, sẽ rất may mắn nếu lúc đó trên đầu mình chỉ còn sáu cọng tóc. Anh thở dài và quăng cái lược đi chỗ khác.

Jenny bảo rằng đó là một phần lý do mình đã làm rất tốt, anh tự bảo mình. Cô ấy bảo mình trông già trước tuổi đến mười năm. Cám ơn cưng.

Với mối quan hệ thân thiết như họ đã có, Aaron luôn ý thức được rằng ông Elliot Wallace thuộc dòng dõi quý phái, thực tế rằng anh, người kế tục được chọn lựa của ông là con của những người nhập cư là điều đáng thất vọng. Ý nghĩ đó có trong tâm trí anh khi anh đi đến phòng ăn. Đứa trẻ từ đảo Staten Island tiếp cận với con cháu có đặc quyền của những người định cư đầu tiên ở New Amsterdam, anh nghĩ thế. Chẳng bận lòng đến việc đứa cháu trai của những người nhập cư đã tốt nghiệp Yale vào hạng top ten trong lớp học của anh ta và có bằng thạc sĩ của

Wharton; điều đó vẫn không giống như việc có những bậc tổ tiên xuất sắc, ưu tú. Tôi tự hỏi không biết mình có phải nghe lại câu chuyện về “người bà con Franklin” nữa không.

Aaron thừa nhận rằng anh vừa ghét, vừa chán cái giai thoại thường xuyên được nhắc đi nhắc lại của Elliot về việc Franklin Delano Roosevelt đã mời một phụ nữ Đảng Cộng hòa làm chủ tiệc một sự kiện ở Hyde Park khi vợ ông ấy, Eleanor đi vắng. Khi ông bị Chủ tịch Đảng Dân chủ quốc trách, Roosevelt sùng sốt đáp lại: “Nhưng dĩ nhiên tôi đã yêu cầu bà ấy làm chủ tiệc cho tôi. Bà ấy là người phụ nữ duy nhất ở Hyde Park có cùng địa vị xã hội như tôi.”

“Đó là câu chuyện thú vị nhất của cha tôi về người bà con Franklin.” Elliot sẽ cười ục ục như thế.

Khi anh tiến đến cái bàn và người phục vụ kéo ghế cho anh, ngay lập tức Aaron cảm nhận được rằng các giai thoại về những người bà con đáng tôn kính của ông ấy là điều cuối cùng có trong tâm trí Elliot ngày hôm nay. Trông ông có vẻ trầm tư, lo lắng - thậm chí lơ đãng nữa.

“Aaron, thật tốt khi gặp anh. Hãy gọi món nhanh đi. Tôi sẽ có hai cuộc họp. Tôi cho rằng anh cũng sẽ có những cuộc họp thường lệ chứ?”

“Món rau trộn Cobb[2], không nước sốt, và một trà đá chứ thưa ông Klein?” Người phục vụ mỉm cười hỏi.

“Ông đã có món đó.” Aaron không bận tâm để cho sếp của anh nghĩ rằng bữa tiệc trưa với món rau trộn là dấu hiệu của sự kiềm chế ham muốn của mình. Thực tế rằng vợ anh, Jenny rất yêu thích nấu ăn, và thậm chí những bữa tối đơn giản nhất của cô ấy cũng vượt xa thực đơn nghèo nàn của phòng ăn dành cho cấp điều hành này.

Elliot gọi món ăn, và khi người phục vụ đi ra khỏi tầm nghe, ông đi thẳng ngay vào vấn đề: “Chúng tôi đã nhận được tin tức về Mack vào ngày chủ nhật.” Ông nói.

“Cuộc gọi thường lệ vào Ngày của Mẹ à?” Aaron hỏi. “Tôi đang tự hỏi không biết anh ấy có khẳng khái theo kiểu cách đó và gọi điện năm nay không.”

“Cậu ta đã làm điều đó, mà còn làm nhiều hơn thế nữa.”

Aaron không rời mắt khỏi khuôn mặt Elliot khi anh lắng nghe ông kể việc Mack để lại thông điệp bằng giấy viết.

“Tôi đã khuyên Olivia phải tôn trọng những ước muốn của Mack.” Elliot nói. “Nhưng cũng khá lạ lùng, bà ấy dường như đã tự mình có kết luận rồi. Bà ấy đã đề cập về Mack như là “vắng mặt không phép”. Bà ấy sẽ tham gia cùng vài người bạn chung của chúng tôi trong một chuyến hải hành vòng quanh đảo Hy Lạp. Tôi đã được mời cùng đi với họ và có thể đi trong mười ngày cuối.”

“Ông nên đi.” Aaron nói ngay. “Ông chẳng hề cho mình lấy phân nửa thời gian nghỉ ngơi đầy đủ.”

“Vào sinh nhật tới của tôi, tôi sẽ được sáu mươi lăm tuổi. Ở nhiều công ty khác thì tôi hẳn đã bị tổng ra ngoài ở tuổi này. Đó là quyền lợi mà tôi có được từ công ty này, vậy nên lúc này tôi sẽ không đi bất kỳ đâu trong một thời gian dài.” Ông dừng lại, như thể tự chuẩn bị cho mình. “Nhưng tôi đâu có yêu cầu anh tham gia với tôi để thảo luận về những kế hoạch đi nghỉ nhỉ.”

Ngạc nhiên, Aaron Klein quan sát vì thấy cặp mắt của Elliot phủ đầy nỗi lo lắng.

“Aaron, anh đã trải nghiệm nỗi đau mất mẹ vì một vụ cướp. Nếu tình hình đảo ngược lại, nếu mẹ anh là người bị biến mất dạng rồi giữ mối liên lạc, anh sẽ tôn trọng các ước muốn của bà ấy hay anh sẽ cảm thấy rằng anh cần phải tiếp tục nỗ lực tìm cho ra bà? Tôi thấy mình hoàn toàn không chắc chắn và bối rối. Phải chăng tôi đã cho Olivia lời khuyên đúng hay lẽ ra tôi nên bảo bà ấy làm lại và nỗ lực gấp đôi trong việc tìm cho ra Mack?”

Giả sử mẹ đã biến mất cách đây mười năm. Aaron tự hỏi. Giả sử bà ấy gọi điện thoại mỗi năm một lần, thế rồi khi mình bảo bà rằng mình phải tìm cho ra bà và sẽ truy tìm bà. Bà lại gửi cho mình một lá thư ngắn, bảo hãy để bà yên thân, mình sẽ làm gì chứ?

Câu trả lời thật khó có được. “Nếu mẹ tôi làm với tôi điều Mack đã làm với gia đình cậu ấy và với ông, tôi sẽ nói: “Nếu đó là cách mẹ muốn, thì mẹ ời, cứ như thế đi. Con còn những chuyện khác cần làm hơn.”

Elliot Wallace mỉm cười. “Việc khác để làm à? Thật là cách kỳ lạ để đặt vấn đề. Nhưng cảm ơn anh, Aaron. Tôi cần được tái cam đoan là mình sẽ không thất bại với Mack hay Olivia...” Ông ngừng lại, rồi tự sửa chính mình. “Tôi định nói mẹ và em gái của cậu ấy, dĩ nhiên là như vậy.”

“Ông sẽ không thất bại với họ.” Aaron nói dứt khoát.

Tối hôm đó khi đang nhấm nháp ly vang trước bữa tối với vợ, Aaron nói: “Jenny, hôm nay anh ý thức được rằng ngay cả những kẻ ưa câu nệ, trịnh trọng quá mức cũng giống như các nam sinh khi họ đang yêu. Elliot không thể đề cập đến tên của Olivia MacKenzie mà mắt không sáng rõ lên.”

Nicolas DeMarco, chủ nhân của câu lạc bộ thời thượng The Woodshed và nhà hàng hạng sang ở Palm Beach, trong khi đang chơi golf ở Nam Carolina thì được thông báo về việc Leesey Andrews, một nữ sinh viên NYU biến mất dạng tối thứ ba tuần trước.

Sáng thứ tư anh bay về nhà, và khoảng ba giờ chiều thứ tư anh đi theo cô thư ký đến hành lang dài hun hút trên lầu chín của I Hogan Place dẫn đến khu vực nơi các thám tử được cử đến Chương lý quận làm việc. Anh có một cuộc hẹn với Đội trưởng Larry Aheam, viên chức chỉ huy tổ công tác.

Cao to, có hình thể rắn chắc của một vận động viên có kỷ luật, Nick đi bằng những bước sải dài, trán hằn nét lo lắng. Một cách lơ đãng, anh lướt bàn tay qua mái tóc ngắn mà bất chấp nỗ lực tối đa của anh nó cứ quần tít lên ngay cả khi ẩm ướt.

Lẽ ra ta nên ghé qua nhà một lát để thay đổi quần áo, anh tự trách mình. Anh đang mặc cái áo sơ mi thể thao ca rô trắng xanh cổ mở, trông có vẻ quá xuề xòa, cho dù có cái áo vét màu xanh da trời nhạt và cái quần tây màu xanh da trời đậm.

“Đây là phòng tổ công tác của các thám tử.” Cô thư ký giải thích khi họ bước vào căn phòng lớn có những dãy bàn giấy được xếp đặt một cách bừa bãi, lung tung. Chỉ có phân nửa số bàn giấy đó là có đồ đạc, mặc dầu những chồng giấy tờ và những chiếc điện thoại liên tục đổ chuông chứng tỏ rằng tất cả mọi người đều đang tích cực làm việc.

Năm người đàn ông và một người phụ nữ đang có mặt ở đó ngược lên nhìn khi anh theo sau người thư ký bằng ngang qua căn phòng. Anh ý thức rõ ràng rằng mình là đối tượng đang bị xem xét kỹ lưỡng. Có thể cá mười ăn một rằng tất cả bọn họ đều biết ta là ai và tại sao ta lại có mặt ở đây, và họ đều bất bình với ta. Họ đã vạch mặt ta như là chủ nhân của một trong những quán rượu dâm dật đó, nơi những đứa trẻ vị thành niên đến chè chén say sưa, anh nghĩ.

Cô thư ký gõ cánh cửa của văn phòng riêng nằm ở phía tay trái của phòng tổ công tác, và không chờ trả lời, cô mở nó ra.

Đội trưởng Larry Aheam chỉ có một mình trong phòng. Anh đứng lên từ phía sau bàn giấy và đưa tay cho DeMarco. “Cám ơn anh vì đã đến ngay lập tức.” Anh mạnh mẽ nói. “Xin mời ngồi.” Anh quay sang người thư ký. “Hãy mời thám tử Gaylor cùng tham gia với chúng tôi.”

DeMarco lấy cái ghế gần nhất với bàn giấy của Ahearn. “Tôi xin lỗi là đã không thể có mặt tối qua. Sáng sớm hôm qua tôi đã bay đi Nam Carolina để gặp vài người bạn.”

“Tôi biết từ người thư ký của anh rằng anh đã bay bằng máy bay riêng từ phi trường Teterboro.” Aheam nói.

“Điều đó đúng đấy. Và tôi đã bay về sáng nay. Tôi không thể khởi hành sớm vì thời tiết ở đó tồi lắm. Có những cơn bão lớn ở Charleston.”

“Khi nào nhân viên của anh thông báo cho anh biết rằng Leesey Andrews, người phụ nữ trẻ đã rời câu lạc bộ của anh vào giờ đóng cửa sáng sớm thứ ba đã biến mất dạng?”

“Cuộc gọi đến được máy điện thoại di động của tôi vào lúc chín giờ tối qua. Tôi đi ra ngoài ăn tối với bạn bè và đã không đem nó theo. Nói một cách hoàn toàn thẳng thắn, với tư cách là chủ nhà hàng, tôi xem việc người ta gọi và nhận điện thoại trong nhà hàng là điều khó chịu đựng

được. Khi tôi quay về khách sạn khoảng mười một giờ, tôi kiểm tra các tin nhắn của mình. Có bất kỳ lời nào về cô Andrews không? Cô ấy có gọi cho gia đình cô ấy không?”

“Không.” Ahearn mạnh mẽ nói, rồi nhìn qua đầu DeMarco. “Vào đi Bob.”

Nicolas DeMarco không nghe thấy tiếng cánh cửa mở ra. Anh đứng lên và quay người lại khi một người đàn ông gọn gàng có mái tóc đang ngả bạc, khoảng chừng gần sáu mươi tuổi băng qua căn phòng bằng những sải chân nhanh nhẹn. Anh khẽ mỉm cười khi ông ấy đưa tay ra cho anh.

“Thám tử Gaylor.” Ông nói, rồi kéo một cái ghế và quay nó lại, đối diện Nick ở góc bên phải bàn giấy của viên đội trưởng.

“Ông DeMarco,” Ahearn bắt đầu. “Chúng tôi đang rất quan tâm việc Leeseey Andrews có thể là nạn nhân của một vở kịch quái ác. Các nhân viên của ông bảo với chúng tôi rằng ông đã có mặt ở Woodshed vào khoảng mười giờ tối thứ hai và có nói chuyện với cô ấy.”

“Đúng đấy.” Nick trả lời ngay. “Bởi vì tôi sắp đi Nam Carolina. Tôi làm việc muộn tại văn phòng ở số 400 Đại lộ Công Viên. Sau đó tôi ghé qua căn hộ của mình, thay đổi thường phục, rồi đi xuống Woodshed.”

“Ông có thường xuyên đến thăm câu lạc bộ của mình không?”

“Tôi nói là tôi thường *ghé qua*. Tôi không còn làm, mà cũng không muốn làm, công việc quản lý thực tiễn. Tom Ferrazzano điều hành Woodshed cho tôi với tư cách vừa là chủ vừa là viên quản lý. Và tôi có thể nói thêm rằng anh ấy làm công việc đó tuyệt hảo. Trong mười tháng điều hành, chúng tôi chưa hề có bất kỳ một sự cố nào do kẻ chèn vùi thành niên hay người trưởng thành được phục vụ quá mức cần thiết của họ. Chúng tôi kiểm tra kỹ lưỡng trước khi thuê mướn họ, cách làm cũng như thế đối với các ban nhạc mà chúng tôi đặt hẹn trình diễn.”

“Woodshed có tiếng tốt.” Thám tử Gaylor đồng ý. “Nhưng các nhân viên của ông bảo với chúng tôi rằng ông sử dụng khá nhiều thời gian để trò chuyện với Leeseey Andrews.”

“Tôi nhìn cô ấy khiêu vũ.” Nick nói ngay. “Cô ấy là một thiếu nữ xinh đẹp và là một nghệ sĩ múa thực sự tuyệt hảo. Nhìn cô ấy anh sẽ nghĩ rằng cô là một chuyên gia. Nhưng cô trông cũng còn rất trẻ. Tôi biết chúng mình thư của cô đã được kiểm tra. Nhưng nếu tôi có thể cá cược về điều đó, tôi sẽ thề rằng cô ấy dưới tuổi vị thành niên. Đó là lý do tại sao tôi đã để cho một trong những người phục vụ mời cô đến bàn tôi để đích thân tôi kiểm tra nó. Cô chỉ vừa mới qua tuổi hai mươi mốt.”

“Cô ấy đến với ông ở bàn của ông chứ?” Gaylor thẳng thắn hỏi. “Ông có mua cho cô ấy một ly rượu không?” “Cô ấy đã dùng một ly pinot grigio với tôi, rồi quay lại với bạn bè của mình.”

“Hai người đã nói chuyện gì với nhau một lúc trong khi cô ấy nhấm nháp ly rượu đó hả ông DeMarco?” Đội Trưởng Ahearn hỏi.

“Kiểu chuyện trò xã giao thông thường. Cô ấy bảo với tôi rằng sang năm cô sẽ tốt nghiệp NYU và vẫn còn đang quyết định xem mình muốn làm gì. Cô nói rằng cha và anh cô đều là bác sĩ, nhưng việc trở thành bác sĩ y khoa không phải là đúng đối với cô. Cô nói rằng càng ngày cô càng suy nghĩ đến việc trở thành thạc sĩ trong ngành hoạt động xã hội, nhưng cô vẫn chưa chắc chắn. Cô sắp sửa có một năm nghỉ ngơi sau khi học xong cao đẳng, rồi mới hình dung đến bước kế tiếp.”

“Dường như ông không thấy rằng có quá nhiều thông tin cá nhân để chia sẻ với người lạ sao

ông DeMarco?” Nicolas DeMarco nhún vai. “Không thực sự như thế. Rồi cô ấy cảm ơn tôi về ly rượu và quay trở lại với bạn bè của cô. Tôi cho rằng cô ấy có mặt ở bàn của tôi dưới mười lăm phút.”

“Thế rồi sau đó ông đã làm gì?” Ahearn hỏi.

“Tôi dùng xong bữa tối và quay về nhà.”

“Ông sống ở đâu?”

“Căn hộ của tôi nằm trên Đại Lộ Công Viên và Đường số Bảy Mươi Tám. Tuy nhiên tôi vừa mới mua một tòa nhà ở TriBeCa và có một căn hộ tiện nghi lớn trên tầng cao nhất ở đó. Đây là nơi tôi đã ở lại đêm thứ hai.”

Nick đã thảo luận việc cung cấp thông tin cho cảnh sát, và đã quyết định cách khôn ngoan nhất là ngay lập tức công khai hết mọi điều.

“Ông có một căn hộ lớn, đầy đủ tiện nghi trong TriBeCa à? Chẳng có người nhân viên nào của ông kể cho chúng tôi về điều này.”

“Tôi không chia sẻ các khoản đầu tư cá nhân của mình với các nhân viên.”

“Có một người gác cửa trong tòa nhà của ông ở TriBeCa chứ?”

Anh lắc đầu. “Như tôi đã nói với các ông, căn hộ của tôi là loại căn hộ lớn và tiện nghi nằm trên tầng cao nhất. Tòa nhà đó cao năm tầng. Tôi sở hữu nó và đã mua hết hợp đồng thuê của các người thuê nhà. Những tầng khác hiện nay không có ai cả.”

“Nó cách quán rượu của ông bao xa?”

“Khoảng bảy dãy phố.” Nicolas DeMarco ngần ngừ, rồi nói thêm: “Tôi vô cùng chắc chắn rằng các ông hẳn phải có hầu hết các thông tin này rồi. Tôi đã rời khỏi Woodshed ngay trước mười một giờ. Tôi đi bộ đến chỗ TriBeCa rồi đi ngủ ngay. Đồng hồ báo thức của tôi reo lúc năm giờ sáng. Tôi đi tắm, thay quần áo và lái xe ra phi trường Teterboro. Tôi cất cánh lúc sáu giờ bốn mươi lăm và đáp xuống Charleston ở phi trường Charleston. Tôi bắt đầu phát bóng chơi golf tại câu lạc bộ lúc giữa trưa.”

“Ông đã không mời cô Andrews ghé qua uống ly rượu trước khi đi ngủ à?”

“Không, tôi đã không mời.” Nicolas DeMarco nhìn từ người thám tử này sang người thám tử kia. “Từ các bản tường thuật tin tức mà tôi nghe được trong khi lái xe từ phi trường về, tôi biết được rằng cha Leeseey đã đưa ra giải thưởng hai mươi lăm ngàn đôla cho bất kỳ thông tin nào cho biết cô ấy hiện đang ở đâu. Tôi dự định sẽ làm cho tương xứng với số tiền đó. Hơn bất cứ điều gì, tôi muốn Leeseey Andrews được tìm thấy còn sống và khỏe mạnh, trước tiên bởi vì sẽ thật khủng khiếp nếu có bất kỳ điều gì xảy ra cho cô ấy...”

“*Trước tiên à?*” Ahearn hỏi, sừng sốt một chút. “Còn lý do nào khác khiến ông muốn cô ấy phải được tìm ra?”

“Lý do thứ hai rất ích kỷ của tôi đó là đã chi quá nhiều tiền để mua bất động sản mà Woodshed tọa lạc trên đó, tân trang lại cơ sở, trang bị đồ đạc và nhân sự điều hành nó. Tôi muốn tạo ra một nơi chốn vui vẻ cho những người trẻ tuổi và ngay cả những người không còn trẻ lắm vui chơi. Nếu việc Leeseey biến mất dạng bị truy tìm như là cuộc đụng độ mà cô ấy phải trải qua trong câu lạc bộ của chúng tôi, giới truyền thông sẽ săn lùng chúng tôi, và chỉ trong vòng sáu

tháng, các cánh cửa của chúng tôi sẽ phải đóng lại. Tôi muốn ông điều tra các nhân viên của tôi, khách hàng của tôi và cả bản thân tôi. Nhưng tôi hứa với ông rằng ông sẽ chỉ phí thời gian nếu ông cho rằng tôi đã làm điều gì đó liên quan đến việc cô ấy biến mất.”

“Ông DeMarco, ông là một trong số nhiều người mà chúng tôi đang và sẽ phỏng vấn.” Aheam điềm đạm nói. “Ông có hồ sơ về chuyến bay ở Teterboro chứ?”

“Dĩ nhiên. Nếu ông kiểm tra hồ sơ, giờ bay xuống sáng hôm qua là tuyệt vời. Hôm nay vì những cơn bão sắp tới, nó có hơi chậm một chút.”

“Câu hỏi cuối cùng, ông DeMarco. Ông đi tới đi lui phi trường bằng cách nào?”

“Bằng xe của tôi. Tôi tự lái.”

“Ông lái loại xe nào?”

“Tôi thường lái chiếc Mercedes có thể bỏ mui, trừ phi vì một lý do gì đó tôi phải mang theo nhiều hành lý. Thực ra các trang thiết bị cho các câu lạc bộ đánh golf của tôi đều nằm trong chiếc SUV[3], đó là lý do tôi cứ chạy đi chạy về từ phi trường ngày hôm qua và hôm nay.”

Nicolas DeMarco chẳng cần chớp lấy cái liếc mắt mà hai viên thám tử trao đổi cho nhau cũng biết rằng anh đã trở thành một người bị chú ý trong vụ mất tích của Leeseey Andrews. Ta có thể hiểu lý do tại sao, anh nghĩ. Ta đã nói chuyện với cô ấy vài giờ trước khi cô biến mất. Chẳng ai có thể xác minh rằng cô ấy đã không gặp ta sau đó trong căn hộ. Ta lại cất cánh sớm sáng hôm sau trong một chiếc máy bay tư nhân. Ta không thể trách cứ họ đã ngờ vực - Đó là công việc của họ.

Thoáng mỉm cười, anh đưa tay ra cho cả hai người đàn ông và bảo họ rằng anh sẽ công bố ngay lập tức lời đề nghị tương xứng cho giải thưởng hai mươi lăm ngàn đôla để có thông tin cho biết nơi Leeseey đang ở.

“Và tôi có thể bảo đảm với ông rằng chúng tôi sẽ làm việc hai mươi bốn tiếng một ngày và bảy ngày một tuần để tìm cho ra cô ấy, hoặc nếu có điều gì đã xảy ra cho cô thì tìm cho bằng được kẻ đã gây ra điều đó.” Aheam nói bằng một giọng có âm sắc khiến Nicolas DeMarco có thể diễn giải một cách chính xác như là lời cảnh báo.

Khi rời căn hộ ở Sutton Place, chuông điện thoại di động của tôi vang lên. Người gọi xác định danh tánh là thám tử Barrott và mặc dầu mạch đập nhanh, tôi vẫn cố tình giữ cho câu trả lời của mình trầm tĩnh với ông. Ông ấy đã phớt lờ tôi hôm thứ hai, vậy thì vì lý do có thể có nào mà bây giờ ông lại gọi cho tôi?

“Cô MacKenzie, như cô có thể biết, một người phụ nữ trẻ, Leesey Andrews vừa biến mất dạng tối qua sống ở kế bên nhà cô trên phố Thompson. Bây giờ tôi có mặt ở đó, và đang phỏng vấn những người hàng xóm trong khu phố. Tôi thấy tên cô được liệt kê trong danh bạ của tòa nhà cô ở. Tôi sẽ rất cảm kích nếu có được cơ hội nói chuyện lại với cô. Tôi có thể thu xếp một cuộc hẹn sớm với cô không?”

Giữ điện thoại ở một bên tai, tôi ra dấu cho người gác cổng vẫy giùm chiếc taxi hộ tôi. Có chiếc ở gần đó vừa mới thả một người khách xuống. Trong khi tôi chờ cho người phụ nữ đứng tuổi bước xuống xe, tôi bảo với Barrott rằng tôi đang trên đường quay về căn hộ cũ của tôi, và tùy thuộc vào tình trạng xe cộ, sẽ có mặt ở đó trong vòng khoảng hai mươi phút.

“Tôi sẽ chờ cô ở đó.” Ông nói ngay, chẳng cho tôi cơ hội để nói với ông xem điều đó có thuận tiện cho tôi hay không.

Có những ngày một cuộc taxi từ Sutton Place đến Thompson Street chỉ mất mười lăm phút. Những ngày khác mật độ giao thông lại cứ như bò ra trên đường. Đây là một trong những ngày bò toài ra đó. Không phải vì tôi đang vội vã đi gặp thám tử Barrott - mà chỉ vì một khi tôi đang trên đường đi đến bất kỳ nơi nào, tôi chẳng có kiên nhẫn đến đó, một tính cách mà tôi thừa hưởng từ cha mình.

Và điều đó khiến tôi nghĩ tới nỗi lo lắng của cha tôi về việc Mack biến mất và nỗi lo lắng mà cha Leesey Andrews hẳn đang cảm thấy giờ này. Trong bản tin mười một giờ tối qua, ráng kìm nước mắt, bác sĩ Andrews đưa ra tấm hình con gái ông và van xin được giúp đỡ tìm ra cô ấy. Tôi cho rằng mình có thể hình dung ra những gì ông đang trải qua, rồi tự hỏi không biết điều đó có là thực không. Điều đó cũng tồi tệ như đối với chúng tôi. Rốt cuộc, Mack dường như đã bước ra khỏi cuộc đời anh ấy vào giữa trưa hôm đó. Leesey Andrews chắc chắn còn dễ tổn thương hơn nhiều, một mình trong đêm tối, và chắc chắn không hề cân xứng với kẻ háo sắc mạnh mẽ.

Tất cả những điều đó quay cuồng trong tâm trí tôi khi chiếc taxi bò dần đến đường Thompson.

Barrott đang ngồi trên những bậc tam cấp làm bằng đá nâu, một dáng vẻ không thích hợp. Tôi nghĩ thế khi trả tiền cho người tài xế. Buổi trưa trời càng lúc càng nóng dần lên, và ông đã mở nút áo vét, nói cà vạt. Khi nhìn thấy tôi, trong phút chốc, ông nhanh chóng đứng lên, thắt lại cà vạt và cài lại áo vét.

Chúng tôi chào nhau với kiểu cách lịch sự, tôn trọng, và tôi mời ông vào bên trong. Khi tôi vặn chìa khóa cửa ra vào, tôi trông thấy hai cái xe van có nhãn hiệu đài truyền hình đang đậu bên ngoài tòa nhà kế bên, tòa nhà nơi Leesey Andrews sống - hoặc đã từng sống.

Căn hộ một phòng của tôi nằm ở phía sau tòa nhà và là căn duy nhất nằm trên tầng của khu vực tiền sảnh. Tôi thuê nó với hợp đồng một năm hồi tháng chín năm ngoái khi tôi bắt đầu làm việc cho Thẩm phán Huot. Trong chín tháng qua, đối với tôi, nó đã trở thành nơi nương náu bình yên ngoài Sutton Place, nơi mà cảm nhận của tôi về sự mất mát người cha và nỗi lo lắng về Mack lúc nào cũng hiển hiện.

Mẹ kinh hoàng vì diện tích nơi này. “Carolyn, với chín trăm bộ vuông con sẽ không thể nào xoay trở được. Bà than thở. Nhưng tôi thì lại hồi hộp với cái chỗ bé như cái hang con này. Nó là cái tổ kén vui vẻ và tôi nghĩ sẽ phải có trách nhiệm giúp tôi vượt lên được tình trạng tình trạng muộn phiền và sự lo lắng nội tâm kinh niên sang sự khát khao trời vượt, thậm chí một *nhu cầu*, phải kết thúc với nó để còn tiếp tục cuộc sống. Nhờ vào khiếu thẩm mỹ tốt của mẹ, tôi đã lớn lên trong một ngôi nhà được trang hoàng tuyệt đẹp, nhưng tôi vẫn có niềm vui nào đó khi đi mua sắm với giá mặc cả trong những khu vực bán đồ gỗ ở nhà.

Phòng ngủ thoáng dăng của tôi ở Sutton Place có một khu vực ngồi chờ riêng. Trên phố Thompson tôi có một cái ghế trường kỷ có thể kéo ra được, rõ ràng là một cái nệm rất thoải mái. Khi thám tử Barrott theo tôi vào căn hộ, tôi bắt gặp ngay cách ông quan sát căn phòng, với cái bàn bên bằng men đen, cái đèn kiểu hiện đại màu đỏ tươi, cái bàn cà phê bằng men đen nhỏ, và hai cái ghế không tay dựa, bọc cùng loại vải màu trắng sáng như cái ghế trường kỷ. Ông để đôi mắt mình lướt qua những bức tường trắng và tấm thảm có họa tiết ca rô màu đen, trắng và đỏ.

Nhà bếp là nơi chốn chật hẹp so với phòng khách. Một cái bàn dành cho phòng ăn kem và hai cái ghế sắt được chế tác có bọc nệm đặt dưới cửa sổ là tất cả những tiện nghi tối đa cho phòng ăn. Nhưng cửa sổ rất rộng, để cho thật nhiều ánh sáng tràn vào và cây cối cùng cây phong lữ trên bệ cửa sổ đem luồng không khí tươi mát ngoài trời vào nhà.

Barrott tiếp nhận hết mọi điều, lịch sự từ chối lời mời uống nước hay cà phê của tôi, và ngồi xuống đối diện tôi ở một trong những cái ghế bên cạnh. Ông làm tôi ngạc nhiên bằng cách bắt đầu với lời xin lỗi. “Cô MacKenzie,” ông nói. “Tôi khá chắc chắn việc cô nghĩ rằng tôi đã gạt bỏ những mối quan tâm của cô khi cô đến gặp tôi vào ngày thứ hai.”

Tôi để sự yên lặng của mình xác nhận rằng tôi đồng ý với ông ấy.

“Tôi bắt đầu xem xét hồ sơ của anh cô ngày hôm qua. Tôi phải thừa nhận rằng tôi đã không xem xét kỹ lưỡng. Cuộc gọi về Leeseey Andrews đã đến, và dĩ nhiên nó có quyền ưu tiên, nhưng rồi tôi lại ý thức được rằng nó sẽ cho tôi một cơ hội khác để nói chuyện với cô. Như tôi đã nói với cô, chúng tôi đang sàng lọc khu vực quanh đây. Cô có biết Leeseey Andrews không?”

Câu hỏi khiến tôi ngạc nhiên. Lẽ ra nó không nên được hỏi mới phải, nhưng tôi tự nhủ rằng khi ông ta gọi điện và yêu cầu gặp tôi, nếu tôi biết cô ấy, ngay cả sơ sơ thôi, hẳn là ngay lập tức tôi sẽ nói thế. “Không, tôi không biết cô ấy.” Tôi đáp.

“Cô đã trông thấy hình cô ấy trên truyền hình chứ?”

“Có, tôi đã trông thấy, tối qua.”

“Và cô không có cảm giác đã từng trông thấy cô ấy quanh đây à?”

Ông kiên trì như thể ông không chắc lắm việc tôi có đang né tránh không.

“Không. Nhưng dĩ nhiên, khi sống kế cận nhau, có thể tôi đã đi ngang qua cô ấy trên phố. Có nhiều sinh viên nữ trẻ trong tòa nhà đó.” Tôi biết mình nói nghe có vẻ bực bội và thực sự tôi đang bực mình. Chắc chắn Barrott không đang gợi ý rằng vì anh trai tôi đang mất tích, tôi hẳn có mối liên kết nào đó với việc cô gái này biến mất dạng chứ?

Đôi môi Barrott mím lại. “Cô MacKenzie, tôi hy vọng cô nhận ra rằng tôi đang hỏi cô cùng câu hỏi mà tôi và các thám tử khác đang hỏi mọi người trong khu vực quanh đây. Bởi vì chúng ta đã biết nhau và bởi vì cô là một trong những người hiểu được nỗi thống khổ mà cha và anh cô

ấy đang trải qua, tôi hy vọng bằng cách nào đó, cô có thể giúp đỡ chúng tôi. Cô là một phụ nữ trẻ trung, cực kỳ quyến rũ, và với tư cách là một luật sư, cô đã được đào tạo để tuân thủ chặt chẽ theo luật lệ.” Ông hơi vươn người tới trước, đôi bàn tay xiết chặt lại với nhau. “Cô có từng bao giờ đi bách bộ quanh khu vực này vào buổi tối không, chúng ta cứ nói là sau bữa cơm tối hay sau một cuốn phim, hoặc có bao giờ cô từng đi ra ngoài rất sớm vào buổi sáng không?”

“Có, có chứ.” Tôi biết giọng mình đã dịu lại. “Hầu hết các buổi sáng tôi chạy bộ lúc sáu giờ, và nếu tôi gặp gỡ bạn bè trong khu vực này vào buổi tối thì tôi thường đi bộ về nhà một mình.”

“Cô có từng bao giờ có cảm giác bị theo dõi, bởi một ai đó đi theo sau cô không?”

“Không, chưa hề. Hay nói một cách khác, tôi có thể nói là tôi hiếm khi đi ra ngoài trễ sau nửa đêm, và khu vực Làng thì khá sinh động vào giấc đó.”

“Tôi hiểu. Và tôi sẽ cảm kích nếu cô để mắt cho chúng tôi. Những tên háo sắc, hay những kẻ cố ý gây ra hỏa hoạn vì thích thú được ngắm nhìn sự kích động do chúng gây ra. Một thứ gì đó khác. Có một cách khác cô có thể giúp chúng tôi. Người hàng xóm trên lầu hai của cô, bà Carter rất thích cô, đúng không?”

“Tôi rất mến bà ấy. Bà ấy bị chứng thấp khớp khủng khiếp và rất sợ nếu phải đi ra ngoài khi thời tiết xấu.” Tôi giải thích. “Bà ấy có hai lần bị gục ngã thật hiếm nghèo. Tôi để ý giúp bà và mua những món vật vãnh từ cửa hàng tạp phẩm nếu bà ấy cần chúng.” Tôi dựa lưng vào cái ghế của tôi, tự hỏi không biết ông ta còn đi đến đâu với chuyện này.

Barrott gật đầu. “Bà ấy bảo tôi điều đó. Thực ra bà ấy ca ngợi cô rất nhiều. Nhưng cô biết điều đó có ý nghĩa ra sao đối với một số người già. Họ sợ chính mình sẽ gặp rắc rối nếu chuyện trò với cảnh sát. Người dì của tôi cũng giống như thế. Mặc dù trông thấy người hàng xóm làm móp xe của một người hàng xóm khác, bà đã không thừa nhận điều đó. “Đó không phải là việc của tôi.” Bà ấy nói như thế đấy. Ông trầm tư dừng lại. “Tôi có thể nói rằng bà Carter rất lo lắng khi nói chuyện với tôi.” Ông nói tiếp. “Nhưng bà ấy *thực sự* đã nói với tôi rằng bà ấy thích thú việc ngồi cạnh cửa sổ. Bà ấy nói rằng bà không nhận ra tấm hình của Leesey. Nhưng tôi có linh cảm rằng bà ấy đã nhận ra. Chỉ có thể là bà ấy đã từng nhìn thấy Leesey đi ngang qua, nhưng lại không muốn bị dính dấp vào vụ điều tra theo bất kỳ cách thức nào, nhưng nếu cô dùng một tách trà với bà ấy, thì có thể bà ta sẽ cởi mở với cô.”

“Tôi sẽ làm điều đó.” Tôi sốt sắng nói. Bà Carter có thể đã già, nhưng bà ấy chẳng để lọt qua mắt một trò gian trá nào, và bà ấy lại là người thích ngồi ở cửa sổ, tôi nghĩ thế. Chắc chắn bà ấy có tất cả những câu chuyện ngồi lê đôi mách về những người hàng xóm sống ở phía bên trên lầu bà, tại tầng ba. Tôi thấy điều mỉa mai là giờ đây tôi đang điều tra cho Barrott trong khi dự định của tôi là để ông điều tra cho *tôi*.

Barrott đứng lên. “Cám ơn cô vì đã để tôi ghé qua, cô MacKenzie. Như cô có thể hiểu, chúng tôi đang làm việc hai mươi bốn tiếng một ngày cho trường hợp này, nhưng khi nó được giải quyết xong, tôi sẽ quay trở lại xem xét hồ sơ của anh trai cô, và xem thử xem chúng tôi có thể tìm ra vài phương cách nào mới để theo đuổi vụ việc này không.”

Ông ấy đã đưa tôi danh thiếp của ông vào ngày thứ hai, nhưng chắc ngờ rằng tôi đã xé bỏ nó, cái mà tôi đã có. Khi tôi nhận cái danh thiếp khác của ông, ông nói rằng sẽ giữ liên lạc với tôi. Tôi tiễn ông ra ngoài, khóa cửa lại sau lưng ông và nhận ra rằng bất chợt tôi cảm thấy mình thật thiếu dũng cảm. Có điều gì đó trong cách cư xử của ông khiến tôi ngờ rằng thám tử Barrott đã không thành thật. Đối với ông, ngẫu nhiên tôi chỉ là hàng xóm của người phụ nữ trẻ bị mất tích. Ông đang cố tạo ra những lý do để liên lạc với tôi thôi.

Nhưng tại sao chứ?

Đơn giản tôi chẳng biết tại sao.

Lil Kramer đã bị lo lắng kể từ khoảnh khắc Carolyn MacKenzie gọi điện thoại yêu cầu có cuộc gặp gỡ, nhưng vào ngày thứ Tư, ngay sau khi Carolyn ra về, bà đi vào trong phòng ngủ, nằm xuống, nhắm mắt và bắt đầu lặng lẽ khóc, lệ tuôn chảy xuống đôi gò má bà.

Lil có thể nghe thấy Gus nói lời tạm biệt Howard, rồi ông ấy đi vào phòng ngủ, và ngồi xuống bên bà. Vì mệnh lệnh thật nóng nảy của ông chồng muốn biết bà đang gặp vấn đề gì, bà mở mắt ra. “Vấn đề của tôi à? Tôi đã bảo cho ông biết nó là gì rồi, Gus. Tôi đã có mặt tại nhà thờ St. Francis de Sales Church ở buổi lễ Misa bằng tiếng Latinh hôm chủ nhật tuần rồi. Tôi đã từng suy nghĩ về việc có nên đi đến đó khi họ đã bắt đầu nói bằng tiếng Latinh từ năm ngoái không. Đừng quên là cha tôi là người công giáo, và thỉnh thoảng thường dẫn tôi đến nhà thờ khi tất cả các buổi lễ Misa được tiến hành bằng tiếng Latinh.”

“Bà chẳng bao giờ bảo cho tôi biết bà đã đi đến đó ngày chủ nhật.” Gus ngắt lời bà.

“Nhưng tại sao tôi lại phải nói với ông chứ? Ông đâu có bận lòng với bất kỳ tôn giáo nào, và tôi đâu cần phải nghe ông huênh hoang rằng tất cả các linh mục đều là những kẻ lạm dụng lòng tin của người khác.”

Vẻ mặt của Gus Kramer chợt thay đổi. “Được rồi, được rồi. Bà đã có mặt ở đó. Hy vọng bà đã có lời cầu nguyện cho tôi. Thế thì sao nào?”

“Lúc đó rất đông người. Ông không thể tin đâu. Người ta đứng hai bên lối đi. Ông đã nghe thấy Carolyn MacKenzie vừa bảo với chúng ta điều gì. *Mack đã có mặt ở đó.* Tôi biết ông không tin tôi, nhưng tại buổi lễ Misa tôi có cảm giác mình đã trông thấy một người nào đó quen thuộc, chỉ trong chốc lát. Nhưng như ông biết, tôi mù dờ nếu không đeo mắt kính của mình. Và tôi đã bỏ quên chúng ở nhà khi tôi đổi ví.”

“Tôi lập lại, thế thì sao chứ?”

“Gus, ông không hiểu tôi đang nói gì sao?” Mack có mặt ở đó. Giả sử câu ta thực sự quyết định quay trở lại! Ông biết đấy.” Bà kết thúc bằng một tiếng thở dài. “Ông biết rồi mà.”

Như bà dự đoán, ngay lập tức Gus nổi khùng lên. “Me kiếp, Lil, gã đó hẳn phải có những lý do riêng của hắn để làm cái trò biến mất dạng ấy chứ. Tôi phát bệnh lên khi thấy bà cứ vò đầu bứt tai vì hắn ta. Đẹp điều đó đi. Ngừng lại đi. Bà kể với em gái hắn là đủ làm hài lòng cô ta rồi. Giờ đây hãy ngậm mồm bà lại. Nhìn tôi đây này.” Một cách cục cằn, hắn ta chồm lên giường, nâng cằm bà lên để bà không thể tránh đừng nhìn chằm chằm vào hắn. “Bà mù dờ khi không có cặp kính lão của bà. Bà đang nhảy dựng lên vì lá thư nhỏ được cho là của Mack đã bỏ vào chỗ đồ quyen góp. Bà không trông thấy hắn ở đó. Thế thì hãy quên hết mọi chuyện đi.”

Lẽ ra Lil không thể có đủ can đảm để hỏi chồng bà tại sao ông lại chắc như thế. “Làm sao ông lại có thể quả quyết rằng Mack không có mặt ở đó?” Bà chất vấn ông với tiếng thì thầm căng thẳng.

“Cứ tin tôi.” Mặt Gus tối sầm lại vì cơn tức giận.

Đó là cơn thịnh nộ giống như bà đã nhìn thấy cách đây mười năm khi bà bảo cho Gus biết bà đã tìm thấy cái gì trong phòng Mack khi bà đang lau chùi, dọn dẹp. Đó là cơn thịnh nộ khiến bà thất vọng tự hỏi rằng trong ngần ấy năm phải chăng Gus có thể phải chịu trách nhiệm về việc Mack biến mất.

Với một cử chỉ yêu thương vụng về, Gus chà bàn tay chai sạn của hắn ta lên trán Lil, rồi với tiếng thở dài nặng nề, hắn nói: “Bà biết đấy, Lil. Sau cùng tôi đang bắt đầu suy nghĩ việc chúng ta về hưu và đi đến Pennsylvania. Nếu cô em gái đó của Mack bắt đầu quanh quẩn ở đây, sớm muộn gì cô ta cũng làm cho bà bực mình. Bà sẽ nói quá nhiều.”

Lil, người thích sống ở New York, người sợ hãi phải chuyển sang đời sống hưu trí vô công rồi nghề, rên rỉ: “Tôi muôn đi ngay bây giờ, Gus. Tôi sợ hãi cho chúng ta.”

Bruce Galbraith luôn kiểm tra với người thư ký vào cuối ngày làm việc. Không giống như hầu hết những người mà anh biết, anh không đem theo chiếc BlackBerry và lại thường tắt điện thoại di động của mình. “Có quá nhiều điều làm phân tâm, theo kiểu làm việc của tôi.” là lời anh giải thích về việc này. “Nó cũng giống như nhìn người nghệ sĩ tung hứng với quá nhiều quả banh trong không khí.”

Ba mươi hai tuổi, chiều cao trung bình, có mái tóc màu cát và cặp kính không vành, anh thường đùa với chính mình rằng anh quá trung bình đến mức ngay cả một chiếc camera an ninh cũng sẽ chẳng chú ý đến anh. Nói một cách khác, anh không quá sức khiếm tốn đến nỗi không biết đến giá trị của chính mình. Anh là một chuyên gia giao dịch tài chính tuyệt vời và thường được các đồng nghiệp xem là có khả năng gần như huyền bí nhìn thấy trước được các xu hướng của thị trường bất động sản.

Kết quả là Bruce Galbraith đã nhận nhiều lần giá trị hoạt động kinh doanh bất động sản gia đình đến mức người cha sáu mươi tuổi của anh đã trao quyền kiểm soát cho anh. Tại một bữa cơm tối trước khi về hưu cha anh đã nói: “Bruce, ta xin ngả nón trước con. Con là đứa con ngoan và còn là một doanh nhân giỏi hơn cha nhiều, mà cha cũng đã tốt rồi đấy chứ. Giờ đây con làm ra tiền cho chúng ta, và cha sẽ theo đuổi mục tiêu trở thành một golf thủ không chuyên.”

Bruce đã ở Arizona vào thứ Tư khi anh gọi cuộc điện thoại hàng ngày với thư ký của mình. Cô bảo với anh Carolyn MacKenzie đã gọi điện và để lại lời nhắn rằng Mack đã liên lạc lại và yêu cầu Bruce gọi trả lời cô ấy.”

Carolyn MacKenzie à? Cô em gái nhỏ của Mack ư? Đây không phải cái tên anh muốn nghe.

Bruce chỉ vừa mới quay lại căn hộ trong khách sạn mà anh làm chủ ở Scottsdale. Lắc đầu, anh đi ra phía minibar và lấy từ trong đó ra một chai bia lạnh. Lúc đó chỉ mới bốn giờ, nhưng anh đã đi ra ngoài trời nắng hầu như cả ngày, và xứng đáng hưởng nó, anh tự bảo mình.

Anh ngồi vào cái ghế bành to hướng về phía cửa sổ cao từ sàn đến trần nhà nhìn ra sa mạc. Vào bất kỳ thời điểm nào khác, đó là tầm nhìn ưa thích của anh, nhưng lúc này anh chỉ trông thấy căn hộ mà anh chia sẻ với Mack Mackenzie và Nick DeMarco, và đang xem xét lại những gì đã xảy ra ở đó.

Ta không muốn gặp em gái Mack. Anh tự bảo mình. Tất cả những gì đã xảy ra cách đây mười năm, và thậm chí sau đó cha mẹ của Mack biết là ta chưa bao giờ thân thiết với anh ta. Anh ta chưa bao giờ mời ta về nhà ở Sutton Place để dùng cơm tối, mặc dầu anh ta luôn đưa Nick đi về với mình. Thậm chí chẳng hề có trong tâm trí Mack rằng ta cũng có thể thích đi chứ. Đối với anh ta, ta chỉ là một kẻ kín đáo, ngẫu nhiên sống với anh ta trong cùng một căn hộ thôi.

Nick, anh chàng nổi tiếng đào hoa; Mack, sự chọn lựa của mọi người, gã đàn ông đẹp trai nhất trên cõi đời này. Thật tử tế khi Mack xin lỗi vì đã đánh bật ta ra khỏi hàng ngũ những sinh viên tốt nghiệp top ten của lớp. Và Barbara, lạy Chúa, sự phải lòng mà ta có với cô ta trong những ngày ấy. Ta tôn thờ cô ta... Cô ta chẳng bao giờ thèm liếc nhìn về hướng ta, anh nghĩ.

Bruce nghiêng đầu và uống nốt chỗ bia. Ta sẽ phải gọi cho Carolyn thôi, anh quyết định. Nhưng ta sẽ bảo với cô ấy những gì ta đã nói với cha mẹ cô. Mack và tôi sống cùng nhau, nhưng chúng tôi chưa bao giờ lang thang, bù khú với nhau cả. Thậm chí tôi còn không gặp anh ta vào ngày anh biến mất dạng. Tôi đã đi ra ngoài trước khi anh ta và Nick thức dậy. Do vậy, xin hãy để tôi

được yên thân, cô em gái bé bỏng ạ.

Anh đứng lên. Hãy quên nó đi, anh nóng nảy tự bảo mình. Chỉ việc quên phắt nó đi. Lời trích dẫn thường lướt qua đầu mỗi khi anh ngẫu nhiên nghĩ về Mack lại ùa về tâm trí anh. Anh biết những lời đó không hoàn toàn chính xác, nhưng nó lại được việc cho anh. “Nhưng đó là một vùng đất khác, và hơn nữa, đức vua đã băng hà.”

Anh quay trở lại máy điện thoại, nhắc nó lên, và quay số. Khi vợ anh trả lời, anh biết mặt mình sáng lên vì âm thanh giọng nói của cô ấy. “Chào Barb,” anh nói: “Cùng có khỏe không? Mấy đứa nhóc ra sao rồi?”

Sau bữa tiệc trưa với Aaron Klein, Elliot Wallace quay về văn phòng và chợt nhận ra mình đang nghĩ về Charley MacKenzie Sr. và tình bạn mà họ đã có với nhau tại Việt Nam. Charley từng phục vụ trong ROTC của quân đội và ở cấp bậc thiếu úy khi họ gặp nhau. Elliot đã kể cho Charley nghe rằng ông chào đời tại nước Anh, nhưng có cha mẹ là người Mỹ và trải qua hầu hết thời niên thiếu tại Luân Đôn. Ông đã dọn về New York với mẹ khi được mười chín tuổi. Sau đó ông đăng ký nhập ngũ, và bốn năm sau được phong cấp sĩ quan, sát cánh với Charley ở một số trận đánh khốc liệt nhất của cuộc chiến.

Mình và Charley ưa thích nhau ngay từ ngày đầu tiên, Elliot nghĩ. Charley là người có tính tranh đua nhiều nhất mà mình từng gặp, và có lẽ là người tham vọng nhất. Ông đã hoạch định sẽ đi học trường luật ngay khi giải ngũ. Ông thề sẽ trở thành một luật sư tiếng tăm và sẽ là một triệu phú. Thực sự ông rất hài lòng vì đã trưởng thành trong một gia đình chẳng có nổi lấy hai đồng năm xu để cạ xát với nhau. Ông thường chọc ghẹo thân thể của mình. "Thế còn tên vị quản gia là gì, Eli?" Ông thường hỏi. "Đó là Bertie, hay Chauncey hay Jeeves?"

Trong khi dựa lưng vào cái ghế da, Elliot mỉm cười hồi tưởng. Mình bảo Charley rằng người quản gia là William, và ông ấy đã ra đi khi mình lên mười ba. Mình bảo ông ấy rằng cha mình, cầu Chúa cho ông yên nghỉ đời đời, là người có học thức nhất, nhưng cũng là một doanh nhân tồi nhất trong lịch sử thế giới văn minh này. Đó là lý do tại sao mẹ đã từ bỏ tất cả và đem tôi về nhà từ nước Anh.

Charley lúc đó chẳng tin, nhưng mình thề với anh rằng theo cách riêng, mình cũng đầy tham vọng chẳng kém anh. Anh muốn trở nên giàu có vì anh chẳng biết cái thế giới giàu có ấy. Đó là một trong những người đã từng có rồi trở nên không có và nay lại muốn có tất cả những điều đó. Khi Charley ở trường luật, mình đi học cao đẳng rồi lấy bằng MBA.

Cả hai chúng ta đều thành công về mặt tài chính, nhưng cuộc sống riêng lại khác biệt nhau. Charley gặp Olivia và họ đã có cuộc hôn nhân tuyệt vời. Lạy Chúa, mình cảm thấy mình mới giống như một kẻ đứng bên ngoài làm sao khi chứng kiến cách họ nhìn nhau! Họ đã có hai mươi ba năm sống tốt đẹp, hạnh phúc bên nhau, cho đến khi Mack biến mất, và sau đó họ chẳng có lấy một ngày sống mà không tràn ngập sự lo lắng về cậu ta. Rồi sau đó là biến cố 11/9 và Charley đã ra đi. Cuộc hôn nhân của mình với Norma chẳng bao giờ thuận lợi, công bằng cho cô ấy. Đó là điều Công Nương Diana đã nói với người phỏng vấn - rằng dường như có ba người trong cuộc hôn nhân giữa bà với Thái Tử xứ Wales? Vâng, cuộc hôn nhân giữa Norma và mình cũng theo kiểu cách đó, chỉ kém phần say đắm, quyến rũ thôi.

Nhấn mặt với ký ức, Elliot cầm cây bút và bắt đầu viết nguệch ngoạc lên xấp giấy. Dĩ nhiên Norma không biết điều đó, nhưng cái cách mà mình cảm thấy về Olivia luôn tồn tại giữa mình và cô ấy. Và vì cuộc hôn nhân của mình giờ đây là một ký ức đã xa, sau ngần ấy năm, có lẽ mình và Olivia có thể cùng nhau hoạch định cho tương lai. Cô ấy đã nhận ra rằng không thể cứ sống cuộc đời quanh Mack mãi nữa, và mình có thể nhìn thấy cảm xúc của cô ấy về mình đã thay đổi. Trong mắt cô ấy, mình có ý nghĩa nhiều hơn mức chỉ là người bạn tốt của Charley và cố vấn ủy thác của gia đình. Cô ấy đã từng tâm sự rằng Carolyn cần được thông thả và không phải lo lắng về mẹ nữa. Cô ấy cũng đang có kế hoạch bán căn hộ Sutton Place.

Elliot đứng lên, đi về phía cái kệ sách bằng gỗ gụ, bên dưới là cái tủ lạnh và mở cửa ra. Khi với tay lấy chai nước, ông tự hỏi không biết có sớm quá không khi đề nghị với Olivia rằng căn hộ chung cư cao cấp loại penthouse trên Đại Lộ số Năm, xuôi xuống phía dưới Bảo Tàng Metropolitan, có lẽ là một nơi chốn tuyệt vời để sống trong đó.

Căn hộ cao cấp penthouse của mình, ông suy nghĩ với nụ cười. Thậm chí cách đây hai mươi lăm năm, lúc mua nó sau khi ly dị với Norma, mình đã mơ rằng sẽ mua nó cho Olivia.

Chuông điện thoại reo vang, rồi giọng nói kiểu Anh dứt khoát của cô thư ký riêng vang lên trong máy điện thoại nội bộ. “Bà MacKenzie đang gọi, thưa ông.”

Elliot chạy nhanh về bàn giấy và nhắc ống nghe.

“Elliot, Liv đây. June Crabtree hẹn sẽ đến dùng cơm tối, nhưng vào phút cuối bà ấy không đến được. Tôi biết Carolyn sẽ đi gặp người bạn của nó, Jackie. Có cách nào ông đưa một bà đến dùng cơm tối không?”

“Tôi sẽ rất hài lòng. Bà nghĩ thế nào về việc uống một chút ở chỗ tôi, rồi sau đó đi đến Le Cirque?”

“Tuyệt vời. Gặp ông sau nhé.”

Khi gác ống nghe, Elliot nhận ra rằng có giọt mồ hôi nhỏ trên trán ông. Tôi chẳng bao giờ muốn bất kỳ điều gì nhiều hơn thế trong đời mình, ông nghĩ. Chẳng có chuyện gì có thể làm hỏng mọi thứ mà mình lại quá sợ hãi có thể có một điều gì đó như vậy. Rồi ông thư giãn và cười phá lên khi nghĩ cha ông sẽ phản ứng ra sao đối với lối suy nghĩ tiêu cực như thế.

Như người bà con yêu quý Franklin đã nói, ông suy nghĩ, điều duy nhất chúng ta phải sợ là chính bản thân sự sợ hãi.

Trễ vào buổi trưa thứ tư và kéo dài đến cả đêm, các sinh viên NYU tỏa ra khắp khu vực Làng Greenwich và SoHo, họ đang dán những tấm áp phích phía trước cửa hiệu và trên những cột điện thoại cùng những thân cây với niềm hy vọng rằng ai đó có thể nhận ra Lisa “Leesey” Andrews và cung cấp thông tin để tìm ra được cô.

Tấm hình người bạn cùng phòng cô chụp cách đây vài ngày là một Leesey đang mỉm cười, các chi tiết về chiều cao và trọng lượng của cô, địa chỉ của Woodshed, thời gian cô rời nơi đó, địa chỉ nhà riêng, nơi người ta nghĩ cô đã từ đó ra đi, và giải thưởng năm mươi ngàn đôla do cha cô và Nicolas DeMacro đưa ra là tất cả những thông tin có trong tờ áp phích.

“Nhiều thông tin hơn chúng tôi cung cấp, và chúng tôi sẽ huy động mọi lực lượng để làm chuyện này.” Đội trưởng Larry Ahearn nói với anh trai cô lúc chín giờ tối thứ Tư. “Nhưng Gregg này, tôi phải nói thật với anh. Sự thật là nếu Leesey bị bắt cóc, mỗi giờ trôi qua càng làm giảm các cơ may của chúng ta trong việc tìm ra cô ấy còn sống sót và an toàn.”

“Tôi biết điều đó.” Gregg Andrews đã đi xuống trụ sở sau khi cho cha một liều thuốc ngủ mạnh và đưa ông vào giường trong phòng dành cho khách viếng thăm ở căn hộ của anh. “Larry, tôi cảm thấy vô dụng một cách kinh khủng. Tôi có thể làm được gì nhỉ?” Anh ngồi sụp xuống ghế.

Đội trưởng Ahearn vươn qua bàn giấy hướng về Gregg, khuôn mặt của anh thật nghiêm trang. “Anh là chỗ dựa cho cha và anh có thể chăm sóc bệnh nhân của anh trong bệnh viện. Hãy để phần còn lại cho chúng tôi, Gregg.”

Gregg cố gắng hết sức để có vẻ vững vàng. “Tôi sẽ cố.” Anh chậm chạp đứng lên, như thể mỗi cử động là một nỗ lực. Anh tiến ra chỗ cánh cửa văn phòng của Ahearn, rồi quay người lại. “Larry, anh nói, “nếu Leesey bị bắt cóc”. Xin đừng phí thời gian mà nghĩ là con bé cố tình đặt chúng tôi vào tình thế thống khổ này.”

Gregg mở cửa ra và chạm mặt với Roy Barrott, cũng sắp sửa gõ cửa văn phòng sếp của ông. Barrott đã nghe được câu nói của Andrews và ý thức được sự vang vọng của câu Carolyn MacKenzie đã nói ngay tại trong văn phòng này cách đây hai ngày. Gác sự so sánh sang một bên, ông chào Andrews rồi bước vào văn phòng Ahearn.

“Các cuộn băng đã xong.” Ông nói nhanh. “Larry, anh có muốn xem chúng bây giờ không?”

“Có, tôi muốn.” Ahearn nói, nhìn bóng dáng Gregg đang khuất dần. “Anh có nghĩ là sẽ hữu ích chẳng nếu để anh trai của cô ấy cùng xem với chúng ta?”

Barrott quay nhanh lại đi theo hướng Gregg. “Có lẽ là có. Để tôi bắt kịp anh ấy trước khi anh ấy xuống thang máy.”

Barrott bắt kịp Gregg khi anh đang nhấn nút thang máy và hỏi xem anh có đi cùng họ xuống phòng tiền sảnh để vào phòng kỹ thuật không. Barrott giải thích: “Bác sĩ Andrews, những cuộn băng ấy được máy camera an ninh ghi hình tại Woodshed vào tối thứ hai đã được phóng to thành từng khung hình một, để cố lọc ra bất kỳ ai có vẻ gần gũi đặc biệt với Leesey trên sàn nhảy hay nằm trong số những người cuối cùng rời câu lạc bộ.”

Không nói năng gì, Gregg gật đầu, sau đó đi theo Barrott và Ahearn vào phòng kỹ thuật và kéo một cái ghế ngồi xuống. Khi cuộn băng chạy, Barrott, vì đã xem kỹ nó hai lần, thuyết minh cho anh và Đội trưởng Ahearn nghe nội dung của nó.

“Ngoại trừ những người bạn mà cô ấy ngồi cùng suốt đêm, chúng tôi thấy dường như chẳng có điều gì cho thấy có bất kỳ yếu tố nào quan trọng cả. Tất cả những người bạn đều đồng ý rằng Leeseey luôn có mặt với họ, trừ mười lăm phút cô ngồi với DeMarco tại bàn của ông ta hay khi cô ở trên sàn nhảy. Sau khi những người còn lại trong nhóm cô bỏ về lúc hai giờ sáng, chính là lúc cô ấy ngồi tại một cái bàn trong khi ban nhạc thu dọn đồ đạc. Chỗ này đã được kiểm tra kỹ lưỡng lúc đó, do vậy, chúng tôi có hai tấm hình chụp cô ấy khá rõ trước khi cô ấy bỏ ra về một mình.”

“Ông có thể quay lại tấm hình chụp con bé tại bàn không?” Gregg yêu cầu. Việc nhìn kỹ em gái của mình trên cuộn băng ghi hình khiến một làn sóng buồn phiền xâm chiếm tâm hồn anh.

“Chắc chắn rồi.” Barrott tua lại cuộn băng trong đầu máy chiếu. “Ông có thấy bất kỳ điều gì mà chúng tôi bỏ sót không, thưa bác sĩ?” Ông hỏi, cố giữ giọng nói vô thường vô phạt.

“Về mặt của Leeseey. Khi con bé khiêu vũ, nó mỉm cười. Bây giờ hãy nhìn nó này. Con bé trông thật trầm ngâm, buồn bã.” Anh ngừng lại. “Mẹ chúng tôi đã mất cách đây hai năm và Leeseey đã trải qua một thời gian khó nhọc để chống lại nỗi đau khổ ấy.”

“Gregg, anh có nghĩ là trạng thái tâm trí của cô ấy khiến cô bị mắc chứng quên tạm thời hay có sự lo lắng, bồn chồn khiến cô ấy bỏ trốn không?” Câu hỏi của Ahearn tuôn ra và đòi hỏi có ngay câu trả lời. “Đó có phải là một khả năng không?”

Gregg Andrews đưa tay lên bóp thái dương như thể đang cố kích thích quá trình suy nghĩ của mình. “Tôi không biết.” Sau cùng anh nói. “Tôi thực sự không biết.” Anh ngập ngừng rồi tiếp: “Nhưng nếu tôi đem cá cược cả cuộc đời tôi và của Leeseey, tôi sẽ nói nó không thể xảy ra theo kiểu đó.”

Barrott tua đầu máy chiếu nhanh về phía trước. “Được rồi, vào giờ cuối cùng, bất cứ khi nào máy camera quét về phía cô ấy, cô chẳng bao giờ có một ly rượu trong tay, điều này ủng hộ cho điều người phục vụ và người pha chế rượu bảo với chúng tôi rằng cô ấy chỉ uống có hai ly rượu vang suốt cả buổi tối và không hề say sưa khi ra về.”

Gregg Andrews đứng lên. Với giọng căng thẳng, anh nói: “Bây giờ tôi sẽ đi về nhà. Tôi có ca mổ vào buổi sáng và tôi cần ngủ một chút.”

Barrott chờ đến khi anh đã đi khuất khỏi tầm nghe, mới đứng lên và vươn vai nói: “Chính tôi cũng sẽ không phiền nếu được ngủ một chút, nhưng tôi sẽ phải đi đến Woodshed.”

“Anh có nghĩ DeMarco sẽ xuất hiện ở đó tối nay không?” Ahearn hỏi.

“Dự đoán của tôi là anh ta sẽ xuất hiện. Anh ta biết người của chúng ta sẽ tràn ngập khắp nơi ở chỗ đó. Và anh ta cũng đủ khôn ngoan để biết rằng sẽ là một buổi tối ra trò đối với anh ta. Nhiều khách hàng muốn ra vào nơi đó vì tò mò và dĩ nhiên những kẻ được gọi là nổi tiếng sẽ tụ tập lại thành những nhóm nhờ vì biết rằng giới truyền thông sẽ có mặt quanh quẩn nơi đó. Hãy tin tôi đi. Những kẻ ngông cuồng sẽ tụ tập lại thôi.”

“Dĩ nhiên họ sẽ làm thế.” Ahearn đứng lên. “Tôi không biết anh đã kiểm tra từ khi anh quay về chưa, nhưng sự truy tìm mà chúng ta có trên điện thoại di động của Leeseey cho thấy có người nào đó đã di chuyển nó quanh khu vực Manhattan suốt cả ngày. DeMarco chỉ mới quay về từ South Carolina trở sáng nay, vì thế nếu anh ta làm thì anh ta phải có người nào đó ở New York làm việc này cho anh ta.”

“Thật dễ chịu khi nghĩ rằng cô gái lặn mất dạng lại là người đang chạy loanh quanh

Manhattan.” Barrott bình luận, khi ông với tay lấy cái áo khoác. “Nhưng tôi không nghĩ rằng sự việc sẽ như vậy. Tôi cho rằng có kẻ nào đã tóm lấy và vùi xác cô ở đâu đó rồi; kẻ đó còn đủ khôn ngoan để biết rằng khi chiếc điện thoại di động còn hoạt động, chúng ta có thể tập trung mục tiêu vào khu vực đó và sẽ bắt đầu tìm kiếm ở đó.”

“Hắn cũng biết rằng bằng cách di chuyển chiếc điện thoại di động của cô ấy loang quanh khu vực đó, hắn sẽ đánh lừa chúng ta rằng cô ấy còn sống.” Ahearn trông có vẻ trầm ngâm. “Chúng ta đã kiểm tra DeMarco kỹ lưỡng đến mức chúng ta biết rõ nhất cử nhất động của anh ta. Chẳng có gì về mặt nhân thân cho thấy anh ta phải cố gắng làm điều gì tương tự như thế.”

“Người của chúng ta có tìm thấy gì trong chồng hồ sơ về ba cô gái khác bị mất tích không?”

“Chẳng có gì mà chúng ta chưa điều tra cật lực. Tôi đã kiểm tra những biên nhận thẻ tín dụng từ tối thứ hai để xem chúng ta có thể khớp với bất kỳ khách hàng quen thuộc nào của Woodshed đối với các tên tuổi mà chúng ta có trong số những người đi đến các quán rượu ở các trường hợp đó.”

“À, à, được rồi. Gặp lại anh sau nhé, Larry.”

Ahearn nhìn kỹ gương mặt của Barrott. “Anh có một ai đó trong đầu ngoài DeMarco, phải không Roy?”

“Tôi không chắc. Hãy để tôi suy nghĩ về điều này đã.” Barrott nói thật mơ hồ. Nhưng Ahearn có thể nhìn thấy rằng Barrott đang tập trung vào một điều gì đó.

Jackie Reynolds là người bạn thân nhất của tôi từ lớp một khi chúng tôi cùng học ở Học viện Thánh Tâm lúc sáu tuổi. Cô ấy là một trong những người khôn ngoan và sắc sảo nhất mà tôi biết, cũng là một vận động viên thiên phú. Jackie có thể đánh một trái banh golf mạnh đến nỗi nó sẽ làm Tiger Woods^[4] phải chớp mắt. Tháng chín, sau khi tốt nghiệp Columbia, chúng tôi cùng đi học ở Duke. Trong khi tôi học luật thì cô ấy làm luận án tiến sĩ về tâm lý học.

Cô ấy có vẻ ngoài không nhằm lẫn được của một vận động viên con nhà nòi, cao và có cơ thể rắn chắc, với mái tóc màu hạt dẻ dài, thi thoảng được cột lại phía sau gáy bằng một sợi dây thun. Cặp mắt nâu lạ thường của cô là điểm nổi bật. Chúng toát ra vẻ nồng nhiệt và thông cảm, khiến người ta chỉ muốn thổ lộ cùng cô. Tôi luôn bảo với cô rằng cần phải giảm bớt giá tiền cho các bệnh nhân của mình. “Cậu chẳng phải lo những vấn đề của họ ra đâu, Jackie. Họ sẽ đi qua cửa văn phòng cậu và xổ hết ruột gan ra với cậu thôi.”

Chúng tôi thường nói chuyện qua điện thoại và cứ cách vài tuần lại gặp nhau. Thậm chí từng thường xuyên hơn, nhưng giờ đây Jackie trở nên khá nghiêm túc với anh chàng mà cô hẹn hò cả năm qua. Ted Sawyer là sĩ quan cấp úy trong đội chữa cháy và là một người thực sự cố quá trình làm việc nổi bật. Anh dự định sẽ trở thành cấp chỉ huy đội chữa cháy của New York một ngày nào đó, rồi sẽ tranh cử làm thị trưởng, và tôi sẽ cá đến đồng đôla cuối cùng của mình là anh ấy sẽ làm được cả hai.

Jackie luôn bày tỏ sự lo lắng về việc tôi ít quan tâm đến chuyện hẹn hò. Cô ấy đã suy ra một cách chính xác việc tôi thiếu quan tâm vì một thực tế là tôi cảm thấy đã đốt cháy hết tình cảm rồi. Tối nay, nếu chủ đề này xuất hiện, tôi dự định sẽ cam đoan với cô rằng hiện nay tôi đang tích cực làm việc để gạt bỏ tính trì trệ của tôi lại phía sau.

Chúng tôi gặp nhau ở Il Mulino, nơi bán mì ống mà chúng tôi ưa thích tại khu vực Làng. Sau món mì Ý với sốt hào và một ly vang trắng, tôi kể cho cô ấy biết về cuộc gọi của Mack và lá thư ngắn anh ấy bỏ lại trong cái rổ đựng đồ quên góp.

“Chú Devon, bảo Carolyn không được phép tìm kiếm cháu.” Jackie nhắc lại. “Mình xin lỗi Carolyn, nhưng *nếu* Mack thực sự viết lá thư đó, nó gọi ra cho mình rằng anh ấy đang gặp rắc rối nào đấy.” Cô ấy thì thầm. Nếu anh ấy không bị căng thẳng mà chỉ muốn được ở một mình, mình nghĩ anh ấy sẽ viết là: “Xin đừng đi tìm cháu.” hoặc đơn giản hơn “Carolyn, hãy để anh yên thân!”

“Chính xác đó là điều mình đang lo sợ. Càng nhìn lá thư và suy nghĩ về nó, mình càng cảm thấy tuyệt vọng.”

Tôi kể cho Jackie nghe về việc đi gặp thám tử Barrott. “Thực sự ông ấy đã chỉ đường cho mình.” Tôi nói. “Ông ấy không quan tâm đến lá thư. Ông tạo cho mình cái ấn tượng rằng nếu Mack muốn được yên thân, mình nên tôn trọng những ước muốn của anh ấy. Vì vậy mình bắt đầu cuộc điều tra riêng bằng cách gặp gỡ những người giám thị tại tòa nhà căn hộ của Mack.”

Cô lắng nghe tôi mô tả cuộc gặp gỡ, chỉ cắt ngang để hỏi tôi về bà Kramer. “Cậu nói dường như bà ấy lo lắng khi cậu nói chuyện với bà à?”

“Bà ấy có lo lắng, và cứ nhìn về phía ông chồng để xin cho phép, cứ như thể là bà muốn chắc chắn là mình đã đưa ra những câu trả lời đúng. Rồi cả hai người đã thay đổi câu chuyện giữa chừng về việc lần cuối cùng họ gặp Mack và anh ấy mặc cái gì.”

“Ký ức thường không chính xác, đặc biệt là sau mười năm.” Jackie chậm chạp nói. “Nếu mình là cậu, mình sẽ cố gặp bà Kramer khi ông chồng bà ta không có mặt ở quanh đây.”

Tôi ghi nhớ điều gợi ý này và kể cho cô nghe về cuộc gặp gỡ thứ nhì của tôi với thám tử Barrott. Jackie không nhận ra rằng căn phòng nhỏ của tôi nằm kế ngay bên tòa nhà Leesey Andrews sống. Tôi kể với cô rằng thám tử Barrott đã gặp tôi ngay tại đây và tôi cảm thấy có điều gì đó nằm phía sau việc ông ấy muốn giữ mối liên lạc với tôi.

Sự biểu cảm trong đôi mắt Jackie đã thay đổi. Tôi có thể đọc được nỗi lo âu hằn sâu trong đó. “Mình cá rằng thám tử Barrott ước ao có thể lấy được lá thư nhỏ ấy từ cậu.” Cô nói một cách sôi nổi. “Mình cá là chẳng bao lâu nữa ông ấy sẽ tìm cách lân la để hỏi cậu về điều đó.”

“Cậu đang khám phá ra điều gì vậy?” Tôi hỏi.

“Carolyn, cậu đã quên mất trường hợp những người mất tích có trong phần tin tức trước khi Mack biến mất sao. Đó là một đám đàn ông, kể cả Mack trong quán rượu ở SoHo nơi người con gái đầu tiên biến mất đã có mặt quanh đó? Điều đó xảy ra chỉ vài tuần lễ trước khi chính Mack cũng biến mất nốt.”

“Mình chẳng nghĩ về điều đó.” Tôi thú nhận. “Nhưng tại sao việc đó lại tương ứng bây giờ?”

“Bởi vì bạn đã tạo cho văn phòng Chương Lý Quận sự ngờ vực có thể có. Mack không muốn cậu tìm ra anh ấy, điều như mình đã gợi ý, nghĩa là anh có thể đang gặp rắc rối hoặc có khi là anh *đang* gặp rắc rối. Anh gọi cho mẹ cậu vào ngày chủ nhật và để lại lá thư ngắn trông cái rồ đưng đồ quyền góp trễ hơn vào buổi sáng. Giả sử Mack muốn kiểm tra nơi giờ đây cậu đang sống, có lẽ để cảnh báo cậu đứng qua một bên một lần nữa. Địa chỉ của cậu tại căn hộ được liệt kê trong danh bạ điện thoại. Giả sử anh ấy đến vào sáng sớm thứ ba và bắt gặp Leesey Andrews trên đường đi bộ về nhà. Tôi cá rằng đó là cách thám tử Barrott của cậu gom mọi chuyện lại với nhau.” “Jackie, cậu có điên không?” Tôi bắt đầu nói, nhưng lời nói nghẹn trong cổ họng tôi. Tôi sợ hãi một cách đầy tuyệt vọng vì cô ấy đã phân tích tiến trình suy nghĩ của Barrott một cách chính xác. Trong mắt ông ta, và vì tôi, người anh trai đang bị mất tích của tôi có thể trở thành người đáng quan tâm trong việc Leesey Andrews mất tích, và có lẽ cả của người phụ nữ trẻ biến mất mười năm trước đây, chỉ vài tuần lễ trước khi anh ấy cũng biến mất.

Thế rồi hoàn toàn mất tinh thần, tôi nhớ rằng không phải là một mà có đến ba người phụ nữ trẻ mất tích trong vòng mười năm nay trước khi Leesey Andrews không thể quay về nhà.

Trong những giấc mơ hoang dại của mình, có khi nào Barrott có thể bắt đầu nghĩ rằng nếu Mack còn sống, anh có thể đã trở thành kẻ giết người hàng loạt chẳng?

Có khi khoảnh khắc thú vị nhất mà hắn có được trong cuộc sống là lúc mùi vị sợ hãi ập vào mũi hắn. Họ biết rằng họ sẽ chết, và vào lúc đó họ lắp bắp vài lời.

Một người trong số họ sẽ hỏi: “Tại sao?”

Người khác lại thì thầm lời cầu nguyện: “Lạy chúa... xin hãy nhận con.”

Người thứ ba cố gắng giằng co để thoát ra, rồi phun vào mặt hắn những lời lẽ tục tĩu.

Người trẻ nhất thì van nài hắn: “Đừng, xin đừng...”

Hắn khát khao quay trở lại Woodshed tối nay, lắng nghe mọi điều người ta đang nói ở đó. Thật vui thú khi được ngắm những thám tử tư làm việc. Hắn có thể nhận ra họ cách đó cả dặm. Mí mắt của họ có cái nhìn bị che đậy bởi vì họ đang cố gắng giấu diếm một thực tế là cặp mắt sáng nhỏ của họ đang đảo lia quanh căn phòng.

Một giờ trước đó, lúc ở Brooklyn, hắn đã gọi điện thoại cho cái số họ có trong áp phích, sử dụng một trong những cái điện thoại không đăng ký của hắn và những thẻ điện thoại trả trước. Hắn đã làm cho giọng nói trở nên kích động: “Tôi chỉ vừa mới rời Nhà hàng Peter Luger. Tôi trông thấy cô gái đó, Leeseey Andrews, ăn tối với một gã ở đó. Rồi hắn tắt cả điện thoại di động đó lẫn điện thoại di động của Leeseey và chạy ào ra bến xe điện ngầm.”

Hắn có thể tưởng tượng ra cách cảnh sát tràn ngập khắp nơi đó, làm tan hoang chỗ này bằng cách gây phiền toái cho thực khách, truy vấn nhân viên phục vụ.

... Cho đến bây giờ có lẽ họ đã khẳng định rằng đó chỉ là một cuộc gọi điên rồ khác. Ta tự hỏi có bao nhiêu gã điên rồ đã gọi đến nói rằng họ đã từng trông thấy Leeseey, hắn tự hỏi. Nhưng chỉ có một người trông thấy cô ta. *Ta*.

Nhưng gia đình ấy sẽ không chắc rằng đó chỉ là cuộc gọi vớ vẩn. Gia đình nạn nhân chẳng bao giờ *chắc chắn* cho đến khi họ trông thấy tử thi. Chớ dựa vào điều đó, gia đình ơi. Nếu các người không tin ta, hãy nói chuyện với một trong những thân nhân của các cô gái ấy.

Hắn mở truyền hình để nghe tin tức lúc mười một giờ. Như hắn đã kỳ vọng, câu chuyện tin tức có chủ đề nóng hổi đang được tường thuật đối diện Woodshed. Những đám đông đang đứng xếp hàng, cố bước vào chỗ ấy. Một phóng viên đang nói: “Nguồn tin mà cảnh sát nhận được là người ta trông thấy Leeseey Andrews ăn tối tại một nhà hàng ở Brooklyn đã bị sàng lọc rất nhiều.”

Hắn thất vọng rằng cảnh sát đã không đưa ra thông tin về việc truy tìm điện thoại di động của cô ấy ở Brooklyn. Nhưng sau này ta sẽ đem điện thoại di động của Leeseey đến phố Thompson trong chuyến viếng thăm ngắn ngủi, hắn nghĩ. Điều đó thực sự sẽ làm họ phát rồ lên - với ý nghĩ rằng cô ấy có thể bị cầm giữ ở đâu đó gần nhà cô ta.

Hắn gần như cười phá lên thật to.

Hôm đó là một buổi trưa thứ sáu trước khi nghe tin tức về Nick DeMarco. May mắn được số phận dành cho, khi chuông điện thoại di động reo, tôi đang đứng ngay cạnh cánh cửa đang mở ra của căn hộ Sutton Place, nói lời tạm biệt với mẹ.

Elliot vừa đến để đưa bà ra sân bay Teterboro, nơi bà sẽ tham gia cùng gia đình Clarence đáp chuyến máy bay phản lực riêng của họ đến Corfu, trong quần đảo Hy Lạp, nơi du thuyền của họ đang neo đậu.

Tài xế của Elliot đã đem hành lý xuôi theo hành lang và đang nhấn nút thang máy. Trong vòng ba mươi giây nữa tất cả sẽ ra đi, nhưng tôi lại máy móc trượt mở nắp điện thoại di động. Tôi ước gì mình có thể cắn mất lưỡi sau khi nói: "Xin chào Nick." Cảnh giác ngay lập tức, chẳng có câu hỏi nào, nhưng cả mẹ và Elliot đều đoán đó là Nick DeMarco. Phát biểu mà anh ta đưa ra tại một cuộc họp báo, bày tỏ sự hối tiếc sâu sắc rằng Leeseey Andrews có lẽ đã gặp phải một kẻ háo sắc trong câu lạc bộ của anh, đã được phát đi, phát lại trong bốn mươi tám tiếng vừa qua vì anh đã phát biểu trễ vào chiều thứ tư.

"Carolyn, tôi rất tiếc đã không thể gọi lại cho cô sớm hơn." Nick nói: "Như cô đã rõ, tình hình vài ngày vừa qua thật hết sức náo động. Thời gian biểu của cô ra sao? Cô có rảnh để chúng ta gặp nhau chiều tối nay hoặc lúc nào đó vào ngày mai không?"

Tôi khẽ quay đi, bước lùi lại một bước về phía phòng khách. "Chiều tối nay được đấy." Tôi nói nhanh, ý thức được rằng Elliot và mẹ đang nhìn tôi chằm chằm. Họ gọi cho tôi nhớ về trò chơi "các bức tượng" mà chúng tôi vẫn thường chơi khi tôi lên mười. Người nào là trưởng nhóm sẽ dùng tay điều khiển những người khác xoay quanh mình, và sau khi người này để trò chơi tiếp tục, bạn phải đứng như trời trồng chính xác ở vị trí bạn đã đứng khi bạn ngừng xoay. Người nào có thể kéo dài lâu nhất mà không bị vịn vẹo cơ bắp nào sẽ là người chiến thắng.

Cơ thể mẹ cứng ngắc lại, tay bà để trên quả nắm cửa ra vào, còn Elliot, cầm túi xách tay của bà đang đứng như pho tượng trong phòng tiền sảnh. Tôi muốn nói với Nick rằng tôi sẽ gọi lại cho anh nhưng rồi lại e rằng sẽ mất đi cơ hội xác nhận cuộc hẹn gặp với anh.

"Cô đang ở đâu?"

"Căn hộ ở Sutton Place." Tôi bảo với anh.

"Tôi sẽ đến đón cô ở đó. Bảy giờ tối nay, được chứ?"

"Được." Cả hai chúng tôi đều cúp máy.

Mẹ có vết hằn lo lắng trên khuôn mặt. "Có phải đó là Nick DeMarco không? Vì lẽ gì mà cậu ta lại gọi cho con hử Carolyn?"

"Con đã gọi cho *anh ấy* hôm thứ tư."

"Tại sao cháu lại làm thế?" Elliot hỏi, giọng đầy bối rối. Cháu đâu có bất kỳ liên hệ nào với cậu ta kể từ sau đám ma của cha cháu, có đúng không?"

Tôi kết hợp hai sự thật và xoắn vặn để biến chúng thành một điều không thực. "Cháu đã say mê Nick một cách nghiêm túc cách đây nhiều năm. Có thể nó vẫn còn vương vấn đôi chút. Khi cháu trông thấy anh ấy trên TV, cháu nghĩ rằng chẳng có gì phạm hệ nếu gọi điện cho anh ấy để

bày tỏ sự lo lắng việc Leeseey Andrews biến mất dạng sau khi rời khỏi câu lạc bộ của anh ấy. Kết quả là anh ấy đã gọi điện!”

Tôi trông thấy vẻ thư giãn đầy tính phòng vệ trên khuôn mặt mẹ tôi. “Cháu đã luôn thích thú Nick khi anh ấy đến dùng cơm tối với Mack và cháu biết anh ấy đã *rất* thành công.”

“Chắc chắn có vẻ như cậu ấy đã làm được nhiều điều rất tốt đẹp trong vòng mười năm nay.” Elliot đồng ý.

“Theo như ta nhớ được thì cha mẹ cậu ta có một kiểu nhà hàng ở mặt tiền trên phố. Nhưng ta phải nói rằng ta không ganh tỵ vì sự nổi tiếng mà cậu ta đang có hiện nay đâu.” Rồi ông chạm vào tay mẹ tôi. “Olivia, chúng ta phải khởi hành thôi. Với tình hình thế này chúng ta sẽ bị kẹt xe vào giờ cao điểm, và đường hầm Lincoln sẽ là cơn ác mộng đấy.”

Mẹ tôi nổi tiếng vì chỉ thích ra đi vào phút cuối và chỉ thích chờ các tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu xanh lá cây để làm cho đường đi của bà xuôi rút. Lúc này tôi thấy mình so sánh sự nhắc nhở dịu dàng của Elliot với phản ứng của cha tôi, nếu như ông có mặt ở đây.

“Liv, vì Chúa, chúng ta sẽ có chuyến đi thong thả đến Hy Lạp. Chúng ta không thể hụt nó được!” sẽ là cách ông giục giã bà đi nhanh.

Với những nụ hôn tạm biệt vội vã và những nhắc nhở kín đáo, mẹ đi vào thang máy với Elliot, những lời nói cuối cùng của bà “Hãy gọi cho mẹ nếu con cần bất kỳ điều gì, Carolyn.” bị cánh cửa đang đóng lại làm tắc nghẽn.

Tôi phải thú nhận rằng mình cảm thấy bối rối vì cái hẹn này với Nick, nếu bạn có thể nói rằng đó là cuộc hẹn hò. Tôi trang điểm nhẹ, chải tóc, quyết định để nó buông lơi, rồi vào phút cuối, tôi mặc một bộ đồ nhãn hiệu Escada mà mẹ cứ khẳng khẳng mua cho tôi. Cả áo khoác lẫn quần tây đều có ánh xanh lục nhạt và tôi biết chúng làm nổi ánh đỏ trên mái tóc nâu của tôi.

Tại sao lại bận lòng? Bởi vì sau mười năm tôi vẫn còn bị lúng túng vì lời nói thẳng thừng của Mack rằng rõ ràng tôi đã phải lòng Nick. Tôi không ăn mặc chỉnh tề vì anh ta, tôi tự bảo mình. Tôi đang làm chính mình hài lòng rằng mình không trông giống như một người trưởng thành rụt rè, mờ nhạt trước thần tượng của mình. Nhưng khi người gác cổng gọi điện từ phòng tiền sảnh để bảo với tôi rằng ông DeMarco có mặt ở đây thì tôi phải thừa nhận điều đó trong một khoảng khắc cực ngắn. Tôi thực sự cảm thấy mình giống cô bé mười sáu tuổi ngốc nghếch bộc lộ hết gan ruột của mình ra ngoài.

Và rồi khi mở cánh cửa để gặp anh, tôi đã bị chấn động ngay lập tức bởi một Nick với nét trai trẻ, dường như đầy vẻ vô tư lự, thoải mái mà tôi còn nhớ đã qua đi mất rồi.

Khi nhìn anh trên truyền hình, tôi chú ý thấy đường nét cái hàm của anh đã trở nên cứng lại, và với lứa tuổi ba mươi hai, anh đã có những cọng tóc bạc trên mái tóc đen sẫm, nhưng khi mặt đối mặt, những điểm này còn đậm nét hơn nữa. Cặp mắt nâu sẫm của anh trước đây luôn có ánh nhìn đùa cợt, tán tỉnh thì nay nét biểu cảm trong đó thật nghiêm túc. Thậm chí nụ cười của anh cũng thế, khi anh nắm lấy tay tôi, vẫn là nụ cười tôi còn nhớ, và dường như anh thực sự hài lòng khi nhìn thấy tôi. Anh cựa nhẹ lên má tôi một cách xã giao, nhưng miễn cho tôi câu nói theo thông lệ: “Bé Carolyn, tất cả chúng ta đều đã trưởng thành.”

Thay vì vậy anh nói: “Carolyn MacKenzie, Tiến Sĩ Luật Học! Anh nghe thấy ở đâu đó là em đã thi đậu trường luật và đã là thư ký cho một thẩm phán. Anh dự định gọi điện chúc mừng em nhưng rồi bị nhiều việc khiến anh cứ chạy loanh quanh thôi. Anh xin lỗi.”

“Con đừng đi xuống địa ngục bao giờ mà chẳng lát bằng những mộng ước tốt lành.” Tôi đơn

giảm nói. “Hay ít ra đó là điều Sơ Patricia bảo với tụi em hồi học lớp năm.”

“Và thầy Murphy bảo với bọn anh ở lớp bảy. ‘Đừng đề đến ngày mai điều gì có thể làm được ngày hôm nay.’”

Tôi cười phá lên. “Cả hai đều đúng.” Tôi nói. “Nhưng rõ ràng anh có nghe đâu.” Cả hai chúng tôi cùng cười với nhau. Đó là kiểu giễu cợt chúng tôi thường có tại bàn ăn tối. Tôi cầm cái túi đeo vai lên. “Em đã sẵn sàng.” Tôi bảo anh.

“Tốt. Xe của anh ở dưới cầu thang.” Anh liếc quanh. Từ nơi đang đứng, anh có thể nhìn thấy góc phòng ăn. “Anh vẫn còn trí nhớ tốt về việc đến đây.” Anh nói. “Khi anh về nhà vào một cuối tuần nào đó, mẹ anh muốn biết chi tiết những món bọn anh ăn; anh đã mô tả màu sắc của những chiếc khăn trải bàn và khăn ăn, cùng những loại hoa mà mẹ em vẫn thường dùng cho phần bàn trung tâm.”

“Em bảo đảm với anh rằng gia đình em không làm điều đó mỗi tối.” Tôi nói trong khi lục cái chìa khóa trong túi. “Mẹ thích bày vẽ ra mỗi khi anh và Mack về nhà.”

“Mack không định phô trương chỗ này với bạn bè.” Nick nhận xét. “Nhưng anh đã đáp lại, em biết không? Anh đưa anh ấy đến chỗ bọn anh ở Astoria để ăn món bánh pizza và mì ống ngon nhất trên cõi đời này.”

Giọng nói của Nick DeMarco thật sắc cạnh, cứ như thể anh vẫn còn bực bội về sự so sánh hay sao nhỉ? Có thể là không, tôi không biết chắc. Trong thang máy trên đường đi xuống, anh chú ý thấy Manuel, người điều khiển thang máy, đang đeo một cái nhẫn thanh tú và anh hỏi về nó. Manuel tự hào kể cho anh nghe rằng anh ta vừa tốt nghiệp trường Cao Đẳng John Jay và đã có lịch bắt đầu làm việc với học viện cảnh sát. “Tôi không thể chờ đợi việc trở thành một cảnh sát viên.” Anh ta nói.

Dĩ nhiên tôi không thực sự sống ở nhà kể từ khi tôi bắt đầu học luật ở Duke, nhưng ngay cả là như thế, Manuel và tôi vẫn thường trao đổi những nhận xét hài hước. Anh ấy đã làm việc trong tòa nhà của chúng tôi ít ra cũng đã ba năm, thế mà chỉ trong một phút chốc, Nick đã biết về anh ta nhiều hơn tôi từng biết. Tôi nhận thấy Nick có khả năng khiến mọi người cởi mở với anh ngay lập tức và rằng có lẽ đó là lý do tại sao anh lại thành công đến thế trong ngành kinh doanh nhà hàng.

Chiếc Mercedes-Benz màu đen của Nick đậu ở phía trước tòa nhà. Tôi ngạc nhiên khi người tài xế nhảy khỏi xe để mở cửa sau cho chúng tôi. Tôi không biết lý do tại sao, nhưng chưa bao giờ tôi hình dung Nick có tài xế. Người tài xế này có thân hình nặng nề, to lớn, khoảng độ hơn năm mươi tuổi, với khuôn mặt của một võ sĩ quyền Anh đã về hưu. Cái mũi bè của ông ta dường như đã mất gần hết sụn, và có một cái sẹo dọc theo hàm.

Nick giới thiệu chúng tôi với nhau. “Benny làm việc cho bố tôi hai mươi năm. Rồi khi bố về hưu cách đây năm năm, tôi đã được thừa kế anh ấy. Một may mắn rất lớn cho tôi. Benny, đây là Carolyn MacKenzie.”

Bất chấp nụ cười thoáng qua và dễ chịu của anh ta: “Rất vui được gặp cô, thưa cô MacKenzie,” tôi có cảm giác rằng Benny đã có cái nhìn kiểm soát nhanh chóng, rất cẩn thận về tôi. Rõ ràng anh ta biết chúng tôi sẽ đi đâu, bởi vì anh chạy xe đi mà không chờ nghe hướng dẫn.

Khi chiếc xe dừng lại bên lề đường, Nick quay sang tôi: “Carolyn, anh nghĩ và hy vọng rằng em sẽ rảnh để dùng cơm tối.”

Còn tôi thì đang nghĩ và hy vọng rằng anh muốn ăn cơm tối. “Thế thì hay quá.” Tôi bảo anh.

“Có một chỗ ở Nyack, chỉ cách cầu Tappan Zee vài dặm thôi. Thức ăn tuyệt hảo và lại yên tĩnh nữa. Vào lúc này anh khá nôn nóng tránh xa giới truyền thông.” Anh dựa đầu vào chỗ ngồi bọc da.

Trên đường đi lên phố FDR, anh bảo tôi rằng anh đã bị yêu cầu ghé qua văn phòng Chương Lý Quận một lần nữa chiều hôm qua, để trả lời nhiều câu hỏi hơn về cuộc trao đổi giữa anh với Leeseey Andrews vào đêm cô biến mất. “Thật không may là anh đã ở lại trong căn hộ tiện nghi ấy.” Anh thành thật nói. “Chỉ có điều anh nói rằng anh đã không mời cô ấy ghé qua trên đường cô ấy về nhà, và anh nghĩ vì không có bất kỳ ai khác để họ tập trung vào, anh hiện là trung tâm điểm chú ý.”

Anh không chỉ là người *duy nhất*, nhưng tôi không chia sẻ với anh một điều chắc chắn rằng, nhờ tôi, thám tử Barrott cũng đã có cái nhìn về Mack như một kẻ tình nghi. Tôi để ý là Nick đã không đề cập đến tên Mack trong xe, và tôi phân vân tự hỏi về điều này. Từ lời nhắn tôi đã đưa cho thư ký của anh rằng tôi muốn gặp anh vì tôi lại nghe tin tức về Mack, anh ấy chắc chắn biết là chúng tôi sẽ nói chuyện về anh trai của tôi. Tôi tự hỏi không biết phải chăng anh ấy không muốn Benny nghe thấy cuộc nói chuyện đó. Tôi ngờ rằng Benny có khả năng thiên phú rất thánh tai.

Nhà hàng mà Nick chọn, La Provence, rất yên tĩnh như anh đã nói. Đó là một ngôi nhà biệt lập, có được bầu không khí riêng tư. Những cái bàn được kê cách xa nhau. Cái bàn được kê ở giữa chúng được trang trí bằng một ngọn nến với những nụ hoa bao quanh, và mỗi cái bàn được trang trí bằng một loại hoa khác nhau. Các bức tranh vẽ mà tôi đoán là cảnh đồng quê nước Pháp được treo trên tường bọc khung gỗ. Từ lời chào nồng nhiệt mà người quản lý nhà hàng dành cho Nick cho thấy anh là khách hàng thường xuyên. Chúng tôi đi theo ông ấy đến một cái bàn kê ở góc, cạnh cửa sổ nhìn ra dòng Hudson. Bầu trời đêm trong vắt, và cầu Tappan Zee trải dài trên sông thật tuyệt vời.

Tôi nghĩ về giấc mơ mà tôi đã cố gắng đi theo Mack khi anh ấy băng qua cầu. Rồi tôi xua ý tưởng đó đi.

Sau một ly vang, tôi kể cho Nick nghe về cuộc gọi thường kỳ của Mack vào Ngày của Mẹ rồi lá thư ngắn mà anh ấy bỏ lại trong cái rổ đựng đồ quyên góp. “Thực tế anh ấy viết rằng em không được phép cố tìm cho ra anh ấy khiến em cảm thấy có điều gì đó rất sai lầm trong cuộc sống của anh ấy.” Tôi nói. “Em chỉ sợ rằng Mack cần được giúp đỡ.”

“Anh không chắc về điều đó, Carolyn ạ.” Nick khẽ khàng nói. “Anh là người chứng kiến rằng anh ấy đã thân thiết với em và cha mẹ em đến đâu. Anh ấy biết rằng nếu mình cần bất kỳ điều gì về mặt tài chính, mẹ em sẽ cung ứng ngay lập tức. Nếu anh ấy đau ốm, anh nghĩ anh ấy muốn ở quanh quẩn bên em và mẹ em. Anh chưa hề thấy Mack đụng đến ma túy, nhưng anh không biết, có thể anh ấy đã bắt đầu và biết rằng cha em sẽ bị suy sụp nếu phát hiện ra điều đó. Đừng nghĩ rằng trong những năm tháng này anh đã không cố hình dung ra điều gì khiến anh ấy biến mất.”

Tôi cho rằng đó là điều tôi kỳ vọng nghe, nhưng ngay cả là như thế, tôi có cảm giác là mỗi cánh cửa mà tôi cố gắng mở ra đều đóng sầm lại trước mặt tôi. Khi thấy tôi không đáp lại, Nick chờ tôi vài phút, sau đó nói: “Carolyn ơi, chính em nói rằng Mack nói chuyện nghe khá vui vẻ, hoạt bát khi anh ấy gọi vào Ngày của Mẹ cơ mà. Tại sao em không nhìn lời nhắn đó như một cái cớ để giúp đỡ, mà lại như một lời yêu cầu cứng rắn, hay thậm chí một mệnh lệnh? Chắc chắn em cũng có thể hiểu nó theo kiểu đó. “Bảo Carolyn không được phép tìm kiếm cháu!”

Anh nói đúng. Tôi biết anh là thế. Nhưng theo một cảm nhận rộng hơn nhiều thì anh ấy lại sai. Mọi bản năng trong tôi bảo với tôi điều đó.

“Cứ để nó như thế đi, Carolyn.” Nick nói. Giờ đây giọng anh thật dịu dàng. “Khi nào và nếu như Mack quyết định xuất đầu lộ diện, anh sẽ tổng cho anh ấy một cái đá thật mạnh vì cách mà anh ấy đã đối xử với em và mẹ em. Bây giờ hãy kể cho anh nghe về bản thân em đi. Anh đoán là công việc thư ký của em với viên thẩm phán sẽ sớm chấm dứt. Không phải đó là cách nó hoạt động hay sao?”

“Em sẽ kể cho anh nghe về điều đó.” Tôi nói. “Nhưng trước tiên chỉ thêm một ít nữa về Mack đã. Em đã đến gặp gia đình Kramer sáng thứ Tư.”

“Gia đình Kramer? Em muốn nói những người giám thị của tòa nhà nơi Mack và anh đã sống ở đó à?”

“Vâng. Và Nick ơi, anh có thể không tin em, nhưng bà Kramer đã lo lắng. Bà ấy cứ luôn nhìn về phía ông chồng để chắc chắn rằng bất kỳ điều gì bà nói đều không có vấn đề gì. Em thề với anh rằng bà ấy e sợ phạm phải một lỗi nào đó. Anh nghĩ gì về họ khi anh sống ở đó?”

“Thành thật mà nói, đó không phải là điều anh nghĩ về họ. Nói đúng hơn anh chẳng nghĩ về họ. Bà Kramer dọn dẹp căn hộ đó, nhờ vào sự rộng rãi của mẹ em, bà giặt giũ cho bọn anh mỗi tuần một lần. Nếu không nó sẽ trở thành một cái chuồng heo. Bà ấy là người dọn dẹp kỹ lưỡng, nhưng rành rành là rất tò mò, thóc mách. Anh biết Bruce Galbraith đã nổi khùng lên với bà ta. Một hôm anh ấy về nhà và bắt gặp bà ta đang đọc thư trên bàn giấy của mình. Nếu bà ấy đọc của anh ấy, anh cho rằng bà ta cũng đọc của anh nữa.”

“Anh có chất vấn bà ta về việc đó không?”

“Không, anh đã làm một điều thật đần độn. Anh đánh máy một lá thư, ký tên bà ta trên đó, rồi bỏ vào chồng thư từ của anh để bà ta sẽ đọc chúng. Đại khái nội dung bức thư là: “Cung thân yêu, thật là niềm vui thú cho em được giặt giũ quần áo của cung và làm giường cho cung. Em cảm thấy mình giống như cô gái trẻ trung khi nhìn cung. Lúc nào đó cung sẽ khiêu vũ với em chứ? Với tất cả lòng yêu thương, Lil Kramer.”

“Anh *không* làm điều đó chứ!” Tôi thốt lên.

Ánh nhìn tinh nghịch kiểu thanh niên mà tôi nhớ chợt xuất hiện thật nhanh trong đôi mắt của Nick. “Khi anh nghĩ kỹ về điều đó, anh đã ném nó đi trước khi bà ấy có thể trông thấy nó. Đã có lúc anh ước gì mình đừng làm thế.”

“Anh có nghĩ rằng Mack có thể gặp vấn đề gì với việc bà ta đọc thư của anh ấy không?”

“Anh ấy chẳng nói gì về điều đó, nhưng anh có cảm giác rằng anh ấy cũng phiền lòng với bà ta. Nhưng anh ấy chẳng bao giờ nói tại sao, sau đó thì anh ấy ra đi.”

“Anh định nói rằng điều đó xảy ra ngay trước khi anh ấy biến mất à?”

Cảm xúc của Nick chợt thay đổi. “Carolyn, chắc chắn là em không nghĩ gia đình Kramer làm bất kỳ điều gì dính dấp đến việc Mack mất tích chứ?”

“Nick, chỉ cần nói chuyện với anh đã đem lại những điều rõ ràng không hề có trong suốt cuộc điều tra rằng Bruce bắt gặp bà ta rình mò, và rằng Mack cũng đã từng bị bội vì bà ta. Hãy cho em biết anh đánh giá như thế nào về Gus Kramer.”

“Một giám thị tốt, tính tình khó chịu. Anh nghe thấy ông ta quát tháo bà Kramer vài lần.”

“Tính tình khó chịu à?” Tôi hỏi, nhướn cặp lông mày lên, rồi nói: “Anh không cần phải trả lời,

nhưng hãy suy nghĩ về điều đó. Giả sử ông ta và Mack đã có sự xung đột nào đó.”

Thế rồi người phục vụ đến để nhận các món chúng tôi gọi, và Nick chẳng hề trả lời câu hỏi của tôi. Sau đó chúng tôi tiếp tục nói chuyện về những điều góp nhặt trong mười năm qua. Tôi bảo với anh rằng tôi sắp sửa nộp đơn xin việc tại văn phòng Chương Lý Quận.

“Em sắp sửa nộp à?” Giờ đây chính Nick là người nhướn cặp lông mày lên. “Như Thầy Murphy đã nói, “Không nên để đến ngày mai điều gì bạn có thể làm ngày hôm nay.” Có bất kỳ lý do gì đặc biệt cho việc chờ đợi không?”

Tôi trả lời mơ hồ về việc muốn có thêm chút ít thời gian để tìm ra một căn hộ. Sau bữa tối, Nick kín đáo mở chiếc điện thoại di động BlackBerry của anh ra và kiểm tra những tin nhắn. Tôi hỏi anh xem có bất kỳ thông tin nào cập nhật về Leesey Andrews không.

“Ý kiến hay.” Anh nhấn nút, quét qua các thông tin ngắn gọn, rồi tắt chiếc BlackBerry. “Hy vọng tìm ra cô ấy còn sống đang phai nhạt dần đi.” Anh nói một cách điềm tĩnh. “Anh sẽ không ngạc nhiên nếu bị yêu cầu lại phải có mặt ở văn phòng Chương Lý Quận vào ngày mai.”

Và tôi nghĩ có thể mình cũng sẽ nhận một cuộc gọi từ Barrott. Chúng tôi dùng nốt cà phê, và Nick ra dấu cho người phục vụ đưa hóa đơn tính tiền đến.

Chỉ sau đó, khi đã thả tôi xuống trước cửa Sutton Place anh mới lại đề cập đến chủ đề về Mack nữa. “Anh có thể đọc được điều em đang suy nghĩ, Carolyn. Em đang tiếp tục cố tìm cho ra Mack, phải không?”

“Đúng thế.”

“Em sẽ còn nói chuyện với ai khác nữa?”

“Em có một cuộc gọi cho Bruce Galbraith.”

“Em sẽ chẳng nhận được sự giúp đỡ hay thông cảm gì nhiều từ anh ta đâu.” Anh châm biếm nói.

“Tại sao lại không?”

“Em có còn nhớ Barbara Hanover, cô gái đến cùng Mack và anh để dùng cơm tối tại nhà em không?”

Thì sao nào, tôi nghĩ. “Vâng, em nhớ cô ấy.” Tôi nói, rồi tôi không thể nào dừng thêm vào: “Em nhớ là anh cũng rất say mê cô ta mà.”

Nick nhún vai. “Mười năm trước đây cứ mỗi tuần anh lại say mê một người khác nhau. Dẫu sao, điều đó cũng chẳng tốt gì cho anh cả. Nếu cô ta còn bận tâm về ai khác, thì anh nghĩ đó là Mack.”

“Mack à?” Phải chăng tôi đã quá tập trung vào Nick đến nỗi không chú ý đến điều đó nhỉ?

“Em không thể nói à? Nhưng Barbara lúc đó đang đi tìm một tấm vé vào trường y. Mẹ cô ấy mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, ngốn hết tiền bạc vốn dành cho việc học của Barbara. Đây là lý do tại sao cô ta lấy Bruce Galbraith. Họ trốn đi với nhau mùa hè đó, còn nhớ không?”

“Đó lại là một điểm khác chẳng hề xuất hiện trong cuộc điều tra.” Tôi chậm chạp nói. “Bộ Bruce ghen với Mack hả?”

Nick nhún vai. “Em chẳng bao giờ biết Bruce lúc đó nghĩ gì đâu. Nhưng có gì là khác biệt nào? Em đã nói chuyện với Mack cách đây dưới một tuần. Chắc chắn em không nghĩ là Bruce đã đem giấu anh ấy đi, đúng không?”

Tôi cảm thấy mình như một kẻ ngốc. Dĩ nhiên là không. Tôi nói. “Em thực sự chẳng biết bất kỳ điều gì về Bruce cả. Anh ấy chẳng bao giờ đến đây cùng với anh và Mack.”

“Anh ta là người cứ thui thủi một mình. Cái năm cuối cùng ở Columbia đó ngay cả vào những đêm anh ta chạm mặt đám đông bọn anh tại những câu lạc bộ trong khu Làng và SoHo, anh ta luôn có vẻ như chỉ muốn ở một mình. Bọn anh gọi anh ta là “Kẻ Xa Lạ Đơn Độc.”

Tôi nôn nóng tìm kiếm trên gương mặt Nick, mong có thêm nhiều chi tiết nữa. “Sau khi Mack biến mất, lúc cuộc điều tra bắt đầu, cảnh sát có chất vấn Bruce chút nào không? Điều duy nhất em tìm thấy trong hồ sơ về anh ta là phát biểu của anh ta về lần cuối cùng anh ta gặp Mack trong căn hộ.”

“Anh không nghĩ họ đã chất vấn. Tại sao họ lại làm thế? Anh ta và Mack có bao giờ la cà với nhau đâu.”

“Em vừa được người bạn cũ gọi cho nhớ rằng một tuần hay hơn gì đó trước khi mất tích, Mack và một vài người khác từ Columbia đã có mặt trong một câu lạc bộ cùng cái đêm mà cô gái đầu tiên bị mất tích. Anh có nhớ là Bruce có mặt ở đó không?”

Nick có vẻ trầm ngâm. “Có, anh ta có ở đó. Anh nhớ vì câu lạc bộ chỉ vừa mới mở cửa, và bọn anh quyết định đi về. Nhưng dường như đối với anh thì anh ấy bỏ về hơi sớm. Chắc chắn anh ấy chẳng bao giờ có đời sống hội hè. Dầu sao cùng đã muộn rồi, Carolyn. Anh rất thích thú. Cảm ơn em vì đã đến.”

Anh ấy chạm khế lên má tôi, rồi mở cửa dẫn ra phòng tiền sảnh cho tôi. Chẳng có gợi ý nào về việc sẽ lại gặp nhau nữa. Tôi đi dọc theo khu vực tiền sảnh đến thang máy rồi liếc nhìn lại.

Nick đã ngồi trong xe hơi, còn Benny thì đứng trên lề đường, áp chiếc điện thoại di động vào tai, vẻ mặt thật khó đoán. Vì lý do nào đó có vẻ thật nham hiểm trong cách Benny mỉm cười và rồi hắn ta đóng máy điện thoại lại, bước vào xe rồi lái đi.

Mỗi sáng thứ bảy, Howard Altman lại đưa ông chủ Derek Olsen ra ngoài ăn điểm tâm muộn. Họ gặp nhau chính xác lúc mười giờ ở quán Lamplighter Diner, gần một trong những cao ốc chung cư mà Olsen làm chủ trên Đại lộ Amsterdam.

Trong thập niên làm việc với lão Olsen mà tính tình ngày càng cáu ban, Altman đã trở nên rất thân thiết với lão già góa vợ đứng tuổi ấy, một mối quan hệ mà hẳn cần trọng nuôi dưỡng. Gần đây lão Olsen tám mươi ba tuổi phát hiện ra một thực tế rằng lão ta đang ngày càng bần gắt, bức bối với đứa cháu trai cũng là thân nhân gần gũi duy nhất của lão. “Cậu có nghĩ là Steve bận tâm cái quái gì đến việc ta sống hay chết không, Howie?” Lão hỏi thật hùng hồn trong khi dùng mẩu bánh mì nướng vét nốt phần lòng đỏ trứng gà trong đĩa. “Nó nên gọi cho ta thường xuyên hơn chứ.”

“Tôi chắc là Steve quan tâm nhiều hơn đấy, Derek.” Howard nhẹ nhàng đáp. “Tôi cũng có quan tâm đến ông đấy chứ, nhưng tôi đâu thể nào thuyết phục ông đừng gọi hai cái trứng chiên, thịt ba chỉ nướng hun khói và xúc xích mỗi khi chúng ta gặp nhau vào ngày thứ bảy.”

Cặp mắt Olsen dịu lại. “Cậu là người bạn tốt, Howie. Đó là một ngày may mắn cho ta khi cậu đến làm việc với ta. Cậu là một gã trông bảnh trai. Cậu ăn mặc tươm tất. Cậu hành xử tốt. Ta có thể chơi bài bridge và đánh golf với bạn bè mà biết rằng cậu đang ở ngoài đó làm công việc tốt cho ta. Thế mọi việc ra sao ở các tòa nhà rồi? Mọi thứ vẫn đạt chuẩn thượng hạng chứ?”

“Tôi có thể nói thế. Chúng ta có hai đứa trẻ ở 825 bên dưới mức giá thuê của chúng. Nhưng tôi đã ghé qua và nhắc nhở chúng rằng trong danh sách các hội đoàn từ thiện của ông chưa có tên của chúng.”

Olsen cười ùng ục. “Ta hơi sơ sài. Hãy để mắt đến việc đó nhé.” Lão gõ nhẹ vào cái tách để trên đĩa lót, ra dấu cho người phục vụ biết rằng lão muốn có thêm cà phê. “Còn gì khác nữa không?”

“Có điều này thực sự làm tôi ngạc nhiên. Gus Kramer gọi điện thoại cho tôi hôm qua và thông báo sẽ nghỉ việc sau hai tuần.”

“Cái gì?” Nét vui vẻ biến mất trên khuôn mặt Derek Olsen. “Ta không muốn hắn bỏ đi.” Lão nói thẳng thừng. “Hắn là tay giám thị tốt nhất mà ta từng có, và Lil thì giống như con gà mái mẹ đối với các sinh viên. Bà ấy cũng giống như cha mẹ vậy. Bọn sinh viên nghĩ tốt về bà ấy. Tại sao họ lại muốn ra đi?”

“Gus nói rằng họ đã sẵn sàng về hưu.”

“Họ chưa sẵn sàng hồi tháng trước khi ta ghé qua đó. Howie, ta phải nói với cậu một việc. Đã có nhiều lần cậu thúc đẩy việc cắt bớt những khu vực trong góc mà lúc đó không hợp lý. Cậu nghĩ rằng cậu đang làm điều tốt cho ta khi cố gắng đẩy họ ra khỏi căn hộ lớn để cậu có thể có được khoản tiền thuê cho căn hộ đó. Ta biết hết về những chuyện này, nhưng vì lý do gì mà ta lại trả tiền cho họ, để cho họ có chỗ ở rộng rãi hơn chính là một cách mặc cả. Đôi khi cậu đi quá mức cần thiết. Đây là một trong những điều đó. Hãy đối xử tử tế với họ. Hãy tăng lương cho họ, nhưng phải *bảo đảm* là họ ở lại! Và bây giờ vì chúng ta đang có vấn đề ấy, khi cậu giao dịch với họ và với các giám thị khác, hãy ghi nhớ một điều trong đầu. Cậu đại diện cho ta, nhưng cậu *không phải* là ta. Rõ chứ? Rất rõ chứ?”

“Dĩ nhiên rồi.” Những sợi thanh quản của Howard Altman sắp sửa thốt thành cái tên “Derek”. Nhưng thay vì vậy, hắn xum xoe nói: “Rất rõ, thưa ông Olsen.”

“Ta vui mừng nghe thấy điều đó. Còn bất cứ điều gì khác nữa không?”

Howard định nói cho chủ hần nghe rằng Carolyn Mackenzie đã có mặt trong căn hộ của gia đình Kramer vào ngày thứ Tư, đã đưa ra nhiều câu hỏi về người anh bị mất tích của cô ta, nhưng hần nhận ra nếu làm thế là sai lầm. Với tâm trạng như hiện nay, Olsen sẽ quyết định ngay rằng lẽ ra lão phải được báo cho biết về việc đó, rằng Howard không hiểu điều gì là quan trọng. Ngoài ra, trong mười năm qua, bất cứ khi nào Olsen nói chuyện về việc MacKenzie mất tích, lão đều trở nên bực bội, tức tối - nét đỏ rực hiện lên khuôn mặt lão, và lão lại cao giọng lên thật sắc cạnh.

“Lũ trẻ sẽ dọn đi vào tháng năm.” Lão huênh hoang. “Tất cả các căn hộ đều sẽ được thuê vào tháng chín tới. Phân nửa số đó đã bị hủy. Nơi cuối cùng người ta nhìn thấy MacKenzie nằm trong các tòa nhà của tôi, vì vậy cha mẹ cậu ta nghĩ rằng có thể có điều gì đó vướng vấp ở khu vực dành làm cầu thang...”

Howard biết rằng chủ của hần đang chăm chú quan sát hần.

“Howie, cậu trông có vẻ như còn nhiều điều nữa trong đầu, phải không?”

“Chẳng có gì cả, ông Olsen ạ.” Howard khẳng định.

“Tốt. Cậu đang đọc về cô gái bị mất tích. Tên cô ấy là gì nhỉ, Leesey Andrews à?”

“Vâng, tôi có đọc. Thật đáng buồn. Tôi cũng xem tin tức trước khi đi sáng nay. Tôi không nghĩ họ kỳ vọng tìm thấy cô ấy còn sống sót.”

“Những người phụ nữ trẻ này cần phải tránh xa các câu lạc bộ ấy. Thời tôi họ chỉ có ngôi nhà với mẹ thôi.”

Howard vói lấy hóa đơn thanh toán từ tay người nữ phục vụ và đặt nó bên cạnh Olsen. Đó là một nghi thức họ trải qua mỗi tuần. Chín mươi phần trăm lần nào Olsen cũng để hần cầm lên. Nhưng khi lão bực mình, lão sẽ không làm thế.

Olsen chụp lấy cái hóa đơn. “Ta không muốn gia đình Kramer bỏ đi, Howie, cậu hiểu chứ? Còn nhớ là năm ngoái cậu đã giẫm chân lên người giám thị ở đường số Chín Mười Tám không? Việc thay thế cậu ta đã gây ra nhiều khó chịu. Nếu gia đình Kramer bỏ đi, có thể cậu sẽ phải đi tìm việc làm khác đấy. Ta nghe nói cháu trai ta lại thất nghiệp. Thực ra nó đâu có ngu dốt, nó còn khá khôn ngoan cơ đấy. Có lẽ nếu nó có căn hộ và mức lương nhàn hạ của cậu, nó sẽ chú ý hơn đến ta đôi chút chẳng.”

“Tôi nghe rồi, thưa ông Olsen.” Howard nổi khùng lên với chủ của hần. Nhưng còn nhiều hơn nữa là với chính hần. Hần đã đi sai nước cờ. Gia đình Kramer lo sốt vó khi Carolyn Kramer xuất hiện ngày hôm đó. Tại sao? Lẽ ra hần phải đủ khôn ngoan để tìm hiểu xem điều gì đã làm họ bất an chứ. Hần lặng lẽ thề rằng hần sẽ lấy cho bằng được thông tin từ họ xem đó là điều gì trước khi quá muộn. Ta muốn công việc của mình, hần nghĩ. Ta cần nó.

Gia đình Kramer và Carolyn MacKenzie sẽ không thể nào khiến cho hần mất việc cả.

“Hy vọng có thể tìm ra Leeseey Andrews còn sống sót đang phai nhạt dần.” Bác sĩ David đọc thấy thể khi bản tường thuật tin tức cuối ngày chạy ở bên dưới màn hình truyền hình. Ông đang ngồi trong chiếc ghế bành da ở phòng làm việc nhỏ trong căn hộ trên Đại Lộ Công Viên của con trai mình. Không sao ngủ được, ông đã đi ra đó vào khoảng thời gian trước lúc bình minh. Ông biết mình có chợp mắt một chút vì ngay sau khi ông nghe thấy Gregg rời nhà để đến bệnh viện, ông thấy có cái chăn được đắp gọn gàng quanh người ông.

Giờ đây, sau ba tiếng, ông vẫn còn ngồi ở đó, mơ màng xem truyền hình. Ta cần đi tắm và thay đổi trang phục, ông nghĩ, nhưng lại quá mệt mỏi để di chuyển. Cái đồng hồ trên bệ lò sưởi chỉ mười giờ kém mười lăm. Ta vẫn còn mặc bộ đồ ngủ, ông nghĩ - Điều đó thật lố bịch. Ông nhìn lên màn hình truyền hình. Ông vừa trông thấy điều gì ở đó? Lẽ ra ta phải đọc nó vì máy cài chế độ câm, ông ý thức ra điều này.

Ông rờ rẫm tìm cái điều khiển từ xa mà ông nhớ đã để trên nệm để ông có thể điều chỉnh âm thanh từ một khoảng cách nếu có điều gì đó về Leeseey.

Hôm đó là chủ nhật, ông nghĩ. Bây giờ đã hơn năm ngày rồi. Ta cảm thấy điều gì đúng vào giây phút này? Chẳng có gì cả. Không sợ hãi, không thống khổ, không giận dữ đằng đẵng sát khí đối với kẻ đã đem con bé đi. Ngay giây phút này đây, ta chỉ cảm thấy tê cứng.

Nó sẽ không kéo dài.

Hy vọng đang *phai nhạt*, ông nghĩ. Phải chẳng ta đã đọc thấy điều gì trong cuộn băng tin tức chiếu trên màn hình? Hoặc phải chẳng ta đã làm ra nó? Tại sao điều đó nghe thấy quen quen?

Hình ảnh mẹ ông đang chơi đàn piano tại các buổi tiệc gia đình và mọi người cùng tham gia hát chọt bùng lên trong tâm trí ông. Họ yêu thích những bản nhạc kịch vui cô xưa, ông nghĩ. Một người trong số họ đã bắt đầu với những ca từ: “Anh yêu, em đang trở nên già nua đi.”

Leeseey sẽ chẳng bao giờ trở nên già nua đi. Ông nhắm mắt, chống lại nỗi đau cuộn cuộn. Sự tê cứng vì cảm xúc đã biến mất.

Anh yêu, em đang trở nên già nua đi... Những sợi chỉ hạc lên trong sợi vàng... Chiếu sáng trên hàng lông mày của em... Cuộc sống đang nhanh chóng phai nhạt đi...

Hy vọng đang nhạt phai... Đó là những lời khiến ta nhớ lại bài hát đó.

“Cha ơi, cha không sao chứ?”

David Andrews ngược nhìn lên và trông thấy khuôn mặt lo lắng của con trai ông. “Cha không thấy con bước vào, Gregg.” Ông dụi mắt. “Có phải con biết cuộc sống đang nhanh chóng phai nhạt dần đi không? Cuộc sống của Leeseey” Ông dừng lại, rồi cố nói: “Không, cha đã sai rồi. Đó chính là nỗi hy vọng đang nhạt phai dần là sẽ tìm ra con bé còn sống sót.”

Gregg Andrews bước qua căn phòng, ngồi xuống cạnh cha anh, và choàng cánh tay lên đôi vai ông. “Niềm hy vọng của con chưa nhạt phai, cha ơi.”

“Chưa à? Thế thì con tin vào phép lạ rồi. Tại sao không? Chính bản thân cha cũng từng tin tưởng các phép lạ cơ mà.”

“Cứ tin vào chúng, cha ạ.”

“Còn nhớ cách mẹ con ra đi không? Lúc đầu dường như mọi việc rất tốt đẹp, thế rồi chỉ qua một đêm, cục diện đã thay đổi, và chúng ta đã mất bà ấy. Đó là lúc cha ngừng tin tưởng vào các phép lạ.”

David lắc đầu, cố bôi xóa ý nghĩ ấy đi, và vỗ nhẹ vào đầu gối con trai ông. “Tốt hơn hết là con nên tự chăm sóc mình thật tốt cho cha đi. Con là tất cả những gì cha có lúc này.” Ông đứng lên. “Cha có cảm giác như mình đang nói chuyện trong lúc ngủ. Cha sẽ ổn thôi, Gregg. Cha sẽ đi tắm, thay quần áo rồi về nhà. Cha hoàn toàn vô dụng ở đây. Với lịch làm việc của con ở bệnh viện, con cần có thời gian nghỉ ngơi khi con ở đây và ở nhà. Cha sẽ vững vàng hơn, cha hy vọng thế. Cha sẽ quay trở về những việc thường lệ trong lúc chúng ta chờ đợi có điều gì tiến triển.”

Gregg nhìn cha với con mắt của một bác sĩ lâm sàng, quan sát những vòng quầng hằn sâu trên đôi mắt với những nét trống vắng, ảm đạm trong đó, cái cách khiến thân hình gầy gò của ông chỉ trong vòng bốn ngày qua đã trở nên cực kỳ mỏng mảnh. Ông chẳng ăn gì kể từ khi biết tin về Leesey, Gregg nghĩ, về phương diện nào đó, anh muốn phản đối việc cha anh bỏ về, nhưng về phương diện khác, tốt hơn hết ông nên quay về Greenwich, nơi ông tình nguyện làm việc tại một trung tâm chăm sóc cấp cứu ba ngày một tuần và là nơi ông có những người bạn thân ở quanh đó.

“Con hiểu, cha ạ.” Anh nói. “Và có lẽ cha nghĩ cha đã từ bỏ mọi hy vọng. Nhưng con không tin cha như thế.”

“Hãy tin cha.” Ông đơn thuần nói thế.

Bốn mươi phút sau, khi đã tắm rửa và thay quần áo xong, ông sẵn sàng ra đi. Đứng trước cửa căn hộ, hai người đàn ông ôm chầm lấy nhau. “Cha ơi, cha biết có hàng tá người đang chờ ăn cơm tối với cha. Hãy đi ra câu lạc bộ với ai đó trong số họ tối nay.” Gregg thúc giục.

“Không phải tối nay. Nhưng cha sẽ sớm đi với họ.”

Sau khi cha anh đi rồi, căn hộ trở nên trống vắng. Cả cha và mình đều đang cố gắng duy trì dáng vẻ bên ngoài để làm yên lòng nhau, Gregg nghĩ. Tốt hơn hết ta cũng có lời khuyên cho chính mình và cũng giữ cho mình bận rộn. Ta sẽ có cuộc chạy bộ dài trong Công viên Trung tâm rồi sau đó ngủ một chút. Anh đã dự định đi về giữa khu Woodshed và căn hộ của Leesey khuya nay, lúc ba giờ sáng, cùng thời điểm con bé bắt đầu chuyển đi dạo. Có thể ta sẽ tìm ra ai đó để nói chuyện cùng, một ai đó mà cảnh sát đã hút mất, anh nghĩ. Thám tử Barrott đã bảo với anh rằng những thám tử mặc thường phục đang làm việc đó mỗi tối, nhưng nhu cầu giúp đỡ trong việc tìm kiếm đã tạo thành mức độ mãnh liệt trong Gregg.

Khi cha còn ở đây, ta không thể làm điều đó, anh nghĩ. Chắc chắn ông sẽ khăng khăng đòi đi với ta.

Ngày trở nên u ám, nhưng khi anh ra ngoài lúc mười một giờ, mặt trời đã chiếu rọi qua lớp mây mù, và Gregg cảm thấy tinh thần phấn chấn lên một chút. Chắc chắn vào một buổi sáng mùa xuân tuyệt đẹp như thế này, đứa em gái nhỏ bé của anh, Leesey vui vẻ, xinh xắn không thể ra đi được. Nhưng nếu con bé không chết, thì nó đang ở đâu? Hãy cứ là tình trạng suy sụp tinh thần đầy cảm xúc hoặc ảnh hưởng mạnh mẽ của chứng mất trí tạm thời, Gregg cầu nguyện trong khi đi hết ba dãy phố dẫn đến công viên bằng những bước sai dài. Ở đó anh quyết định đi về phía bắc và đánh vòng lại quanh Central Park Boathouse.

Chân phải, chân trái, chân phải, chân trái. Chúng ta... hãy tìm ra... con bé... Chúng ta... hãy tìm ra... con bé. Anh cầu nguyện theo bước chân và nhịp chạy.

Một giờ sau, mệt mỏi và có hơi căng thẳng, anh đi bộ về căn hộ của mình thì nghe chuông điện thoại reo vang. Với những cảm xúc xung đột nhau, vừa hy vọng vừa lo sợ, anh túm lấy nó trong túi áo khoác, mở nắp trượt và thấy cuộc gọi là từ cha anh.

Những lời nói “Chào cha” chết trên môi anh khi anh nghe một cách tuyệt vọng. Anh nghe thấy tiếng nước nở không kìm hãm được. Ôi, lạy Chúa, anh nghĩ, họ đã tìm ra thì thể con bé.

“Leesey,” David Andrews cố nói “Gregg ơi, đó là Leesey. Con bé đã gọi điện.”

“Con bé nói gì?”

“Nó để lại lời nhắn trên máy trả lời tự động cách đây dưới mười phút. Cha chỉ vừa bước vào nhà. Cha không thể tin được. Cha vừa mới hụt cuộc gọi của con bé.”

Một lần nữa, Gregg Andrews nghe thấy những tiếng nước nở của cha anh.

“Cha ơi, con bé đã nói gì? Nó đang ở đâu?”

Những tiếng nước nở bất chợt dừng lại. “Nó bảo... rằng... nó yêu cha, nhưng phải đi theo cách sống của nó. Con bé yêu cầu cha tha thứ cho nó. Nó bảo... nó bảo... rằng nó sẽ gọi lại vào Ngày của Mẹ.”

Tôi trải qua sáng thứ bảy trong căn phòng của Mack ở căn hộ Sutton Place. Tôi sẽ không nói rằng nó có chất lượng của Đại Lộ Hoàng Hôn, nhưng tôi thực sự biết rằng đối với tôi, nó chẳng còn giữ được cảm giác về sự hiện diện của anh ấy nữa. Sau khi Mack biến mất vài ngày, cha đã lục soát kỹ lưỡng bàn giấy của anh, hy vọng tìm thấy vết tích gì về nơi anh có thể đi đến, nhưng những gì mà ông tìm thấy chỉ là những thứ đồ lề bình thường của một sinh viên thôi - những ghi chú cho các kỳ thi, bưu thiếp, sổ ghi cá nhân còn trắng. Một bộ hồ sơ có các đơn Mack nộp cho trường Luật Duke và thư chấp thuận cho anh ấy nhập học từ họ. Trên đó anh đã nguệch ngoạc thật hoa mỹ chữ “VĂNG!”

Nhưng cha chẳng tìm thấy điều ông muốn tìm - cuốn lịch hàng ngày của Mack - một dấu vết có thể cho chúng tôi biết về những cuộc hẹn mà anh ấy có trước khi mất tích. Nhiều năm trước đây mẹ đã để người quản gia gỡ dải chữ Mack dán trên tường và tấm ván cách nhiệt bọc cùng tấm hình chụp tập thể của anh và các bạn bè anh xuống. Mọi người trong những tấm hình đó đều bị cảnh sát và sau đó là người điều tra tư nhân thẩm vấn.

Tấm phủ giường màu nâu và beige phù hợp với những cái gối nằm, và những trang trí tương phản ở cửa sổ lại cùng kiểu, giống như tấm thảm màu nâu ca cao.

Vẫn còn tấm hình bốn chúng tôi ở bên trên cái bàn trang điểm. Tôi thấy mình đang xem xét kỹ nó và tự hỏi không biết bây giờ Mack đã có những sợi tóc bạc nào trên thái dương chưa. Thật khó để hình dung được. Cách đây mười năm anh ấy có khuôn mặt mới trẻ trung làm sao. Giờ đây sau khoảng thời gian dài anh ấy không còn là một sinh viên cao đẳng, mà có lẽ còn là kẻ vắng mặt bị ngờ vực trong nhiều hơn một vụ bắt cóc và hoặc giết người cướp của.

Có hai cái tủ trong phòng. Tôi mở cả hai cánh cửa của chúng ra và ngửi thấy mùi hơi ẩm mốc do thiếu không khí trong lành luân lưu trong một khoảng không gian khá nhỏ hẹp như vậy.

Tôi lấy chồng áo vét và quần tây ra khỏi cái tủ thứ nhất và đặt chúng lên giường. Tất cả đều được bọc trong những túi giặt ủi bằng nhựa và tôi nhớ rằng khi Mack mất tích khoảng một năm, mẹ đã cho mọi thứ của anh đi giặt ủi và sau đó trả chúng lại tủ quần áo đó. Tôi nhớ lúc đó cha nói: “Livvy, hãy cho chúng đi chỗ khác đi. Nếu Mack quay trở lại, anh sẽ đưa nó đi sửa chữa. Hãy để ai đó sử dụng tất cả mớ đồ đoàn này đi.”

Đề nghị của ông đã bị bác bỏ.

Chẳng thể tìm ra cái gì trong mớ quần áo đã được giặt giũ sạch sẽ này. Tôi không muốn chỉ tổng mọi thứ vào những túi đựng rác lớn. Tôi biết sẽ dễ dàng hơn khi đem chúng đến các trung tâm quyên góp, nhưng thật xấu hổ nếu có bất kỳ món nào còn nhăn nhúm. Rồi tôi nhớ đến hai cái vali lớn của Mack, những cái anh ấy dùng cho chuyến đi cuối cùng với gia đình chúng tôi, chúng đang ở trong nhà kho phía sau bếp.

Tôi tìm thấy chúng ở đó và đem chúng về lại phòng anh ấy, kéo chúng đặt trên giường. Tôi mở cái vali thứ nhất và theo một thói quen, chạy dọc tay theo những cái túi để xem có cái gì sót lại ở đó chẳng. Chẳng có gì. Tôi xếp đầy trong chiếc vali những bộ đồ lớn, những cái áo khoác, những cái quần tây và ngăn ngữ đặt lên trên bộ đồ hàng tuxedo, bộ mà Mack đã mặc trong tấm hình chụp gia đình chúng tôi mùa Giáng Sinh cuối cùng đó.

Cái vali thứ hai có kích cỡ nhỏ hơn. Một lần nữa, tôi cho tay mình chạy dọc theo những cái túi bên hông. Lần này tôi thấy một vật gì đó mà tôi đoán là cái máy chụp hình. Nhưng khi kéo nó ra, tôi ngạc nhiên vì đó là một cái máy thu băng. Tôi chưa bao giờ nhớ thấy Mack sử dụng nó.

Có một cuộn băng trong đó và tôi nhấn nút chạy băng.

“Bà nghĩ gì hử bà Klein? Nghe tôi có giống Lawrence Olivier hay Tom Hanks không? Tôi đang thâu bà đấy, vậy hãy tử tế nhé.”

Tôi nghe tiếng cười của một người phụ nữ. “Cậu nói nghe chẳng giống họ, nhưng cậu có vẻ tử tế đấy, Mack.”

Tôi bị sốc đến nỗi nhấn ngay nút tạm ngừng và giàn giụa nước mắt. Cứ như thể anh ấy đang ở trong phòng, đùa cợt với tôi, giọng anh ấy mới sống động, sôi nổi làm sao.

Những cuộc gọi hàng năm vào Ngày của Mẹ này và sự bất bình ngày càng tăng chưa bao giờ có là phản ứng tôi có đối với chúng khiến tôi quên mất rằng Mack từng luôn có kiểu nói vui vẻ, mạnh mẽ.

Tôi lại nhấn nút chạy băng.

“Được rồi, tôi bắt đầu đây, bà Klein.” Mack nói. “Bà bảo sẽ chọn một đoạn của Shakespear hả? Thế còn đoạn này thì sao? Rồi anh ấy hắng giọng và bắt đầu: “Khi, không được số phận sủng ái và cặp mắt những gã đàn ông...”

Giọng anh chợt thay đổi đầy kịch tính, bất thành linh đầy phẫn nộ và u ám.

“... Ta chỉ có một mình với tình trạng bị ruồng bỏ và thiên đường lạnh căm phẫn nhiều cùng những tiếng kêu than vô vọng của ta.”

Đó là tất cả những gì có trong cuộn băng. Tôi quay ngược cuộn băng lại rồi mở một lần nữa. Điều đó có nghĩa là gì? Có phải đó là sự tuyển chọn ngẫu nhiên hay nó đã được chọn một cách cố ý cho phù hợp với tâm trạng của Mack? Nó được thực hiện lúc nào? Nó đã được thực hiện bao lâu trước khi anh ấy biến mất?

Cái tên Esther Klein nằm trong hồ sơ cảnh sát và bà đã nói về Mack. Nhưng rõ ràng bà ta chẳng đưa ra được thông tin nào đáng lưu ý cả. Tôi mơ hồ nhớ là cha mẹ rất ngạc nhiên khi Mack đã có những buổi học kịch riêng với bà ấy. Tôi có thể hiểu được tại sao anh ấy không kể cho họ nghe. Cha đã luôn lo lắng Mack sẽ quan tâm quá đáng đến những môn về sân khấu.

Thế rồi Esther Klein bị giết chết gần căn hộ của bà trên Đại Lộ Amsterdam, khoảng một năm sau khi Mack mất tích. Một ý nghĩ hiện lên trong tôi rằng phải chẳng còn những cuộn băng khác mà anh đã thực hiện trong khi học với bà ấy. Nếu thế, điều gì đã xảy ra với chúng sau cái chết của bà ấy?

Tôi đứng trong phòng Mack, tay cầm cái máy thâu băng, ý thức được rằng sẽ dễ dàng hơn nếu tìm ra điều đó.

Con trai của Esther Klein, Aaron là người làm việc gần gũi với chú Elliot. Tôi sẽ gọi cho anh ta.

Tôi cho cái máy thâu băng vào túi đeo vai của tôi, và bắt đầu đóng gói quần áo của Mack lại. Khi tôi hoàn tất, những chiếc ngăn kéo trong bàn trang điểm đã trống rỗng, những tủ quần áo cũng thế. Mẹ đã để cha đem cho những chiếc áo choàng dày dặn của Mack đi vào một mùa đông trời đặc biệt lạnh khi các hội đoàn từ thiện hỏi xin chúng.

Khi tôi sắp sửa đóng cái vali thứ hai lại, tôi ngần ngại, rồi lấy ra cái cà vạt màu đen trịnh trọng mà tôi đã thắt cho Mack chỉ trước khi chúng tôi đứng tạo dáng cho tấm hình Giáng Sinh của gia đình vào cái năm cuối cùng đó. Tôi cầm nó trong tay, nghĩ về cách tôi đã bảo anh ấy khom

người xuống ra sao cho tôi có thể với lên để thắt chặt nó lại.

Khi tôi dùng giấy lau tay quần nó lại và bỏ vào túi đeo vai để cầm về, tôi nhớ Mack đã cười vui vẻ đáp lại: “Cầu chúa ban phước lành cho cái cà vạt mà em đã thắt cho anh.”

Hắn tự hỏi không biết cha cô ấy đã nghe lời nhắch chưa nhỉ. Hắn có thể hình dung ra phản ứng của ông khi nghe thấy nó. Đứa con gái bé bỏng của ông còn sống mà lại chẳng muốn gặp ông! Cô ấy nói sẽ gọi vào Ngày của Mẹ! Chỉ phải chờ đợi năm mươi một tuần lễ thôi!

Người cha hắn phải quần quai trong cơn gió thốc, hắn nghĩ.

Đến lúc này thì không còn ngờ vực gì nữa, bọn cớm đã gắn một máy nghe trộm điện thoại trong máy điện thoại của bác sĩ Andrews ở Greenwich rồi. Hắn có thể hình dung sự điên cuồng của họ. Họ sẽ ngưng các cuộc điều tra và quyết định rằng Leeseey có quyền đối với sự riêng tư của cô ấy và từ bỏ việc tìm kiếm cô ấy chứ? Có thể. Đó là kiểu người ta vẫn làm.

Sẽ an toàn hơn cho hắn nếu người ta làm thế.

Họ có nói với giới truyền thông rằng cô ấy đã gọi điện không nhỉ?

Ta thích những dòng tin trên trang nhất của báo, hắn nghĩ. Và ta thích đọc về Leeseey Andrews. Họ đã biết từ thứ ba rằng cô ấy mất tích. Tên cô ấy nằm trên cái tit trang nhất ba ngày qua. Nhưng hôm nay câu chuyện về cô ta sẽ bị vùi xuống trang bốn, việc này khiến ta thất vọng.

Điều giống như vậy đã xảy ra với ba cô gái khác - trong vòng hai tuần câu chuyện đã kết thúc.

Kết thúc như cái chết của họ.

Ta đã chơi đùa loanh quanh để giữ cho Leeseey còn sống trong tâm trí mọi người, nhưng cho đến lúc này, hắn nghĩ, ta có niềm vui dịch chuyển điện thoại di động của cô ấy quanh đây. Điều đó sẽ làm cho họ phát điên lên. “Kẻ ngốc nghếch, kẻ ngây ngô.” Hắn thì thầm. “Các người có lang thang một cách tuyệt vọng không? Trên lầu ư? Dưới lầu ư? Hay trong căn phòng dành cho quý bà của tôi?”

Hắn cười phá lên. Ở cả ba nơi ấy, hắn nghĩ.

Cả ba nơi.

“Bác sĩ, ông có chắc rằng đó là giọng em gái ông trên máy trả lời tự động không?”

“*Tuyệt đối chắc chắn!*” Một cách vô thức, Gregg xoa bóp vầng trán bằng ngón cái và ngón trỏ của mình. Mình chẳng bao giờ đau đầu, anh nghĩ. Mình chẳng cần như thế để bắt đầu bây giờ. Ba tiếng sau khi cha anh gọi, anh đã đi xuống phố, đến khu vực công tác của tổ thám tử thuộc văn phòng Chương lý quận. Lời nhắn mà Leesey để lại trong máy trả lời tự động trên điện thoại của cha anh ở Greenwich, Connecticut đã được lấy ra từ một cái máy nghe trộm điện thoại và phóng đại lên. Trong phòng kỹ thuật, thám tử Barrott mở đi mở lại vài lần cho ông và Larry Aheam nghe.

“Tôi đồng ý với Gregg.” Aheam bảo Barrott. “Tôi biết Leesey từ khi cô ấy còn là cô con gái bé nhỏ và tôi thề rằng đây là giọng cô ấy. Giọng cô ấy nghe có vẻ lo lắng, kích động. Và dĩ nhiên, cô ấy có thể đang bị một kiểu suy sụp tinh thần nào đó hoặc là...” Anh nhìn Gregg. “Hay là cô ấy bị buộc phải để lại lời nhắn như vậy.”

“Anh định nói bởi kẻ nào đó đã bắt cóc cô ấy à?”

“Đúng, chính xác đó là điều tôi muốn nói.”

“Anh khẳng định rằng cuộc gọi đó được thực hiện từ máy di động của cô ấy chứ?”

Gregg hỏi, cố gắng giữ giọng nói bình tĩnh.

“Đúng như vậy.” Aheam trả lời. “Nó được tung đi từ tòa tháp trên đường Madison và đường số Năm Mươi. Đó là lý do cho thấy cô ấy có thể đang bị cầm giữ ở nơi nào đó trong khu vực này. Nói một cách khác, nếu cô ấy đã chọn cách biến mất dạng, tôi không thấy có lý do gì cô ấy lại có thể đi ra khỏi khu vực đó, thậm chí chỉ để mua tạp phẩm mà không lo lắng sẽ bị phát hiện. Hình cô ấy đã được đăng trên tất cả các tờ báo, truyền hình và Internet nữa.”

“Trừ phi cô ấy có cách giả trang nào đó, ví dụ như mặc áo choàng burka^[5], che kín mọi thứ trừ cặp mắt cô ấy.” Barrott vạch ra. “Nhưng thậm chí như vậy lại sẽ lôi cuốn sự chú ý ở Manhattan.” Ông bắt đầu tua lại cuộn băng có ghi âm cuộc gọi của Leesey. “Các chuyên viên kỹ thuật của chúng tôi đang làm việc với âm thanh nền. Chúng ta hãy tập trung cùng nghe phần đó nhé.”

Larry Aheam bắt gặp vẻ ảm đạm trên khuôn mặt Gregg. “Tôi không biết chúng ta có cần nghe lại nó không hử Roy?”

“Điều gì xảy ra lúc này?” Gregg hỏi anh. “Nếu các anh quyết định rằng Leesey *đã thực sự* tự nguyện bỏ đi, anh có từ bỏ việc tìm kiếm con bé không?”

“Không.” Ahearn đáp một cách dứt khoát. “Tôi biết rõ Leesey, thậm chí nếu cô ấy tự ý biến mất dạng, vẫn có điều gì sai lầm khủng khiếp ở đây. Chúng tôi sẽ làm việc hai mươi bốn tiếng một ngày và bảy ngày một tuần cho đến khi tìm ra cô ấy.”

“Ta ơn Chúa vì điều đó.” Có điều gì khác ta cần hỏi họ không nhỉ, Gregg suy nghĩ. Ồ, ta biết rồi. “Thế còn giới truyền thông thì sao? Các anh có nói với họ rằng con bé đã liên lạc với chúng ta không?”

“Chúng tôi không muốn bất kỳ ai biết về điều đó.” Larry lắc đầu đáp. “Đó là điều đầu tiên tôi

nói với cha anh khi chúng tôi nói chuyện với ông ấy.”

“Các anh cũng bảo thế với tôi, nhưng tôi nghĩ các anh định nói các anh muốn chắc chắn rằng đó không phải là cuộc điện thoại vớ vẩn, hay chỉ là ai đó giả giọng của Leeseey.”

“Gregg, chúng tôi không muốn một ẩn ý như vậy lọt ra ngoài.” Larry Aheam nói khẩn cấp. “Vì điều này thật khủng khiếp, điều tốt lành nên biết là cách đây vài giờ Leeseey vẫn còn sống.”

“Tôi đồng ý với anh. Nhưng con bé ở đâu nếu nó còn sống? Có chuyện gì đang xảy ra với con bé? Những người phụ nữ trẻ khác mất tích sau khi có mặt tại một trong những câu lạc bộ ấy chẳng bao giờ được tìm thấy.”

“Nhưng cũng chẳng có ai trong số đó gọi một cuộc điện thoại nào cho thành viên trong gia đình, Gregg ạ.” Aheam nhắc anh.

“Bác sĩ Andrews, còn một điều gì đó khác...” Barrott bắt đầu.

“Hãy làm điều đó đi, Gregg, xin vui lòng.” Một thoáng mỉm cười đầy ẩn ý lướt qua đôi môi của Gregg Andrews. “Sau khi tôi nhận bằng Tiến Sĩ Y Khoa, nếu có ai đó gọi tôi ở nhà và yêu cầu cho gặp bác sĩ Andrews, Leeseey phải mất nhiều tháng trước khi con bé tự động đặt tay lên máy điện thoại gọi cho cha tôi.”

Barrott mỉm cười thật nhẹ. “Đó cũng là cách ứng xử trong nhà tôi. Nếu con trai tôi nhận điểm số thật tốt hoặc có một giải thưởng thành tựu nào đó, em gái nó sẽ nghĩ rằng mình có lỗi vì không đạt được như vậy. Được rồi, Gregg.” Anh nói tiếp: “Lần cuối cùng anh gặp em gái mình là một tuần trước Ngày của Mẹ. Có bất kỳ điều gì bất thường vào ngày đó không?”

“Đó là điều hoàn toàn làm tôi bối rối.” Gregg bảo với ông ấy. “Mẹ tôi chỉ mới qua đời có hai năm. Do vậy, rất tự nhiên đó là một ngày khá nặng nề đối với chúng tôi. Cả ba chúng tôi cùng đi nhà thờ, ra thăm mộ bà, rồi dùng cơm tối tại câu lạc bộ. Leeseey dự định lái xe quay trở về thành phố cùng với tôi, nhưng đến phút cuối con bé đã quyết định ở lại qua đêm với cha và sẽ đón chuyến xe lửa quay về nhà vào buổi sáng.”

“Trước khi mẹ anh mất, Ngày của Mẹ có một ý nghĩa tượng trưng nào đối với tất cả các bạn không? Có tình cảm khác thường nào gắn bó với ngày đó không?”

“Không, chẳng chút nào cả. Chúng tôi cùng nhau kỷ niệm ngày đó, nhưng nó không có gì lớn lao cả. Khi ông bà tôi còn sống, họ ở cùng với chúng tôi. Chẳng có chút gì đặc biệt về ngày đó.” Gregg bắt gặp cách hai thám tử liếc nhìn nhau, rồi sau đó là cách Larry Aheam gật đầu với Roy Barrott. “Có điều gì đó anh chưa kể cho tôi nghe.” Anh ta nói. “Đó là điều gì?”

“Gregg, anh có biết Carolyn MacKenzie không?” Aheam hỏi.

Giờ đây thái dương của anh giật mạnh. Gregg lục tìm trong ký ức rồi lắc đầu. “Tôi không nghĩ thế. Cô ta là ai vậy?”

“Cô ấy là một luật sư.” Ahearn nói trước. “Hai mươi sáu tuổi. Căn phòng cô ấy thuê nằm trên đường Thompson trong tòa nhà kế bên nơi em gái anh sống.”

“Cô ấy có biết Leeseey không?” Gregg hỏi thật gấp gáp. “Cô ấy có ý kiến gì về việc con bé có thể ở đâu không?”

“Không, cô ta không biết cô ấy, nhưng có thể anh còn nhớ một trường hợp cách đây mười năm khi một sinh viên cao đẳng đi ra khỏi căn hộ của anh ta rồi biến mất dạng chứ? Anh ta tên là

Charles MacKenzie, Jr. Mọi người gọi anh ta là Mack.”

“Tôi nhớ trường hợp đó. Người ta chẳng hề tìm ra anh ta, phải không?”

“Không.” Aheam nói. “Nhưng anh ta gọi cho mẹ mình mỗi năm một lần vào Ngày của Mẹ.”

“Vào *Ngày của Mẹ* à!” Gregg nhảy dựng lên. Anh ta đã ra đi mười năm và gọi cho mẹ anh ta vào Ngày của Mẹ. Anh có đang gợi ý rằng Leesey có thể bắt chước theo cái lối điên rồ ấy chẳng?”

“Gregg, chúng tôi không đang gợi ý điều gì cả.” Aheam an ủi nói. “Leesey được mười một tuổi khi Mack MacKenzie biến mất, do vậy không có lý do gì để nghĩ cô ấy có thể biết anh ta. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng điều có thể có là anh và cha anh có thể biết gia đình họ. Dự đoán của tôi là anh đi đến một vài khu lân cận như vậy.”

“Cho dù điều đó có hàm ý gì đi chăng nữa.” Trông anh thật bối rối. “Mack MacKenzie có gọi cho mẹ anh ta chủ nhật rồi không?”

“Có, anh ta đã gọi.” Aheam quyết định ngay lập tức sẽ chia sẻ thông tin rằng Mack đã để lại lá thư ngắn trong cái rổ đựng đồ quần áo. “Chúng tôi không biết gã ấy đang làm gì hay tại sao hẳn phải bí mật như thế. Chắc chắn không có nhiều người biết rằng anh ta vẫn gọi điện thoại cho gia đình vào ngày đó. Điều này làm chúng tôi tự hỏi có khi nào Leesey đã gặp hẳn ta ở đâu đó, hay tại một trong những câu lạc bộ ở khu SoHo, và nếu cô ấy quyết định sẽ biến mất theo cách của mình, như cách anh ta đã làm, thì liệu cô ấy có duy trì cùng kiểu liên lạc như vậy chẳng.”

“Anh biết gì về MacKenzie, Larry? Tôi muốn nói nếu anh ta tự nguyện biến mất thì liệu anh ta có đang gặp rắc rối không?” Gregg nhìn Larry đầy vẻ dò hỏi, tìm kiếm những câu trả lời.

“Chúng tôi không thể tìm thấy điều gì góp nhặt lại để kết luận như vậy. Anh ta đã để cho mọi việc đi theo cách của mình và chỉ đơn giản bước ra khỏi cuộc đời mình mà thôi.”

“Cùng một kiểu cách có thể nói về Leesey.” Gregg chộp lấy. “Các anh có bắt đầu nghĩ nếu con bé ngẫu nhiên gặp gã này, lần tới chúng ta sẽ nhận được tin tức từ con bé vào Ngày của Mẹ sang năm không?” Anh nhìn từ người này sang người khác. “Chờ một chút, các anh có nghĩ là gã Mack này không bình thường và đã làm điều gì đó đối với việc Leesey mất tích không?”

Larry nhìn người bạn ở cùng phòng thời cao đẳng ngồi đối diện. Không chỉ có người cha Gregg mới già đi trong tuần lễ này, anh nghĩ. Gregg trông già đi đến mười năm so với lúc chúng tôi chơi golf hồi tháng trước. “Gregg, chúng tôi đang thăm dò mọi người và mọi tình huống có thể dẫn chúng tôi đi theo một đầu mối. Hầu hết mọi điều đều dẫn đến ngõ cụt thôi. Bây giờ hãy làm cho tôi điều này, hãy nghe lời khuyên của tôi. Hãy đi về nhà, có một bữa tối tử tế, rồi đi ngủ sớm. Hãy an ủi với thực tế rằng chúng ta biết sáng nay Leesey vẫn còn sống. Anh có nhiều bệnh nhân phụ thuộc vào tài năng của anh giúp họ lại vui sống. Anh đừng làm họ thất vọng, và anh sẽ làm họ thất vọng nếu anh không ăn và ngủ đúng mực.”

Không giống như lời khuyên mà mình đã đưa ra cho cha, Gregg nghĩ. Ta sẽ đi về nhà. Ta sẽ ngủ hai tiếng đồng hồ, rồi sẽ ăn cái gì đó. Nhưng tối nay ta sẽ đi tới, đi lui giữa câu lạc bộ SoHo và đường Thompson. Sáng nay Leesey còn sống. Nhưng điều đó không có nghĩa là con bé đang ở cùng với một kẻ khủng điên nào đó hay không. Con bé sẽ phải còn sống.

Anh đẩy cái ghế ra sau và đứng lên. “Anh hoàn toàn có lý, Larry.” Anh nói.

Với một cái vẫy tay nhẹ, anh bắt đầu đi ra, nhưng quay vòng lại khi điện thoại di động của Aheam reo lên. Aheam chộp lấy nó từ trong túi áo và đưa lên tai. “Có chuyện gì thế?”

Gregg thấy nét cau mày giận dữ của Aheam trước khi anh ta thì thầm một lời chửi tục. Đây là lần thứ hai trong ngày anh nghĩ một cách tuyệt vọng rằng thi thể của Leeseey đã được tìm thấy.

Aheam nhìn anh. “Có ai đó đã gọi cho tờ *New York Post* vài phút trước đây và nói rằng Leeseey Andrews đã để lại lời nhắn cho cha cô ấy hôm nay và nói rằng cô ấy sẽ gọi lại vào Ngày của Mẹ. Tờ *Post* muốn có sự xác nhận.” Phun ra từng lời, anh hét lên: “Tuyệt đối không bình luận!” rồi xáng cái máy điện thoại xuống.

“Phải chăng Leeseey đã thực hiện cuộc gọi đó?” Gregg chất vấn.

Người phóng viên nhận nó không chắc chắn. Nó đã được nói theo kiểu thì thầm bóp nghẹn lại. Chẳng có chi tiết gì về tung tích người gọi.”

“Điều đó có nghĩa là cuộc gọi không được thực hiện từ điện thoại của Leeseey.” Gregg nói. “Con bé có chi tiết nhân thân của người gọi.”

“Đó chính xác là điều tôi định nói. Gregg, tôi sẽ phải thành thật mà nói một cách thô bạo. Hoặc là Leeseey đã gặp phải tình trạng suy sụp tinh thần nào đó, hoặc là cô ấy muốn nổi tiếng, hoặc là cô ấy đang nằm trong tay một gã điên khủng nguy hiểm, đang chơi một trò chơi nào đó.”

“Người chỉ gọi điện thoại về nhà vào Ngày của Mẹ.” Roy Barrott khẽ khàng nói.

“Hoặc người có căn hộ tiện nghi ở khu Woodshed và người tài xế lâu năm muốn làm bất kỳ điều gì cho hần ta.” Aheam cay đắng nói.

Howard Altman suy nghĩ cẩn trọng về cách hắn sẽ tiếp cận với gia đình Kramer để thuyết phục họ cứ ở lại làm giám thị. Olsen đã đồng ý, hắn thừa nhận. Cái gã mà ta làm cho bị sa thải trong ngôi nhà căn hộ trên đường số Chín Mười Tám đã giúp chúng ta tiết kiệm được nhiều tiền. Chỉ tại ta không có được điều này. Olsen không muốn có những sửa chữa lớn ở đó. Bất động sản kể bên đang được rao bán, và một khi nó bán được, lão chắc chắn người ta cũng sẽ có sự mời chào ra trò đối với tòa nhà của lão. Người giám thị đã duy trì mọi thứ theo kiểu tiết kiệm, chặt bó. Trong khi đó người giám thị mới lại lập một danh sách tất cả những gì cần sửa chữa và cứ luôn miệng nói rằng phốt lờ không làm chúng ngay lập tức sẽ là tội ác.

Lẽ ra ta phải ngâm mồm, hắn nghĩ, nhưng ta chẳng bao giờ có thể thấy tại sao gia đình Kramer lại cần một căn hộ ba phòng ngủ - hai phòng ngủ khác chẳng bao giờ được sử dụng.

Quá thường xuyên, cứ khi nào Howard ghé đến gặp gia đình Kramer, hắn luôn yêu cầu cho phép sử dụng nhà tắm. Điều này giúp hắn có cơ hội nhìn qua những phòng ngủ còn trống. Chẳng có lần nào trong gần mười năm hắn bắt đầu làm việc cho Derek Olsen mà hắn lại chú ý thấy có sự thay đổi trong việc để những con gấu nhồi bông trên những cái gối trong giường. Hắn biết họ chẳng bao giờ sử dụng những căn phòng đó, nhưng hắn tự bảo mình rằng lẽ ra hắn phải nhận ra rằng Lil Kramer có niềm tự hào của kẻ ít học trong căn hộ lớn của mình.

Và ta biết rõ về lũ ít học, hắn buồn bã nghĩ. Khi ta còn là đứa trẻ và bố mua cái xe mới cáu cạnh đầu tiên của người, cái rẻ nhất trong lô hàng, người ta hắn nghĩ rằng ông đã trúng số. Chúng ta phải phô bày cho tất cả những người quen biết thấy chỉ vì bố hy vọng rằng họ đang nhỏ dãi ra vì ghen tỵ.

Ta nên bắt đầu mở một blog và viết về cái gia đình bày hầy của chính mình, Howard tự nhủ. Ta không thể để gia đình Kramer về hưu. Có thể Olsen sẽ vượt qua được điều đó nếu ta nhanh chóng kiếm được vài người mới tốt. Nếu không, có lẽ chỉ có nước là lão sẽ sa thải ta, và sẽ đưa công việc của ta cho gã cháu trai bệnh hoạn của lão. Trong vòng ba mươi ngày, có lẽ Olsen sẽ quỹ gối năn nỉ ta quay lại, nhưng đó đâu phải là một cơ hội mà ta có thể nhận lấy. Vậy thì ta có phương cách nào để tiếp cận gia đình Kramer chứ?

Howard Altman xem xét các giải pháp có thể chấp nhận được vào cuối tuần. Rồi, hài lòng với kế hoạch mà hắn đã có, vào lúc mười giờ kém mười lăm sáng thứ hai hắn bước vào tòa nhà trên Đại lộ West End nơi gia đình Kramer sinh sống.

Hắn quyết định dứt khoát rằng sẽ sai lầm nếu năn nỉ họ ở lại, mời chào họ một khoản tăng lương, và đảm bảo với họ rằng căn hộ lớn sẽ luôn là mái ấm của họ. Nếu Gus Kramer nghĩ rằng bằng cách thôi việc hắn sẽ khiến ta bị sa thải, hắn sẽ làm điều đó cho dù hắn không thực sự muốn về hưu bây giờ.

Khi hắn tra chìa khóa vào cánh cửa ở bên ngoài và đi vào phòng tiền sảnh, hắn thấy Gus Kramer đang lau chùi các hộp thư bằng đồng đã sáng loáng rồi.

Gus ngược nhìn lên. "Tôi đoán là mình sẽ không làm điều này lâu nữa." Ông ta nói. "Hy vọng cái gã kế tiếp mà ông có được cũng giỏi bằng phân nửa tôi trong vòng hai mươi năm qua."

"Gus, Lil có ở quanh đây không?" Howard nói, gần như đang thì thầm. "Tôi cần nói chuyện với cả hai người. Tôi lo lắng cho cả hai bạn."

Trông thấy cái nhìn sợ hãi lộ trên khuôn mặt Kramer, hắn biết mình đã đi đúng đường.

“Bà ấy đang soạn đồ đạc trong căn hộ.” Gus đáp. Không bận tâm đến việc lau chùi nốt cái mảng đánh bóng còn lại trên các hộp thư, ông quay đi, bước qua khu vực tiền sảnh về phía căn hộ của mình. Ông mở khóa cửa, đẩy cho nó mở ra và bước vào, để cho Howard chụp lấy nó, trước khi nó bang vào mặt hắn.

“Tôi sẽ gọi Lil.” Gus nói dứt khoát.

Đối với Howard, rõ ràng là Kramer muốn có cơ hội nói chuyện với vợ ông ta và nếu có thể được thì cảnh cáo bà trước khi bà gặp hắn. Bà đang ở trong một trong hai phòng ngủ ở cuối hành lang, hắn nghĩ. Đó là nơi bà phải soạn mọi thứ ra. Sau cùng bà đã tìm ra cách sử dụng khoảng không dôi dư ra đó.

Mất khoảng năm phút trước khi gia đình Kramer cùng ngồi với hắn trong phòng khách. Lil Kramer rõ ràng bị kích động. Bà ta cứ mồm môi lại theo cách bị cưỡng bức, và khi Howard đưa tay ra cho bà, bà chùi tay vào váy trước khi ngần ngừ đáp lại lời chào.

Đúng như hắn nghĩ, lòng bàn tay bà xiết chặt một cách âm ỉ.

Hãy đánh hai quả đấm liên tiếp ngay bây giờ, Howard nghĩ. Hãy để cho bọn họ quay cuồng. “Tôi sắp sửa nói chuyện thẳng vào vấn đề.” Hắn nói. “Tôi không có mặt ở đây khi cậu bé MacKenzie biến mất, nhưng tôi đã có mặt ở đây cái ngày em gái cậu ta xuất hiện. Lil, lúc đó bà cũng lo lắng như bây giờ. Với tư cách là một nhà quan sát, điều rõ ràng đối với tôi là bà đã lo sợ phải nói chuyện với cô ta. Điều đó cho tôi biết rằng bà biết chuyện gì đó về lý do hoặc tại sao cậu con trai đó biến mất, hoặc có thể là bà đã làm điều gì với việc đó.”

Hắn quan sát khi Lil Kramer ném một tia nhìn kinh hoàng cho chồng bà ta và xương gò má của Gus Kramer đổi màu sẫm lại thành một vệt đỏ tía xấu xí. Ta đã đúng rồi, hắn nghĩ. Họ sợ đến chết được. Được khuyến khích, hắn nói thêm: “Cô em gái vẫn chưa xong việc với ông bà đâu. Lần tới cô ta có thể sẽ đem một người điều tra tư hoặc bọn cóm đến cùng cô ta. Nếu ông bà nghĩ có thể bỏ trốn khỏi cô ta bằng cách chạy đến Pennsylvania, thì cả hai người đều điên khùng hết. Nếu cả hai ông bà cùng bỏ đi, khi cô ta quay lại, cô ta sẽ đặt nhiều câu hỏi. Cô ta sẽ phát hiện ra là ông bà bỏ việc bất thành lĩnh. Lil, bà đã bảo với bao nhiêu người trong ngần ấy năm là bà sẽ chẳng nhúc nhích gì ra khỏi New York cho đến khi bà chín mươi tuổi cơ mà?”

Giờ đây Lil Kramer đang nuốt những giọt lệ vào lòng.

Howard dụ giọng lại. “Lil, Gus, hãy suy nghĩ về điều đó. Nếu ông bà bỏ đi bây giờ, Carolyn MacKenzie và bọn cóm sẽ chắc chắn rằng hai người có điều gì đó cần che giấu. Tôi không biết điều đó là gì, nhưng hai người là bạn tôi, và tôi muốn giúp đỡ các người. Hãy để tôi nói với ông Olsen rằng ông bà đang xem xét lại và không muốn bỏ đi. Lần tới khi Carolyn MacKenzie gọi để thu xếp cuộc hẹn, hãy bảo cho tôi biết, và tôi sẽ có mặt ở đây. Tôi sẽ bảo với cô ấy một cách rõ ràng và kiên quyết rằng, ban quản lý không hoan nghênh việc cô ấy làm phiền các nhân viên. Còn gì hơn nữa nhỉ, tôi sẽ bảo cho cô ấy biết có những hình phạt nghiêm khắc cho việc săn đuổi lén lút nữa đấy.”

Hắn trông thấy vẻ thư thái trên khuôn mặt họ và biết rằng hắn đã thuyết phục được họ ở lại. Và ta chẳng cần phải tăng tiền lương hoặc hứa hẹn sẽ để họ ở trong căn hộ này, hắn nghĩ một cách hớn hờ.

Nhưng khi hắn tiếp nhận sự biết ơn đầy khúm núm của Lil và những lời cảm ơn cộc lốc của Gus thì hắn càng nung nấu ý muốn tìm biết tại sao họ lại sợ hãi đến thế, và điều gì, nếu có bất kỳ điều gì, họ biết về lý do khiến Mack MacKenzie biến mất dạng cách đây mười năm.

Sáng chủ nhật tôi đi dự buổi lễ Misa cuối cùng tại St. Francis de Sales. Tôi đã đến đó sớm, đi vào dãy ghế tựa cuối cùng và sau đó cố quan sát những gương mặt trong giáo đoàn đang đi đến. Chẳng cần phải nói, tôi không phát hiện được ai, cho dù là một cách mơ hồ, giống Mack cả. Chú Dev luôn đưa ra bài thuyết giảng thâm trầm, thường pha thêm lời lẽ khôi hài kiểu Ai Nhĩ Lan. Hôm nay tôi chẳng nghe thấy một lời nào về điều đó.

Khi buổi lễ Misa kết thúc, tôi ghé qua nhà mục sư để uống tách cà phê. Mỉm cười, vậy tôi đi vào văn phòng, Devon nói chú ấy sẽ gặp gỡ những người bạn tại Westchester để chơi một ván golf, nhưng họ có thể chờ được. Ông rót cà phê vào hai cái tách trắng đầy rồi trao cho tôi một tách khi chúng tôi ngồi xuống.

Tôi vẫn chưa nói với ông rằng tôi đã đi gặp gia đình Kramer và khi tôi nói, tôi ngạc nhiên vì ông nhớ rất rõ về họ. “Sau khi chúng ta biết rằng Mack đã mất tích, ta đi với cha cháu đến căn hộ đó ở West End.” Ông nói. “Ta nhớ bà vợ đã luôn lo lắng với ý nghĩ rằng có điều gì đó có thể đã xảy ra với Mack.”

“Chú có nhớ bất kỳ điều gì về phản ứng của Gus Kramer không?” Tôi hỏi.

Khi chú Dev có nét nhăn nhúm trầm ngâm trên khuôn mặt, trông chú giống cha tôi đến giật mình. Đôi lúc điều đó làm tôi thoải mái. Những lần khác nó lại làm tôi bị thương tổn. Hôm nay, vì lý do gì đó, là một trong những ngày điều đó làm tôi thương tổn.

“Cháu biết đó, Carolyn,” ông nói, “Kramer là một con ngỗng kỳ quặc. Ta nghĩ hẳn phiền lòng vì khả năng có thể bị giới truyền thông chú ý hơn là lo lắng về Mack.”

Mười năm sau, chính xác đó là phản ứng của tôi đối với gia đình Kramer, nhưng biết rằng Devon sẽ phải sớm khởi hành, tôi không muốn mất thời gian nói chuyện với ông nữa. Thay vì vậy, tôi lấy cái máy khâu bằng đã tìm ra từ vali của Mack và giải thích tại sao tôi phát hiện ra nó. Rồi tôi mở cuộn băng cho ông nghe. Tôi ngắm nhìn nụ cười buồn bã của chú tôi khi nghe tiếng Mack nói chuyện với giáo viên của anh ấy, rồi nét nhú mày bối rối của ông khi nghe Mack bắt đầu đoạn trích dẫn. “Khi, không được số phận sung ái và cặp mắt những gã đàn ông. Ta chỉ có một mình với tình trạng bị ruồng bỏ và thiên đường lặng câm phiền nhiễu cùng những tiếng kêu than vô vọng của ta.”

Sau khi tôi tắt máy, chú tôi nói, giọng khào khào: “Ta vui là mẹ cháu không có mặt ở nhà khi cháu vô tình bắt gặp cuộn băng, Carolyn. Ta không nghĩ sẽ có lúc cháu mở cho bà ấy nghe cuộn băng này.”

“Cháu không định để bà ấy nghe. Nhưng, Devon, cháu đang cố gắng hình dung ra mức độ quan trọng của nó, nếu có. Mack có từng bao giờ trò chuyện với chú về những buổi học riêng với một giáo viên bộ môn kịch nghệ ở Columbia không?”

“Ta nhớ có lần ngẫu nhiên nó có nói. Cháu biết khi Mack lên mười ba và giọng nói của nó thay đổi, nó đã trải qua một giai đoạn khi mọi thứ thực sự ở một cao độ. Nó bị chọc ghẹo không thương tiếc vì điều đó ở trường.”

“Cháu không nhớ Mack đã có giọng nói eo éo.” Tôi phản đối, nhưng rồi ngừng lại để lục tìm trong ký ức. Khi Mack mười ba thì tôi mới tám tuổi.

“Dĩ nhiên là giọng nó đã trầm hơn, nhưng Mack là một đứa trẻ nhạy cảm nhiều hơn hầu hết

mọi người nghĩ. Nó không bày tỏ cảm xúc khi bị tổn thương, nhưng nhiều năm sau, nó thừa nhận với chú là nó đã khốn khổ như thế nào trong khoảng thời gian đó.” Chú Dev gõ nhẹ cạnh cốc vai, hồi tưởng. “Có lẽ phần chìm lửng của nỗi đau mà nó có khiến nó tham gia vào các buổi học tập giọng đó. về một mặt khác, Mack muốn trở thành một luật sư tập sự và là một luật sư giỏi. Nó từng nói với chú rằng một luật sư tập sự giỏi cũng phải là một nghệ sĩ giỏi. Có thể điều đó lý giải cả cho những buổi học và đoạn văn mà nó đã trích dẫn.”

Rõ ràng chúng tôi chẳng thể đi đến kết luận nào. Việc Mack đã chọn đoạn văn tối tăm đó bởi vì tình trạng tâm trí của anh ấy hoặc chỉ đơn thuần vì trích dẫn một đoạn văn đã chuẩn bị trước, chỉ có thể là trò chơi dự đoán. Có lẽ chúng tôi không thể biết được lý do tại sao anh ấy đã ngừng thu băng, hoặc xóa đi phần còn lại của buổi học với giáo viên kịch nghệ.

Vào lúc 12 giờ 30 chú Devon ghì tôi một cách đầm ấm rồi bỏ đi chơi golf. Tôi quay về Sutton Place và vui mừng đi về đó vì tôi chẳng còn cảm giác như ở nhà trong căn hộ ở khu vực West Village của tôi nữa. Thực tế rằng, sống kế bên nơi Leesey Andrews sống đã khiến tôi bối rối khủng khiếp. Nếu không phải vì thực tế đó, tôi nghĩ, chắc chắn thám tử Barrott sẽ không cố gắng kết nối Mack với việc cô ấy biến mất dạng.

Tôi muốn nói chuyện với Aaron Klein, con trai giáo viên kịch nghệ của Mack. Chẳng dễ dàng gì liên lạc với anh ta. Aaron đã làm việc tại Wallace và Madison đã hai mươi năm và hiện nay là người kế tục được chọn lựa của chú Elliot. Tôi nhớ rằng một năm sau khi Mack biến mất dạng, mẹ anh ta cũng là nạn nhân của một vụ cướp và bị giết chết; khi cha mẹ đi cùng với chú Elliot đến thăm, anh ta đang ngồi thiền để tang mẹ.

Vấn đề là tôi không muốn chú Elliot liên quan đến cuộc gặp của chúng tôi. Như Elliot biết, ông tin rằng mẹ và tôi đang hoạch định việc chấp nhận yêu cầu của Mack, điều mà nói với nhiều từ ngữ là “hãy để tôi được yên thân”. Nếu Elliot biết tôi đang liên lạc với Aaron Klein vì Mack, chắc chắn ngày cũng như đêm, lúc nào ông ấy cũng sẽ thấy nhiệm vụ của mình là phải thảo luận về điều đó với mẹ.

Tôi quay về văn phòng cha, mở đèn lên, và đọc kỹ lại hồ sơ của Mack. Tôi biết Lucas Reeves, người điều tra tư nhân, đã phỏng vấn giáo viên kịch nghệ của Mack, cũng như các thành viên khác trong ban giảng huấn của Đại Học Columbia. Tôi đã đọc những lời nhận xét của ông ngày hôm đó, và biết chúng chẳng hữu dụng gì, nhưng giờ đây tôi đang xem xét một cách đặc biệt những gì ông viết về Esther Klein.

Nó rất ngắn. “Bà Klein bày tỏ nỗi buồn và sự chấn động của mình vì việc Mack biến mất dạng. Bà chẳng biết anh đang gặp phải những vấn đề cụ thể gì...”

Một phát biểu thật là vô thưởng, vô phạt, nhớ lại định nghĩa trong tự điển của từ “vô thưởng, vô phạt”: “Mờ nhạt, không tạo cảm hứng, không có sức mạnh gây chú ý hay kích động.”

Vài từ mà bà ta và Mack đã trao đổi trong cuộn băng cho thấy họ đã có mối quan hệ nồng ấm. Phải chăng Esther Klein đã cố tình lẩn tránh khi nói chuyện với Reeves? Và nếu là như vậy thì tại sao?

Đó là câu hỏi khiến tôi trần trọc và xoay trở mãi trên giường tối hôm đó. Sáng thứ hai chẳng thể đến nhanh như tôi muốn. Tôi nhân cơ hội rằng Aaron Klein là một trong những viên chức điều hành đến văn phòng sớm, nên vào lúc chín giờ kém hai mươi tôi đã gọi điện thoại đến Wallace và Madison yêu cầu cho nói chuyện với anh.

Thư ký của anh có câu hỏi theo thông lệ: “Việc này liên quan đến chuyện gì vậy ạ?” và có vẻ phật ý khi tôi bảo đó là chuyện cá nhân, nhưng khi cô báo cho Aaron Klein tên tôi thì anh nhận điện ngay lập tức.

Tôi nói thật nhanh, giải thích với anh rằng tôi không muốn làm Elliot hay mẹ tôi bức mình vì cứ tiếp tục đi tìm anh trai tôi, nhưng tôi vô tình có được cuốn băng của Mack và mẹ Aaron, và tôi có thể gặp anh trước cửa văn phòng để quay cuộn băng ấy cho anh nghe không.

Phản ứng của anh rất nồng nhiệt và đầy sự thấu hiểu. “Elliot nói với tôi rằng anh trai cô đã gọi điện vào Ngày của Mẹ tuần trước và để lại lá thư ngắn nói rằng cô không được đi tìm anh ấy.”

“Chính xác là như thế.” Tôi nói. “Đó là lý do tại sao tôi giữ kín điều này, chỉ chúng ta biết mà thôi. Nhưng cuộn băng mà tôi tìm thấy có thể gợi ý rằng Mack đang gặp vấn đề rắc rối. Tôi không biết mẹ của anh đã có thể nói với anh nhiều bao nhiêu về anh ấy.”

“Bà ấy rất mến Mack.” Klein nói nhanh. “Tôi thực sự thấu hiểu tại sao cô không muốn Elliot và mẹ cô chen vào. Tôi đã luôn lấy làm tiếc về anh trai của cô. Thế này nhé, tôi cần đi sớm hôm nay. Các con trai tôi sẽ tham gia một vở kịch tại trường và tôi không muốn bị hù vù vì kẹt trong dòng xe cộ. Tôi có hết thấy những cuộn băng mà mẹ tôi ghi lại với các sinh viên, cất riêng trong cái hộp trên gác xép. Tôi chắc là bà cũng làm như vậy với anh cô ở đó. Cô có muốn lái xe đến nhà tôi chiều nay vào lúc năm giờ không? Tôi sẽ trao toàn bộ các cuộn băng đó cho cô.”

Dĩ nhiên tôi đồng ý ngay lập tức. Tôi gọi điện xuống garage và bảo người phục vụ rằng tôi sẽ lấy cái xe của mẹ tôi. Tôi biết sẽ rất tổn thương khi phải nghe đi nghe lại giọng nói của Mack, nhưng ít ra tôi cũng có thể chắc chắn một cách hợp lý rằng cuộn băng tôi đã tìm ra trong cái vali nọ là một trong nhiều phương cách tìm kiếm, nó sẽ kết thúc nỗi sợ hãi luôn giày vò chúng tôi rằng anh ấy biến mất bởi anh có một vấn đề rắc rối khủng khiếp không thể chia sẻ với chúng tôi.

Hài lòng vì đã tạo được mối liên lạc, tôi pha một bình cà phê mới và mở nghe tin tức buổi sáng, rồi lắng nghe bản tường thuật giờ chót về trường hợp của Leesey Andrews và tìm tôi như ngưng đập. Có ai đó đã báo cho một phóng viên của tờ *Post* rằng cô ấy đã gọi cho cha mình vào ngày thứ bảy và hứa sẽ gọi lại vào Ngày của Mẹ.

VÀO NGÀY CỦA MẸ!

Điện thoại di động của tôi reo vang. Mọi bản năng báo cho tôi biết rằng đó là thám tử Barrott. Tôi không trả lời. Và một lát sau khi kiểm tra các tin nhắn, tôi nghe tiếng ông: “Cô MacKenzie, tôi muốn gặp lại cô càng sớm càng tốt. Số của tôi là...”

Tôi ngắt đường dây. Trái tim tôi khua lên thành thạch. Tôi có số của ông ấy và tôi không có ý định sẽ gọi lại cho ông cho đến sau khi tôi đã gặp Aaron Klein.

Vào lúc năm giờ chiều hôm đó, khi tôi đến nhà Klein ở Darien, tôi đã bước vào cơn bão lửa. Khi tôi nhấn chuông, cánh cửa được một người đàn bà trông thật hấp dẫn, ở lứa tuổi gần bốn mươi ra mở, cô ta tự giới thiệu mình là Jenny, vợ Aaron. Nét căng thẳng trên khuôn mặt cô cho tôi biết có một điều gì đó sai lầm thật khủng khiếp.

Cô đưa tôi vào căn phòng làm việc nhỏ. Aaron Klein đang quỳ trên thảm, vây quanh là những cái hộp đã mở lật úp xuống. Những đồng băng được phân ra thành những chồng riêng biệt. Ít ra phải có đến ba trăm cuộn băng.

Mặt Aaron xanh xao như xác chết. Khi nhìn thấy tôi, anh chậm chạp đứng lên. Anh nhìn qua đầu tôi hướng đến vợ mình. “Jenny, chúng hoàn toàn không có ở đây. Không có cái nào trong số đó.”

“Nhưng nó có ý nghĩa gì đâu hử Aaron?” Cô phản đối. “Tại sao...?”

Anh cắt ngang lời cô, nhìn tôi, vẻ mặt thật thù địch. “Tôi chưa bao giờ tin rằng mẹ tôi là nạn nhân của một tội ác ngẫu nhiên.” Anh nói thẳng thừng. “Vào thời điểm đó, không có vẻ như đã có vật gì đó bị lấy ra khỏi căn hộ của bà, nhưng thực ra không phải như vậy. Chẳng hề có đến một cuộn băng độc nhất nào về các bài học của anh cô ở đây, mà tôi biết đã có ít ra phải đến hai mươi cuộn. Và tôi biết chúng vẫn còn ở đó sau khi anh ta biến mất dạng. Người duy nhất muốn có chúng phải là anh trai của cô.”

“Tôi không hiểu.” Tôi nói, ngồi thụp xuống cái ghế gần nhất.

“Bây giờ thì tôi tin rằng mẹ tôi đã bị giết bởi có ai đó phải lấy bằng được một vật gì đó trong căn hộ của bà. Người giết bà đã lấy chìa khóa nhà của bà. Vào thời điểm đó, tôi không thể tìm thấy bất kỳ vật gì bị mất đi. Nhưng *thực sự* đã có một vật gì đó bị lấy đi - cái hộp chứa tất cả những cuộn băng mà bà đã làm cho anh trai cô.”

“Nhưng mẹ anh bị tấn công gần một năm sau khi Mack biến mất dạng.” Tôi nói. “Tại sao anh ấy lại muốn có chúng? Chúng có gì hữu dụng với anh ấy?” Và bất chợt nổi khùng lên, tôi hỏi gặng: “Anh đang ám chỉ điều gì?”

“Tôi không đang ám chỉ.” Aaron Klein chụp lấy tôi. “Tôi đang nói với cô rằng bây giờ thì tôi tin là người anh trai mất tích của cô có thể phải chịu trách nhiệm về cái chết của mẹ tôi! Có thể có điều gì đó để buộc tội trong những cuốn băng đó.” Anh chỉ tay ra cửa sổ. “Có một cô gái ở Greenwich đã bị mất tích suốt cả tuần rồi. Tôi không biết cô ấy, nhưng nếu bản tin ở đài mà tôi nghe trong xe ở đây là đúng thì cô ấy đã gọi điện cho cha mình và hứa sẽ gọi lại vào Ngày của Mẹ sang năm. Phải chăng đó là ngày anh trai cô chọn lựa để gọi điện? Không có gì phải ngạc nhiên rằng tại sao anh ta lại cảnh báo cô không được cố tìm cho ra anh ta.”

Tôi đứng lên. “Anh tôi không phải là kẻ giết người. Anh ấy không phải là kẻ háo sắc. Khi mọi người biết sự thật, Mack sẽ không phải chịu trách nhiệm cho những gì xảy ra với mẹ anh hay Leeseey Andrews cả.”

Tôi bước ra ngoài, leo lên xe và bắt đầu lái về nhà. Tôi cho là mình bị chấn động đến nỗi trong tâm trạng mơ hồ, tôi lái xe một cách máy móc và ký ức rõ ràng kế tiếp của tôi là dừng xe trước cửa tòa nhà của chúng tôi trên Sutton Place - và trông thấy thám tử Barrott đang đứng chờ tôi trong phòng tiền sảnh.

“Thôi đi Bố già. Thực sự cậu đâu có phát điên lên vì cháu. Cậu biết cháu yêu thương cậu mà.” Giọng của Steve Hockney nghe thật phỉnh nịnh, vời vỉnh khi hắn ta ngồi đối diện với ông cậu lớn tuổi Derek Olsen của hắn. Hắn đã đón Olsen ở căn hộ của ông và dùng taxi đưa ông đến Shun Lee West trên đường số Sáu Mươi Lăm để dùng cơm tối. “Chúng ta đang dùng món ăn Trung Hoa ngon nhất ở New York. Vì thế chúng ta đang kỷ niệm sinh nhật của cậu trẻ mất vài tuần. Có lẽ chúng ta sẽ kỷ niệm nó hàng năm.”

Steve thấy rằng hắn đang nhận được phản ứng hắn muốn. Sự giận dữ đã biến mất khỏi cặp mắt ông cậu hắn và nụ cười gượng ép đã lượn lờ trên đôi môi ông. Ta phải cẩn thận hơn, Hockney cảnh giác mình. Quên bẽng mất ngày sinh nhật của ông ấy là điều ngu ngốc nhất mà ta đã làm trong một thời gian dài.

“Cháu thật may mắn là ta đã không quăng cháu ra khỏi căn hộ của mình và để cháu phải tự xoay xở cho sự thay đổi đó.” Olsen lầm bầm nhưng không có vẻ ác ý. Điều luôn làm ông ngạc nhiên là cảm xúc ào ạt ủa về mỗi khi ông ngồi với đứa con trai bánh bao của người em gái đã khuất của ông. Đó là bởi vì nó trông giống Irma nhiều quá. Olsen tự nhủ mình - cùng mái tóc đen sậm và cặp mắt nâu to, cùng nụ cười tuyệt vời. Máu thịt của máu thịt ta, ông nghĩ khi cắn một miếng bánh bao hấp Steve đã gọi cho ông. Nó rất ngon. “Những món này ngon thật.” ông nói. “Lúc nào cháu cũng đưa ta đến những nơi dễ chịu. Lẽ ra ta phải cho cháu nhiều tiền lắm chứ.”

“Không, cậu không cần phải thế, Bố già ơi. Cháu đang có nhiều hợp đồng biểu diễn ca nhạc dưới phố. Sự nghỉ ngơi lớn nhất của cháu là chỉ ở quanh các góc phố thôi. Cậu sẽ rất tự hào về cháu đấy. Cứ nghĩ về điều đó mà xem. Ban nhạc của cháu sẽ đứng kế bên Rolling Stones.”

“Cậu đã nghe ban nhạc đó từ khi cháu mới hai mươi. Bây giờ cháu bao nhiêu tuổi? Bốn mươi hai à?”

Hockney mỉm cười. “Ba mươi sáu và cậu biết điều đó mà.”

Olsen cười phá lên. “Ta biết rằng mình biết điều đó. Nhưng nghe ta nói này: Ta vẫn nghĩ rằng cháu phải điều hành các căn hộ. Howie đôi lúc làm ta kinh hoàng. Hắn khiến mọi người bức bối. Hôm nay lẽ ra ta đã đuổi việc hắn, trừ phi gia đình Kramer thay đổi ý kiến về việc bỏ đi, tạ ơn Chúa.”

“Gia đình Kramer à? Họ sẽ chẳng bao giờ bỏ New York đâu! Con gái họ buộc họ mua chỗ đó ở Pennsylvania và cháu sẽ nói với cậu lý do tại sao. Cô ấy không muốn cha mẹ mình làm nghề giám thị. Sẽ làm tổn thương hình ảnh cô ta trước lũ bạn tối tăm, học đòi làm sang của cô ta.”

“A, Howie đã nói chuyện với họ về việc ở lại. Nhưng cháu cần suy nghĩ đến việc tham gia nhiều hơn vào công việc kinh doanh đi.”

Ôi, thôi cho xin đi! Steve Hockney nghĩ. Rồi hắn trấn áp cảm giác bức bối xuống. Phải cẩn thận, hắn cảnh cáo mình một lần nữa, phải rất cẩn thận. Ta là thân nhân duy nhất còn sống của lão, nhưng với tâm tính của lão, lão có thể để lại mọi thứ cho hội đoàn từ thiện, hoặc thậm chí còn cho Howie một phần lớn nữa. Tuần này lão nổi khùng với hắn. Tuần sau lão sẽ bảo với ta rằng chẳng có ai điều hành công việc kinh doanh của lão tốt như Howie, rằng gã giống như con trai lão đối với lão.

Hắn cắn hai miếng bánh rồi nói: “Được rồi, Bố già ơi. Cháu đã suy nghĩ rằng cháu phải giúp cậu

nhều hơn. Hãy nhìn vào tất cả những gì cậu làm cho cháu. Có lẽ lần tới khi cậu đi vòng quanh các tòa nhà cháu nên đi cùng với cậu và Howie. Cháu thực sự thích làm điều đó.”

“Cháu thực sự muốn à?” Giọng Derek Olsen sắc lại, cặp mắt ông tập trung vào khuôn mặt đứa cháu trai. Rồi hài lòng với những gì trông thấy, ông nói: “Cháu muốn điều đó. Ta có thể nói thế.”

“Dĩ nhiên cháu muốn điều đó. Tại sao cháu lại gọi cậu là “Bố già”? Suy cho cùng, cậu đã thay thế cha cháu từ khi cháu mới hai tuổi mà.”

“Ta đã cảnh báo mẹ cháu đừng có lấy gã đàn ông ấy. Hắn chẳng được tích sự gì cả. Gian xảo, thâm hiểm. Khi cháu ở lứa tuổi lên mười, ta đã e sợ rằng cháu sẽ có kết cục giống gã. Tạ ơn Chúa, cháu đã chỉnh sửa mình lại. Với sự góp phần giúp đỡ của ta.”

Steve Hockney mỉm cười đầy cảm kích, rồi lục trong túi hắn và lấy ra một cái hộp nhỏ. Hắn để nó xuống bàn rồi đẩy sang phía ông cậu. “Chúc mừng sinh nhật vui vẻ, thưa Bố già.”

Bỏ lơ cái bánh bao hấp cuối cùng Olsen nhanh chóng mở sợi dây ruy băng, xé tờ giấy gói quà sinh nhật, và mở cái hộp ra. Đó là cây bút Montblanc với tên tắt của lão được khắc trên phần kẹp nắp bút bằng vàng. Một nụ cười hài lòng làm rạng rỡ khuôn mặt lão. “Làm sao mà cháu lại biết ta đã đánh mất cái bút tốt của mình chứ?” Lão hỏi.

“Lần trước khi cháu gặp cậu, cháu thấy cậu xài cái bút rất rẻ tiền. Có khó khăn gì để suy diễn ra đâu.”

Người phục vụ đến với cái đĩa phang đựng món vịt nấu cam. Suốt thời gian còn lại của bữa cơm tối, Steve Hockney thận trọng hướng cuộc nói chuyện đến những hồi ức về người mẹ quá cố của hắn, và cách bà luôn nói rằng người anh lớn của bà là người đàn ông khôn ngoan nhất, tử tế nhất mà bà từng biết. “Khi mẹ cháu đau, bà bảo với cháu rằng tất cả những gì bà muốn làm cho cháu sẽ là giống như cậu vậy.”

Hắn được tưởng thưởng vì trông thấy những giọt lệ đầy tình cảm dâng lên trong đôi mắt cậu hắn.

Khi bữa cơm tối kết thúc, Hockney vẫy một chiếc taxi và đưa cậu hắn về đến tận nhà, chờ cho đến khi ông vào trong căn hộ của mình rồi hắn mới đi. “Cậu nhớ khóa cửa cẩn thận nhé.” Hắn thận trọng nói, với cái ôm ghì cuối cùng đầy tình cảm. Ngay khi tiếng click xác nhận rằng Olsen đã nghe theo những hướng dẫn ấy, hắn chạy ào xuống cầu thang, và với những bước chân nhanh chóng, vội vã đi về căn hộ của hắn, cách đó mười dãy phố.

Vào bên trong, hắn gỡ bỏ ngay áo khoác, quần tây, sơ mi và cà vạt, rồi thay ngay bộ quần áo bằng vải trúc bầu thô và cái áo lạnh tay ngắn. Đã đến giờ đi SoHo rồi, hắn bảo mình. Lạy Chúa, ta nghĩ ta sẽ phát rồ nếu cứ tiếp tục ngồi với lão già ấy quá lâu.

Căn hộ tầng trệt của hắn có lối đi riêng. Khi đi ra ngoài, hắn nhìn quanh, và như hắn vẫn thường làm, nghĩ về nơi cư trú cũ, về người giáo viên kịch nghệ bị giết chết trên con phố chỉ cách đó một dãy nhà.

Các chỗ khác ta có chỉ là hầm hố. Nhưng sau cái chết của người giáo viên ấy, Bố già vui lòng để ta có chỗ này. Ta đã thuyết phục lão ấy rằng người ta vốn mê tín dị đoan. Lão cũng đồng ý là tốt hơn hết không nên cho thuê trong khi cái chết của bà vẫn còn được đề cập trong các loạt tin tức. Điều đó đã cách đây chín năm. Đen giờ này ai còn nhớ được?

Ta sẽ không bao giờ từ bỏ nó, hắn thề với chính mình. Nó phù hợp với ta một cách khít khao,

và lại không có các camera an ninh chó chết theo dõi ta.

Thám tử Barrott có lý do chính đáng để truy tìm tôi. Ông muốn lá thư ngắn mà Mack đã để lại trong cái rổ đựng đồ quỳên góp. Tôi đã bỏ nó vào hồ sơ của Mack trong văn phòng của cha tôi. Tôi mời Barrott đi lên lầu với tôi, và ông theo tôi vào trong căn hộ.

Tôi cố tình cư xử thô lỗ, bỏ mặc ông đứng ở phòng giải lao trong khi tôi đi lục tìm lá thư ngắn đó. Nó vẫn được quấn trong cái bao nhựa đựng bánh mì sandwich. Tôi lấy nó ra và đọc kỹ nó. Mười từ được viết theo kiểu chữ in. “CHÚ DEVON, BÀO CAROLYN KHÔNG ĐƯỢC PHÉP TÌM KIẾM CHÁU.”

Làm sao tôi có thể chắc chắn rằng Mack đã viết những từ đó?

Tờ giấy có vẻ như được cắt ra không thẳng thắn từ một tờ giấy khác lớn hơn. Khi tôi đưa nó cho Barrott vào ngày thứ hai, ông ta chẳng hề quan tâm. Ông đã nói rằng có lẽ chỉ ít thì nó cũng đã được người dân chỗ, chú tôi, mẹ tôi và tôi xử lý rồi. Tôi không nhớ có nói với ông rằng tôi cũng đã đưa nó cho Elliot coi chưa. Có cơ hội nào để các dấu tay của Mack vẫn còn trên đó không nhỉ?

Tôi lại cho nó vào trong cái túi nhựa và mang ra ngoài cho Barrott. Ông ấy đang nói chuyện bằng điện thoại di động. Khi ông thấy tôi đang bước xuôi theo hành lang, ông kết thúc cuộc điện đàm. Tôi đã hy vọng ông chỉ đơn thuần lấy lá thư ngắn ấy rồi đi, nhưng thay vì vậy, ông nói: “Cô MacKenzie, tôi cần nói chuyện với cô.”

Xin hãy để tôi giữ được sự trầm tĩnh, tôi cầu nguyện trong khi đưa ông ta đi vào trong phòng khách. Tôi chợt cảm thấy đầu gối mình thật yếu ớt và tôi phải ngồi xuống cái ghế bành bọc nệm có chỗ dựa lưng cao lên theo kiểu Nữ Hoàng Anne là vật được cha ưa thích nhất trong căn phòng này. Tôi liếc nhìn lên bức chân dung của ông mà mẹ đã cho vẽ, vẫn còn treo phía bên trên lò sưởi. Cái ghế bành bọc nệm lưng dựa cao này đối diện với lò sưởi, và cha thường đùa giỡn là khi ông ngồi trên đó, ông chẳng làm gì khác hơn là tự ngưỡng mộ chính mình. “Lạy Chúa, Liv, hãy ném cặp mắt của bà vào cái gã độc ác có vẽ vĩ đại đó đi.” Ông sẽ nói thế. “Bà phải trả thêm cho tay họa sĩ bao nhiêu để vẽ tôi trông được như thế hử?”

Dẫu sao việc ngồi trong ghế của cha cũng giúp tôi có can đảm. Thám tử Barrott ngồi ở mép ghế trường kỷ và nhìn tôi, chẳng có dấu hiệu nồng nhiệt gì cả. “Cô MacKenzie, tôi vừa được báo là Aaron Klein đã gọi điện thoại cho văn phòng chúng tôi và bảo cho chúng tôi biết anh ấy tin rằng anh trai cô là người đã giết mẹ anh ấy cách đây chín năm. Anh ấy nói luôn cảm thấy rằng người nào giết bà muốn lấy một món gì đó trong căn hộ của bà. Giờ đây anh ấy tin đó là những cuộn băng thu giọng nói của anh trai cô. Anh ấy nói cô bảo rằng cô sẽ đem một cuộn băng đến bật lên cho anh ấy nghe. Cô có cuộn băng đó chứ?”

Tôi có cảm giác như ông ấy đã tạt một ly nước lạnh như băng vào mặt mình. Tôi biết cuộn băng đó sẽ có ý nghĩa với ông ta như thế nào. Ông ta và bất kỳ ai khác trong văn phòng Chương Lý Quận sẽ khẳng định rằng Mack đã có vấn đề rắc rối lớn và đã tâm sự với Esther Klein. Tôi chụp lấy hai tay dựa của cái ghế bành bọc nệm lưng dựa cao này. “Cha tôi là một luật sư và tôi cũng thế.” Tôi bảo Barrott. “Và trước khi tôi nói với ông bất kỳ lời gì hoặc đưa ông bất kỳ vật gì, tôi sẽ hỏi ý kiến một luật sư.”

“Cô MacKenzie, tôi muốn nói với cô một chuyện.” Barrott nói. “Từ sáng thứ bảy, Leesey Andrews vẫn còn sống. Chẳng có gì quan trọng hơn việc tìm thấy cô ấy, nếu điều đó không phải là quá muộn. Hẳn là cô đã nghe các bài tường thuật tin tức nói rằng cô ấy đã gọi điện thoại cho cha mình cách đây hai ngày và bảo với ông rằng cô sẽ gọi lại vào Ngày của Mẹ sang năm. Chắc

hắn là cô cũng đồng ý điều đó thách đố lòng tin rằng chỉ là sự ngẫu nhiên khi cô ấy đi theo hoặc bị buộc phải đi theo - cách làm của anh trai cô."

"Việc Mack gọi điện thoại vào Ngày của Mẹ chẳng phải là điều bí mật." Tôi phản kháng. "Những người khác cũng biết về điều đó. Một năm sau khi Mack biến mất dạng, một phóng viên đã viết bài báo về anh ấy và có đề cập đến chuyện đó. Điều này cũng có trên Internet, cho bất kỳ ai muốn xem xét vấn đề này."

"Thông tin không có trên internet là sau khi giáo viên kịch nghệ của anh trai cô bị cướp giết chết, tất cả những cuộn băng thu giọng nói của anh ta bị đánh cắp khỏi căn hộ của bà ấy." Barrott phản pháo. Ông ta nhìn tôi thật nghiêm khắc. "Cô MacKenzie, nếu có bất kỳ điều gì trong cuộn băng mà cô đang giữ theo cách nào đó có thể giúp chúng tôi tìm ra anh trai cô, suy nghĩ đúng đắn của cô buộc cô phải đưa nó cho tôi bây giờ chứ."

"Tôi sẽ không đưa ông cuộn băng." Tôi nói. "Nhưng tôi sẽ thề với ông rằng chẳng có gì trong đó khiến ông có ý tưởng về bất kỳ nơi nào Mack có thể có mặt ở đó. Tôi sẽ đi xa hơn. Cuộn băng dài dưới một phút. Mack nói vài lời với giáo viên kịch nghệ của anh ấy và bắt đầu trích đọc một đoạn văn của Shakespear. Chỉ có thế."

Tôi nghĩ Barrott tin tôi. Ông gật đầu. "Nếu cô thực sự đã nghe thấy từ anh ta." Ông nói. "Hoặc nếu có điều gì xảy đến khiến cô có thể giúp chúng tôi tìm ra anh ấy, tôi hy vọng rằng cô ghi nhớ trong đầu là sinh mạng của Leeseey Andrews quan trọng hơn nhiều so với việc cố gắng bảo vệ anh trai cô."

Khi Barrott bỏ đi, tôi đã làm điều tôi biết phải làm ngay lập tức - gọi cho sếp của Aaron Klein - Elliot Wallace, người bạn tốt nhất của cha tôi, người chú thay thế của tôi, người cầu hôn mẹ tôi, và bảo với ông ấy rằng bằng việc vi phạm thỏa thuận của chúng tôi chấp nhận các ước muốn của Mack, tôi đã biến anh trai mình thành một kẻ bị tình nghi vừa là kẻ cướp của giết người, vừa là kẻ bắt cóc.

Nick DeMarco đã trải qua một cuối tuần chẳng dễ dàng gì. Anh không muốn thú nhận với chính mình cảm giác bất ổn ra sao khi gặp lại Carolyn. “Pizza và mì ống” đã từng là tên hiệu dành cho anh khi anh thường đến dùng cơm tối ở nhà MacKenzie trên phố Sutton Place.

Ta chẳng có sự biệt đãi xã hội nào, anh nhớ lại. Ta cứ phải luôn quan sát cách người ta sử dụng nữa như thế nào, cách người ta để khăn ăn lên lòng ra sao. Bố giả gắp mép khăn ăn xuống dưới cằm ông. Thậm chí việc nghe ông MacKenzie nói đùa về quá khứ xuất thân từ giai cấp công nhân của ông ấy cũng chẳng nghĩa lý gì đối với ta. Ta nghĩ rằng ông ấy là một người dễ thương, cố gắng giúp gã khờ vụng về cảm thấy được chào đón.

Và niềm say mê mà ta có với Barbara thì sao? Khi ta nhìn lại thì nó chẳng là gì hơn cách ta ghen tỵ với Mack.

Nó chẳng phải vì cô ấy chút nào cả.

Nó là vì Carolyn.

Ta đã luôn cảm thấy thoải mái với cô ấy. Cô luôn vui vẻ và sắc sảo. Ta thích thú được ở bên cô đêm hôm đó.

Gia đình Mack là mô hình lý tưởng theo kiểu trưởng giả ta muốn. Ta yêu cha mẹ mình nhưng ta ước gì cha không mặc quần có dây đeo. Ta ước gì mẹ không luôn ôm chặt tất cả những khách hàng thường xuyên. Điều đó nói lên điều gì? Một điều gì đó giống như “Con cái chúng ta bắt đầu bằng cách yêu thương chúng ta; khi chúng lớn lên, chúng xét đoán chúng ta; đôi khi chúng còn tha thứ cho chúng ta nữa.”

Trong khi nó nên theo cách ngược lại. “Cha mẹ bắt đầu bằng việc yêu thương chúng ta; khi chúng ta lớn lên, họ xét đoán chúng ta; Đôi khi họ tha thứ cho chúng ta.” Nhưng không thường xuyên.

Ta chẳng còn muốn bố có cửa hàng mặt tiền nữa. Ta chẳng biết mình đang làm gì khi đặt ông vào tình thế phải chịu trách nhiệm nhà hàng mới của ta. Ông ấy thật khốn khổ. Mẹ cũng nhớ việc trong nhà bếp. Đứa con trai giai cấp cao của họ không để cho họ được là họ nữa.

Nick DeMarco, với sự thành công lớn, được bầu là chàng trai độc thân của tháng, gã được lắm con gái theo đuổi, anh nghĩ, với chút cay đắng. Nick DeMarco, kẻ dám đương đầu nguy cơ vĩ đại. Và giờ đây có lẽ chính Nick DeMarco, kẻ ngu ngốc đã nắm lấy cơ hội quá nhiều lần.

Leesey Andrews.

Có ai đó đã nghe thấy tôi mời chào việc giúp đỡ cô ấy khởi đầu hoạt động trình diễn không? Nó không hiện ra trong máy camera khi tôi đưa cô ấy tắm danh thiếp có địa chỉ của tôi, nhưng có ai đó ngẫu nhiên thấy tôi đã đẩy nhẹ nó sang cho cô ấy không?

Vào sáng thứ ba, đội trưởng Larry Ahearn và thám tử Bob Gaylor khá tươi tỉnh sau giấc ngủ kéo dài sáu tiếng, cả hai quay trở lại phòng kỹ thuật của văn phòng Chương Lý Quận, xem xét lại các cuộn băng an ninh từ ba hộp đêm khác, trong đó những cô gái trẻ được nhìn thấy lần cuối trước khi biến mất.

Hồ sơ các trường hợp của cả ba người phụ nữ trẻ, Emily Valley, Rosemarie Cummings, và Virginia Trent đều được mở lại. Những bức hình có nhiều hạt lốm đốm ở trường hợp của Emily Valley, cách nay đã mười năm, được làm cho sắc sảo lại, sáng sủa hơn nhờ những thành tựu của công nghệ hiện đại gần đây nhất. Trong đám sinh viên bước vào câu lạc bộ có tên gọi là The Scene, rất có thể nhận dạng rõ ràng Mack MacKenzie và Nick DeMarco.

“Khi chúng tôi bắt đầu tìm kiếm Emily Valley, tất cả những đứa trẻ ở Columbia đã đi đến thành một nhóm sau khi chúng tôi liên lạc với những người đã ký thẻ tín dụng.” Ahearn nhận xét, nói thành lời. “Chỉ một tháng hay hơn sau khi chúng tôi nói chuyện với bọn trẻ thì cậu con trai MacKenzie biến mất dạng. Bây giờ nhìn lại, lẽ ra chúng tôi nên xem trường hợp biến mất ấy thật đáng ngờ và phải gắn chặt vào trường hợp của Valley mới phải.”

“Anh ta chẳng xuất hiện trong bất kỳ cuốn băng video an ninh nào của các câu lạc bộ nơi những cô gái mất tích khác đã có mặt quanh quẩn đó. Dĩ nhiên ba năm sau đó thì cô gái Cummings biến mất tăm, và cô gái Trent thì bốn năm sau đó. Nói chung lần đó anh ta đã có thể thay đổi dáng vẻ bên ngoài của mình nhiều rồi. Anh ta rất coi trọng nghệ thuật kịch trong trường dự bị và cả ở cao đẳng nữa.” Gaylor vạch ra.

“Tôi đã thề là DeMarco chính là gã chúng ta cần tóm, nhưng những cuộn băng bị mất tích khỏi căn hộ vị giáo viên kịch nghệ và sự nhắc đến Ngày của Mẹ đã quang nó lại vụ án của MacKenzie.” Ahearn nói, nổi tuyệt vọng tràn ngập trong giọng nói và trên khuôn mặt anh. “Bằng cách nào hắn đã xoay sở để lẩn trốn được trong mười năm thế? Hắn ta đang sống bằng cái gì? Làm sao mà hắn có thể di chuyển giữa Brooklyn và Manhattan đem theo cái điện thoại di động của cô ấy mà chẳng một ai phát hiện ra hắn nhỉ? Mọi cảnh sát ở New York đều có tấm hình đã tăng tuổi lên của hắn mà. Và hắn đã giữ Leesey ở đâu kể từ khi cô ấy biến mất cho đến lúc cô ấy thực hiện cuộc gọi đó hôm thứ bảy? Và nếu cô ấy vẫn còn sống, hiện giờ hắn đang giữ cô ấy ở đâu?”

“Và hắn đang làm gì với cô ấy?” Roy Barrott cay đắng hỏi.

Chẳng một ai trong hai cộng sự của ông nghe thấy tiếng chân ông bước vào phòng kỹ thuật. Cả hai người đều ngước lên, giật mình.

“Cả hai anh đều cần phải đi về nhà ngủ một chút” Ahearn nói.

Barrott lắc đầu. “Tôi đã ngủ rồi. Dầu sao tôi cũng có nhiều điều cần làm. Nghe này, tôi chỉ mới ghé qua phòng kỹ thuật. Họ vừa hoàn tất việc làm rõ hơn hai tấm hình mà Kate, người bạn cùng phòng của Leesey đã chụp cho cô ấy, kể cả tấm chúng ta sử dụng trên áp phích. Cô ấy chụp hai bức hình này dưới một phút sau khi cô chụp lấy hình Angelina Jolie và Brad Pitt và các con họ. Giờ đây chúng ta có thể nhìn thấy khuôn mặt của những người ở phần hậu cảnh.”

“Và anh đã tìm thấy điều gì?” Ahearn hỏi.

“Hãy nhìn vào bức hình này. Để xem xem các anh có nhận ra cái gã ở bên phía tay trái không.”

“Đó là DeMarco!” Ahearn đáp, rồi nhắc lại điều đó như không thể tin được điều anh đang nhìn thấy. “DeMarco!”

“Chính xác là như thế.” Barrott khẳng định. “DeMarco chẳng bao giờ nói với chúng ta rằng hắn đã có mặt ở Làng Greenwich một tuần trước khi Leeseey biến mất dạng, và đi ngang qua con đường khi Kate chụp hình cho cô ấy. Hắn cũng nói với chúng ta rằng hắn không đang sử dụng chiếc SUV của hắn, hắn lái chiếc Mercedes có thể gấp mui. Chẳng có bất kỳ lời đề cập nào về tay tài xế lái chiếc Mercedes sedan của hắn cả.”

Ahearn đứng lên. “Tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta cần phải mời gã này quay trở lại đây để thẩm vấn nhiều hơn và vắt hắn cật lực.” Anh nói. “Hắn thật là dễ dàng để hắn bắt gã tài xế đưa Leeseey ra khỏi căn hộ tiện nghi của hắn vào lúc nửa đêm và giấu cô ấy ở đâu đó. Người của chúng ta sẽ xuất hiện và có các ngón nghề mới với hắn. DeMarco vừa mua nhiều bất động sản mà không trả khoản tiền trả trước nhiều, về mặt tài chính, hắn đang rất bấp bênh. Nếu hắn mất cái bằng bán rượu ở chốn Woodshed mới mẻ đầy lợi cuốn nhất thời, thì có thể hắn sẽ phải kết thúc bằng cách quay về Queens để điều hành một hắc điểm bán mì ống.”

Ahearn nhìn Gaylor. “Gọi hắn đến đi.”

“Cá mòi ăn một là hắn sẽ có một luật sư đi cùng hắn.” Barrott chộp lấy. “Tôi ngạc nhiên sao hắn lại cố đến một mình tuần rồi.”

Theo lịch, mẹ sẽ bay từ nhà đến Hy Lạp vào ngày thứ tư, và nỗi lo lắng của tôi đang tăng lên. Elliot đã ghé qua sau cuộc điện thoại điên rồ của tôi gọi ông vào chiều tối thứ hai để làm tôi dịu xuống. Có điều gì đó an ủi tôi một cách mãnh liệt trong cách ông tiếp nhận mọi điều tôi phải kể cho ông nghe, kể cả thực tế là Aaron Klein, người kế tục được chỉ định của ông tại Wallace và Madison giờ đây tin rằng Mack phải chịu trách nhiệm về cái chết của mẹ anh ta.

“Điều đó nghe thật phi lý.” Elliot nói một cách dứt khoát. Aaron quên mất đã kể với chú là vào thời điểm đó chẳng có cái gì bị lấy đi khỏi căn hộ đó. - Ta hãy còn nhớ những lời của cậu ấy rất rõ ràng. “Tại sao người nào đó giết mẹ tôi, ăn trộm chìa khóa của bà mà lại không muốn đánh cướp căn hộ chứ?” Ta bảo cậu ấy rằng kẻ nào đó giết mẹ cậu ấy có lẽ là một kẻ nghiện ma túy, bị hoảng loạn khi nhận ra rằng bà ấy đã chết. Trong nhiều năm tháng, Aaron đã chỉ chăm chăm cố tìm cho ra kẻ nào đó để đổ lỗi cho cái chết của mẹ cậu ấy, nhưng ta sẽ bị nguyên rửa nếu để cậu ta cố gắng gán ghép nó cho Mack.”

Chẳng có gì nghiêm trọng hay bị che giấu trong phản ứng nồng nhiệt của Elliot. Bản thân cha còn có thể mãnh liệt hơn. Tôi cho rằng đó chính là giây phút khi bất kỳ sự ngăn ngại nào của tôi về mối quan hệ gần gũi đang tiến triển giữa mẹ tôi và Elliot đã biến mất vĩnh viễn. Đó cũng là giây phút tôi quyết định bỏ từ “Chú” mà chỉ gọi ông ấy là Elliot.

Chúng tôi đều đồng ý rằng điều không thể tránh né là tôi sẽ bị gọi lên thẩm vấn về Mack và rằng chúng tôi phải cố mà thuê một luật sư bảo vệ. “Ta sẽ không cho phép Mack bị xét xử và bị kết án trên báo chí.” Elliot thề thốt. “Ta sẽ tìm quanh và có cho được người luật sư tốt nhất mà ta có thể tìm ra.”

Chúng tôi cũng đồng ý là phải để cho mẹ biết điều gì đang diễn ra.

“Sẽ không lâu cho đến khi một phóng viên táo bạo liên kết sự biến mất của Mack với cô gái bị mất tích vì dính dáng đến Ngày của Mẹ.” Elliot khẳng định. “Tuy nhiên điều còn tồi tệ hơn là ta không thể để điều đó qua mặt các tay thám tử cố tình để rò rỉ thông tin đó ra cho giới truyền thông. Mẹ con không được trông có vẻ như bà đang che giấu họ.”

Elliot gọi điện thoại và gợi ý nhẹ nhàng là bà nên về nhà sớm. Thời điểm mẹ về nhà vào chiều tối thứ tư thì những gì Elliot dự đoán đã trôi qua. Giới truyền thông, giống như lũ chó săn đánh hơi thấy mùi máu mới, một cách hữu hiệu, đã mở lại hồ sơ trường hợp ba cô gái khác biến mất dạng khỏi các hộp đêm, và tường thuật lại thực tế rằng Mack và các người bạn học cao đẳng của anh đã có mặt tại the Scence cái đêm cô gái thứ nhất, Emily Valley biến mất. Sự nổi kết Ngày của Mẹ giữa những cuộc gọi điện thoại theo thông lệ của Mack với lời nhắn của Leesey Andrews cho cha cô ấy dĩ nhiên cũng là loại tin tức hàng đầu.

Mẹ, với cánh tay Elliot choàng qua vai, phải chiến đấu theo cách của bà để vượt qua những máy quay camera và micro khi bà và Elliot về đến Sutton Place. Lời chào của bà dành cho tôi chính xác là điều tôi chờ đợi nhưng lại hy vọng nó sẽ không xảy ra. Những nét quầng thâm dưới cặp mắt đã sưng phồng lên vì khóc nhiều, lần đầu tiên nhìn mỗi ngày trong sáu mươi hai năm cuộc đời bà, mẹ tôi nói: “Carolyn, chúng ta đã đồng ý để Mack sống cuộc đời riêng của nó. Giờ đây vì sự can thiệp của con, con trai ta có thể sẽ bị săn đuổi như một kẻ tội phạm. Elliot rất tử tế đã mời ta đến nhà ông ấy ở. Các túi xách của ta vẫn còn trong xe ông ấy và ta định sẽ đi đến đó. Trong lúc này con có thể hài lòng với mớ hỗn độn đó trên đường phố và cần phải xin lỗi hàng xóm vì đã phá hủy sự riêng tư của họ. Trước khi đi, ta muốn nghe cuộn băng đó.”

Tôi lặng lẽ lấy cuộn băng ra, rồi ngồi xuống với bà trong nhà bếp và bật nó lên cho bà. Giọng

Mack, đùa cợt với giáo viên kịch nghệ của anh, “Tôi nói nghe giống như Lawrence Olivier hay Tom Hanks?” - Rồi sự thay đổi đầy kịch tính trong giọng điệu của anh khi anh bắt đầu trích đọc đoạn văn của Shakespear.

Khi tôi tắt máy, khuôn mặt mẹ trở nên xanh xao, thống khổ. “Có điều gì đó sai lầm.” Bà thì thào. “Tại sao nó đã không đến với ta? Chẳng có gì có thể tồi tệ đến mức ta không thể giúp đỡ nó được.” Rồi bà đưa tay ra cho tôi. “Đưa ta cuộn băng, Carolyn.” Bà nói.

“Mẹ ơi, con không thể.” Tôi nói. “Con không ngạc nhiên nếu chúng ta sẽ nhận một trát hầu tòa cho điều đó. Con nghĩ Mack đang gặp rắc rối. Một điều cần giải thích khác nữa là anh ấy chỉ đơn thuần đọc một bài tập kịch mà thôi. Sáng mai Elliot và con sẽ gặp một luật sư bảo vệ hình sự. Con cần phải có nó để bật cho ông ấy nghe.”

Chẳng thốt thêm lời nào, mẹ tôi quay lưng lại tôi. Elliot thì thầm: “Ta sẽ gọi cho con sau.” trước khi ông chạy ào về phía hành lang đuổi theo sau bà. Khi họ đã đi khuất, tôi lại bật cuộn băng lên nghe một lần nữa. “...Ta chỉ có một mình với tình trạng bị ruồng bỏ và thiên đường lặng câm phiền nhiễu cùng những tiếng kêu than vô vọng của ta.”

Mack có thể đã đóng kịch, hoặc có thể anh ấy đã nói về chính mình, nhưng với sự kết hợp của nỗi đau và niềm cay đắng. Tôi nghĩ rằng giờ đây những ngôn từ ấy thực sự có thể áp dụng cho tôi. Vài phút sau đó, chuông điện thoại trong căn hộ reo vang. Khi tôi nhắc máy lên nói: “Alô” người nào đó ở đầu dây bên kia đã cúp máy.

Hắn không thể thu thập đủ các câu chuyện kể mới về ba cô gái khác, Emily, Rosemarie và Virginia. Hắn nhớ cả ba người rất rõ. Emily là người thứ nhất. Thoạt tiên báo chí chẳng nói quá nhiều về sự mất dạng của cô. Cô là kẻ từng chạy trốn, do vậy, một lần nữa cô không về nhà ở Trenton, New Jersey, ngay cả cha mẹ cô cũng thừa nhận rằng có thể cô đã tự chọn lựa cách biến mất.

Nhưng khi Rosemarie mất tích ba năm sau đó, họ bắt đầu nghĩ có thể Emily đã bị bắt cóc. Rồi khi Virginia biến mất tám bốn năm trước đây, giới truyền thông đã có một cuộc tranh luận quan trọng, kết nối ba sự kiện lại với nhau.

Dĩ nhiên, điều đó không kéo dài. Rất thường xuyên, mọi người có thể sẽ đoạt giải thưởng Pulitzer, sẽ viết một câu truyện chủ chốt liên kết ba người phụ nữ trẻ lại với nhau, nhưng khi chẳng có gì mới để tường thuật, sự chú ý của công chúng đã rơi xuống mức zero.

Leesey đã làm thay đổi tất cả. “Mack, giờ này anh ở đâu?” là câu hỏi trên cửa miệng mọi người.

Mặc bộ đồ chạy bộ có nón che đầu và đeo cặp kính mát, hắn đang chạy bộ trên phố Sutton Place. Đúng như hắn kỳ vọng, nó đang tràn ngập những chiếc xe van của giới truyền thông. Tuyệt vời, hắn nghĩ, tuyệt vời. Hắn lấy cái hộp kim loại nhỏ từ trong túi ra, mở khóa nó và lấy cái điện thoại di động của Leesey ra. Bây giờ khi hắn quay số, họ sẽ có thể định vị được vị trí của hắn đang ở quanh đây. Nhưng đó là điều ta muốn, phải không nào? Hắn tự hỏi mình với một nụ cười trong khi quay số căn hộ, chờ nghe tiếng Carolyn trả lời điện thoại rồi ngắt đường dây. Rồi sau đó nhanh chóng nhịp bước, hắn khuất dạng trong dòng lưu thông của những người đi bộ vội vã trên Đại lộ số Năm Mươi Bảy.

Bruce Galbraith và vợ, bác sĩ Barbara Hanover Galbraith, cho đến nay, đã cố gắng tối đa, tránh không chuyện trò gì về Mack MacKenzie. Nhưng rốt cuộc, vào chiều tối thứ Tư, sau khi con cái đã đi ngủ và họ cũng đã xem xong bản tin lúc mười giờ, Bruce biết anh sẽ đưa đề tài này ra.

Họ đang ngồi trong thư viện của căn hộ rộng rãi trên Đại lộ Công Viên của mình. Bất cứ khi nào Bruce đi công tác xa, sự nhận thức được niềm hạnh phúc mà anh có về mái ấm của anh, và về gia đình anh khiến anh cảm thấy tươi tỉnh. Barbara đã thay bộ đồ ngủ màu xanh lục nhạt và đã tháo kẹp mái tóc vàng ánh tro của cô để nó buông lơi trên đôi vai. Từ lâu anh đã trải qua những ngày tháng vụng về, lúng túng với sự hiện diện của cô, nhưng thậm chí là như thế, cảm nghĩ rằng một ngày kia anh có thể thức dậy và thấy là mình đã nằm mộng, rằng cuộc đời như anh biết chỉ là một ảo ảnh, cứ luôn luẩn quẩn trong tiềm thức của anh.

Anh chứng kiến sự căng thẳng ngày càng tăng ở Barbara trong vòng vài ngày qua kể từ khi giới truyền thông bắt đầu nối kết Mack với việc Leeseey Andrews mất tích, cô gái ở Connecticut, rồi sau đó là vụ cướp giết người giáo viên kịch nghệ.

Trong suốt buổi phát hình, với lòng ghen tuông mà chưa bao giờ anh vượt qua được, Bruce quan sát khuôn mặt vợ khi hình ảnh Mack được chiếu sáng trên màn hình. Sau khi anh nhấn nút bật tắt trên bộ điều khiển từ xa và nhìn màn hình tắt ngúm đi, anh biết rằng đã đến lúc cần phải thảo luận những gì cần được làm.

“Barb,” anh nói, “anh có mặt trong hộp đêm cái đêm cô gái thứ nhất biến mất dạng.”

“Em biết, nhưng có đến hai mươi gã khác từ Columbia, kể cả Nick và Mack nữa cũng như thế.” Barbara đáp, lẩn tránh cặp mắt anh.

“Carolyn MacKenzie đã gọi điện thoại cho anh, nhưng anh chưa trả lời điện thoại cô ấy. Anh cá dù mất bất kỳ vật gì rằng cô ta đang theo dõi vụ đó. Khi cuộc điều tra của cảnh sát mở rộng ra, điều không tránh khỏi là họ cũng xét hỏi anh. Suy cho cùng, Nick và anh là những người bạn cùng phòng của Mack.”

Anh quan sát vợ mình đang cố nuốt những giọt lệ vào trong. “Anh đang hướng đến điều gì?” Cô hỏi, giọng run rẩy.

“Anh nghĩ em và các con nên đi thăm cha em ở Martha’s Vineyard. Ông ấy đã bị ba con đột quỵ. Chẳng ai đặt vấn đề nếu em bảo với mọi người rằng ông ấy lại trong tình trạng xấu nữa.”

“Thế còn việc học của các con thì sao?”

“Đối với những gì chúng ta đã thanh toán tiền, chúng ta có thể thu xếp để có giáo án và giáo viên dạy kèm riêng. Dầu sao thì năm học cũng sẽ kết thúc trong khoảng thời gian vài tuần nữa.”

Anh trông thấy sự không chắc chắn trên khuôn mặt vợ. “Barbara, em đã tham gia thực tập với hai bác sĩ giải phẫu nhi khoa khác, vì thế em đã có cách điều khiển, kiểm soát cuộc sống riêng của mình. Anh muốn nói đây là lúc khẳng định sự kiểm soát đó.”

Anh đứng lên, đi về phía cô, khom người xuống, và hôn lên đỉnh đầu cô. “Anh có thể giết Mack vì những gì hắn đã làm với em.” Anh lặng lẽ nói.

“Em sẽ vượt qua, Bruce, thực sự em sẽ.”

Không, em sẽ không, Bruce nghĩ. Nhưng anh đã học được cách sống với điều đó, và chẳng bao giờ trên cõi đời này anh sẽ để cho Mack lại làm tổn thương em nữa đâu.

Vào chiều tối thứ tư, ngay sau khi mẹ và Elliot bỏ đi, thám tử Barrott đã gọi điện đến. Tôi nghĩ sự việc không thể trở nên tồi tệ nhiều đến thế, nhưng tôi đã lầm. Barrott nhẹ nhàng hỏi xem tôi có biết cuộc gọi mà tôi vừa mới nhận và tôi tưởng là cuộc gọi nhầm số đó đã được thực hiện từ máy điện thoại di động của Leeseey Andrews không. Tôi bị chấn động đến nỗi tôi cho rằng phải mất cả một phút tôi mới nói được điều gì đó đại loại như: “Nhưng điều đó không thể có được.” Tôi dừng lại để tiêu hóa thực tế đó. “Điều đó hoàn toàn không thể có được.”

Barrott khẳng định một cách cộc lốc với tôi rằng đó là sự thật và hỏi tôi có nghĩ rằng anh trai tôi đang cố gắng liên lạc với tôi không?

“Khi tôi trả lời, có ai đó đã cúp máy. Tôi nghĩ hẳn đó là một số gọi nhầm. Ông không thể *bảo* tôi rằng tôi không được nói chuyện với bất kỳ ai đấy chứ?” Tôi giận dữ hỏi ông.

“Chúng tôi biết điều đó. Và chúng tôi cũng biết rằng đây là số điện thoại không được đăng ký đưa vào danh sách trong nhà cô, thưa cô MacKenzie. Đừng phạm lỗi lầm gì nhé. Nếu anh trai cô là người có điện thoại của Leeseey và nếu anh ta đang cố tìm cách liên lạc lại với cô mà cô *không* giúp đỡ chúng tôi tìm ra anh ta, cô có thể trở thành kẻ đồng lõa cho một tội ác nghiêm trọng đấy.”

Tôi không trả lời ông. Tôi chỉ đơn thuần cắt ngang đường dây.

Có lúc nào đó giữa bốn giờ và bảy giờ sáng thứ năm, tôi đã gọi điện thoại cho Lucas Reeves và yêu cầu gặp ông càng sớm càng tốt. Tôi cần sự giúp đỡ từ một người nào đó tôi có thể tin cậy là kỹ lưỡng và vô tư. Tôi đã nhìn thấy từ việc nghiên cứu hồ sơ ông lập cho Mack, rằng ông đã làm một việc tốt, phỏng vấn tất cả những người nào có thể được, những người gần gũi với anh trai tôi. Ý kiến ông đưa ra cho cha thật rõ ràng. “Chẳng có gì về nhân thân con trai ông cho thấy cậu ấy đang gặp vấn đề rắc rối và muốn trốn chạy. Tôi sẽ không loại trừ khả năng một căn bệnh tâm thần mà cậu ấy đã thành công trong việc che giấu mọi người.”

Elliot và tôi sẽ gặp vào buổi trưa tại văn phòng của Thurston Carver, vị luật sư bảo vệ hình sự mà Elliot đã tìm ra để làm đại diện cho chúng tôi. Lúc chín giờ sáng tôi gọi điện cho Reeves. Ông chưa đến, nhưng thư ký của ông hứa rằng ông sẽ gọi lại cho tôi ngay khi ông đến. Rõ ràng là cô ấy đã nhận ra tên tôi. Sau đó nửa tiếng, ông trả lời điện thoại. Nhanh chóng đến mức tối đa, tôi giải thích những gì đã xảy ra. “Có cách nào để ông có thể gặp tôi sáng nay không?” Tôi hỏi, nghe thấy sự tuyệt vọng trong giọng nói của mình.

Giọng ông trầm và âm vang khi trả lời. “Tôi sẽ thu xếp lại lịch làm việc của tôi. Cuộc gặp của cô với luật sư sẽ diễn ra ở đâu?”

“Trên Đại lộ Công Viên và đường số Bốn Mươi Lăm.” Tôi nói. “Tòa nhà Metlife.”

“Số điện thoại của tôi vẫn cùng một số. Nhưng tôi đã dọn văn phòng đi cách đây hai năm. Hiện nay tôi đang ở Đại lộ Công Viên và đường số Ba Mươi Chín, chỉ vài khu phố xuôi xuống từ Metlife. Cô có thể có mặt ở đây lúc mười giờ ba mươi không?”

Vâng, tôi có thể. Tôi đã tắm rửa và thay quần áo. Thời tiết không thể dự đoán được vì hôm nay là một ngày có gió giạt dữ dội. Nhìn qua cửa sổ thấy người ta đang mặc áo khoác và thò tay vào trong túi, tôi đã thay bộ đồ lớn mỏng mà tôi định mặc sang bộ đồ chạy bộ bằng nhung, khiến tôi trông ít giống như một luật sư mà chỉ giống như em gái một người nào đó. Tôi không nói rằng nó làm tôn tôi lên. Nó màu xám đậm và khi nhìn vào gương, tôi thấy nó tạo ra những

quầng thâm dưới mắt tôi và màu xanh xao khác thường cho làn da tôi. Tôi không hay bận tâm đến việc trang điểm cả ngày, nhưng hôm nay tôi đã tốn thời gian dùng phấn nền, tô điểm một chút bóng mắt, phấn hồng, mascara và lớp son bóng. Tất cả sự trang điểm lờ lợc ấy chỉ nhằm bảo vệ anh trai tôi. Tôi nghĩ thế rồi cảm thấy ghét bỏ sự cay đắng có trong suy nghĩ của tôi.

Phải chi tôi đừng đến gặp thám tử Barrott. Phải chi tôi đừng tìm thấy cuộn băng trong vali của Mack. Những ý nghĩ thật vô ích.

Tôi cảm thấy nhức đầu, và mặc dầu không đói, tôi vẫn đi vào nhà bếp, pha một bình cà phê, và nướng một cái bánh nướng xốp kiểu Anh. Tôi đem chúng đến góc phòng ăn điểm tâm và ngồi vào bàn, nhìn chăm chăm quang cảnh ngoạn mục của Bờ Sông Phía Đông. Nhờ cơn gió thoáng thổi mạnh, dòng nước chuyển động thấy rõ, và tôi thấy mình đồng hóa với điều đó. Tôi đang bị một dòng chảy cuốn trôi đi không thể cưỡng lại. Và tôi sẽ phải để nó đưa tôi đi cho đến khi nó áp đảo, dập vùi tôi hoặc buông tha tôi ra.

Tôi vui mừng rằng mẹ đã có mặt ở Hy Lạp trong vài ngày đó, và tôi đã ở trong căn hộ đó một mình. Nhưng đó chỉ là khi bà định có mặt ở nơi nào khác thôi. Tôi thực không thể tin được khi bà có mặt ở New York mà lại không ở trong nhà của chính mình, nhưng khi ra khỏi căn hộ thì tôi đã hiểu lý do tại sao. Những chiếc xe tải truyền thông đang có mặt ở đó với hết công suất, và các phóng viên chạy ào đến chỗ tôi tìm kiếm lời phát biểu. Điều này đã xảy ra với bà tối qua, tôi nghĩ thế.

Tôi gọi điện thoại xuống nhờ người gác cửa vẫy một chiếc taxi, và ông ta đã gọi được một chiếc đang đứng chờ tôi. Phớt lờ những cái micro, tôi nhảy vào trong xe và nói. “Chạy đi!” Tôi không muốn bất kỳ ai nghe thấy điểm đến của tôi. Hai mươi phút sau, tôi ngồi trong phòng tiếp khách của văn phòng Lucas Reeves. Ngay lúc mười giờ ba mươi, ông tiến một cặp trông có vẻ căng thẳng mà tôi đoán cũng là khách hàng khác đi đến cửa bên ngoài, nhìn quanh rồi đi đến chỗ tôi. “Cô MacKenzie, mời cô vào ngay.”

Tôi nhớ chỉ gặp ông có mỗi một lần khi ông đến Sutton Place mười năm trước đây, nhưng hoặc là vì ông vẫn còn nhớ mặt tôi hoặc vì tôi là người duy nhất có mặt trong phòng đợi nên ông cho rằng tôi là Carolyn MacKenzie.

Lucas Reeves thậm chí còn thấp hơn tôi nhớ về ông. Tôi không nghĩ ông cao quá một mét bảy có đi giày. Ông có cái đầu dày dặn với mái tóc muối tiêu thô, xoắn, rõ ràng được nhuộm để tạo cảm giác đang ngả xám một cách tự nhiên. Khuôn mặt ông xếp nếp với những đường nhăn nhỏ quanh miệng gợi cho tôi thấy rằng ông chắc chắn là kẻ nghiện thuốc lá. Giọng nói trầm, dễ chịu của ông đến mức không hợp lý chút nào từ một con người nhỏ bé như vậy, nhưng nó lại tương xứng với cặp mắt nồng ấm và cái bắt tay thật nhiệt tình của ông.

Tôi theo ông vào trong văn phòng riêng của ông. Thay vì ngồi ở bàn giấy của mình, ông đưa tôi đến khu vực ngồi có hai cái ghế, một cái trường kỷ và một cái bàn cà phê. “Tôi không biết về cô, cô MacKenzie. Ông bắt đầu nói khi vẫy tôi ngồi xuống một cái ghế. “Nhưng đối với tôi, đây là lúc dùng cà phê vào giữa buổi sáng. Còn cô thì sao? À, giống như những người bạn Anh quốc của tôi, cô có muốn dùng một tách trà không?”

“Cà phê đen là tốt nhất.” Tôi đáp.

“Cho cả hai chúng ta.”

Cô tiếp tân mở cửa và thò đầu vào. “Sẽ là món gì, thưa ông Reeves?”

“Hai cái đen, Cám ơn, Marge.” Quay sang tôi ông nói: “Trong thời buổi cần có sự chính xác về mặt công cộng nói chung này, tôi bắt đầu pha cà phê cho chính mình trong căn bếp nhỏ xíu của

chúng tôi. Nếu không, trợ lý, thư ký, tiếp tân và kế toán của tôi sẽ dùng vũ lực ném tôi ra ngoài. Họ bảo cà phê của tôi sẽ làm bóc lớp sơn ra khỏi tường.”

Tôi biết ơn ông cố làm tôi cảm thấy thoải mái đến nỗi tôi cảm thấy lệ chảy trào ra trong đôi mắt mình. Ông giả vờ như không chú ý. Tôi đã đề nghị mang hồ sơ của Mack đến cùng với tôi, nhưng ông nói ông có một pho bản. Pho bản của ông đang đặt ở trên cái bàn cà phê. Ông chỉ vào nó. “Hãy cập nhật thông tin cho tôi đi, Carolyn.” Cập nhật ông không hề rời khuôn mặt tôi khi tôi giải thích lý do, vì tôi, mà Mack đã trở thành kẻ bị tình nghi trong cả hai vụ Leeseey Andrews và Esther Klein.

“Và giờ đây người ta cho rằng Mack có điện thoại di động của Leeseey. Chắc chắn chúng tôi có một số riêng, nhưng đó là cùng một số kể từ khi tôi còn là một đứa trẻ. Hàng trăm người biết số đó.” Tôi cắn môi. Điều đó khiến tôi run rẩy đến nỗi không thể nói tiếp. Ý nghĩ lóe lên trong tâm trí tôi rằng mẹ muốn ở lại trong căn hộ ngăn ấy năm tháng chỉ để chắc chắn là bà không bị hớt một cuộc gọi của Mack.

Lắng nghe tôi, nét mặt của Reeves càng lúc càng trở nên bồn chồn. “Tôi e rằng anh trai cô là kẻ khả nghi nhất, Carolyn. Tôi sẽ rất thành thực. Tôi không thấy có lý do gì để một người đàn ông hai mươi mốt tuổi với quá khứ như thế lại chọn cách biến mất dạng. Hoàn toàn thẳng thắn, trong vài ngày qua, với tất cả sự chú ý của giới truyền thông đến cậu ta, tôi cũng đang nghiên cứu hồ sơ cậu ta và làm một số theo dõi, thuần túy chỉ để tự thỏa mãn mình thôi. Cha cô đã thanh toán rất hậu hĩnh cho tôi, mà tôi thì tuyệt đối chẳng đưa ra được sự giúp đỡ nào trong việc giải quyết vấn đề anh cô biến mất dạng.”

Ông nhìn lướt qua tôi. “À, đây là món cà phê mà tôi đã không pha.” Ông chờ cho đến khi những cái tách được đặt trên bàn và chúng tôi còn lại một mình trước khi nói tiếp. “Bây giờ tôi đang nhìn vấn đề đó từ quan điểm của cảnh sát. Cái đêm cô gái đầu tiên biến mất, anh trai cô có mặt ở câu lạc bộ đó, the Scene. Nhưng những người bạn cùng phòng của anh ấy, các sinh viên khác của Columbia và khoảng mười lăm người vẫn đến uống thường xuyên cũng có mặt ở đó. Đây là một câu lạc bộ nhỏ, nhưng dĩ nhiên cũng có một người pha chế rượu, vài người phục vụ, và một nhóm nhạc nhỏ. Cái danh sách, trọn vẹn như tôi có thể làm được, nằm ở kia trong hồ sơ của anh trai cô. Vì rằng giờ đây cảnh sát tin là anh trai cô có thể dính dấp vào vụ mất tích đầu tiên, chúng ta hãy nghĩ giống họ. Với công nghệ, ngày càng dễ dàng để theo dõi cuộc sống của con người. Tôi tự hào nói rằng cơ quan này có hệ thống kỹ thuật độc nhất vô nhị. Chúng tôi sẽ bắt đầu cập nhật kiến thức của mình về mọi người mà chúng tôi biết đã có mặt ở câu lạc bộ đó cách đây mười năm khi tất cả sự việc này bắt đầu.”

Ông nhấp một ngụm cà phê. “Tuyệt hảo. Đậm mà không đắng. Chất lượng thật đáng ngưỡng mộ. Cô đồng ý chứ?”

Tôi không biết đó có phải là lời cảnh báo không. Giá mà ông biết nỗi cay đắng ngày càng tăng của tôi đối với Mack, và thậm chí, tôi phải thừa nhận với chính mình, đối với cả mẹ tôi nữa.

Ông chẳng chờ đợi câu trả lời. “Cô nói cô cảm thấy những người giám thị, tức ông bà Kramer, có vẻ như có điều gì che giấu à?”

“Tôi không biết có phải họ có điều gì che giấu không.” Tôi đáp. “Tôi thực sự biết họ dường như lo lắng một cách khủng khiếp, cứ như thể họ đang bị kết án vì biết điều gì đó về sự biến mất dạng của Mack vậy.”

“Tôi đã phỏng vấn họ cách đây mười năm. Tôi sẽ cho nhân viên của tôi kiểm tra xem có bất cứ điều gì ra ngoài sự bình thường trong đời sống của họ có thể hữu dụng để chúng ta biết không. Giờ đây hãy kể cho tôi nghe về Nicholas DeMarco. Hãy tin cậy tôi để nói về bất kỳ điều nhỏ nhặt nào mà cô có thể nhận được từ anh ta, cho dù là tích cực hay tiêu cực.”

Tôi muốn khách quan. “Giờ đây rõ ràng Nick già đi cả mười năm.” Tôi nói. “Anh ta chẳng chắc hơn, dĩ nhiên. Ở tuổi mười sáu tôi đã say mê anh, vì vậy tôi không biết mình có thể xét đoán anh ấy một cách trung thực không. Anh ấy đẹp trai, anh ấy vui nhộn, quay nhìn lại quá khứ, tôi nghĩ anh ấy cũng có tán tỉnh tôi, và tôi thì đủ trẻ trung để nghĩ rằng mình là đặc biệt đối với anh ấy. Mack cảnh báo tôi phải tránh xa khỏi Nick, và sau đó, một vài lần anh đến dùng cơm tối, tôi đã lựa thời điểm đó đi chơi với bạn bè tôi.”

“Mack cảnh báo cô tránh xa à?” Reeves nhướn một bên chân mày.

“Kiểu hành xử của anh cả đó mà. Tôi cho rằng mình đã bộc lộ tình cảm ra quá nhiều, và Mack bảo rằng tất cả bọn con gái đều ngả về phía Nick. Nói khác đi, khi tôi gặp anh ấy lần cuối, tôi có cảm giác là Nick dường như thích ai đó rất nhiều trong tâm trí anh.”

“Cô có nói chuyện với anh ta về người bạn cùng phòng khác trong căn hộ đó, Bruce Galbraith không?”

“Có. Nick không có quan hệ với anh ta. Thành thực mà nói, tôi không nghĩ anh ấy rất thích Bruce. Anh ấy thậm chí còn gọi người này là ‘Kẻ Xa Lạ Đơn Độc’. Tôi có nói với ông rằng tôi đã để lại lời nhắn yêu cầu gặp Bruce, nhưng cho đến nay anh ta vẫn chưa trả lời.”

“Hãy gọi lại cho anh ta. Tôi e rằng với tất cả sự chú ý của giới truyền thông mà anh trai cô đang có, Bruce Galbraith sẽ phớt lờ yêu cầu cô muốn gặp mặt anh ta. Ngay lúc này, chúng tôi sẽ bắt đầu lập tức việc cập nhật hồ sơ của chúng tôi về những người khác. Vì sự liên quan đến Ngày của Mẹ, cảnh sát đã cố kết nối Mack với sự biến mất dạng của Leesey Andrews và cả việc mở rộng ra thêm trong kết nối với tất cả các người phụ nữ trẻ khác biến mất dạng. *Giờ đây* cú điện thoại gọi đến nhà cô từ điện thoại di động của Leesey càng làm họ chắc chắn về tội lỗi của cậu ấy. Mỗi dấu vết đều hết sức thuận tiện dần quay về với Mack. Tôi đang bắt đầu tự hỏi không hiểu có phải mọi việc đã ngẫu nhiên bắt đầu tối hôm đó tại the Scene, vài tuần lễ trước khi Mack biến mất dạng chẳng?”

Tôi chớp ngay lấy điểm đó. “Ông Reeves, có phải ông đang nói có ai đó khác đang cố tình tìm cách kết nối Mack với sự biến mất dạng của bốn người đàn bà kia không?”

“Tôi nghĩ có thể. Khi chính cô nói rằng có bài báo viết theo chủ đề chính mười năm trước đây công bố một thực tế rằng anh trai cô chỉ gọi điện thoại vào Ngày của Mẹ. Ai biết được nếu có kẻ nào đó ghi nhận thông tin đó trong đầu và nay đang sử dụng nó để làm lệch hướng ngờ vực khỏi hắn ta thì sao? Có những loại trộm cắp nhân thân. Đi theo khuôn mẫu của người nào đó được biết đến là người mất tích và chọn cách không tự phòng vệ mình có thể là một trong những loại người đó. Kẻ bắt cóc Leesey có điện thoại di động của cô ấy. Hắn ta cũng có thể có số điện thoại không được đăng ký của cô.”

Đó là một khả năng nghe có vẻ hợp lý. Khi rời văn phòng Reeves, tôi có cảm giác lần này mình đã đi gặp đúng người, một người sẽ tìm ra sự thực mà không có ấn tượng định trước trong đầu rằng Mack đã trở thành kẻ giết người.

Đi cùng với Paul Murphy, vị luật sư của anh, Nick DeMarco trở lại khu vực tô công tác của các thám tử tại văn phòng Chương lý quận vào trưa thứ năm. Lần này, bầu không khí trong văn phòng đội trưởng Ahearn đầy vẻ thù địch công khai. Không có những cái bắt tay, không có sự bày tỏ lòng biết ơn khi anh đã đáp ứng nhanh chóng lúc nhận cuộc điện thoại yêu cầu anh có mặt càng sớm càng tốt.

Nhưng Nick còn có những vấn đề rắc rối khác trong đầu. Sáng sớm thứ ba, sau cuộc gọi điên cuồng của mẹ anh rằng cha anh đang được đưa vào bệnh viện vì những cơn đau ngực, Nick đã phải bay đi Florida. Vào thời điểm anh đến đó, các xét nghiệm đều là âm tính, nhưng cha anh vẫn được giữ lại trong bệnh viện để bảo vệ ông chống lại khả năng sẽ có một cơn đột quỵ có thể xảy ra. Khi Nick bước vào căn phòng trong bệnh viện, mẹ anh đã chạy ào vào vòng tay anh, và ôm ghì lấy anh một cách mãnh liệt. “Ôi, Nick ơi, mẹ nghĩ chúng ta đã mất ông ấy.” bà òa lên khóc.

Cha anh, một phiên bản của chính anh, nhưng già hơn, nằm dựa trên những cái gối, khuôn mặt xanh xao, ống dưỡng khí được gắn trong hai lỗ mũi, ống dịch truyền gắn trên tay, rõ ràng là không vui vẻ gì. “Nick, cha ghét bệnh viện.” đó là lời chào của ông. “Nhưng có lẽ nó cũng không tệ đến nỗi sau cùng nó đã xảy ra.” Trong xe cứu thương cha đã nghĩ đến những việc cha ước ao sẽ nói với con, chỉ có mẹ con là không để cha nói chúng ra. Bây giờ con sắp sửa nghe chúng đây này. Cha đã sáu mươi tám tuổi. Cha đã làm việc từ khi mười bốn tuổi. Lần đầu tiên trong đời cha cảm thấy vô dụng, và cha không thích điều đó.”

“Cha ơi, con đã mua một cái nhà hàng cho cha điều hành rồi.” Nick phản đối. “Cha là người quyết định về hưu.”

“Chắc chắn rồi, con đã mua một cái nhà hàng ở đây, nhưng lẽ ra con phải hiểu nó không thích hợp với cha. Cha là cái mắc áo tròn trong một cái lỗ vuông ở đó. Cha cảm thấy phát bệnh vì phải nhìn thấy đồng tiền của con chảy máu với những món ăn đắt tiền và ngông cuồng với giá cả trên trời. Cha đã nhìn những chỗ này đến rồi đi. Hãy làm cho con điều ân huệ và hãy bán nó đi, còn không thì hãy bấm vài cái kim bấm vào thực đơn để người ta có thể hy vọng vào nó khi người ta không muốn món patê gan ngỗng hoặc trứng cá caviar.”

“Dominick, đừng làm mình bị kích động như thế.” Mẹ anh nài nỉ.

“Tôi *phải* làm mình bị kích động. Tôi phải gỡ cái này ra khỏi ngực tôi trước khi tôi *thực sự* có một cơn đột quỵ. Chàng độc thân của tháng! Thật gớm ghiếc khi ngắm nhìn con hài lòng ra sao. Con nghĩ là mình đã đoạt được Huy Chương Danh Dự của Quốc Hội. Trong khi cha cứ đi quanh con để nói hãy gỡ bỏ nó đi.”

“Cha, con nghe cha nói rồi. Và dù tin hay không, lần này con đang lắng nghe đây. Hãy nói với con cha muốn gì nào? Con có thể làm gì cho cha hạnh phúc đây?”

“Cha không muốn chơi golf, mà cũng chẳng muốn ngồi trong căn nhà đắt tiền, nơi cha có thể bị một quả banh đánh golf ném vào đầu vì chúng ta ở kế bên cái lỗ thứ mười sáu.”

“Cha ơi, những thứ đó rất dễ để thu xếp. Còn chuyện gì khác nữa không?”

Nick không nhìn thấy sự khinh bỉ trong đôi mắt cha anh. “Con đã ba mươi hai tuổi. Hãy thực tế đi. Hãy là đứa con trai mà chúng ta đã tự hào. Hãy ngừng chạy loanh quanh những người đàn bà mà con gặp trong các câu lạc bộ. Thực tế hãy bước ra khỏi hoạt động kinh doanh câu lạc bộ!”

Con sẽ gặp rắc rối. Hãy tìm cho mình một người con gái dễ thương. Mẹ con và cha sắp đến ngưỡng bảy mươi tuổi. Chúng ta đã lập gia đình mười lăm năm trước khi Thượng đế gửi đến cho chúng ta một đứa con trai. Đừng bắt chúng ta phải chờ mười lăm năm từ bây giờ để có đứa cháu nội.”

Tất cả những điều này lướt qua tâm trí Nick khi anh và luật sư của anh ngồi xuống những cái ghế cứng ngắc, không hề thoải mái tí nào trước bàn làm việc của đội trưởng Ahearn. Thám tử Barrott và Gaylor được bố trí ngồi hai bên viên đội trưởng.

Đó là một đội xử bắn, Nick nghĩ. Cái liếc mắt về phía luật sư của anh cho anh thấy là Murphy cũng đang có cùng một phản ứng như vậy.

“Ông DeMarco,” Ahearn bắt đầu. “Ông đã không báo với chúng tôi rằng ông có một chiếc Mercedes 550 sedan mà ông chỉ sử dụng khi ông được người tài xế của ông lái.”

Nick nhăn mặt. “Chờ một chút. Nếu tôi nhớ đúng thì ông chỉ hỏi tôi về những chiếc xe hơi tôi lái. Tôi chưa bao giờ lái chiếc sedan. Hoặc đó là chiếc mui gấp lại được, hoặc đó là chiếc SUV khi tôi đi một mình.”

“Ông cũng chẳng đề cập đến người tài xế của mình.”

“Tôi không nghĩ có lý do gì để đề cập đến anh ta.”

“Chúng tôi không đồng ý, ông DeMarco.” Ahearn bảo với anh như vậy. “Đặc biệt vì tài xế của ông, Benny Seppini, có một hồ sơ hình sự khá dày dặn.”

Không nhìn anh ta, Nick biết Paul Murphy đang nghĩ gì. Tại sao khách hàng của ta đã không nói cho ta biết nhỉ?

“Benny năm mươi tám tuổi.” Nick bảo với Ahearn. “Khi còn là một đứa trẻ, anh ấy không có cuộc sống trong gia đình và đã dính dấp với một băng đảng trên đường phố khi anh ấy còn trong lứa tuổi vị thành niên. Khi mười bảy tuổi, anh ấy đã bị kết án tù như một người lớn vì tội trộm cắp và đã ở được năm năm. Khi anh ấy ra tù, anh ấy bắt đầu làm việc cho cha tôi. Chuyện đó cách đây ba mươi lăm năm. Khi cha tôi về hưu cách đây năm năm, anh ấy bắt đầu làm việc cho tôi. Anh ấy là một người tốt bụng, tử tế.”

“Chứ không phải người vợ cũ đã lấy được lệnh ngăn cản không để anh ấy gặp cách đây mười năm sao?” Ahearn chớp lấy.

“Người vợ đầu của Benny chết khi còn trẻ. Người vợ thứ hai cố gắng ép Benny phải ký giao căn nhà của hai người cho bà ta. Đó là sự kết tội vu cáo, giả mạo và bà ta đã quăng nó đi ngay giây phút bà ấy lấy được căn nhà.” “Ừ, ừ. Ông DeMarco, ông có hay đi bộ nhiều quanh khu vực Làng Greenwich vào ban ngày không?”

“Dĩ nhiên là không. Tôi là một thương gia.”

“Ông có từng gặp Leesey Andrews trước tối thứ hai cách đây một tuần không?”

“Theo như tôi biết rõ thì tuyệt đối không.”

“Hãy để chúng tôi đưa ông xem một tấm hình mà chúng tôi có về ông, ông DeMarco.” Ahearn gật đầu với Barrott, đang đẩy mạnh những bản in các tấm hình được phóng to mà bạn cùng phòng của Leesey đã chụp cô, qua bàn giấy hướng đến Nick và Murphy.

“Có nhận ra cái gã ở phần hậu cảnh trong bức hình thứ nhì không hở ông DeMarco?” Barrott hỏi.

“Dĩ nhiên đó là tôi ở phần hậu cảnh.” Nick bộp một cái. “Tôi còn nhớ ngày hôm đó. Tôi đang đi gặp một đại lý bất động sản để dùng cơm trưa. Tôi quan tâm đến việc mua bất động sản gần khu vực nơi các tuyến xe lửa cũ đang được quy hoạch phát triển. Một khi sự quy hoạch này bắt đầu được triển khai, các bất động sản chung quanh sẽ vọt giá lên tới trời. Tôi trông thấy những tay săn ảnh chuyên nghiệp đang hành động, và nhìn quanh để xem điều gì đang xảy ra, Brad Pitt và Angelina Jolie đang có mặt ở đó.”

“Ông đã ăn trưa ở đâu?”

“Ở Casa Florenze, ngay góc quanh của tấm hình đó.”

“Thế ông quả quyết rằng ông đã không trông thấy Leeseey Andrews đang được bạn cô ấy chụp hình à?”

“Tôi không chỉ quả quyết. Tôi *đã không* trông thấy cô ấy.” Nick nóng nảy đáp lại.

“Ông có hóa đơn thanh toán cho bữa trưa đó không?” Gaylor nói bằng một giọng cho thấy ông sẽ ngạc nhiên nếu trông thấy một cái hóa đơn như vậy.

“Không, tôi không có. Người môi giới bất động sản đang cố bán bất động sản cho tôi vì thế anh ta đã trả tiền. Nếu anh ta thành công, khoản tiền hoa hồng sẽ đủ cho anh ấy tiếp tục đổ xăng cho xe hơi của mình trong một thời gian dài.”

“Ông sẽ có thể tiếp tục đổ xăng vào tất cả các xe hơi *của ông* trong bao lâu hở ông DeMarco?” Aheam hỏi. “Ông đang dàn trải khá mỏng về mặt tài chính, có đúng không?”

“Hoạt động kinh doanh của ông DeMarco có dính dấp gì đến sự hiện diện của chúng tôi ở đây?” Murphy căn vặn.

“Có lẽ chẳng có gì.” Ahearn đáp lại. “Và cũng có thể rất nhiều. Nếu tình hình đến mức phải quyết định hủy bằng bán rượu ở Woodshed, tôi không tin rằng khách hàng của ông sẽ kiếm sống bằng cách bán kem que ở đó. Và hãy tin tôi đi, chúng tôi sẽ tìm ra một lý do để khiến nó bị hủy bỏ nếu thậm chí chúng tôi ngờ vực rằng ông DeMarco không hoàn toàn thật thà với chúng tôi.”

Aheam quay sang Nick. “Ông có số điện thoại không đăng ký ở nhà MacKenzie trên phố Sutton Place không?”

“Trừ phi nó đã đổi, tôi chắc chắn mình có nó ở đâu đó. Tôi nhớ đã gọi điện thoại cho bà MacKenzie sau khi chồng bà ấy chết trong biến cố 11/9.”

“Anh có nghĩ rằng Leeseey Andrews đã chết không?”

“Chắc chắn tôi hy vọng rằng không. Điều đó sẽ là một thảm kịch.”

“Ông có biết rằng cô ấy vẫn còn sống hay không?”

“Đó là câu hỏi không thể tin được, ông hỏi kiểu gì vậy?”

“Chúng ta ra khỏi nơi này, Nick.” Murphy đứng lên.

Aheam phớt lờ anh ta. “Ông DeMarco, ông có sở hữu một cái điện thoại di động không đăng ký tên ông, vẫn sử dụng loại thẻ trả trước, loại mà những tay bài bạc hay những kẻ hợm đời vẫn dùng không?”

“Đủ rồi! Chúng tôi sẽ không nghe thêm bất kỳ lời bóng gió rở tiền nào của các anh nữa.” Murphy hét lên.

Cứ như thế Larry Aheam chẳng hề nghe thấy anh ta. “Và viên tài xế đầy rắc rối của ông có một cái tương tự chứ ông DeMarco? Và nếu hắn có, hắn đã trả lời cú điện thoại điên cuồng của ông để đưa Leesey ra khỏi căn hộ tiện nghi ấy chứ? Và nếu cô ấy chưa chết, hắn có quyết định cứ tiếp tục giữ cô ấy quanh quẩn để làm vui cho mình không? Và nếu đó là trường hợp này, thì hắn có thông báo cho ông biết về tình trạng sức khỏe của cô ấy không?” Hai nắm tay xiết chặt, Nick hầu như đã ra đến cửa lúc nghe câu hỏi cuối cùng của Ahearn: “Hoặc ông có đang bảo vệ Mack MacKenzie, người bạn cùng phòng thời cao đẳng của ông không, hay có thể đang bảo vệ cô em gái xinh đẹp của hắn ta để bảo vệ hắn ta không? Ông đã có cuộc nói chuyện riêng tư với cô ta tối thứ sáu tuần trước, có đúng không?”

Sau khi rời văn phòng Lucas Reeves, tôi đã gặp Elliot ở văn phòng của Thurston Carver trong tòa nhà Metlife. Rất nhanh chóng, tôi nhận ra là tôi đã từng trông thấy Carver ở tòa án khi tôi làm thư ký cho thẩm phán Huot. Ông là một người to lớn, với bờm tóc mà tôi nghĩ đã hóa thành trắng trước tuổi - tôi ngờ rằng ông đã trên năm mươi lăm tuổi.

Cảm thấy được vững vàng đôi chút vì cuộc gặp gỡ Reeves, tôi nói với Carver ý kiến mà ông ấy đã đề nghị với tôi. Mack đã mất tích. Việc anh ấy gọi điện thoại mỗi năm vào Ngày của Mẹ là điều ai cũng biết, và kẻ nào bắt cóc Leeseey Andrews đang cố gắng tung sự ngờ vực vào Mack bằng những cuộc gọi điện thoại mà hắn đang thực hiện.

Elliot trông thật mệt mỏi và lo âu rất nhiều, chụp lấy khả năng đó. Ông bảo tôi rằng đêm qua mẹ tôi rất phiền lòng và khi họ về đến căn hộ của ông thì bà đã ngã quỵ, khóc nức nở đến nỗi bây giờ ông vô cùng lo lắng cho tình trạng của bà. “Đêm qua ta nhận ra là Olivia đã luôn chắc chắn rằng có điều gì đó đã bao trùm lấy tâm trí Mack khiến cậu ấy biến mất dạng theo kiểu đó.” Ông giải thích với Carver. “Giờ đây bà tin rằng nếu cậu ấy có phạm tội vì những vụ biến mất dạng này, thì cậu ấy hoàn toàn có thể mất trí và có thể kết thúc bằng cách bị bắn khi cảnh sát tìm ra cậu ấy.”

“Và mẹ trách cứ cháu.” Tôi nói.

“Carolyn, bà phải trách cứ *một ai đó*. Nó sẽ không kéo dài. Cháu biết là nó sẽ không kéo dài mà.”

Con là chỗ dựa và là niềm an ủi của mẹ suốt trong sự việc này. Đó là điều mẹ đã bảo tôi tuần rồi, sau cuộc gọi điện thoại của Mack vào buổi sáng Ngày của Mẹ. Tôi vẫn có trọn niềm tin là vào một lúc nào đó bà sẽ hiểu tại sao tôi lại cố đưa tình trạng của Mack đến một kiểu kết thúc nào đó. Trong lúc này, có Elliot giúp đỡ bà, tôi nhận ra rằng mình đã biết ơn ông biết bao khi ông có mặt ở đó với bà. Bất chấp việc này có trở thành thế nào đi chăng nữa, vào thời điểm đó, khi ngồi trong văn phòng sang trọng, bọc gỗ của Thurston Carver, tôi chào thua bất kỳ sự ghen tuông nào mà tôi có thể cảm thấy nếu Elliot sẽ thay thế cha tôi trong cuộc đời mẹ tôi.

Tôi gọi cho Bruce Galbraith trễ hôm đó. Sau khi tôi phải chờ tưởng chừng như mãi mãi thì anh cũng ra nhận điện và miễn cưỡng đồng ý gặp tôi vào trưa thứ sáu. “Tôi cần nói với cô, Carolyn,” Anh nói. “Tôi không gặp mà cũng chẳng nghe tin gì về Mack kể từ ngày anh ấy biến mất. Tôi không thể hình dung cô hy vọng biết được gì từ tôi.”

Tôi thấy lạnh lẽo vì sự chua cay trong giọng nói anh ta, nhưng chẳng đưa cho anh ta câu trả lời đã đến trên đầu lưỡi tôi. *Tôi muốn biết tại sao anh lại ghét Mack nhiều đến thế.*

Trưa thứ sáu, tôi được dẫn vào văn phòng của Galbraith. Nó nằm ở tầng thứ sáu mươi ba trong tòa nhà của anh trên Đại lộ Americas và mở ra toàn cảnh rộng lớn của thành phố. Quang cảnh duy nhất có thể so sánh được mà tôi nghĩ là Căn Phòng cầu vồng trong Trung tâm Rockefeller.

Ký ức của tôi về Bruce thật mờ nhạt. Cha mẹ đã buộc tôi phải tránh xa vụ tìm kiếm anh ấy khi họ đi tới, đi lui căn hộ của anh sau khi anh biến mất. Tôi chỉ có ký ức mơ hồ rằng Bruce có mái tóc màu cát và đeo cặp mắt kiếng không vành.

Lời chào của anh ta chỉ đủ mức thân ái, và anh chọn chỗ ngồi, không vào chỗ mà tôi nghĩ vẫn thường là ghế ngồi của anh, mà là một trong hai cái ghế da tương xứng ở hai bên bàn giấy của anh. Anh bắt đầu bằng cách đưa ra sự thương cảm việc các tờ báo khổ nhỏ gắn kết Mack với sự biến mất của Leeseey Andrews. “Tôi chỉ có thể hình dung điều đó đang tác động thế nào đến mẹ

cô.” Anh nói. Rồi anh thêm vào, sau khi ngừng một chút. “Và dĩ nhiên cả cô nữa.”

“Bruce,” Tôi nói. “Anh có thể hiểu được tôi đã tuyệt vọng như thế nào không phải chỉ tìm ra anh ấy, nhưng cho dù có tìm hay không tìm ra anh ấy thì cũng phải làm trong sạch tên tuổi anh ấy để không dính dấp gì đến những người đàn bà bị biến mất.”

“Tôi tuyệt đối có thể hiểu được điều đó.” Anh nói. “Nhưng vấn đề là Mack, Nick và tôi chỉ chia sẻ một căn hộ. Mack và Nick rất thân thiết. Họ cùng nhau đi ra ngoài, họ hẹn hò với nhau. Nick có mặt tại nhà cô để dùng cơm tối khá nhiều lần. Anh ấy chính là người thích hợp để hỏi về Mack hơn là tôi nhiều. Cô cũng có thể nói chuyện với những người còn lại trong lớp đã tốt nghiệp tại Columbia, vì tất cả mọi điều *tôi* có thể nói với cô chỉ là như vậy.”

“The Barbara thì sao?” Tôi hỏi. “Có lần cô ấy cũng đến dùng cơm tối. Tôi nghĩ cô ấy là bạn gái của Nick, nhưng anh ấy lại bảo với tôi rằng cô ấy say mê Mack, rồi cô ấy lại lấy anh sau khi Mack biến mất. Anh có từng bao giờ nói chuyện với cô ấy về Mack không? Cô ấy có bất kỳ ý kiến nào về điều gì đang có trong đầu óc anh ấy trước khi anh ấy biến mất tăm không?”

“Barbara và tôi dĩ nhiên đã nói chuyện về Mack với những điều mọi người ai cũng biết này. Cô ấy bị bối rối cũng như tôi vì ý kiến rằng anh ấy có thể liên quan đến bất kỳ tội ác nào. Cô ấy nói rằng chắc chắn đó không phải là người cô ấy biết.”

Giọng anh trầm lắng nhưng tôi thấy rõ có một cơn kích động bò từ gáy anh lên đến đôi gò má. Anh *thực sự* ghét bỏ Mack, tôi nghĩ. Có phải đó là sự ghen tuông? Và sự ghen tuông đó đã đưa anh đi xa đến đâu? Anh quá dè dặt, quá kín đáo, một người đàn ông trông bình thường, một người mà nếu xét đoán từ sự thành công của anh ta, lại là một tay trùm địa ốc thiên phú ngoại hạng. Hình ảnh của Mack, với những cái nhìn tốt lành gây choáng váng, với bản tính khô hải tuyệt diệu, với sự duyên dáng luôn có của anh tràn ngập tâm trí tôi.

Tôi nhớ có nghe nói rằng Mack đã vượt lên Galbraith bằng những điểm số ấn tượng để nằm trong top ten của lớp tốt nghiệp. Điều đó hẳn là một cú đấm mãnh liệt vào cái tôi của Galbraith, tôi nghĩ thế. Và sau khi Mack biến mất, Barbara, người con gái Nick nói từng say mê Mack lại lấy Galbraith, có thể để có tấm vé vào trường y khoa...

“Tôi đã gặp Barbara tại nhà tôi nhiều năm trước đây.” Tôi nói. “Tôi sẽ cảm kích nếu có cơ hội được nói chuyện với cô ấy.”

“Tôi e rằng điều đó là không thể được.” Galbraith nói thẳng thừng. “Cha cô ấy đang bệnh nặng. Ông ấy sống ở Martha’s Vineyard. Cô ấy đã bay đến đó với các con để có mặt với ông trong những tuần lễ cuối cùng của ông.” Anh đứng lên, và tôi nhận được tín hiệu là cuộc gặp gỡ đã kết thúc. Anh tiến tôi ra phòng tiếp tân, và tôi đưa tay ra bắt tay anh. Tôi không thể quên cách anh chà xát lòng bàn tay vào cái chân đang mặc quần tây của anh trước khi chấp nhận bàn tay tôi. Tay anh đầy mồ hôi và ẩm ướt. Một con người bình thường trong bộ đồ tây đắt tiền. Cặp mắt anh nhắm lại.

Tôi nhớ Nick đã gọi anh ta là “Kẻ Xa Lạ Đơn Độc.”

Nếu có kẻ nào Lil Kramer ghét hơn Howard Altman thì đó là Steve Hockney, cháu trai của Derek Olsen. Đó là lý do tại sao khi hắn đến mà không báo trước vào sáng thứ sáu, Lil cảm thấy hoàn toàn bối rối. Lời khuyên của Howie đối với bà và Gus - là sẽ không khôn ngoan nếu bỏ chạy đến Pennsylvania cứ như thể họ có điều gì cần che giấu vậy. Thoạt tiên họ đã hoan nghênh với lòng biết ơn. Nhưng bà hoàn toàn ý thức được những mối liên kết rất dễ thay đổi của Olsen giữa cháu trai của lão với trợ lý của lão, Howie, và việc gặp Steve một mình khiến bà hoảng sợ.

Howie đang bị thất sủng với Olsen, bà nghĩ, và Steve sẽ thay thế. Bà vui mừng rằng Gus đã đi lên lầu để thay mấy bộ lọc ở một số máy điều hòa nhiệt độ. Ông ấy đang trong tâm trạng cộc cằn sau khi lau chùi cầu thang giữa tầng hai và tầng ba. Một trong những sinh viên cao đẳng đã đổ bia ra đó suốt cả đêm.

“Lẽ ra chúng phải kéo một cái thùng chứa bia lên.” Ông gầm gừ nhiều phút trước khi Hockney đến. “Đổ bia tràn lan khắp nơi suốt cả đêm. Chẳng cần giết chúng mà cứ để chính bọn chúng phải đi lau chùi mới phải.”

Thật tốt là Gus đã chú ý đến điều đó trước khi Hockney đến đây, bà nghĩ. Hắn có thể biểu diễn một màn trình diễn lớn, kiểm tra các hành lang và cầu thang để cố tìm ra điều gì đó sai sót. Một sinh viên có vẻ mệt mỏi đi vượt qua bà. Suy cho cùng, có lẽ sẽ thật thoải mái khi *không* bị bận rộn suốt cả ngày, cố làm ra vẻ lịch sự, bà mời Hockney vào trong và hỏi xem hắn có muốn một tách trà không. Hắn ngoác miệng cười tươi với bà trong khi sải bước theo sau bà.

Chắc chắn hắn có vẻ bảnh trai, bà nghĩ, và hắn *biết* điều đó. Hắn luôn tự mãn về mình, và khi hắn khoảng hai mươi, Olsen đã phải đóng tiền bảo lãnh tại ngoại cho hắn vì một vài vấn đề rắc rối. Hắn gần như đã phải đi tù. Giờ đây có ánh nhìn xác lác nào đó trong đôi mắt hắn. Hắn từ chối tách trà, nhưng ngồi vào cái ghế trường kỷ, tay vươn ra sau lưng, cặp chân bắt chéo.

“Lil,” Hắn bắt đầu. “Cậu tôi đã được tám mươi ba tuổi tháng trước.”

“Tôi biết.” Bà đáp. “Chúng tôi đã gửi cho ông ấy một tấm thiệp.”

“Bà tốt hơn tôi đấy.” Steve lại mỉm cười. “Nhưng đã đến lúc tôi cảm thấy mình phải đảm đương nhiều việc quản lý các hoạt động làm ăn của ông ấy. Bà biết ông ấy đấy. Ông sẽ không tỏ vẻ rằng ông biết đến tuổi già của mình, nhưng tôi có thể thấy ông đang già đi. Tôi cũng biết rằng gần đây Howie Altman cũng đang làm ông ấy bực bội rất nhiều.”

“Chúng tôi làm việc thuận thảo với ông ấy.” Lil thận trọng nói.

“Hắn đang dọa dẫm các người phải từ bỏ căn hộ này phải không?”

“Tôi nghĩ điều đó đã qua rồi.”

“Hắn là kẻ hay thích bắt nạt. Tôi nghĩ cậu tôi sẽ nghe các người nếu các người làm cho ông ấy biết Howie đã từng thường khó chịu như thế nào và có thể khó chịu như thế với cả hai người.”

“Tại sao tôi lại gây ra rắc rối khi việc ông Olsen nghĩ gì về Howie đâu phải là việc của tôi.”

“Bởi vì tôi muốn có sự giúp đỡ của các người, Lil ạ. Dường như bà đã quên rằng tôi có mặt ở đây trong tòa nhà này khi tất cả mọi người trừ Mack MacKenzie kết tội bà về việc ăn cắp cái

đồng hồ của cậu ta rồi.”

Cặp môi trắng nhợt, Lil lắp bắp: “Cậu ấy đã tìm ra cái đồng hồ đó. Cậu ấy đã xin lỗi rồi mà.”

“Có ai *nghe thấy* cậu ta xin lỗi không?”

“Tôi không biết. Tôi muốn nói là không. Tôi không nghĩ thế.”

Hockney đuổi người dài ra trên cái ghế trường kỷ. “Lil, bà đang nói dối về lời xin lỗi. Tôi có thể nói thế. Nhưng đừng lo lắng. Tôi đã chẳng nói với ai về cái đồng hồ của Mack và sẽ chẳng bao giờ làm thế. Chúng ta đâu có thích Howie, phải không Lil? Nhân tiện, tôi sẽ nói với cậu Derek rằng tòa nhà này là món nữ trang trên vương miện của ông ấy, nhờ vào cách bà và Gus bảo dưỡng nó.”

Derek Olsen không chỉ là một lão già nóng nảy, hay hờn dỗi như Steve, cháu trai của lão và tay quản lý tòa nhà, Howie nghĩ về lão. Lão còn là một nhà đầu tư sắc sảo, quan sát những cổ phần bất động sản của lão trong các tòa nhà chung cư được chọn lựa có tính chiến lược biến thành gia tài cá nhân trị giá nhiều triệu đôla. Giờ đây lão kết luận rằng đã đến đúng lúc để thanh lý tài sản của lão.

Sáng thứ sáu, lão gọi điện Wallace và Madison, và cộc cằn đòi nối đường dây cho lão với Elliot Wallace. Thư ký của Elliot, từ lâu đã quen với cách ứng xử của Olsen, nên không nói rằng ông Wallace đang trên đường đi đến dự một cuộc họp khẩn. Thay vì vậy, cô yêu cầu lão giữ máy, rồi chạy ào xuống hành lang để bắt kịp Elliot ở thang máy. Cô nói: “Thưa có ông Olsen ạ.”

Với tiếng thở dài bực bội, Elliot bước lui lại văn phòng của ông và nhắc máy điện thoại. “Derek, có khỏe không?” Ông hỏi, giọng nồng nhiệt.

“Tôi khỏe. Người cháu trai của ông đang gặp nhiều rắc rối, tôi biết.”

“Như ông biết rõ, Mack đã mất tích mười năm. Thật phi lý khi cảnh sát đang cố gắng kết nối cậu ấy với bất kỳ tội ác nào. Tôi có thể làm gì cho ông?”

“Cậu ta đã gây ra rất nhiều rắc rối *cho tôi* khi biến mất dạng trong lúc đang sống ở một trong những căn hộ của tôi. Dầu sao, đó chẳng phải là lý do tôi gọi. Sinh nhật của tôi là vào tháng trước. Tôi đã tám mươi ba tuổi. Đã đến lúc cần bán hết mọi thứ.”

“Tôi đã gợi ý điều đó trong vòng năm năm qua.”

“Nếu tôi bán cách đây năm năm, tôi sẽ không lấy được cái giá như tôi sẽ có bây giờ. Tôi sẽ đến nói chuyện với ông. Sáng thứ hai, lúc mười giờ có tiện cho ông không?”

“Thứ hai lúc mười giờ là được.” Elliot nói một cách thân ái. Khi chắc chắn rằng Olsen đã cúp máy, ông ném mạnh cái điện thoại vào giá đỡ. “Tôi sẽ phải thu xếp lại lịch làm việc cho cả ngày hôm nay.” Ông cúi kính nói với người thư ký trong khi vội vã quay trở lại thang máy.

Cô nhìn ông đi với đôi mắt thông cảm. Cuộc họp đã được thu xếp để quyết định xem ai sẽ đảm đương các trọng trách của Aaron Klein tại hãng. Sau khi ở nhà bốn ngày, Klein đã gọi điện thoại đến để từ nhiệm, nói rằng anh không thể làm việc sát cánh với người ủng hộ kẻ giết mẹ anh.

Gregg Andrews đã vạch ra một khuôn mẫu cho anh, và anh gắn bó với nó. Sau khi rời bệnh viện, anh đi về nhà, ăn vội một cái gì đó, rồi đi thẳng lên giường ngủ. Đồng hồ báo thức của anh được cài lúc 1 giờ sáng. Vào khoảng 2 giờ sáng, anh đang uống lon bia tại một quán rượu ở Woodshed và ngồi đó cho đến tận giờ đóng cửa. Rồi ngồi trong xe xuôi xuống phố, anh ngắm nhìn cách những người phục vụ, người pha chế rượu, và các thành viên trong ban nhạc bước ra khỏi tòa nhà, kiểm tra để thấy là tất cả bọn họ đều ra về, người này sau người kia chỉ vài phút, và không ai bước ra một mình, như tất cả bọn họ đã quả quyết về cái đêm Leeseey biến mất dạng.

Trong ba đêm qua, anh đã đi bộ quãng đường một dặm giữa câu lạc bộ và căn hộ của Leeseey, dừng lại để nói chuyện với bất kỳ ai anh gặp trên đường phố và hỏi xem họ có ngẫu nhiên có mặt quanh quần đó vào thời điểm Leeseey biến mất và có khi đã trông thấy cô ấy chẳng. Câu trả lời luôn là không. Đêm thứ tư và thứ năm anh lái xe tới lui khắp các con đường khác, vì sợ có khi con bé đã không đi con đường thẳng gần nhất.

Vào sáng thứ bảy lúc 3 giờ 30, sau khi quan sát những người nhân viên khóa cánh cửa Woodshed lại, anh sắp sửa lái xe quanh khu lân cận thì có tiếng gõ nhẹ lên cửa sổ xe. Một gã đàn ông mặt đầy những vết bẩn với mái tóc rối bù đang nhìn anh chằm chằm. Chắc hẳn muốn xin tiền. Gregg quay kiếng cửa xe xuống vài phân.

“Ông là người anh trai.” Người đàn ông nói, giọng khào khào, hơi thở đầy mùi rượu chua nồng. Theo bản năng, Gregg lùi đầu ra sau. “Vâng, đúng thế.”

“Tôi đã trông thấy cô ta. Ông hứa là tôi sẽ có tiền thưởng chứ?”

“Nếu ông có thể giúp tôi tìm ra em gái tôi, thì vâng.”

“Hãy ghi tên tôi này.”

Gregg thò tay vào ngăn để găng tay và lôi ra một tập giấy.

“Đó là Zach Winters. Tôi sống trong khu nhà dành cho người vô gia cư trên phố Mott.”

“Ông nghĩ đã trông thấy em tôi à?”

“Tôi đã trông thấy cô ấy cái đêm cô ấy biến mất dạng.”

“Tại sao ông không ra nói ngay?”

“Chẳng ai tin loại người như tôi cả. Khi tôi bảo họ tôi trông thấy cô ấy, điều kế tiếp họ sẽ nói là tôi đã làm điều gì đó với cô ấy. Đó là điều sẽ xảy ra.” Winters đặt một bàn tay cẩu ghét lên xe để giữ cho mình đứng vững.

“Nếu như bất kỳ điều gì mà ông kể cho tôi nghe giúp chúng tôi tìm thấy em gái tôi, đích thân tôi sẽ trao khoản tiền thưởng cho ông. Ông biết gì chứ?”

“Cô ấy là người khách hàng cuối cùng bước ra. Cô ấy bắt đầu đi bộ theo lối đằng kia.” Hắn chỉ tay. “Rồi một chiếc suv lớn chạy đến và ngừng lại.”

Gregg cảm thấy ruột gan xoắn lại. “Cô ấy có bị buộc phải bước vào trong đó không?”

“Không hề. Tôi nghe thấy người tài xế gọi: “Ê, Leeseey,” và cô ấy nhảy ngay vào chiếc SUV.”

“Ông có thể nói nó là loại xe nào không?”

“Chắc chắn. Đó là chiếc Mercedes màu đen.”

Sáng thứ bảy, hấn mệt lử vì một trong những đợt hồi hận đã thành định kỳ lại đến. Hấn cảm thấy ghê tởm bởi những gì đã làm. Ta chẳng nghĩ ta sẽ lại giết bất kỳ ai nữa. Ta đã sợ hãi rồi mà. Sau vụ đầu tiên, ta cố gắng giữ mình tốt lành. Nhưng rồi nó lại xảy ra hai lần. Ta vẫn cố ngừng lại. Nhưng ta đã không thể. Thế rồi *lão* đã khiến ta phải làm lại một lần nữa - và rồi một lần nữa. Và sau đó thì ta không thể ngừng lại được.

Đôi khi ta cảm thấy muốn kể cho lão nghe. Nhưng điều đó là điên khùng, mà ta thì không điên khùng.

Ta đang suy nghĩ về một ý tưởng mà ta có. Nó sẽ nguy hiểm, nhưng suy cho cùng, lúc nào mà nó chẳng nguy hiểm. Ta biết một ngày kia ta sẽ bị bắt. Nhưng ta sẽ không để họ tống ta vào tù. Ta sẽ đi theo cách của mình và sẽ đem theo bất kỳ kẻ nào có mặt quanh ta.

Ta đã không chạm đến cái điện thoại kể từ đêm thứ Tư. Ta sẽ gọi một cú điện thoại nữa vào ngày chủ nhật.

Ý kiến đó mới hay làm sao.

Và sau đó ta sẽ tìm ra một ai khác.

Bây giờ chưa phải là lúc dừng lại.

Sáng sớm thứ bảy, Gregg Andrews gọi vào điện thoại di động của Larry Ahearn, những từ ngữ lộn xộn trong miệng anh, báo lại rằng có người nào đó đã nhìn thấy Leesey bước vào một chiếc Mercedes suv màu đen trong cái đêm cô ấy biến mất. “Và con bé biết người tài xế.” Gregg nhấn mạnh, giọng anh khà khà vì mệt nhọc và căng thẳng. “Hắn gọi to tên con bé, và thế là con bé nhảy ngay vào xe.”

Sau mười một hay mười hai ngày kể từ khi Leesey được báo cáo là đã mất tích, Ahearn không ngủ nhiều hơn bốn tiếng mỗi đêm. Khi điện thoại reo, anh có mặt ở nhà, đang trong giấc ngủ nặng nề vì mệt lử. Giờ đây phải chiến đấu với chính bản thân để thức dậy, anh nhìn đồng hồ. “Gregg, bây giờ là 4 giờ 30 sáng. Anh đang ở đâu?”

“Tôi đang trên đường tới căn hộ của mình. Tôi có Zach Winters, một người sống trên đường phố cùng với tôi. Anh ta say rượu. Tôi sẽ để anh ta ngủ qua cơn say trong căn hộ của tôi, rồi tôi sẽ đưa anh ta lại để nói chuyện với anh. Tôi bị thuyết phục rằng anh ta chẳng biết gì nhiều hơn những điều tôi kể với anh, nhưng nó lại chính là điểm dẫn đường vững chắc đầu tiên của chúng ta. Còn chủ nhân của cái hộp đêm đó thì sao, cái gã đã mời Leesey đến ngồi tại bàn của hắn ấy? Hắn lái cái gì?”

Nick DeMarco đang lái chiếc SUV đêm hôm đó, Ahearn nghĩ. Hắn bảo với chúng tôi rằng hắn đang mang các dụng cụ của câu lạc bộ đánh golf. Tôi không chắc hắn đã nói nó màu gì. Giờ đây hoàn toàn tỉnh táo, anh ngồi dậy, trượt ra khỏi giường, và đi vào hành lang, đóng cửa phòng ngủ lại phía sau lưng anh. “DeMarco có ít nhất là ba bộ tay lái khác nhau.” Anh thận trọng nói. “Hãy để chúng tôi tìm xem chiếc SUV của hắn có phải là xe Mercedes màu đen không. Tôi cho rằng tôi nhớ nó là như vậy. Gregg, chúng tôi cũng phải kiểm tra người nhân chứng này. Anh nói tên hắn là Zach Winters hả?”

“Đúng đấy.”

“Chúng tôi cũng sẽ kiểm tra hắn. Nếu anh đưa hắn đến căn hộ của mình, hãy cẩn thận nhé. Hắn nghe có vẻ là một kẻ nghiện rượu đấy.”

“Quả đúng vậy. Nhưng tôi không bận tâm. Có lẽ hắn sẽ nhớ thêm cái gì đó về Leesey. Ôi, Chúa ơi!”

“Gregg, có chuyện gì thế?”

“Larry, tôi đang ngủ gục. Suýt nữa tôi đụng phải chiếc taxi đang cắt ngang phía trước. Tôi sẽ gặp anh khoảng mười giờ tại văn phòng anh.”

Một tiếng click báo cho Ahearn biết là Gregg Andrews đã cúp điện thoại.

Cánh cửa phòng ngủ mở ra. Vợ Larry, Sheila, vẫn còn đang thắt lại sợi dây thắt lưng áo ngủ của cô, nói nhẹ nhàng: “Em sẽ pha cà phê trong lúc anh đi tắm nhé.”

Một tiếng sau Larry có mặt ở văn phòng với Barrott và Gaylor. “Điều đó có vẻ đáng ngờ đối với tôi.” Barrott thẳng thừng nói.

Gaylor gật đầu. “Tôi dự đoán rằng nếu gã này - tên gã là gì nhỉ - Zach Winters mà có mặt ở khu phố Woodshed tối hôm đó, có lẽ hắn cũng say khướt lúc nhìn thấy, còn nói gì đến việc nghe thấy điều người ta nói. Tôi cá mất bất cứ món gì rằng hắn chỉ đang cố gắng lấy cho được giải

thường thôi.”

“Đó là cách tôi nhìn vấn đề.” Ahearn đồng ý. “Nhưng chúng ta hãy bắt đầu kiểm tra hẩn trước đã. Gregg nói sẽ đem hẩn đến đây lúc mười giờ.”

Gaylor đang tham khảo những ghi chú của anh. “Khi DeMarco có mặt ở đây lần đầu tiên, hẩn nói chuyện về việc có chiếc SUV trong garage căn hộ tiện nghi ấy bởi vì hẩn sắp sửa chuyển các trang thiết bị câu lạc bộ đánh golf của hẩn ra máy bay sáng hôm sau.” Anh nhìn Barrott và Ahearn. “Chiếc SUV của hẩn là một chiếc Mercedes màu đen.” Anh nói gầy gọn.

“Do vậy, có thể sau khi rời câu lạc bộ, anh ta đi đến căn hộ tiện nghi đó, lấy nó, và quyết định đi về rồi cố tìm cách liên lạc với Leeseey.” Mối Ahearn trở thành một đường khép chặt hẹp. “Tôi nghĩ đã đến lúc dọi lửa lên đầu DeMarco và để cho giới truyền thông biết rằng hẩn ta cũng là “một kẻ đáng chú ý” trong vụ Leeseey mất tích.” Barrott đang mở hồ sơ MacKenzie ra. “Nghe này, Larry. Lần đầu tiên người cha đến đây khi đứa con trai bị báo cáo là mất tích, người của ta đã ghi chú những gì ông ta nói. ‘Không có lý do gì để Mack bỏ đi như vậy. Nó đang trên đỉnh cuộc sống rồi. Tốt nghiệp vào hàng top ten trong lớp. Trường Luật Duke. Đã mua cho nó một chiếc Mercedes suv như món quà tặng tốt nghiệp. Anh chẳng bao giờ thấy một đứa trẻ cảm động đến thế. Chiếc SUV chỉ mới chạy hai trăm dặm khi nó biến mất dạng.’”

“Thế thì sao?” Ahearn ngắt lời.

“Hẩn ta đã bỏ nó trong garage khi biến mất dạng.”

“Anh có hỏi nó màu gì không?”

“Nó màu đen. Tôi chỉ đang tự hỏi không biết nó có vẫn còn là loại xe Mack ưa thích nhất không?”

“Thế điều gì đã xảy ra cho chiếc mà người cha mua cho hẩn?”

“Tôi không biết. Có thể người em gái sẽ bảo cho chúng ta biết.”

“Hãy gọi điện thoại cho cô ấy.” Ahearn ra lệnh.

“Bây giờ thậm chí còn chưa đến sáu giờ.” Gaylor vạch ra.

“Chúng ta đều thức cả, phải không?” Barrott nói.

“Chờ chút.” Ahearn đưa tay ra. “Roy, anh có yêu cầu Carolyn MacKenzie đưa cho anh lá thư ngắn mà anh trai cô ta để lại trong cái rổ đựng đồ quỳen góp không?”

“Cô ấy đã trao cho tôi cái ngày cô ấy đến đây gặp tôi cách đây hai tuần.” Barrott nói, hơi có chút gì đó phòng vệ. “Tôi đã trả nó lại cho cô ta. Đó là một mẫu giấy viết chữ in có mười từ trên đó. Tôi nghĩ sẽ chỉ là vô ích nếu cố làm điều gì đó với nó. Chúng ta không có dấu vân tay của anh trai cô ta trong hồ sơ. Chú của cô ta, vị mục sư, ít ra còn có thêm một người dẫn chỗ ở nhà thờ, bản thân MacKenzie, và mẹ cô ta đều đã đụng chạm đến nó.”

“Có lẽ nó chỉ là vô dụng mà thôi, nhưng tôi muốn xuất ra một trát đòi hầu tòa vì điều đó, và cho cả cuộn băng mà cô ta đã không đưa cho anh cái đêm hôm ấy. Bây giờ hãy gọi điện cho Carolyn và hỏi cô ta xem điều gì đã xảy ra với chiếc xe hơi của anh trai cô ta. Tôi đoán là sau một hoặc hai năm, họ đã bán nó đi rồi.”

Barrott thừa nhận với chính mình rằng ông cảm thấy có điều gì đó thật thỏa mãn khi đánh

thức Carolyn quá sớm. Việc cô ta từ chối không mở cuộn băng hay đưa nó cho ông vào chiều tối thứ hai đã thuyết phục ông rằng chẳng phải nghi ngờ gì cả, cô ta đang cố bảo vệ anh trai mình. Ông hài lòng khi cô trả lời ngay hồi chuông thứ nhất, cho thấy là cô ta cũng chẳng ngủ được ngon giấc. Có ai trong số chúng tôi ngủ được đâu, ông nghĩ. Ông nói chuyện với cô thật ngắn gọn. Từ cái nhìn giật mình trên khuôn mặt ông, Ahearn và Gaylor biết rằng ông đã có được những diễn biến đáng chú ý.

Khi ngắt đường dây, Barrott nói: “Cô ta sẽ kiểm tra với luật sư. Nếu ông ấy đồng ý, cô ta sẽ nộp cuộn băng và lá thư. Các anh có lẽ đã nghe thấy tôi đảm bảo với cô ta rằng ông ấy sẽ đồng ý chứ.”

“Còn về chiếc SUV của anh trai cô ta thì sao?”

“Các anh sẽ không thể tin được điều này. Nó bị đánh cắp khỏi garage Sutton Place trong tòa nhà căn hộ của gia đình khoảng tám tháng sau khi Mack bỏ đi.”

“Bị ăn cắp à?” Gaylor cảm thán kêu lên.

“Những chiếc xe khác có bị lấy không?” Ahearn nhanh chóng hỏi.

“Không, đó là cái duy nhất. Đó không phải là một phương tiện lớn. Một đứa trẻ trực ca, ngủ quên trong chòi canh sau nửa đêm. Điều kế tiếp mà nó biết là nó đã bị đập một cái túi vào đầu, băng keo dán lên miệng, và bị cột chặt hai tay vào ghế. Khi người ta tìm ra nó thì chiếc SUV đã biến mất.”

Ba người đàn ông nhìn nhau. “Nếu Mack ăn trộm chiếc xe của chính mình, rất có thể hắn vẫn đang lái nó.” Gaylor gợi ý. “Cha vợ tôi đã lái chiếc Mercedes trong vòng hai mươi năm.”

“Và nếu hắn vẫn đang lái nó, cũng như nếu câu chuyện của gã say rượu kia được kiểm tra, sẽ có cơ hội tốt ngang bằng rằng Leesey có thể đã đi xe với Mack, chứ không phải DeMarco.” Ahearn u ám nói. “Được rồi, chúng ta hãy lấy những trát hầu tòa đã. Có thể cuộn băng mà Mack thực hiện với giáo viên kịch nghệ sẽ có điều gì đó để chúng ta làm việc được.”

Howard Altman ý thức rất rõ về sự tin cậy bấp bênh, dễ thay đổi của chủ hân, mà dấu hiệu lơ mờ đầu tiên cho hân rằng có điều gì đó sai lầm nghiêm trọng đã xảy ra khi lão Olsen đã không đi ra ngoài ăn điểm tâm muộn với hân sáng thứ bảy. Hân chú ý thấy Olsen sử dụng cây bút Montblanc mới và dự đoán chính xác có lẽ đây là món quà của Steve Hockney, cháu trai của Olsen.

Steve đang ve vãn lão già, Howard cay đắng nghĩ. Cứ như thể là Olsen sẽ để lại mọi thứ cho hân vậy. Điều đầu tiên Steve sẽ làm là sa thải ta. Rồi hân sẽ bán tất cả các tòa nhà chung cư và đút tiền vào túi.

Tòa nhà hân đang sống trên đường số Chín Mươi Tư là tòa nhà nhỏ nhất mà Olsen sở hữu. Nó cao bốn tầng và chỉ có hai căn hộ ở mỗi tầng. Hầu hết những người thuê nhà đã ở đó nhiều năm. Căn hộ của hân là căn duy nhất nằm trên tầng tiền sảnh. Đồ đạc thừa thớt và gọn gàng không chèn vào đâu được. Cái TV sáu mươi inch của hân chiếm gần hết căn phòng khách. Hầu hết các buổi chiều của Howard được chia đều cho hai hoạt động mà hân ưa thích nhất, xem phim trên truyền hình và ngồi vào mạng Internet với các bồ tèo của hân khắp nơi trên thế giới. Hân thấy họ thú vị vô tận, hơn nhiều so với những kẻ hân gặp trong cuộc sống thường ngày.

Là một đầu bếp tuyệt hảo, hân luôn nấu cho mình những bữa cơm tối ngon miệng, xem một cuốn phim trong khi hân có hai ly vang, và ngồi ăn tại cái bàn có khay, sau đó tắt máy truyền hình rồi đi thẳng vào cái máy tính đặt trong phòng ngủ của hân.

Howard yêu căn hộ này, nó đến cùng với việc làm của hân. Hân yêu công việc mình có, đặc biệt là giờ đây hân đang phụ trách hết tất cả các tòa nhà của Olsen. Ta kiếm được tiền từ đó, hân tự nhủ mình, đầy tính phòng vệ. Ta có nó bởi vì ta đã chứng tỏ được mình. Ta có thể sửa chữa bất kỳ cái gì hư hỏng ở đó. Ta có thể dựng bức tường lên để biến một căn phòng thành hai. Ta có thể thay hệ thống dây điện cũ và xây tủ mới. Ta có thể sơn phết, dán giấy tường và cao sàn nhà. Đó là lý do tại sao Olsen cứ tiếp tục thăng chức cho ta. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu lão ấy để lại tất cả cho Steve?

Câu hỏi đó cứ dằng dai trong tâm trí hân. Có lần hân đã không thể tập trung vào cuốn phim đang chạy trong đầu máy DVD của hân. Làm cách nào hân có thể khiến cho Olsen phải đối xử chưa cay với thằng cháu trai của lão nhỉ?

Thế rồi câu trả lời đến với hân. Hân có chìa khóa chính của tất cả các căn hộ trong tòa nhà nơi Steve Hockney sống. Hân sẽ đặt một camera an ninh trong căn hộ của Steve. Ta đã từng thấy hân phê, và ta từng luôn ngờ vực rằng hân có xài ma túy, Howard nghĩ. Nếu ta có thể chứng minh điều đó, nó sẽ kết liễu hân với ông cậu của hân.

Một giọt máu đào hơn ao nước lã. Có thể là như thế.

Hài lòng vì đã tìm ra được một giải pháp khả thi cho vấn đề rắc rối đang đe dọa, hân tắt tivi và đi xuôi theo hành lang về phòng ngủ. Hân mỉm cười với âm thanh u u quen thuộc mà hân nghe thấy mỗi khi bật máy vi tính.

Hân thấy là mình đã trông ngóng kết nối với tay bạn tên Singh của hân ở Mumbai tối nay nhiều đến đâu.

Tôi hầu như chẳng ngủ được đêm thứ sáu, và cuộc gọi điện thoại lúc sáu giờ sáng ngày thứ bảy từ thám tử Barrott đã chấm dứt bất kỳ hy vọng nào để tôi lại có thể trôi vào giấc ngủ trong ít nhất là vài tiếng đồng hồ nữa.

Tại sao thám tử Barrott lại quan tâm đến chuyện gì đã xảy ra cho chiếc SUV của Mack nhiều đến thế nhỉ? Tôi tự hỏi mình khi đặt ống nghe xuống và bước ra khỏi giường. Như thường lệ, tôi để ngỏ các cánh cửa sổ phòng ngủ và đi chân không qua căn phòng để đóng chúng lại. Mặt trời hầu như đã mọc trên Bờ Sông Phía Đông và thời tiết hứa hẹn một ngày tuyệt đẹp. Cơn gió thoảng mát mẻ, và tôi thấy lần này những người dự báo thời tiết đã đúng - trời sẽ có nắng và dễ chịu, nhiệt độ vào khoảng mười chín độ. Tóm lại, đó là một buổi sáng tuyệt hảo vào cuối tháng năm, có nghĩa là ngay bây giờ, chẳng còn gì phải ngờ vực, đã có một dòng người ra khỏi thành phố để đi đến chỗ nghỉ hè của họ từ tối hôm qua rồi. Cư dân ở Sutton Place nếu không có cái nhà thứ hai ở Hamptons thì hầu như không tránh khỏi có một cái ở Cape, hay Nantucket, hay Martha's Vineyard, hoặc ở đâu đó.

Cha chẳng bao giờ muốn gắn chặt vào một căn nhà nghỉ mát, nhưng trước khi Mack biến mất, chúng tôi đã luôn ra đi vào tháng tám. Tôi ưa thích nhất là năm tôi mười lăm tuổi, khi cha thuê một căn biệt thự gần Tuscany, cách Florence khoảng nửa tiếng đồng hồ. Đó là một tháng huyền ảo, còn nhiều hơn thế vì đó là lần cuối cùng tất cả chúng tôi có mặt cùng với nhau.

Tâm trí tôi ngừng lại trong quá khứ để quay về với hiện tại. Tại sao Barrott lại gọi cho tôi về chiếc SUV của Mack chứ?

Garage của chúng tôi khá nhỏ. Nó chỉ chứa được xe hơi của các cư dân trong tòa nhà, với chừng mười khoảng trống đậu xe thêm cho khách viếng thăm. Cha vừa mới mua một chiếc SUV cho Mack một tuần trước khi anh biến mất. Mack đã đậu nó trong garage ở phía Bờ Tây, gần bên căn hộ của anh. Khi anh biến mất được hai tuần, cha đã dùng chiếc chìa khóa dự phòng để đưa chiếc SUV quay về đây. Tôi nhớ rằng rõ ràng Mack đã lái nó trong thời tiết xấu bởi vì nó có một ít bùn bắn tung tóe lên bên hông xe và trên tấm thảm chùi chân của tài xế. Cha đã trả tiền cho một gã trong garage lau chùi nó. Và ông đã làm một điều tốt - quá tốt đến nỗi chẳng thể phục hồi được gì khi cảnh sát quyết định kiểm tra chiếc xe để lấy dấu vân tay.

Khi nó bị lấy cắp đi, cha đã chắc chắn rằng một trong những người phục vụ trong garage đã phát hiện ra nó và lên kế hoạch ăn trộm nó. Ông đã luôn nghĩ rằng cái gã bị trói chặt ấy nằm trong âm mưu này, nhưng do không có bằng cứ nên chẳng bao lâu sau ông đành phải bỏ qua.

Tại sao Barrott lại gọi cho tôi về chiếc SUV của Mack chứ?

Câu hỏi ấy cứ lặp đi lặp lại trong đầu khi tôi pha cà phê và đánh một cái trứng để chiên. Báo chí đã được giao tận nhà và tôi liếc qua chúng trong lúc ăn. Các tờ báo khổ nhỏ vẫn tiếp tục khai thác việc Leesey Andrews biến mất dạng và tự lập luận về sự liên quan của Mack. Aaron Klein kết án Mack đã giết chết mẹ anh ta để lấy lại những cuộn băng vẫn còn là một câu chuyện nóng hổi. Giờ đây trên trang ba có bức hình đăng trong cuốn kỷ yếu của Mack, nhưng nó được tăng cường độ tuổi lên để cho thấy anh trông có thể như thế nào ngày nay. Cố gắng không khóc, tôi nhìn kỹ nó. Gương mặt Mack hơi tròn một chút, đường viền tóc hơi cao hơn, nụ cười đầy tham vọng. Tôi tự hỏi không biết Elliot đã có trên tay những tờ báo này chưa, và nếu rồi, thì mẹ đã nhìn thấy chúng chưa?

Tôi biết bà, bà hẳn sẽ khăng khăng đòi xem chúng. Tôi nghĩ về điều Elliot đã nói với tôi trong văn phòng của Thurston Carver - rằng mẹ đã luôn bị thuyết phục rằng có điều gì đó vỡ đã

khiến Mack biến mất. Giờ đây tôi tự hỏi nếu bà đúng, và nếu là như vậy, có thể nào Mack đã ăn cắp chiếc xe hơi của chính mình không? Viễn ảnh đó không thể tin nổi đối với tôi đến mức tôi nhận ra rằng mình đang lạc đầu. “Không, không, không.” Tôi kêu to lên.

Nhưng tôi đã nói chuyện với anh ấy cách đây hai tuần, tôi thú nhận với chính mình. Anh đã để lại lời nhắn đó cho Chú Dev. Điều giải thích có lý duy nhất cho hành vi ứng xử của Mack đó là anh không có lối suy nghĩ hợp lý. Mẹ e sợ rằng chẳng biết anh có phải chịu trách nhiệm về việc Leeseey biến mất, và có bị cảnh sát đang truy tìm hay không, anh có thể bị bắn nếu anh cưỡng lại việc bắt anh. Điều đó có hợp lý và có thể xảy ra không? Tôi tự hỏi mình.

Cả cha mẹ lẫn tôi đều không thấy có dấu hiệu gì về sự thay đổi hành vi ứng xử của Mack trước khi anh biến mất, nhưng có lẽ có ai đó khác đã thấy. Thế còn bà Kramer thì sao? Tôi tự hỏi mình. Giữa khoảng thời gian lau chùi và giặt giũ, bà ấy thường xuyên ở trong căn hộ của anh ấy. Bà ấy phản ứng một cách đầy lo lắng khi tôi gặp bà. Phải chăng bà đã cảm nhận về tôi như một mối đe dọa? Có lẽ nếu tôi gặp được bà một mình, không có chồng bà ở quanh quẩn, tôi sẽ có thể khiến bà cởi mở với tôi, tôi nghĩ thế.

Bruce Galbraith ghét bỏ Mack. Điều gì đã xảy ra giữa họ khiến gây ra tình trạng đó? Nick gợi ý rằng Barbara đã say mê Mack. Bruce chỉ đơn thuần ghen tuông, hay còn có điều gì xảy ra khiến anh ta vẫn nổi nóng sau cả mười năm rồi?

Dòng suy nghĩ khiến tôi phải xem xét chuyển đi của bác sĩ Barbara Hanover Galbraith đến Martha’s Vineyard để thăm người cha bệnh hoạn của cô ấy. Tôi tự hỏi cô dự định sẽ ở lại đó bao lâu. Tôi nhớ Bruce đã phản ứng một cách nóng nảy khi tôi bảo với anh rằng tôi muốn nói chuyện với cô ấy. Một ý nghĩ đến với tôi rằng anh ta đã cố tình đẩy cô ấy ra khỏi thành phố để ngăn tôi gặp cô hoặc cảnh sát tìm kiếm cô. Tên cô nằm trong hồ sơ của Mack như một người bạn thân, tôi nhắc nhở mình.

Tôi cho vài cái đĩa vào máy rửa bát, rồi đi vào văn phòng của cha và mở máy tính để xem tôi có thể lấy địa chỉ và số điện thoại của cha cô ấy tại Martha’s Vineyard không. Có vài cặp Hanover, “Judy và Syd”, “Frank và Natalie” và một Richard Hanover được liệt kê ở Vineyard. Tôi biết mẹ của Barbara đã chết vào khoảng thời gian cô ấy tốt nghiệp nên lấy đại cơ hội đó, tôi quay số gọi Richard Hanover.

Một người đàn ông trả lời ngay hồi chuông thứ nhất. Đó là một giọng nói già nua, nhưng thật vui vẻ. Tôi đã suy nghĩ điều sẽ nói: “Đây là Cluny Flowers ở New York. Tôi muốn xác minh địa chỉ của Richard Hanover. Có phải đó là số mười một Maiden Path không?”

“Đúng rồi, nhưng ai sẽ gửi hoa cho tôi? Tôi đâu có bị ốm, chết, hay có ngày sinh nhật đâu?” Giọng ông nghe vững chãi và khỏe mạnh.

“Ồ, tôi e mình đã nhầm.” Tôi nói nhanh. “Việc thu xếp này là dành cho một bà tên Judy Hanover.”

“Không có vấn đề. Lần sau có thể họ sẽ dành cho tôi. Chúc cô một ngày tốt lành.”

Khi tôi cúp đường dây, phản ứng đầu tiên của tôi là xấu hổ với chính mình. Tôi đã trở thành một kẻ dối trá rành rành. Ý nghĩ thứ nhì của tôi là bác sĩ Barbara Hanover Galbraith đã rời New York không phải vì cha cô bị cơn đột quỵ, mà là vì cô ấy không muốn có mặt quanh quẩn ở đây để bị chất vấn về Mack.

Tôi biết mình sẽ làm gì. Tôi tắm rửa, mặc quần áo, rồi ném vài món đồ vào trong một cái túi. Tôi sẽ phải mặt đối mặt chất vấn Barbara. Nếu mẹ nói đúng, và Mack đã sục đồ cách đây mười năm, thì cô ấy có chứng kiến hành vi cho thấy một căn bệnh tâm thần nào không? Tôi nhận ra

rằng mình đang trở nên điên cuồng tạo một cái khung bảo vệ cho Mack nếu như anh có ở đó, còn sống, không ổn định và đang phạm các tội ác.

Tôi gọi cho điện thoại di động của Elliot. Thực tế rằng ông không gọi tên tôi và nói bằng một giọng trầm nhỏ hứa sẽ gọi lại cho tôi gọi cho tôi hiểu là mẹ đang trong tầm nghe thấy cuộc gọi.

Khi ông gọi lại nửa tiếng sau đó, tôi không thể tin được điều ông nói với tôi. “Thám tử Barrott của cháu đến đây tìm cách nói chuyện với mẹ cháu. Ta bảo rằng chúng ta sẽ gọi luật sư của chúng ta cùng cố mặt, nhưng rồi Olivia hét lên với hấn điều gì đó đại loại như là: ‘Ông không thấy là con trai tôi đang bị sụp đổ à? Ông không hiểu là nó chẳng phải chịu trách nhiệm gì về bất cứ điều nào sao? Nó bị ốm. Nó chẳng biết điều nó đang làm.’”

Miệng tôi khô ran đến nỗi tôi chỉ có thể thì thào, mặc dầu không cần thiết phải làm thế. “Thế rồi Barrott nói gì?”

“Hắn ta xác minh điều mẹ cháu nói rằng bà tin là Mack đang mắc bệnh tâm thần.”

“Bây giờ mẹ ở đâu vậy?”

“Carolyn, bà ấy bị kích động quá. Ta đã gọi một bác sĩ đến. Ông ấy chích cho bà một mũi thuốc và ông ấy cảm thấy là bà cần được theo dõi trong vài ngày. Ta sẽ lái xe đưa bà đến một viện điều dưỡng tuyệt vời ở Connecticut, nơi bà có thể nghỉ ngơi một chút và còn có thể tư vấn về sức khỏe được nữa.”

“Chỗ nào ạ?” Tôi hỏi. “Cháu muốn gặp chú ở đó.”

“Đó là Sedgwick Manor, ở Darien. Carolyn, đừng đến đó. Olivia không muốn thấy mặt cháu. Và điều đó chỉ càng làm bà ấy bức bối hơn nếu cháu cứ khẳng khẳng muốn đến thăm bà. Trong đầu óc bà, cháu đã phản bội Mack. Ta hứa là ta sẽ chăm sóc bà và sẽ gọi lại cho cháu ngay khi bà ổn định ở đó.”

Tôi không thể nói gì hơn là đồng ý. Chẳng còn gì tệ hơn cho Mack khi mẹ đã nói đi, nói lại với cảnh sát rằng anh ấy bị mất trí. Sau khi cúp máy, tôi đi vào phòng ngủ của mình, lấy cuộn băng của Mack ra nghe lại và xem xét kỹ mẫu giấy mà trên đó anh đã viết in mười từ cho chú Devon. “CHÚ DEVON, BẢO CAROLYN KHÔNG ĐƯỢC PHÉP TÌM KIẾM CHÁU.” Tôi lắng nghe giọng nói của anh: “Khi, không được số phận sủng ái và cặp mắt những gã đàn ông, Ta chỉ có một mình với tình trạng bị ruồng bỏ và thiên đường lạnh căm phẫn nhiều cùng những tiếng kêu than vô vọng của ta.”

Tôi hình dung được phản ứng của Barrott khi ông ta có thể đặt tay lên lá thư ngắn và cuộn băng này sau khi đã nghe những điều bộc phát của mẹ. Tôi chỉ ngưng được ý nghĩ đó khi người gác cửa gọi điện báo cho biết thám tử Gaylor đang trên đường đi lên lầu. “Tôi xin lỗi, cô Carolyn, ông ấy không để cho tôi thông báo cho ông ấy. Ông ấy đưa tôi xem một cái trát hầu tòa mà ông ấy cần phải đưa cho cô.”

Trước khi chuông cửa reo, tôi điên cuồng gọi điện thoại di động cho Thurston Carver, vị luật sư bảo vệ hình sự của tôi. Ông nói với tôi như đã từng nói khi chúng tôi gặp tại văn phòng ông rằng tôi không thể từ chối giao nộp cái gì đã được ra lệnh trong trát hầu tòa.

Khi tôi mở cửa cho thám tử Gaylor, ông trao cho tôi một cái trát hầu tòa, phong cách của ông chuyên nghiệp và vô tư. Cái trát đó chính là để lấy lá thư ngắn mà Mack đã bỏ lại trong cái rổ đựng đồ quỳn góp và cuộn băng mà tôi đã tìm thấy trong vali của anh ấy. Run rẩy vì cơn thịnh nộ, tôi hầu như ném chúng vào mặt ông. Tôi có đôi chút thoải mái khi thấy rằng mình đã làm một pho bản cho mỗi thứ.

Sau khi ông ấy bỏ đi, tôi bổ vào cái ghế gần nhất và lại nghe thấy trong đầu mình lặp đi lặp lại những lời trích dẫn của Mack: “Ta chỉ có một mình với tình trạng bị ruồng bỏ...” Sầu cùng, tôi đứng lên, đi về phòng ngủ của mình và dọn sạch cái túi mà tôi đã bắt đầu đóng gói. Rõ ràng bất kỳ kế hoạch nào tôi đã dự định lái xe đến tận Martha’s Vineyard sẽ phải trì hoãn lại thôi. Tôi đã tập trung quá sâu vào bước đi logic tiếp theo đến mức không nhận ra là chuông điện thoại của tôi đang reo. Tôi chạy ào đến để nhận cuộc điện thoại đó. Đó là Nick, anh gần như sắp để lại lời nhắn. “Tôi đây.” Tôi đáp.

“Tốt. Lẽ ra đây chỉ là một lời nhắn ngắn gọn thôi, Carolyn.” Anh cộc lốc nói. “Anh nghĩ em cần biết rằng anh vừa mới được đưa tên vào danh sách kẻ bị chú ý trong vụ Leesey Andrews bị biến mất. Anh trông thấy từ những giấy tờ lập luận khác của cảnh sát rằng Mack đang chạy loanh quanh giết người. Có lẽ anh cũng nên nói cho em biết rằng trong khi anh bị suy sụp ở văn phòng Chương Lý ngày thứ năm thì thậm chí họ còn gợi ý rằng anh và em có thể đang hợp tác để bảo vệ Mack nữa đây.”

Anh chẳng cho tôi cơ hội nào để đáp lại trước khi anh nói. “Anh sẽ bay đi Florida sáng nay là lần thứ hai trong tuần này. Cha anh đang ở trong bệnh viện. Ông ấy bị một cơn đột quỵ nhẹ ngày hôm qua. Anh kỳ vọng sẽ quay lại vào ngày mai. Cho dù bất kỳ lý do gì, anh vẫn phải ở lại Florida, chúng ta có thể dùng cơm vào tối mai không?” Rồi anh nói thêm: “Thật quá tốt để gặp em, Carolyn ạ. Bây giờ anh đang bắt đầu hiểu tại sao anh đã cứ mong được mời đến ăn cơm tối với gia đình em và tại sao anh không có cùng tâm trạng như vậy khi cô em gái bé bỏng của Mack không có mặt quanh đó.”

Tôi nói với anh rằng tôi hy vọng cha anh sẽ sớm phục hồi, và vâng, tối mai sẽ được thôi. Tôi áp điện thoại di động vào tai một chút sau khi Nick đã cúp máy. Tâm trí tôi là một khối hỗn độn các cảm xúc xung đột nhau. Cảm xúc thứ nhất là tôi phải thừa nhận với chính mình tôi chưa bao giờ vượt qua được niềm say mê anh, rằng suốt cả tuần tôi cứ nghe thấy giọng nói của anh, vẫn nhớ sự nồng ấm mà tôi cảm thấy khi ngồi đối diện anh ở cái bàn tối hôm ấy.

Phản ứng thứ hai là tự hỏi không hiểu Nick có đang chơi trò mèo vờn chuột với tôi không. Văn phòng Chương Lý đã đưa anh vào danh sách “kẻ bị chú ý” trong vụ Leesey Andrews mất tích. Tôi biết đó là điều rất, rất nghiêm trọng, thực tế là sự kết án phạm tội. Nhưng cảnh sát cũng tin rằng anh ấy đang giúp tôi bảo vệ Mack. Nick không liên lạc với tôi suốt cả tuần, mặc dầu tên Mack được nêu lên tít hàng đầu các báo. Khi chúng tôi dùng cơm tối, thậm chí anh còn không tỏ sự thương cảm xa cách với việc tôi sợ rằng Mack có thể cần được giúp đỡ.

Phải chăng Nick thực sự đã bị đưa tên vào danh sách một kẻ bị chú ý? Hay đó chỉ là một công cụ mà cảnh sát đưa ra với anh ta để tước bỏ hết mọi khả năng có thể phòng vệ của tôi? Và Nick, người bạn thân của kẻ cùng phòng trước kia của anh mà nay đã trở thành kẻ tội phạm, giờ đây đang hy vọng sử dụng ảnh hưởng của mình để thuyết phục tôi giao nộp Mack nếu anh ấy liên lạc lại chẳng?

Tôi lắc đầu như muốn xua đuổi hết mọi câu hỏi như vậy, nhưng chúng chẳng chịu đi cho.

Tôi tệ hơn, chúng chẳng đưa tôi đi đến bất kỳ chốn nào cả.

Bác sĩ David Andrews đã không hề rời nhà ông ở Greenwich kể từ khi cú điện thoại từ Leeseey đến. Mất ngủ, giờ đây chỉ còn là cái bóng hốc hác, thê lương của người đàn ông trước khi con gái mất tích, ông ngồi cạnh gác bên cái máy điện thoại, chụp lấy nó ngay tiếng chuông thứ nhất mỗi khi máy reo lên. Ông luôn cầm theo ống nghe, xách nó đi từ phòng này sang phòng khác. Khi đi ngủ, ông đặt nó trên gối nằm kế đầu ông.

Khi *nhận* một cuộc điện thoại, ông cắt cuộc nói chuyện xuống còn vài từ, giải thích rằng ông muốn giữ đường dây trống trong trường hợp Leeseey gọi lại một lần nữa.

Người quản gia đã hai mươi năm của ông, thông thường vẫn ra về sau bữa cơm trưa, nay bắt đầu ở lại cho đến chiều tối, cố gắng ép bác sĩ Andrews ăn cái gì đó, thậm chí có khi đó chỉ là một bát súp, một tách cà phê hay một cái bánh mì sandwich. Ông đã nói rất rõ với bạn bè rằng ông không muốn bất kỳ ai làm bận đường dây, và từ chối cho phép họ ghé qua thăm ông. “Tôi cảm thấy tốt hơn nếu không bị buộc phải có cuộc nói chuyện.” Ông bảo thế với họ.

Vào sáng thứ bảy, Gregg đưa Zach Winters đến văn phòng Larry Aheam; lúc ngồi chờ trong khi Aheam thẩm vấn Zach, anh trông thấy câu chuyện của anh về việc trông thấy Leeseey bước vào chiếc Mercedes SUV màu đen bắt đầu được mổ xẻ. Zach đã nói hẳn ta có mặt quanh quần khu phố đó trong vòng khoảng nửa tiếng, nhưng các nhân viên của Woodshed đi về chỉ vài phút sau Leeseey, đều thề thốt rằng họ chẳng trông thấy hẳn ta trên phố. Hẳn thừa nhận rằng mình là kẻ say sưa nát rượu và có lần từng bị tống ra khỏi Woodshed khi hẳn bước vào đó và tìm cách xin xỏ khách hàng. Hẳn thừa nhận rất tức giận Nick DeMarco, chủ nhân nơi đó, vì đã cho tống cổ hẳn đi, và rằng hẳn biết Nick DeMarco có một chiếc Mercedes SUV màu đen.

Sau cuộc thẩm vấn dài dòng, Gregg chở Zach quay trở về nơi anh tìm thấy hẳn. Một nhồi, Gregg đi thẳng về căn hộ của mình và ngủ cho đến tận chín giờ sáng ngày chủ nhật. Khi cảm thấy đầu óc đã sáng sủa và có thể tập trung lại được, anh tắm rửa, thay quần áo rồi lái xe về Greenwich.

Sự thay đổi ở cha anh trong một tuần kể từ khi anh nhìn thấy ông lần cuối đã làm anh bị chấn động. Người quản gia của cha anh, Annie Potters, không bao giờ đến vào ngày chủ nhật cũng có mặt ở đó. “Ông ấy không chịu ăn.” Bà thì thảo với Gregg. “Bây giờ là mười một giờ, mà ông ấy đã không đụng đến một miếng nào từ hôm qua.”

“Bà có thể làm điểm tâm cho cả hai chúng tôi không hở Annie?” Gregg hỏi. “Tôi sẽ coi xem mình có thể làm gì”

Sau câu hỏi thăm, cha anh quay ngay về ghế dựa của ông trong phòng khách, chiếc điện thoại luôn ở trong tầm với của ông. Gregg quay trở lại phòng khách và ngồi vào chiếc ghế gần với chiếc ghế dựa nhất. “Cha ơi, con đã đi bộ trên đường phố ban đêm để tìm Leeseey. Con không thể làm điều đó nữa, và cha cũng không thể làm điều này nữa! Chúng ta không đang giúp đỡ Leeseey, và chúng ta đang hủy hoại chính mình. Con đã đi đến văn phòng Chương Lý. Tuyệt đối không có gì mà Larry Aheam và người của anh ấy không làm để tìm cho ra Leeseey. Con muốn cha đi vào và ăn chút gì đó, rồi chúng ta sẽ ra ngoài đi dạo một chút. Hôm nay là một ngày đẹp trời.” Anh đứng lên, rồi cúi xuống ôm ghì lấy cha mình. “Cha biết con nói đúng mà.”

Bác sĩ David Andrews gật đầu, rồi khuôn mặt của ông co rúm lại. Gregg ôm choàng lấy ông. “Cha ơi, con biết, con biết. Bây giờ, thôi đi nào, hãy để cái điện thoại ở đây. Nếu nó reo, chúng ta sẽ trả lời nó.”

Anh thấy vui khi cha anh ăn được phân nửa phần trứng đánh và thịt ba chỉ hun khói mà Annie đặt trước mặt ông. Gregg đang nhấm nháp một mẩu bánh mì nướng và uống tách cà phê thứ nhì thì chuông điện thoại reng. Cha anh bật dậy và chạy ào ra khỏi cái bàn, nhưng ông đã không đến được cái điện thoại trước khi lời nhắn bắt đầu.

Đó là Leeseey, không còn ngờ vực gì cả. “Cha ơi, cha ơi,” Cô kêu gào. “Hãy giúp con. Xin cha, hẩn nói hẩn sẽ giết con.”

Lời nhắn ngừng lại khi Leeseey bắt đầu nức nở.

Bác sĩ David Andrews lao tới điện thoại và vồ lấy nó, nhưng lúc đó ông chỉ còn nghe thấy tiếng tút tút của điện thoại mà thôi. Đầu gối ông oằn xuống. Gregg đã kịp thời làm xoa dịu và đưa ông về lại chiếc ghế dựa trước khi cơ thể ông đổ xuống.

Gregg đang kiểm tra mạch của cha anh thì điện thoại lại reo nữa. Đó là Larry Ahearn.

“Gregg, đó là Leeseey, phải không?”

Gregg nhấn nút loa để cha anh cũng có thể nghe được. “Tuyệt đối đúng, Larry. Anh biết điều đó mà.”

“Gregg, cô ấy vẫn còn sống, và chúng tôi sẽ tìm ra cô ấy. Tôi thề điều đó với anh.”

Bác sĩ David Andrews vồ lấy ống nghe. Giọng ông khào khào, ông hét lên: “Anh phải tìm cho ra con bé, Larry. Anh *đã nghe thấy* nó! Kẻ bắt giữ con bé sắp giết nó. Vì Chúa, hãy tìm nó cho ta trước khi quá muộn!”

Sự kiệt sức bị quên lãng ngay khi Larry Ahearn bật cuộn băng có tiếng khóc của Leeseey đang cầu xin cứu giúp cho tổ công tác nghe. “Cuộc gọi đến vào lúc mười một giờ ba mươi. Chính xác cách đây một tiếng.” Anh nói. “Nó được thực hiện ở khu vực trung tâm Manhattan. Dĩ nhiên vẫn có khả năng là kẻ bắt cóc đã thu một cuộn băng có giọng nói của cô ấy và bật nó lên ở một địa điểm khác.”

“Và nếu đây là trường hợp đó, có lẽ hắn đã giết cô ấy rồi.” Barrott nói, lặng lẽ.

“Chúng ta sẽ tiếp tục tiến lên phía trước với giả định rằng cô ấy vẫn còn sống.” Ahearn ngắt lời. “Không phải là vấn đề rằng kẻ nào đó có cô ấy đang ở trong tầm ngắm. Hắn muốn có sự chú ý. Tôi đã nói chuyện với chuyên gia phân tích dữ liệu của chúng ta, tiến sĩ Lowe. Ông nói rằng gã này yêu thích những dòng tít hàng đầu và cách câu chuyện đang được Greta Van Susteren và Nancy Grace tường thuật. Có lẽ hắn cũng đang kỳ vọng sẽ có phản ứng nào động khi chúng ta tung ra tin tức rằng Leeseey lại gọi cha cô ấy và để lại lời nhắn.”

Quá sức bần chồn, không thể ngồi được nữa, anh đứng lên và gõ những ngón tay xuống bàn. “Tôi thậm chí không muốn nghĩ đến điều này, nhưng nó phải được xem xét lại. Trong năm ngày nữa, có thể là bảy ngày, thực tế Leeseey đã gọi điện thoại sẽ vẫn là tin tức đáng chú ý, nhưng không có những thông tin mới, nó sẽ không còn là tin tức ở hàng tít đầu nữa.”

Tất cả các thám tử ở phòng tổ công tác đều đứng chập chờn trong văn phòng Ahearn để nghe thuyết minh. Những nét biểu cảm trên khuôn mặt của họ ngày càng trở nên nghiêm trọng khi họ theo dõi ý tưởng của Ahearn được nói thành lời. “Leeseey đã đi đến câu lạc bộ đó đêm thứ hai rồi biến mất dạng. Lời cô ấy nhắn sẽ gọi lại vào Ngày của Mẹ đến vào chủ nhật kế tiếp, sau đó sáu ngày. Sau khoảng thời gian nghỉ một tuần lễ, cuộc gọi mới này vừa đến. Ý kiến của Tiến Sĩ Lowe là cái gã này của chúng ta có lẽ sẽ không chờ một tuần nữa mới đưa cho chúng ta dòng tin mới đáng đưa lên hàng đầu trang báo đầu.”

“MacKenzie là kẻ đang làm điều này.” Roy Barrott khẳng định một cách mạnh mẽ. “Giá mà các bạn nhìn thấy mẹ hắn hôm qua khi tôi đến căn hộ người bạn trai của bà ta.”

“Bạn trai của bà ta à!” Ahearn kêu lên đầy cảm thán.

“Elliot Wallace, một chủ nhà băng đầu tư lớn. Aaron Klein, con trai của người giáo viên kịch nghệ, đã làm việc cho ông ta mười bốn năm. Klein bảo với tôi rằng họ thực sự trở nên thân thiết khi mẹ anh ấy bị cướp giết. Wallace vẫn còn quẩn trí vì việc Mack biến mất dạng trước đó một năm đến nỗi điều đó khiến họ có chung mối quan hệ ràng buộc. Cha Mack MacKenzie đã từng ở Việt Nam với Wallace. Và họ đã trở thành những người bạn cả đời của nhau. Chính Klein có ý nghĩ rằng Wallace đã luôn yêu thương Olivia MacKenzie.”

“Bà ấy đang sống với ông ta à?” Ahearn hỏi.

“Tôi sẽ không nói là như thế. Với tất cả giới truyền thông có mặt quanh Sutton Place, bà ta đã đi về nhà với ông ấy. Klein đã từng nói sẽ không ngạc nhiên nếu sau cùng bà ấy lấy Wallace. Chắc chắn là ông ta đã nhanh chóng cất giấu bà ấy đến một nơi cư ngụ để trị liệu tâm thần tư nhân sao cho bà ấy không thể tiếp tục nói với chúng ta rằng con trai bà ấy bị điên.”

“Có khả năng nào bà ta bắt liên lạc được với con trai không?”

Barrott nhún vai. “Tôi đã nói là nếu Mack có liên lạc với bất kỳ ai trong gia đình hắn, kẻ đó chắc

chấn hơn phải là cô em gái.”

“Được rồi.” Aheam quay sang nói với cả nhóm. “Tôi vẫn nói rằng DeMarco có thể là người đứng sau tất cả những chuyện này. Tôi muốn có người bám đuôi theo anh ta hai mươi bốn tiếng một ngày, bảy ngày một tuần. Tôi cũng muốn có một người bám theo Carolyn MacKenzie nữa. Ta sẽ gắn thiết bị nghe lén cho tất cả các máy điện thoại có liên quan và tất cả những máy nào chưa có thuê bao: MacKenzie trong căn hộ của cô ta trên đường Thompson, ở Sutton Place, và máy điện thoại di động của cô ta. DeMarco ở bất cứ nơi nào hần làm việc và treo cái mũ của hần.”

“Larry, tôi muốn có một đề nghị khác nữa.” Bob Gaylor nói. “Zach Winters có thể là một gã nát rượu, nhưng tôi cho rằng hần đã trông thấy điều gì đó tối hôm ấy. Hần đang co cụm lại. Thực tế rằng các thành viên trong ban nhạc và những người phục vụ không trông thấy hần trên đường phố đâu có chứng minh được điều gì, và tôi thề là hần đang giấu giếm chúng ta điều gì đó khi hần có mặt ở đây.”

“Đi nói chuyện với hần một lần nữa đi.” Ahearn nói. “Hần sống trong khu dành cho những kẻ vô gia cư ở đường Mott phải không?”

“Thỉnh thoảng, nhưng khi thời tiết tốt, hần bỏ đồ đạc vào một cái xe đẩy giặt ủi và ngủ ở bên ngoài.”

Aheam gật đầu. “Được rồi. Chúng ta đang hợp tác với FBI, nhưng tôi muốn tất cả các anh giữ lấy điều đó trong đầu. Tôi biết Leesey từ khi cô ấy sáu tuổi. Tôi muốn cô ấy quay trở lại, và tôi muốn *chúng ta* là những người tìm ra cô ấy.”

Sáng chủ nhật, sử dụng lỗi vào dành cho những người phục vụ để né giới truyền thông, tôi đã đi bộ thật lâu dọc theo bờ sông. Tôi cảm thấy như bị quất roi sau cuộc điện thoại của Elliot về mẹ, và phát bệnh vì những ngờ vực của tôi về Nick - và chúng tôi phải đối diện với điều đó, về Mack.

Một ngày tràn ngập hứa hẹn - ẩm áp với cơn gió thoảng nhẹ nhàng. Dòng chảy của bờ sông phía Đông, thường quá mạnh, dường như dịu lại như ánh mặt trời. Những người đi thuyền đội mũ rơm đã ra sông, không quá nhiều, thêm vào nét chấm phá cho phong cảnh. Tôi yêu New York, cầu Chúa trợ giúp tôi. Thậm chí tôi yêu cả cái bảng hiệu Pepsi-Cola ồn ào, gây cản trở trên bờ sông của thành phố Long Island.

Vào cuối chặng đường đi bộ dài ba tiếng đồng hồ, tôi mệt nhoài cả tâm trí lẫn thân xác. Khi quay trở về Sutton Place, tôi cởi bỏ quần áo, tắm táp rồi leo lên giường. Tôi ngủ suốt cả buổi trưa rồi thức dậy lúc sáu giờ chiều và cảm thấy ít ra đầu óc khá quang đãng hơn và có thêm khả năng đôi chút để đối mặt với mọi việc. Tôi ăn mặc xuề xòa, với chiếc sơ mi có sọc màu trắng và xanh da trời và chiếc quần jeans trắng. Tôi chẳng bận tâm nếu Nick xuất hiện với áo vét và cà vạt. Tôi muốn không có một gợi ý nào về cô Carolyn bé nhỏ ăn mặc chỉnh tề cho một cuộc hẹn hò.

Nick đến đúng bảy giờ tối. Anh mặc chiếc sơ mi thể thao và quần hàng cô tông dệt thô. Tôi đã định đưa anh đi ra ngay phía ngoài cửa, nhưng những lời đầu tiên của anh là: "Carolyn, anh thực sự cần nói chuyện với em, và sẽ tốt hơn nếu chúng ta làm điều đó ở đây."

Tôi theo anh vào thư viện. "Thư viện" nghe thật ấn tượng. Thực sự đó không phải là điều tự phụ, khoe khoang. Nó chỉ là căn phòng với các kệ sách cùng những chiếc ghế bành ngồi thật thoải mái và một khu vực tường bọc gỗ khi mở ra là một quầy rượu gắn bên trong. Nick đi thẳng đến đó, tự rót cho mình một ly scotch nguyên chất, và chẳng cần hỏi han, một ly vang với hai cục đá cho tôi.

"Đây là món em uống tuần trước. Anh có đọc ở đâu đó nói rằng Nữ Công Tước Windsor cho đá vào champagne của bà ấy." Anh nói khi trao cho tôi cái ly.

"Và em cũng đọc được rằng Công Tước Windsor thích rượu whiskey của ông ấy phải nguyên chất." Tôi bảo anh.

"Đã cưới nàng rồi, ta không thể tự hỏi mình." Anh mỉm cười thật nhẹ. "Đùa thôi, dĩ nhiên mà. Anh chẳng biết bà ấy ra sao cả."

Tôi ngồi bên bìa cái ghế trường kỷ. Anh chọn một trong những cái ghế bành và xoay nó chung quanh. "Anh nhớ mình đã yêu thích những cái ghế như thế này." Anh nói. "Anh đã tự hứa với mình rằng nếu anh trở nên giàu có, anh sẽ có một trong những cái ghế đó."

"Và rồi?" Tôi hỏi.

"Chẳng bao giờ có thời gian để nghĩ về điều đó. Khi anh bắt đầu làm ra tiền và mua một căn hộ, anh đã gọi một nhà trang trí nội thất đến. Cô ấy có cái nhìn theo phương Tây. Khi anh thấy mọi thứ đã hoàn tất, anh lại cảm thấy thích Roy Rogers."

Tôi đang chăm chú nhìn anh, và tôi nhận thấy lớp tóc màu xám quanh thái dương anh còn lộ rõ hơn tôi tưởng. Có những lớp da xếp nếp thành túi mới dưới mắt anh và sự biểu lộ lo lắng

mà tôi quan sát thấy tuần trước nay trở thành một niềm lo lắng dữ dội. Anh đã bay đi Florida hôm qua vì cha anh bị cơn đột quỵ. Tôi hỏi Nick hiện giờ ông ấy ra sao.

“Khá tốt. Thực sự đó chỉ là một cơn đột quỵ nhẹ. Họ sẽ cho ông ấy xuất viện khoảng hai ngày nữa.”

Rồi Nick nhìn thẳng tôi. “Carolyn, em có nghĩ Mack còn sống không? Và nếu thế, liệu anh ấy có khả năng để làm điều mà bọn cớm nghĩ anh ấy đang làm không?”

Đã chực thoát ra trên đầu lưỡi tôi một cách thành thực để nói rằng về điểm này thực ra tôi chẳng biết gì, nhưng tôi đã kìm mình lại kịp thời. “Cái quái gì khiến anh nghĩ thế hở? Dĩ nhiên là không.” Tôi hy vọng giọng mình nghe có vẻ phần nộ như tôi muốn nó phải thế.

“Carolyn, đừng nhìn anh kiểu như thế. Em không hiểu rằng Mack là người bạn tốt nhất của anh sao? Anh chẳng bao giờ có thể hình dung tại sao anh ấy lại chọn cách biến mất dạng. Bây giờ anh tự hỏi không hiểu có phải có điều gì đó đã diễn ra trong đầu óc anh ấy mà chẳng ai lúc đó nhận ra được chẳng.”

“Anh đang lo lắng về Mack hay về chính anh hở Nick?” Tôi hỏi.

“Anh sẽ không trả lời điều đó. Carolyn, điều anh van xin em, *cầu xin* em, là nếu anh ấy đang liên lạc với em, hay nếu anh ấy *thực sự* gọi điện thoại cho em, em không nghĩ rằng em đang làm cho anh ấy một ân huệ bằng cách che chắn, bảo vệ anh ấy sao. Em có nghe thấy lời nhắn của Leesey Andrews để lại cho cha cô ấy sáng nay không?” Anh nhìn tôi đầy vẻ mong đợi.

Trong phút chốc tôi quá run rẩy để có thể nói năng gì, rồi tôi cố gắng nói rằng tôi đã không mở radio hay truyền hình suốt cả ngày. Nhưng khi Nick kể với tôi thì tất cả những gì tôi có thể nghĩ được là giả thuyết của Barrott cho rằng Mack đã ăn trộm cái xe của chính mình. Thật điên rồ, nhưng nó nhắc cho tôi nhớ cái ngày tôi mới lên năm hay sáu tuổi và bất chợt Mack bị chảy máu cam dữ dội. Cha có mặt ở nhà và ông đã chớp ngay lấy một trong những chồng khăn mặt ở cái kệ trong phòng tắm để ngăn dòng máu chảy. Lúc đó chúng tôi có một người quản gia lớn tuổi rất ngưỡng mộ Mack. Bà quá lo lắng đến nỗi cứ cố kéo mạnh cái khăn ra khỏi tay cha. “Cái đó để biểu diễn mà.” Bà thét lên. “Nó dùng để biểu diễn mà.”

Cha rất thích kể câu chuyện này, nhưng ông luôn nói thêm: “Bà Anderson tội nghiệp quá lo lắng về Mack, nhưng đối với bà những cái khăn sắc sỡ ấy không thể chỉ dùng một lần. Tôi bảo với bà ấy rằng những cái khăn đó có tên chúng tôi trên đó và Mack có thể hủy hoại chúng nếu thằng bé thích!”

Tôi có thể tưởng tượng việc Mack ăn cắp chiếc xe hơi của mình, nhưng không thể hình dung Mack nắm giữ Leesey như là con tin và tra tấn cha cô ấy. Tôi nhìn Nick. “Em không biết phải nghĩ gì về Mack.” Tôi nói. “Em thề với anh và với tất cả những ai nghe thấy rằng ngoài những cuộc điện thoại gọi vào Ngày của Mẹ, em chẳng nghe thấy tin tức gì về Mack hay trông thấy anh ấy trong mười năm nay.”

Nick gật đầu và tôi đoán rằng anh tin tôi. Rồi anh hỏi: “Em có nghĩ là *anh* phải chịu trách nhiệm về sự biến mất của Leesey không? Rằng anh đã giấu cô ấy ở đâu đó chẳng?”

Tôi kiểm tra trái tim và tâm hồn mình trước khi trả lời. “Không, em không nghĩ thế.” Tôi đáp. “Nhưng cả hai anh đều đã bị lôi kéo vào việc này, Mack là vì em đã đi đến cảnh sát, anh là bởi vì cô ấy biến mất dạng khỏi câu lạc bộ của anh. Nếu việc ấy không phải là một trong hai anh thì ai *sẽ phải* chịu trách nhiệm?”

“Carolyn, anh chẳng biết phải bắt đầu từ đâu để tìm ra câu trả lời.”

Chúng tôi nói chuyện trong hơn một tiếng đồng hồ. Tôi kể cho anh nghe rằng mình đang cố gắng gặp Lil Kramer một mình, bởi bà ta sợ nói ra bất kỳ điều gì trước mặt ông chồng. Chúng tôi đi loanh quanh thực tế rằng ngay trước khi anh ấy biến mất, Mack đã bực bội với bà Kramer nhưng lại không kể cho Nick biết lý do tại sao. Tôi bảo với Nick là Bruce Galbraith đã tỏ thái độ thù địch ra sao với Mack khi tôi gặp anh ta tuần trước và rằng tôi nghĩ Barbara đã vội vã chạy đi thăm cha cô ở Martha's Vineyard chỉ để tránh bị thẩm vấn thôi.

"Em sẽ đến đó ngày mai hoặc thứ ba." Tôi nói. "Mẹ chẳng muốn gặp mặt em, và Elliot sẽ chăm sóc bà."

Nick hỏi tôi không biết mẹ có lấy Elliot không.

"Em nghĩ thế." Tôi nói. "Rất thành thực, em hy vọng thế. Họ đang ở cùng nhau rất hòa hợp. Chắc chắn là mẹ yêu cha, nhưng Elliot không bận lòng vì điều đó. Elliot thực sự còn thân thiết với mẹ hơn là một người bạn tâm giao, điều này dĩ nhiên cũng hơi khó để em có thể chấp nhận. Họ đều là những người hoàn hảo, và em nghĩ họ sẽ rất hạnh phúc với nhau." Rồi tôi thêm những từ mà tôi nghĩ chẳng bao giờ mình sẽ thốt ra. "Đó là lý do tại sao Mack đã luôn là người mẹ ưa thích nhất. Anh đã làm mọi thứ đều đúng cả. Theo mẹ, em quá sức bốc đồng. Bằng có là việc đi đến cảnh sát và mở toang hết mọi thứ hỗn độn này."

Tôi kinh sợ vì mình đã tỏ lộ điều đó với Nick. Tôi cho rằng anh sắp sửa bước qua chỗ tôi, có thể choàng đôi tay qua vai tôi, nhưng hẳn là anh biết đấy không phải là điều tôi muốn. Thay vì vậy, anh nói, giọng nhẹ hắt. "Xem nào, em có thể đoán được điều này không 'Nàng hiện ra thật hoàn chỉnh từ chân mày cha nàng'."

"Nữ thần Minerva." Tôi nói. "Sơ Catherine. Lớp sáu. Ôi trời ơi, bà ấy mê dạy môn thần thoại làm sao." Tôi đứng lên. "Anh đã yêu cầu em đi ăn tối, biết không nào. Tiệm Neary's thì sao? Em muốn một miếng bánh mì sandwich và khoai tây chiên."

Nick ngần ngừ. "Carolyn, anh muốn cảnh báo em. Có những camera bên ngoài. Xe hơi của anh đang đậu ở cửa ra vào. Chúng ta có thể chạy đi ăn. Anh không nghĩ họ sẽ đi theo chúng ta."

Tình hình đã hóa ra như thế. Những ánh đèn camera lóe sáng khi chúng tôi ra khỏi tòa nhà. Có ai đó cố chĩa cái micro vào mặt tôi. "Cô MacKenzie, cô có nghĩ là anh trai mình..." Nick chụp lấy tay tôi và chúng tôi chạy về phía xe hơi của anh. Anh lái lên Đại Lộ York đến tận đường số Bảy Mươi Hai rồi quẹo và đột ngột quay ngược lại. "Anh nghĩ lúc này có lẽ chúng ta đã ổn rồi." Anh nói.

Tôi chẳng phải là đồng ý mà cũng chẳng phải là không đồng ý. Điều duy nhất an ủi tôi đó là mẹ đang ở một nơi an toàn mà giới truyền thông không thể đến gặp bà được.

Neary's là một quán rượu Ái Nhĩ Lan trên đường số Năm Mươi Bảy, cách Sutton Place một dãy phố. Nó cũng giống như ngôi nhà thứ hai cho nhiều người trong chúng tôi ở khu vực lân cận này. Bầu không khí ấm áp, và thức ăn ngon, và điều kỳ lạ rằng vào bất kỳ buổi tối nào đi nữa, bạn vẫn sẽ gặp đến phân nửa thực khách là những người quen biết.

Nếu tôi cần sự ủng hộ về mặt tinh thần, và Thượng Đế biết là tôi cần thì Jimmy Neary cho tôi điều đó. Khi trông thấy tôi, ông băng nhanh qua căn phòng. "Carolyn, thật đáng xấu hổ những gì họ đang bóng gió về Mack." Ông nói, đặt bàn tay ấm áp trên vai tôi. "Cậu con trai đó là một bậc thánh. Cô cứ chờ mà xem, sự thực rồi sẽ bộc lộ ra thôi."

Ông quay lại và nhận ra Nick. "Này, cậu trẻ. Còn nhớ khi cậu và Mack đến đây, cậu đã cá với tôi rằng mì ống của cha cậu là món tương xứng với món bò ướp muối của tôi không?"

“Chúng ta chẳng bao giờ cho nó vào một cuộc thử nghiệm.” Nick nói. “Và giờ đây cha tôi đang ở Florida, đã về hưu.”

“Về hưu à? Làm sao mà ông ấy lại thích nó nhỉ?” Jimmy hỏi.

“Ông ấy ghét điều đó.”

“Tôi cũng thế. Bảo ông ấy quay lại đi, và cuối cùng chúng tôi sẽ có một câu trả lời.”

Jimmy dẫn chúng tôi đến một trong những cái bàn ở góc phía sau. Đó là nơi Nick kể thêm với tôi về chuyến đi thăm Florida. “Anh năn nỉ mẹ không để những tờ báo New York đến gần cha.” Anh nói. “Anh không biết nó sẽ tác động đến ông ra sao nếu ông phát hiện ra rằng anh đã bị chỉ định là “kẻ bị chú ý” trong vụ Leeseey biến mất.”

Sau những miếng bánh mì sandwich kẹp bò bít-tết, với sự thỏa thuận từ hai phía mà chẳng cần nói ra, chúng tôi đi đến lãnh vực trung lập. Nick nói chuyện về việc mở nhà hàng thứ nhất của anh và nó đã hoạt động tốt ra sao. Anh ám chỉ rằng trong năm qua anh đã tiến triển rất nhanh chóng. “Anh nghĩ là anh đã đọc câu chuyện thành công của Donald Trump quá nhiều lần.” Anh thừa nhận. “Anh có ý tưởng rằng trượt trên lớp băng mỏng thật vui nhộn. Anh đã bỏ nhiều tiền vào khu Woodshed. Đó là sự đầu tư đúng nơi vào đúng lúc. Nhưng nếu giới chức phụ trách lĩnh vực về rượu của nhà nước muốn đóng cửa nó, họ sẽ tìm ra một cách nào đó. Vào nếu điều đó xảy ra, anh sẽ gặp rắc rối lớn.”

Chúng tôi thận trọng nói chuyện về Barbara Hanover. “Em nhớ từng nghĩ rằng cô ấy đẹp biết bao.” Tôi nói với anh.

“Cô ấy đẹp và đã từng đẹp, nhưng Carolyn ời, còn có điều gì đó khác về Barbara, một kiểu lên lịch tính toán ‘Điều gì là tốt nhất cho Barbara?’. Thật khó để giải thích. Nhưng sau khi tất cả bọn anh đã tốt nghiệp và anh đi học MBA, Mack bỏ đi, và còn lại Bruce. Anh đã chẳng bận tâm xem có bao giờ mình sẽ gặp lại anh ta chưa.”

Cả hai chúng tôi đều có một cái cappuccino, rồi Nick chở tôi về lại Sutton Place. Chỉ còn một chiếc xe truyền hình đang đi nửa đường xuôi xuống cuối phố. Anh chạy ào đưa tôi vào tòa nhà và đi đến thang máy. Khi người điều khiển thang máy giữ cho cửa mở, anh nói: “Carolyn, anh đã không làm điều đó, Mack cũng không. Hãy luôn ghi nhớ ý tưởng đó nhé.”

Anh bỏ qua nụ hôn xã giao và bỏ đi. Tôi đi lên lầu. Đèn ghi nhận lời nhắn đang nhấp nháy. Đó là thám tử Barrott. “Cô MacKenzie. Vào lúc tám giờ bốn mươi tối nay, cô đã nhận được một cuộc gọi khác từ điện thoại di động của Leeseey Andrews. Anh trai cô đã chẳng để lại lời nhắn nào cả.”

Lucas Reeves không nghỉ cuối tuần. Ông đã trải qua cuối tuần trong văn phòng, làm việc với các kỹ thuật viên của mình. Charles MacKenzie Sr. đã thuê ông gần mười năm trước đây để tìm người con trai bị mất tích của ông ấy, và thực tế là ông đã chẳng phát hiện được, cho dù là dấu hiệu mờ nhạt nhất, điều gì đã xảy ra cho Mack khiến Reeves có cảm giác thất bại, điều này chẳng bao giờ rời xa tâm trí ông.

Giờ đây ông xem điều đó còn khẩn cấp hơn việc ông tìm ra câu trả lời, không chỉ để biết điều gì đã xảy ra cho Mack, mà còn để tìm cho ra kẻ giết người thực sự và có lẽ còn để cứu sinh mạng của Leeseey Andrews.

Vào sáng thứ hai, Lucas quay trở lại văn phòng ông ở khu Nam Đại Lộ Công Viên vào lúc tám giờ. Ba nhân viên điều tra thường trú của ông đã được bảo phải đến sớm. Vào lúc tám giờ ba mươi họ đã ngồi quanh bàn giấy của ông. “Tôi có một linh cảm, và một số linh cảm của tôi trong quá khứ đã chứng tỏ được việc.” Ông nói. “Do vậy, tôi sẽ hành xử theo nó. Tôi sẽ giả định rằng Mack vô tội đối với những tội ác này. Và tôi sẽ giả định rằng có ai đó biết cậu ấy đủ rõ một cách hợp lý phải chịu trách nhiệm. Nói theo kiểu đó, tôi muốn nói là biết cậu ấy đủ rõ để có nghe nói về những cuộc gọi vào Ngày của Mẹ, và có số điện thoại không được đăng ký của gia đình cậu ấy.”

Reeves nhìn từ người nhân viên điều tra này đến người khác. “Chúng ta sẽ tập trung vào những người ở quanh Mack. Bằng cách đó, tôi ám chỉ hai người bạn cùng phòng của cậu ấy, Nick DeMarco và Bruce Galbraith. Chúng ta sẽ đào bới mọi điều mà chúng ta có thể biết được từ cặp vợ chồng giám thị, Lil và Gus Kramer. Từ đó chúng ta sẽ tập trung vào những người bạn khác của Mack ở Columbia đã có mặt cùng với cậu ở cái hộp đêm buổi tối cô gái thứ nhất biến mất. Sau cuối tuần, các kỹ thuật viên của chúng ta đã tập trung tất cả những bản miêu tả của báo chí và những clip của giới truyền thông là những dòng tít hàng đầu khi mỗi người trong số ba cô gái khác biến mất. Chúng ta đã phóng lớn khuôn mặt của từng người chụp được trong các tấm hình đó, xem anh ta hay cô ta có thể xác minh nhân thân được không. Hãy nghiên cứu các khuôn mặt đó. *Hãy ghi nhớ chúng.*”

Lucas tới sớm đến mức ông đã pha xong cà phê cho mình. Ông nhấp một ngụm, nhắm mắt, rồi nói tiếp: “Giới truyền thông đang đóng trại bên ngoài Sutton Place. Một trong các bạn phải luôn luôn có mặt ở khu lân cận đó. Hãy lấy điện thoại của các bạn ra và hãy sử dụng nó như máy chụp hình. Một người nào đó cũng phải có mặt trên phố khi Woodshed mở cửa tối nay, chụp hình không chỉ khách vào ra mà cả những người quanh quẩn trên các con phố. Có hai trong số các câu lạc bộ khác đang mở ở SoHo trong tuần này. Hãy có mặt ở đó cùng với các tay săn ảnh chuyên nghiệp.”

“Lucas, điều đó là không thể được.” Jack Roger, người trợ lý cao cấp nhất của ông phản đối. “Ba người chúng tôi không thể bao quát khắp hết khu vực đó.”

“Không ai bảo anh phải làm.” Reeves ngắt lời, giọng nói trầm lắng bình thường của ông cao lên vài cung bậc. “Hãy lấy ra đây danh sách người của ta vẫn sử dụng khi ta cần sự giúp đỡ hỗ trợ. Chúng ta phải có ba mươi cảnh sát đã về hưu sẵn sàng có mặt.”

Rogers gật đầu: “Được thôi.”

Reeves trầm giọng xuống: “Tôi linh cảm rằng thủ phạm đang rất chú ý. Hắn có thể muốn có mặt tại hiện trường khi có giới truyền thông ủa đến. Các khuôn mặt cho thấy trên từng bức hình mà anh có sẽ được làm rõ nét hơn trong phòng kỹ thuật của chúng ta. Tôi không bận tâm

có bao nhiêu, và tôi cho rằng có đến hàng trăm tấm. Có thể, chỉ có thể một trong những tấm đó sẽ tương xứng với ai đó có mặt quanh nơi này trong suốt quãng thời gian sôi sục mà giới truyền thông theo đuổi những vụ mất tích đó. Tôi nhắc lại, hiện nay chúng ta sẽ giả định là Mack MacKenzie vô tội.”

Ông nhìn Rogers. “Tại sao anh chẳng nói gì về điều đó hử Jack?”

“Được rồi, Lucas. Tôi sẽ nói điều đó. Nếu anh đúng, chúng ta có thể tìm ra một gã xuất hiện ở tất cả các nơi. Hắn có thể mập, hắn có thể gầy, hắn có thể hói đầu, hắn có thể để tóc cột đuôi ngựa. Hắn có thể là một người mà cả mẹ hắn cũng chẳng nhận ra, và hắn là Charles MacKenzie, Jr.”

Thám tử Gaylor bắt đầu tìm kiếm Zach Winters vào ngày chủ nhật sau cuộc họp của tổ công tác. Hắn không có mặt ở khu dành cho người vô gia cư trên đường Mott, nơi thỉnh thoảng là mái ấm của hắn. Chẳng ai trông thấy hắn trên đường phố từ sáng sớm thứ bảy khi hắn lần quần ở khu Woodshed rồi đi đến căn hộ của Gregg Andrews. Hắn đã bị thẩm vấn vào trưa thứ bảy, rồi được cho rằng đã quay trở về nơi ở của hắn. Nhưng hắn đã không quay về khu dành cho người vô gia cư.

“Zach thường xuất hiện ít ra là cứ cách hai ngày một.” Joan Coleman, nhân viên làm việc trong bếp ăn tự nguyện trên đường Mott, một người trông hấp dẫn, nói chuyện với Gaylor. “ Dĩ nhiên cũng còn tùy vào thời tiết. Hắn yêu thích khu vực cầu lạc bộ ở SoHo. Hắn khoác lác rằng hắn có được nhiều của bố thí ở đó hơn.”

“Hắn có bao giờ nói chuyện về việc có mặt ở gần khu Woodshed vào đêm Leesey Andrews biến mất không?” “Không phải với tôi. Hắn có một cặp mà hắn gọi như là ‘những bồ tèo tốt thực sự’ của hắn. Để tôi nói chuyện với họ.” Cô ta bừng sáng lên với ý tưởng sẽ được làm công việc của một thám tử.

“Tôi sẽ đi với cô.” Gaylor xung phong nói.

Cô ta lắc đầu. “Không đâu, nếu ông muốn có thông tin ông sẽ không đi cùng được. Tôi không thường đến đây ăn tối, nhưng tối nay tôi sẽ thay thế một người bạn. Hãy cho tôi số điện thoại của ông. Tôi sẽ gọi cho ông.”

Bob Gaylor buộc phải bằng lòng với điều đó. Ông đã trải qua thời gian tốt hơn trong ngày lang thang khắp khu SoHo và Làng Greenwich mà chẳng có ích gì cả.

Zach Winters có thể đã biến mất khỏi trái đất này.

Đúng thực như lời lão nói, Derek Olsen có mặt ở văn phòng của Elliot Wallace chính xác lúc mười giờ sáng. Dáng đi của lão ta cứng ngắc, bộ lễ phục của lão sạch sẽ và ủi phẳng phiu, nhưng sáng chói quá so với tuổi tác của lão, mớ tóc trắng còn sót lại dán sát vào hộp sọ, lão có vẻ hăng hái sôi nổi. Elliot Wallace quan sát lão và nghĩ rằng Olsen đang có kế hoạch thanh lý tất cả các cổ phần của lão; việc này khiến lão nôn nóng, muốn nói chuyện với đứa cháu trai Steve, người quản lý các tòa nhà của lão - Howie, và bất kỳ ai khác mà lão có thể nghĩ đến để nêu ra kế hoạch quan trọng này.

Với nụ cười thân ái trên mặt, Wallace thúc dục Olsen lấy một cái ghế. “Tôi biết anh sẽ không từ chối một tách trà đâu nhỉ Derek.”

“Lần trước nó giống như nước rửa bát. Hãy bảo với cô thư ký của anh rằng tôi muốn bốn cục đường và kem nhiều, Derek.”

“Dĩ nhiên rồi.”

Olsen chỉ chờ cho Elliot chỉ thị với cô thư ký xong trước khi lão nói với nụ cười hài lòng. “Anh và những lời khuyên của anh. Còn nhớ là anh đã nói tôi nên tránh xa ba căn nhà xộc xệch đã đóng cửa nhiều năm đó chứ?”

Elliot Wallace biết điều gì sắp đến. “Derek, anh đã trả thuế má và bảo hiểm cho mớ giẻ rách ấy nhiều năm. Dĩ nhiên bây giờ bất động sản đang lên giá, nhưng nếu anh muốn, tôi sẽ chỉ cho anh thấy là nếu anh chịu bán chúng và mua các cổ phiếu mà tôi giới thiệu, anh còn tiến xa hơn nhiều.”

“Không, tôi sẽ không bán! Tôi biết một ngày nào đó người ta sẽ giật sập các tòa nhà ở góc đường 104 và những người triển khai dự án sẽ muốn chỗ của tôi.”

“Những người triển khai dự án dường như đã xoay sở mà không cần có nó. Họ đã động thổ cho các căn hộ tiện nghi nhiều phòng rồi.”

“Cùng một hãng đó đã quay lại với tôi. Tôi sẽ chốt lại vụ mua bán này chiều nay.”

“Xin chúc mừng.” Wallace chân thành nói. “Nhưng tôi thực sự hy vọng anh nhớ rằng tôi đã làm cho anh có thật nhiều tiền khi đầu tư đại diện cho anh.”

“Ngoại trừ quỹ đầu tư mạo hiểm đó.”

“Ngoại trừ quỹ đầu tư đó, tôi đồng ý, nhưng điều đó đã cách đây nhiều năm.”

Trà cho Olsen và cà phê cho Elliot đã đến. “Cái này ngon.” Olsen nói, sau khi thận trọng nhấp một ngụm. “Đây là cách tôi thích. Bây giờ chúng ta nói chuyện nhé. Tôi muốn bán hết mọi thứ. Tôi muốn thành lập một quỹ ủy thác. Anh có thể điều hành nó. Tôi muốn sử dụng nó để làm những công viên tại New York, các công viên với thật nhiều cây cối. Thành phố này đã có quá nhiều tòa nhà lớn rồi.”

“Anh thật rộng rãi. Anh có định để lại bất kỳ thứ gì cho cháu trai anh hay cho bất cứ ai khác không?”

“Tôi sẽ để lại cho Steve năm mươi ngàn đôla. Hãy để nó có một bộ trống hay cái guitar mới. Nó

chẳng thể nào cứ nhìn tôi qua đĩa cơm tối mà không cố gắng hình dung xem tôi sẽ còn sống sót được bao lâu. Tôi nghe nói từ cặp vợ chồng là giám thị tòa nhà của tôi rằng nó sẽ đảm đương công việc của Howie như là người quản lý chung của tôi. Nó mua cho tôi một cây bút máy và đưa tôi đi ăn tối, và bởi vì tôi cho thấy có những cảm xúc tốt lành với nó, nó nghĩ rằng nó sẽ có thể đảm đương công việc kinh doanh của tôi. Nó và những hợp đồng biểu diễn ca nhạc của nó. Cứ mỗi lần nó ngừng có việc ở những ổ rác câu lạc bộ đó, nó lại tạo ra một cái tên mới cho chính mình và cho cái ban nhạc thua cuộc của nó, tìm cho ra đồ trang bị kỳ cục mới nhất và thuê mướn một tay làm PR tồi tệ. Nếu không phải là vì mẹ nó, mà cũng là em gái tôi, cầu Chúa cho cô ấy an nghỉ đời đời, thì tôi đã tổng một cái vào mộng đít nó từ cách đây nhiều năm rồi.”

“Tôi biết cậu ta là nỗi thất vọng của anh, Derek.” Elliot cố gắng giữ vẻ thương cảm trong giọng nói của mình.

“Nỗi thất vọng. A! Bằng cách này, tôi cũng muốn để lại cho Howie Altman năm mươi ngàn đôla.”

“Tôi chắc chắn là anh ta sẽ cảm kích điều đó. Anh ta có biết những kế hoạch của anh không?”

“Không, hắn ta cũng đang trở nên huênh hoang, tự đắc đấy. Tôi có thể nói rằng hắn ta cũng đang trơ tráo nghĩ rằng mình được quyền có khoản thừa hưởng lớn từ tôi. Đừng hiểu lầm nhé. Hắn đã làm công việc tốt. Và tôi cảm ơn anh vì đã giới thiệu hắn khi gã kia không làm được việc.”

Elliot gật đầu, thừa nhận những lời cảm ơn. “Một trong những khách hàng của tôi lúc đó đang bán tòa nhà và đề cập đến sự sẵn sàng làm việc của anh ta.”

“À, chẳng bao lâu hắn ta sẽ lại sẵn sàng làm việc nữa thôi. Nhưng hắn chẳng phải máu mủ, và hắn không hiểu là khi anh có những người làm việc tốt như gia đình Kramer, anh không được vất kiệt họ chỉ vì một hay hai căn phòng ngủ dôi ra.”

“George Rodenburg vẫn còn là luật sư của anh chứ?”

“Dĩ nhiên. Tại sao tôi phải thay đổi?”

“Điều tôi định nói là tôi sẽ nói chuyện với anh ấy về việc thành lập quỹ. Anh nói anh sẽ chốt lại vụ bất động sản trên đường 104 chiều nay. Anh có muốn tôi có mặt ở đó không?”

“Rodenburg sẽ xử lý chuyện đó. Bảng chào giá đã nằm trên bàn nhiều năm. Vấn đề chỉ là số đôla đã khác đi thôi.”

Olsen đứng lên đi. “Tôi chào đời ở Đại Lộ Tremont trong khu Bronx. Lúc đó nó là một khu lân cận dễ thương. Tôi còn có những tấm hình chụp em gái tôi và tôi ngồi trên bậc tam cấp của một trong những tòa nhà căn hộ nhỏ bé đó, cái loại giờ đây tôi đang sở hữu. Tôi đã lái xe lên khu vực đó tuần trước. Nó khá tồi. Có một lô ở góc gần nơi chúng tôi đã sống. Thật là một khối hỗn độn với cỏ dại, những lon bia và rác rến. Trong khi tôi vẫn còn sống, tôi muốn nhìn thấy nó trở thành một công viên. Một nụ cười sung sướng thoáng qua trên khuôn mặt khi lão quay ra cửa. “Tạm biệt, Elliot.”

Elliot Wallace đi bộ với khách hàng của ông bằng qua phòng tiếp tân, dọc theo hành lang đi đến chỗ thang máy, rồi quay trở lại văn phòng riêng của ông, và lần đầu tiên trong cuộc đời trưởng thành của mình, ông đi tới tủ lạnh chứa rượu, và vào lúc mười một giờ trưa, tự rót cho mình một ly scotch nguyên chất.

Lúc khá trễ vào sáng thứ hai, tôi lái xe lên tòa nhà căn hộ cũ của Mack. Tôi nhấn nút của gia đình Kramer trong hệ thống điện thoại nội bộ, và được đáp lại sau một khoảng khắc là lời chào ngập ngừng. Tôi biết mình phải nói chuyện nhanh. “Bà Kramer, đây là Carolyn MacKenzie, tôi cần nói chuyện với bà.”

“Ồ không, chồng tôi ra ngoài sáng nay rồi.”

“Tôi muốn nói chuyện với *bà*, không phải với ông ấy, bà Kramer ạ. Xin để cho tôi vào chỉ một vài phút thôi.”

“Gus sẽ không thích điều đó. Tôi không thể...”

“Bà Kramer, hẳn bà đang đọc báo chí những ngày này. Chắc chắn bà biết là cảnh sát nghĩ anh trai tôi có thể phải chịu trách nhiệm về việc cô gái đó biến mất dạng. Tôi cần được nói chuyện với bà.”

Trong khoảnh khắc tôi nghĩ bà đã cúp máy, nhưng rồi tôi nghe tiếng click khi cánh cửa dẫn vào phòng tiền sảnh mở ra. Tôi bước vào, băng qua phòng tiền sảnh, rồi nhấn chuông căn hộ của bà. Bà mở hé cửa ra một cái khe bé tí như để chắc chắn rằng tôi không có một đội quân những người sẵn sàng tạo ra bão tố trong căn hộ, rồi cũng chỉ mở đủ rộng để tôi có thể bước vào.

Căn phòng gợi cho tôi nhớ đến phòng khách của bà nội tôi ở Jackson Heights đang trong quá trình tháo dỡ và hủy bỏ. Có những thùng lớn chất đống ở góc nhà. Những tấm màn và những lớp vải xếp nếp được gỡ bỏ khỏi cửa sổ. Không có tranh ảnh trên tường, và những cái bàn bên không còn những cái đèn và các món đồ mỹ thuật hiếm có mà tôi đã trông thấy trong lần đến thăm trước.

“Chúng tôi sẽ dọn đến căn lều của chúng tôi ở Pennsylvania.” Lil Kramer nói. “Gus và tôi đã sẵn sàng nhiều hơn để về hưu rồi.”

Bà ấy sẽ bỏ trốn, tôi nghĩ khi quan sát bà. Mặc dầu căn phòng mát mẻ, trên trán bà vẫn tươm những giọt mồ hôi li ti. Mái tóc xám của bà được chải ngược ra sau khuôn mặt và được cột chặt ở phía sau tai. Làn da cũng có màu xám xỉn như mái tóc bà. Tôi chắc bà không ý thức được rằng đôi tay bà đang chà xát vào nhau theo kiểu cách lo lắng, bực bội.

Dù không được mời, tôi vẫn ngồi lên chiếc ghế gần nhất. Tôi nhận ra sẽ hoàn toàn là vô ích nếu không đi ngay vào vấn đề. “Bà Kramer, bà biết anh trai tôi. Bà có nghĩ anh ấy là kẻ giết người không?”

Bà bậm hai môi lại với nhau. “Tôi chẳng biết cậu ấy như thế nào.” Rồi bà bật ra: “Cậu ấy nói dối về tôi. Tôi đã tử tế với cậu ấy. Tôi thực sự thích cậu ấy. Tôi đã chăm sóc quần áo và phòng của cậu ấy tốt đến thế. Vậy mà cậu ấy lại kết tội tôi.”

“Két tội bà về điều gì?”

“Đừng bận tâm. Điều đó không thực, và tôi không thể tin được tai mình.”

“Điều đó đã xảy ra lúc nào?”

“Một vài ngày trước khi cậu ấy biến mất. Và rồi cậu ấy còn nhạo báng tôi.”

Không ai trong hai chúng tôi nghe thấy tiếng cánh cửa mở ra. “Ngậm miệng lại, Lil.” Gus ra lệnh khi hắn sải bước qua căn phòng. Hắn quay mặt đối diện tôi. “Còn cô thì bước ra khỏi nơi này. Anh trai cô đã trâng tráo đối xử với vợ tôi theo cách của mình và nay hãy nhìn cách anh ta làm đối với các cô gái trẻ đó.”

Điên tiết, tôi đứng bật lên. “Ông Kramer, tôi không biết ông đang nói về điều gì. Tôi không tin rằng Mack đã đối xử không phải với vợ ông dưới bất kỳ kiểu cách hay hình thức nào, và giờ đây tôi có thể đánh cược cả cuộc đời tôi rằng anh ấy không phải chịu trách nhiệm về bất cứ tội ác nào cả.”

“Cứ tiếp tục tin tưởng điều đó, và để tôi bảo cho cô biết tôi đang nói về điều gì. Vợ tôi sắp sửa suy sụp thần kinh vì lo lắng rằng khi họ bắt được gã anh trai giết người của cô, hắn sẽ quay sang bà ấy và kết tội bà với những lời lẽ dối trá dơ bẩn của hắn.”

“Đừng gọi anh ấy là kẻ giết người.” Tôi nói. “Ông mà *dám* gọi anh ấy là kẻ giết người sao?”

Khuôn mặt Gus ngập tràn cơn thịnh nộ. “Ta gọi hắn cái gì ta muốn gọi hắn, nhưng ta sẽ cho cô biết điều này. Gã là một kẻ giết người đi lễ nhà thờ. Lil đã trông thấy hắn cái ngày hắn để lá thư ngắn trong cái rổ đựng đồ quyên góp, phải không Lil?”

“Tôi không mang theo kính, nhưng tôi chắc chắn đã nhìn rõ.” Lil bắt đầu khóc. “Tôi đã nhận ra cậu ấy. Cậu ấy cũng trông thấy tôi nhìn cậu ấy. Cậu ấy mặc áo mưa và đeo kính đen. Chính là Mack đang đứng trong nhà thờ.”

“Cảnh sát đã có mặt ở đây một giờ trước, và chúng tôi cũng nói với họ điều đó.” Gus Kramer thét vào mặt tôi. “Còn bây giờ thì xéo ra khỏi đây và để cho vợ tôi yên.”

Vào chiều tối thứ bảy, sau khi biết chắc là Steve đã đi đến một trong những chỗ họp đồng thuê ban nhạc biểu diễn, Howard Altman đã đi vào căn hộ của Steve, cẩn thận và đầy tính chuyên nghiệp, hắn đặt những cái camera được che giấu trong phòng khách và phòng ngủ. Bằng hình video sẽ chiếu trực tiếp vào máy tính của hắn.

Tại sao ta không nghĩ đến điều này sớm hơn nhỉ? Hắn tự hỏi mình khi thiết lập hệ thống giám sát đó. Cám ơn, Steve à, vì đã giúp ta dễ dàng trong việc này. Steve để đèn sáng trong cả hai phòng, và cả nhà tắm nữa. Derek thanh toán hóa đơn tiền ga và tiền điện cho hắn. Howard bực tức nghĩ thế.

Và Steve là một kẻ nhếch nhác, thô lỗ. Hai bộ đồ ngốc nghếch mà hắn mặc cho một trong những buổi biểu diễn của ban nhạc chất đồng trên một cái ghế. Những lọn tóc giả và những mái tóc giả mà hắn sử dụng để đóng vai các nhân vật của hắn bị ném tung lên trong cái thùng carton đặt trên sàn nhà. Howard đội thử một trong những cái đó, mái tóc giả màu nâu đậm dài. Hắn nhìn mình chằm chằm trong gương rồi gỡ bỏ nó ra. Hắn trông giống đàn bà với mái tóc đó, và điều đó khiến hắn nghĩ đến người giáo viên từng sống trong căn hộ này và đã bị cướp giết chết.

Ta không biết tại sao Steve Hockney lại có thể sống trong một nơi từng thuộc về một người đã bị cướp giết chết như vậy, hắn nghĩ. Ta phải ra khỏi chỗ này thôi.

Sáng thứ hai, Howard đến đón ông Olsen để thực hiện một trong những chuyến đi thăm các bất động sản đã lên lịch của họ, nhưng ông không có mặt ở đó. Người giám thị trong tòa nhà bảo hắn rằng Olsen đã được một cái xe dịch vụ đón đi rồi.

Hoàn toàn không dễ chịu tí nào, Howard đi đến chặng dừng thứ nhất như thông lệ của họ, tòa nhà nơi gia đình Kramer là giám thị. Hắn sắp sửa mở khóa cánh cửa phòng tiền sảnh thì nó bị mở bung ra và một người phụ nữ trẻ xinh xắn, lệ tuôn thành dòng trên đôi gò má, chạy ngang qua hắn.

Carolyn MacKenzie, hắn nghĩ. *Cô ta* đang làm gì ở đây nhỉ? Hắn quay lại, chạy đuổi theo phía sau và bắt kịp cô khi đã cách xa nửa dặm nhà, với bộ điều khiển từ xa trên tay, cô đang mở cửa chiếc xe của mình. “Cô MacKenzie, tôi là Howard Altman. Chúng ta đã gặp nhau cách đây hai tuần khi cô đang nói chuyện với gia đình Kramer.” Hắn vội vã nói, thở hổn hển.

Hắn quan sát khi cô nóng nảy gạt ngang những giọt lệ vẫn còn tuôn ra từ đôi mắt. “Tôi e mình không thể nói chuyện ngay lúc này.” Cô nói.

“Xem nào, tôi đã nhìn thấy hình cô trên báo và đã đọc những chuyện về anh trai cô. Đó là việc xảy ra trước khi tôi làm cho Olsen, nhưng dẫu sao tôi mong tôi có thể giúp được cô.”

“Cám ơn ông. Tôi cũng ước mong ông có thể giúp được.”

“Nếu gia đình Kramer bực bội cô vì bất kỳ lý do gì, tôi sẽ thu xếp với họ cho.” Hắn hứa hẹn.

Cô không trả lời, đẩy cánh tay hắn ra khỏi lối đi và vào cửa phía bên tài xế. Howard lùi lại. Với một chuyển động nhanh chóng, cô đã chui tọt vào xe, nổ máy, quay bánh lái, chạy vào khu vực đậu xe rồi bỏ đi.

Khuôn mặt hắn thật dữ tợn, Howard Altman đi thẳng vào căn hộ của gia đình Kramer. Họ không trả lời mặc dù tiếng chuông cửa réo lên dai dẳng. Hắn cố dùng chìa khóa của mình để

mở cửa, nhưng ổ khóa an toàn vẫn bất động. “Gus và Lil, tôi phải nói chuyện với hai người.” Hắn quát lên.

“Xéo xuống địa ngục đi.” Gus Kramer hét lên từ phía bên kia cánh cửa. “Chúng tôi sẽ đi khỏi đây ngày hôm nay. Ông có thể có công việc này, căn hộ này, và mọi thứ đi cùng với nó. Và chỉ để ông biết như the, Howie, tốt hơn hết ông nên xem lại sau lưng mình. Nếu Steve có bất kỳ điều gì với hắn, ông sẽ phải tìm kiếm một nơi nào để dung thân đấy. Giờ thì xéo đi.”

Đứng tần ngần trên lối đi, Howard chẳng thể làm gì hơn là bỏ đi. Có phải Steve đang xum xoe quanh Olsen không? Hắn tự hỏi. Nếu không tại sao Olsen lại đặt dịch vụ xe sáng nay?

Có một cách để hắn có thể tìm ra xem có phải Steve đang quanh quẩn ở đó hay không. Howard quay về căn hộ của mình và mở máy tính lên. Quét qua đoạn phim videocam, hắn thấy Steve đã ở đó rồi đi ra khỏi căn hộ suốt ngày hôm qua, nhưng hắn luôn chỉ có một mình. Lúc này chẳng có ai trong phòng khách của hắn. Vì thế, có thể hắn đi ra ngoài với Olsen, Howard nghĩ thế, nhưng rồi cái camera trong phòng ngủ cho thấy Steve đang mặc quần lót, ngồi bên mép giường, thử đội hết mái tóc giả này đến mái tóc giả khác. Cái cuối cùng hắn chọn là cái có mái tóc nâu dài. Chiếc camera cho thấy hắn đang mỉm cười với bóng mình trong gương và hôn gió với nó. Rồi Steve quay lại và đi thẳng đến ống kính.

“Howie, tao có những camera an ninh của riêng tao lắp đặt ở đây.” Hắn nói. “Tao cần chúng. Một số bạn bè tao chính xác không phải là những khách hàng đáng tin cậy. Nếu mày nhìn cái này hoặc nếu mày *đang thực sự* nhìn nó, hãy có một ngày tốt lành.”

Với những ngón tay run rẩy, Howard tắt máy tính đi.

Vào giữa trưa thứ hai, thám tử Gaylor nhận được cú điện thoại từ người nấu bếp trẻ mà ông đã gặp tại khu dành cho người vô gia cư trên phố Mott. “Xin chào, Joan Coleman đây mà.” Cô nói, giọng đầy vẻ kích động. “Tôi đã hứa sẽ tìm ra điều gì tôi có thể tìm được về Zach.”

Căn phòng tổ công tác đang ồn ào, nhưng Gaylor chặn mọi thứ lại để nghe giọng Joan Coleman. “Được rồi.” Ông nói. “Cô có thể kể gì cho tôi nghe nào?”

“Hắn sẽ có mặt ngoài phố mãi. Không còn ở khu dành cho người vô gia cư nữa, vì rằng bây giờ thời tiết ẩm áp. Hắn xuất hiện với đồ lễ của hắn gần cầu Brooklyn tối qua, say khướt. Hắn kể cho bạn bè hắn nghe rằng hắn có thể có được khoản tiền thưởng trong vụ Leeseey Andrews.”

“Hắn đã cố điều đó. Tôi không tin nó sẽ được việc.”

“Pete, người cung cấp tin tức của tôi là một gã trẻ trung có thể làm được điều đó. Hắn là một tay nghiện ma túy, nhưng hắn luôn cố gắng. Lúc này hắn khá sạch sẽ, do vậy tôi tin cậy những gì hắn kể với tôi.” Cô thấp giọng. “Hắn nói rằng Winters tuyên bố hắn đang nắm bằng chứng nào đó nhưng không thể đưa nó ra vì người ta sẽ đổ mọi tội lỗi lên đầu hắn.”

“Được rồi. Thế thì Winters đã có mặt ở khu vực cầu Brooklyn tối qua phải không?”

“Vâng, gần chỗ đại loại là khu vực công trường xây dựng, và có lẽ hắn vẫn còn quanh quẩn ở đó. Từ điều Pete nói với tôi thì hắn còn ngủ nhiều.”

“Joan, nếu có bao giờ cô muốn một công việc ở phòng này,” Gaylor nồng nhiệt nói, “thì cô đã có nó đấy!”

“Không, cảm ơn. Tôi đã có đủ phần mình, chỉ cố gắng làm điều gì tôi có thể cho những gã tội nghiệp này mà thôi.”

“Cảm ơn một lần nữa, Joan.”

Gaylor đứng lên, đi vào văn phòng của Larry Aheam, và báo cáo ngắn gọn với anh.

Aheam lặng lẽ nghe. “Anh nghĩ Winters đang che giấu chúng ta à,” anh nói. “Có vẻ như anh đúng đấy. Hãy tìm cho ra hắn và buộc hắn phải phun ra. Có thể hắn vẫn còn đủ say để phun hết gan ruột ra cho anh đấy.”

“Anh có nghe thêm thông tin gì về gia đình Leeseey không?”

Aheam dựa lưng vào ghế với tiếng thở dài. “Tôi đã nói chuyện với Gregg sáng nay. Anh ấy cho cha mình uống thuốc an thần khá nhiều. Anh ấy không thể rời xa ông cho đến khi việc này được giải quyết theo cách này hay cách khác.” Anh nhún vai. “Điều phải nói là cả anh lẫn tôi đều không hiểu điều gì đã xảy ra hoặc điều gì sẽ xảy ra cho Leeseey Andrews.”

“Tôi không tin điều đó.” Gaylor nói. “Ngày hôm qua anh đã đứng khi cảm thấy gã này muốn được chú ý.”

“Tôi cũng đang bắt đầu tin rằng hắn muốn bị bắt, nhưng theo một kiểu cách sẽ là một biến cố bùng nổ ngoạn mục cơ.” Đôi tay Aheam co lại thành những nắm đấm. “Cách đây một tiếng Gregg nói với tôi rằng anh ấy cảm thấy vô dụng cùng cực. Và tôi cũng cảm thấy thế.”

Khi Gaylor quay lưng đi, chuông điện thoại lại reo vang. Ahearn nhắc máy lên, nghe một chút rồi nói: “Cho anh ấy ra đường đây đi.” vẫy tay gọi Gaylor quay lại, anh nói: “Gregg Andrews đó mà.”

Gaylor lắng nghe khi Larry Ahearn nói. “Dĩ nhiên nếu cha anh muốn đăng lời yêu cầu giúp đỡ trên hệ thống truyền thông, chúng tôi sẽ chuyển nó cho họ.” Anh ngồi xuống và cầm một cây bút lên. “Nó từ trong Kinh Thánh. Được rồi.” Anh viết trong lúc kẹp điện thoại vào tai nghe, ngắt lời Gregg Andrews một lần, nhắc lại điều gì đó, rồi nói: “Tôi nắm rồi. Tôi sẽ lo việc đó.”

Với một tiếng thở dài thật sâu, anh đặt ống nghe xuống. “Đó là điều bác sĩ Andrews muốn đọc trên các đài truyền hình và in trên báo chí để kẻ bắt cóc Leesey hiểu rằng ông cần cô ấy quay trở về an toàn, bình yên với ông một cách kinh khủng như thế nào. Nó được trích từ lời nhà tiên tri Hosea:

“Khi con còn là đứa trẻ ta đã yêu thương con...

Chính ta là người dạy con bước, nắm con trong đôi tay ta...

Ta dành cho con như những ai nâng trẻ nhỏ lên đôi gò má họ.

Ta cúi xuống và cho con ăn...

Làm sao ta có thể từ bỏ con cho đành?”

Cặp mắt hai người đàn ông lấp lánh những giọt lệ khi thám tử Bob Gaylor bỏ đi tìm Zach Winters.

Viễn ảnh những tờ đôla, xếp thành từng chồng cứ nhảy múa trong trí óc của Zach Winters khi hắn mở mắt nhìn một gã nào đó đang đứng trước mặt hắn. Hắn đang nằm co người tại một trong những địa điểm ưa thích nhất của hắn, một công trường xây dựng gần khu vực cầu Brooklyn, nơi cái garage đậu xe cũ đã bị giật đổ, nhưng tòa nhà mới lại chưa được khởi sự. Cái hàng rào bằng gỗ đã được dỡ lên, và vì thời tiết ẩm áp nên hắn và nhiều bạn bè hắn đã sử dụng nơi này làm mái ấm của mình. Cứ mỗi mười ngày hoặc hai tuần cảnh sát lại đuổi họ ra khỏi chỗ này, nhưng sau một ngày gì đó tất cả bọn họ lại quay trở lại với đồ lều của mình. Giống như Zach, tất cả bọn họ đều hiểu rằng khi công việc xây dựng thực sự bắt đầu, họ sẽ lại phải lên đường, nhưng cho đến tận lúc đó, nó vẫn còn là địa điểm tuyệt vời để cắm trại.

Zach đang mơ màng đến khoản tiền thưởng năm mươi ngàn đôla mà hắn sẽ có được ngay trong khi hình dung ra cách để có tiền mà không đưa hắn vào tình trạng rắc rối thì hắn cảm thấy có ai đó đang lắc đôi vai hắn.

“Thôi nào, Zach, tỉnh lại đi.” Giọng một người đàn ông đang ra lệnh.

Zach chậm chạp mở mắt ra. Một cảm giác quen thuộc lướt qua trí não hắn. Ta biết gã này. Hắn là cảnh sát. Hắn ở trong căn phòng đó khi người anh dẫn ta đến nói chuyện về việc trông thấy Leesey. Phải cẩn thận, Zach tự cảnh báo mình. Hắn là một trong những kẻ gây phiền toái ngày hôm ấy.

Zach cuộn người lại và chậm chạp chống khuỷu tay đứng lên. Hắn đã che thân bằng cái áo khoác mùa đông, và giờ đây hắn đây nó sang một bên. Hắn chớp mắt trước ánh mặt trời mạnh mẽ buổi trưa, rồi nhanh chóng liếc quanh để chắc chắn là cái xe dây tạp phẩm của hắn vẫn còn đó. Hắn đã ngủ với cái xe dây đặt trên mặt đất kế bên, chân hắn móc vào tay đẩy để không ai có thể với đến cái xe mà không làm hắn dịch chuyển trước. Nó đủ an toàn, mặc dù vài tờ báo mà hắn

nhét vào bên trên đã trượt ra khỏi đó.

Hắn chớp mắt nữa. “Muốn gì vậy?” Hắn hỏi.

“Tôi muốn nói chuyện với anh. Đứng lên đi.”

“Được rồi, được rồi, cứ thông thả mà.” Zach mò mẫm chai rượu vang mà lúc hắn ngủ vẫn ở kế bên hắn.

“Nó rỗng rồi.” Gaylor ngắt lời. Ông chụp lấy cánh tay Zach, và giật mạnh hắn đứng lên. “Anh đã kể với bạn bè anh rằng anh biết một điều gì đó về việc Leesey biến mất, một điều anh không thể nói với chúng tôi ngày hôm đó. Nó là gì vậy?”

“Tôi không biết ông đang nói về chuyện gì vậy?”

“Có, anh biết.” Gaylor cúi xuống, chụp lấy tay đẩy của chiếc xe đẩy và dựng cho nó thẳng đứng lên. “Anh đã nói với bạn bè anh rằng anh có điều gì đó có thể đưa đến khoản tiền thưởng được đưa ra cho vụ Leesey Andrews. Nó là gì?”

Zach làm một cử chỉ phủi đất khỏi chiếc áo khoác của hắn. “Tôi biết quyền của mình. Tránh xa khỏi tôi đi.” Hắn vói tay nắm cửa chiếc xe đẩy của hắn. Gaylor khước từ không tránh ra khỏi nó, và chặn lối hắn đi.

Giọng nói của người thám tử nghe thật giận dữ. “Zach, tại sao anh không hợp tác với tôi? Tôi muốn anh dỡ cái xe đẩy này ra và chỉ cho tôi mọi thứ trong đó. Chúng tôi biết anh đã không làm gì với việc Leesey biến mất dạng. Anh là kẻ nết rượu đến mức không thể xoay sở làm được điều đó. Nếu anh có cái gì trong mớ đồ lề của anh có thể giúp chúng tôi tìm ra cô ấy, anh sẽ có được khoản tiền thưởng của anh. Tôi hứa như vậy.”

“Ê, chắc ông làm chứ.” Zach tiến lên và cố chụp tay nắm từ Gaylor. Cái xe đẩy chao đảo và một vài tờ báo rơi ra, một cái áo sơ mi của đàn ông trông rất bẩn thỉu, quần quanh một vật mà ngay lập tức Gaylor nhận ra đó là một hộp mỹ phẩm đắt tiền.

“Anh đã lấy cái đó ở đâu?” Ông ngắt ngang.

“Đấy không phải là việc của ông.” Zach nhanh chóng chỉnh lại chiếc xe đẩy cho thẳng rồi nhét những tờ báo vào chỗ cũ. “Tôi đi ra khỏi chỗ này.” Hắn nhanh chóng đẩy chiếc xe hướng về vỉa hè gần nhất.

Đứng lại trong khoảng cách bắt kịp hắn, Gaylor móc chiếc điện thoại di động ra và quay số của Aheam. “Tôi cần một cái trát tìm kiếm để tóm lấy những món trong chiếc xe đẩy của Zach Winters.” Ông nói. “Hắn có một cái túi mỹ phẩm màu đen bằng bạc đắt tiền mà tôi cá là thuộc về Leesey Andrews. Tôi sẽ đi theo sát hắn cho đến khi anh trả lời tôi. Và hãy tìm cho ra từ người bạn cùng phòng với Leesey xem cô ấy có biết Leesey đã đeo loại túi mỹ phẩm nào tối hôm ấy không.”

Bốn mươi phút sau, được sự hỗ trợ của hai chiếc xe tổ công tác với lệnh trong túi, Gaylor đang mở cái hộp mỹ phẩm của Leesey Andrews.

“Tôi sợ rằng ông nghĩ tôi ăn trộm nó.” Zach Winters đang rên rỉ. “Khi cô ấy leo lên chiếc SUV, cô ấy làm rơi chiếc túi xách tay. Một vài món đồ bị rơi ra. Cô ấy nhặt hầu hết mọi thứ lên, nhưng khi họ lái xe đi rồi, tôi đi đến đó để xem có thể có vài đôla bị rơi ra khỏi túi của cô ấy không. Ông biết tôi định nói gì. Rồi tôi trông thấy cái này và tôi lấy nó, và tôi sẽ thành thật với ông rằng cô ấy để tờ năm mươi đôla trong đó, và có lẽ tôi đã tự thưởng cho mình một chút

và...”

“Thế tại sao anh không ngậm miệng lại?” Gaylor chen ngang. “Nếu anh đưa cái này cho chúng tôi, thậm chí vào sáng thứ bảy, sự thế có thể đã khác đi rồi.”

Ngoài hộp mỹ phẩm theo kiểu tiêu biểu phụ nữ vẫn thường mang theo, ông còn tìm thấy một tấm danh thiếp cá nhân. Nó thuộc về Nick DeMarco và có ghi địa chỉ và số điện thoại căn hộ tiện nghi của anh ta. Ở mặt sau của tấm danh thiếp anh ta đã viết: “Leesey, tôi có thể mở vài cánh cửa cho cô trong lãnh vực kinh doanh biểu diễn và tôi sẽ vui sướng được làm điều đó. Hãy gọi cho tôi. Nick.”

Với nụ cười thỏa mãn, Derek Olsen ký vào đồng giấy tờ cuối cùng để chuyển giao căn nhà xập xệ dưới phố mà lão sở hữu trên đường 104 và đường Riverside với giá nhiều triệu đôla cho doanh nghiệp Twining Enterprises, hãng bất động sản sắp xây dựng một khu căn hộ cao cấp xa xỉ kế bên đó. Lão đã khẳng khái rằng Douglas Twining Sr., Chủ Tịch và CEO của công ty đó, phải đích thân tham dự cuộc mua bán.

“Tôi biết ông sẽ thanh toán ở mức tôi muốn, Doug ạ.” Olsen nói. “Thật là quá sức vô lý nếu ông không cần tòa nhà của tôi.”

“Tôi không cần nó. Tôi muốn nó.” Twining khế khàng nói. “Lẽ ra tôi đã có thể làm mà không cần có nó.”

“Và không có cái góc ấy? Không có tầm nhìn ấy? Có lẽ tôi phải bán nó cho một người nào khác sẽ dựng lên một trong những tòa nhà mạnh mún vớ vẩn đó để cho những người nổi tiếng của ông sẽ nhìn về phía tây vào một bức tường gạch à? Thôi đi mà.”

Twining nhìn luật sư của ông. “Chúng ta xong ở đây chứ?”

“Tôi nghĩ thế, thưa ông.”

Twining đứng lên. “A, Derek, tôi cho rằng tôi cần phải chúc mừng ông.”

“Tại sao không? Mười hai triệu đôla cho mảnh đất có diện tích hơn một nghìn năm trăm mét vuông, và một căn nhà tồi tàn mà tôi đã trả mười lăm ngàn cho khoảng thời gian cách đây bốn mươi năm cơ mà? Điều đó là sự lam phát đối với ông.” Nụ cười hân hoan của Olsen biến mất. “Nếu điều đó làm ông cảm thấy tốt hơn, tôi sẽ bỏ tiền này vào việc sử dụng tốt đấy. Nhiều trẻ con trong khu Bronx, những đứa trẻ không lớn lên trong những căn hộ cao cấp và không đi đến Hamptons để nghỉ hè, giờ đây sẽ có vài công viên để chơi trong đó - các công viên Derek Olsen. Khi nào thì ông sẽ cho giặt sập ngôi nhà đó?”

“Quả banh công phá sẽ có mặt ở đó vào sáng thứ năm. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ đích thân làm điều đó. Tôi biết cách xử lý nó như thế nào.”

“Tôi sẽ đến xem. Tạm biệt nhé, Doug.” Olsen quay sang luật sư của lão, George Rodenburg. “Được rồi, chúng ta ra khỏi đây đi.” Lão nói. “Anh có thể mua cho tôi một bữa tối sớm đi. Tôi quá sức kích động đến không ăn được cơm trưa. Và trong khi chúng ta ăn, tôi sẽ gọi điện cho cháu trai tôi và Howie để bảo cho họ biết rằng điều đó sẽ đến vào sáng thứ năm. Tôi sẽ bảo họ tôi vừa mới có mười hai triệu đôla cho khoản đó và tất cả số tiền đó sẽ đi vào các công viên của tôi. Tôi chỉ ao ước mình có thể trông thấy bộ mặt của họ. Cả hai người sẽ có cơn đau tim thôi.”

Sau khi rời nhà gia đình Kramer, tôi lái xe thẳng vào garage ở Sutton Place, băng qua những cái camera lóe sáng, đi lên lầu, và ném vài món đồ vào trong một cái túi. Mang cặp kiếng đen lớn nhất mà tôi có thể tìm ra để che khuôn mặt mình, tôi quay lại đi xuống thang máy đến garage, lần này tôi lấy chiếc xe hơi của mẹ tôi để che mắt họ. Rồi, cầu xin Thượng Đế cho tôi không gây ra tai nạn, tôi chạy ào ra ngoài phố, và quẹo thật nhanh vào đường số Năm Mười Bảy. Tôi lái xe lên Đại lộ Thứ Nhất đến tận đường số Chín Mười Sáu, cố đảm bảo sao cho tôi sẽ không bị theo đuôi. Tôi không muốn bất kỳ ai có ý nghĩ nào về nơi tôi sẽ đi.

Dĩ nhiên, tôi không thể chắc, nhưng hẳn là không có cái xe truyền thông nào xuất hiện khi tôi quẹo phải vào đường số Chín Mười Sáu và đi vào đường FDR phía bắc. Con đường này dĩ nhiên được đặt tên để tôn vinh Tổng Thống Franklin Delano Roosevelt. Điều đó làm tôi nghĩ về Elliot. Một ý nghĩ ớn lạnh đến với tôi rằng nếu Mack phạm tất cả những tội ác này và bị bắt, trong vòng nhiều tháng sẽ đầy những thông tin đại chúng và một vụ xét xử hay nhiều vụ xét xử. Elliot có nhiều khách hàng vàng. Tôi biết ông ấy đang yêu mẹ, nhưng ông ấy có muốn bị dính dấp vào loại thông tin đại chúng ấy không nhỉ? Nếu ông cưới mẹ, ông ấy có muốn nhìn thấy hình bà trong các tờ báo lá cải trong suốt vụ xét xử không nhỉ?”

Ngay bây giờ đây ông ấy là người bảo vệ bà, nhưng điều đó sẽ kéo dài bao lâu? Nếu giờ này cha còn sống và Mack kết thúc với kịch bản như thế, tôi biết cha sẽ có mặt ở đó với anh, làm hôn lễ, tặng và dịch chuyển đất trời để tạo dựng lên trạng thái mất trí để bảo vệ anh. Tôi nghĩ đến giai thoại về FDR được lập đi lập lại quá thường xuyên của Elliot - rằng ông đã chọn một người theo Đảng Cộng hòa là người nữ chủ tiệc khi Eleanor đi vắng vì không có người nào theo Đảng Dân chủ trong khu Hyde Park có cùng vai vế xã hội ngang bằng ông. Tôi tự hỏi FDR, hay Elliot nghĩ gì về việc có người mẹ của kẻ giết người hàng loạt bị kết án có mặt quanh quẩn họ? Cái cách sự việc đang tiếp diễn, hầu như tôi có thể nghe thấy Elliot đưa ra bài diễn văn “chúng ta hãy cứ là bạn thôi” cho mẹ.

Khi tôi tiến đến khu vực Cross Bronx, tình trạng lưu thông tồi tệ hơn bao giờ hết, tôi cố ngừng suy nghĩ để tập trung vào việc lái xe. Với mật độ giao thông gần như bò toài ra, tôi gọi đến trước và thu xếp có được một vé giữ chỗ trước cho chuyến phà cuối cùng đi Vineyard từ Falmouth. Thế rồi tôi đặt chỗ ở khách sạn Vineyard ở Chappaquiddick. Tôi tắt luôn điện thoại di động. Tôi không muốn nói chuyện với bất kỳ ai.

Khi tôi đến được đảo và nhận phòng ở khách sạn thì đã chín giờ ba mươi. Mệt lử, nhưng vẫn không thể nghỉ ngơi, tôi xuống quầy rượu, ăn một cái hamburger và uống hai ly vang đỏ. Rồi, bất chấp tất cả những lời khuyên y học mạnh mẽ, tôi uống một viên thuốc ngủ mà tôi đã tìm thấy ở cái bàn ngủ của mẹ và đi ngủ luôn.

Tôi ngủ một lèo đến mười hai tiếng đồng hồ.

4 giờ 30 chiều, Nick DeMarco đang ở trong văn phòng giữa phố của anh thì chuông điện thoại reo vang. Đó là đội trưởng Larry Ahearn với một yêu cầu nhanh chóng rằng anh phải đến ngay văn phòng ông. Nuốt hết sự khô đắng vào miệng và xuống cuống họng, Nick đồng ý. Ngay khi gác máy, anh gọi liền cho luật sư của mình, Paul Murphy.

“Tôi sẽ khởi hành ngay bây giờ.” Murphy bảo anh. “Tôi sẽ gặp anh tại phòng tiền sảnh ở đó.”

“Tôi có thể làm tốt hơn điều đó.” Nick nói. “Dầu sao tôi cũng đang định đi trong vòng mười lăm phút nữa, có nghĩa là ngay bây giờ Benny có lẽ đang ở bên ngoài quanh khu phố. Tôi sẽ gọi cho anh khi tôi vào trong xe hơi. Chúng tôi sẽ lượn qua và đón anh.”

Lúc 5 giờ 5 phút, Benny đang ngồi sau tay lái, họ đang lái xe về phía nam trên Đại Lộ Công Viên. “Theo cách mà tôi thấy, thì đây là cách họ làm anh lo lắng.” Murphy bảo anh. “Chúng cố gián tiếp duy nhất, và tôi lập lại *duy nhất* mà họ có thể đặt ra với anh là hai sự kiện: Một là anh đã mời Leeseysang nói chuyện với anh trong câu lạc bộ, và hai là anh đã có chiếc Mercedes SUV màu đen, khiến anh trở thành một trong hàng ngàn chủ sở hữu một chiếc Mercedes SUV màu đen.”

Anh ném cái nhìn vào DeMarco. “Dĩ nhiên, lẽ ra anh đã có thể giúp tôi không bị bất ngờ lần trước khi chúng ta có mặt ở đó.”

Murphy đã hạ giọng gần như một tiếng thì thào, như Nick vẫn dùng khuỷu tay hích anh một cái. Anh biết Murphy đang đề cập đến sự kiện rằng người vợ thứ hai của Benny đã đưa ra một lệnh giới hạn chống lại anh. Anh cũng biết rằng Benny có đôi tai thính tuyệt vời và chẳng bỏ sót cái gì cả.

Mật độ giao thông chậm chạp không chịu nổi đến mức Murphy quyết định phải gọi điện thoại cho văn phòng của Ahearn. “Chỉ để anh biết rằng chúng tôi đang kẹt vào giắc cao điểm năm giờ như thường lệ và chẳng thể làm gì về điều này được cả.”

Câu trả lời của Ahearn thật đơn giản. “Chỉ cần đến đây. Chúng tôi sẽ chẳng đi đâu cả. Có tài xế của DeMarco, Benny Seppini, đang lái xe với các anh không?”

“Vâng, anh ấy đang lái xe.”

“Đem anh ta lên luôn nhé.”

Lúc đó là 5 giờ 50 khi Nick DeMarco, Paul Murphy và Benny Seppini đi qua phòng to công tác đến văn phòng riêng của Larry Ahearn. Tất cả bọn họ đều chú ý đến những cái nhìn chăm chăm gay gắt từ những người thám tử trong phòng tổ công tác khi họ vội vã đi qua.

Bên trong văn phòng Ahearn bầu không khí thậm chí còn lạnh lẽo hơn. Ahearn lại được bọc hai bên sườn bởi các thám tử Barrott và Gaylor. Có ba cái ghế đặt trước cái bàn giấy. “Ngồi xuống đó.” Ahearn cộc lốc nói.

Benny Seppini nhìn DeMarco. “Ông DeMarco, tôi không nghĩ đây là chỗ của tôi...”

“Dẹp cái thói quen đầy tớ đó đi. Anh biết anh gọi anh ta là Nick mà.” Ahearn chen ngang. “Và giờ thì ngồi xuống đi.”

Seppini chờ cho đến lúc DeMarco và Murphy đã ngồi vào chỗ họ rồi hẳn mới ngồi vào ghế mình. “Tôi biết ông DeMarco nhiều năm.” Hẳn nói. “Ông ấy là một người quan trọng, và khi không ở một mình với ông ấy, tôi gọi ông ấy là ông DeMarco.”

“Nghe cảm động nhỉ.” Ahearn mỉa mai nói. “Bây giờ tất cả hãy lắng nghe điều này.” Anh nhấn cái nút máy thu băng và giọng của Leeseey Andrews đang van vỉ cha cô hãy giúp đỡ tràn ngập căn phòng.

Có một khoảnh khắc yên lặng căng thẳng tiếp theo sau đoạn băng thu, rồi Paul Murphy hỏi. “Mục đích mở đoạn băng thu này cho chúng tôi nghe để làm gì vậy?”

“Tôi vui mừng thông báo để anh nhắc nhở khách hàng của mình một thực tế rằng kể từ ngày hôm qua, Leeseey Andrews có lẽ vẫn còn sống. Chúng tôi nghĩ anh ta có thể làm điều đó để khuấy động, nói cho chúng tôi biết chúng tôi có thể tìm cô ấy ở đâu.”

DeMarco nhảy lên khỏi chiếc ghế. “Tôi không có ý tưởng nào hơn các anh về việc cô gái tôi nghiệp đó hiện đang ở đâu, và tôi sẽ cho đi bất cứ điều gì tôi có để cứu sinh mạng cô ấy nếu tôi có thể.”

“Tôi chắc anh sẽ làm thế.” Barrott đáp, giọng ông nhỏ giọt xuống với sự mỉa mai. “Anh nghĩ cô ấy khá xinh xắn, phải không? Thực tế thì anh đã chuôi cho cô ấy danh thiếp cá nhân của anh với địa chỉ căn hộ cao cấp ẩm cúng của anh mà.”

Ông đưa ra tấm danh thiếp, tăng hắng rồi đọc. “Leeseey, tôi có thể mở vài cánh cửa cho cô trong lãnh vực kinh doanh biểu diễn và tôi sẽ vui sướng được làm điều đó. Hãy gọi cho tôi. - Nick.”

Ông ném tấm danh thiếp xuống bàn. “Anh đã đưa nó cho cô ấy đêm hôm đó phải không?”

“Anh không phải trả lời điều đó, Nick.” Murphy cảnh báo.

Nick lắc đầu. “Không có lý do gì để không trả lời điều đó. Vài phút mà cô ấy có mặt ở bàn tôi, tôi đã bảo cô ấy rằng cô là một người khiêu vũ tuyệt đẹp, và cô ấy cũng chắc chắn về điều này. Cô ấy thổ lộ rằng cô ấy muốn có một năm nghỉ ngơi sau khi học xong cao đẳng, chỉ để xem cô ấy có thể làm điều đó trên sân khấu không. Tôi thực sự biết nhiều người nổi tiếng. Do vậy tôi đã đưa cô ấy tấm danh thiếp này. Thế thì sao nào?” Anh gập cái nhìn chăm chăm đầy vẻ ngờ vực của Ahearn.

“Dường như anh đã quên không đề cập điều đó với chúng tôi.” Ahearn phát biểu, đầy vẻ khinh miệt trong mỗi từ anh thốt ra.

“Tôi đã có mặt ở đây ba lần.” Nick nói, giờ đây rõ ràng có vẻ tranh luận. “Lần nào anh cũng tấn công tôi cứ như thể tôi đã làm gì với việc cô ấy biến mất. Tôi biết anh có thể tìm ra cách nào đó để làm cho cái giấy phép bán rượu của tôi bị treo ở Woodshed, thậm chí anh còn có thể *tạo ra* một vụ vi phạm...”

“Thôi đi, Nick.” Murphy ra lệnh.

“Tôi sẽ không ngừng đâu. Tôi chẳng làm gì với việc cô ấy biến mất. Lần cuối cùng tôi có mặt ở đây, anh đã gợi ý rằng tôi đã trải rộng tài chính quá mức. Anh hoàn toàn đúng. Nếu anh đóng cửa Woodshed, tôi sẽ bị quăng vào cảnh phá sản. Tôi đã có vài quyết định tệ hại. Tôi không chối bỏ điều đó, nhưng làm tổn thương hay bắt cóc một đứa trẻ như Leeseey Andrews không phải là một trong những điều đó.”

“Anh đã đưa cô ấy danh thiếp của anh.” Bob Gaylor nói.

“Vâng, đúng vậy.”

“Anh kỳ vọng khi nào thì cô ấy sẽ gọi điện thoại cho anh ở căn hộ cao cấp của anh?”

“Căn hộ cao cấp của tôi?”

“Anh đã đưa cô ấy một tấm danh thiếp có địa chỉ và số điện thoại bàn ở đó.”

“Điều đó thật lố bịch. Tôi cho cô ấy danh thiếp với địa chỉ cơ quan của tôi, số 400 Đại Lộ Công Viên.”

Barrott tung tấm danh thiếp vào mặt anh. “Đọc đi.”

Mồ hôi toát ra trên trán, Nick DeMarco đọc dòng chữ in trên tấm danh thiếp vài lần trước khi nói: “Hai tuần trước,” Anh nói, với chính mình hơn là với những người khác. “Tôi đã cho làm một số danh thiếp, chỉ với địa chỉ của căn hộ ấy. Chúng đến vào ngày hôm đó từ nhà in. Tôi hẳn đã để một trong những tấm danh thiếp đó trong bóp mình. Tôi nghĩ tôi đã đưa tấm danh thiếp văn phòng của tôi cho Leeseey.”

“Tại sao anh lại cần tấm danh thiếp có địa của căn hộ cao cấp và số điện thoại ở đó trừ phi anh muốn chuôi nó cho những cô gái xinh đẹp như Leeseey?” Barrot hỏi.

“Nick, chúng ta có thể đứng lên vào đi ra khỏi đây ngay bây giờ.” Murphy nói.

“Điều đó không cần thiết. Tôi đã cho đăng bán căn hộ ở Đại Lộ số Năm của tôi. Tôi dự định sẽ sống trong căn hộ cao cấp đó. Tôi có quá nhiều bạn bè đã không gặp trong một thời gian dài bởi tôi quá bận rộn trong việc cố gắng trở thành một chủ nhà hàng và câu lạc bộ có tiếng. Việc cho làm những tấm danh thiếp này chỉ để cho tương lai.” Anh đặt tấm danh thiếp trở lại cái bàn giấy.

“Có phải một trong những người anh muốn gặp trong căn hộ cao cấp đó là em gái của Mack MacKenzie, Carolyn không?” Barrott hỏi. “Tấm hình xinh xắn của hai người, tay trong tay, chạy ào ra xe hơi của anh tối qua. Nó khiến lệ dâng trong mắt tôi.”

Aheam quay sang Benny Seppini. “Benny, bây giờ chúng ta hãy nói chuyện với anh. Cái đêm Leeseey biến mất, anh đã lấy chiếc xe Mercedes SUV màu đen của Nick, tôi xin lỗi, của ông DeMarco đi với ông ấy đến Astoria, điều đó đúng chứ?”

“Tôi đã lái chiếc *sedan* của ông ấy về nhà.” vẻ mặt thô ráp, có sẹo của Benny bắt đầu trở nên đỏ sạm.

“Anh không có một cái xe à? Chắc chắn anh phải được trả đủ tiền để có chiếc xe riêng của mình chứ?”

“Tôi có thể trả lời rằng,” Nick chen ngang, trước khi Benny có thể nói. “Tuần trước khi Benny bảo với tôi rằng anh ấy sẽ bán cái xe hơi, tôi đã bảo anh ấy rằng anh ấy thật ngốc nghếch khi phải trả bảo hiểm và bảo dưỡng một chiếc xe hơi trong khi tôi đang trả tiền cho chỗ đậu của ba cái xe hơi trong một garage ở Manhattan, với giá cả ở khu vực trung tâm không kém hơn. Tôi đề nghị anh ấy lái chiếc SUV cho quãng đường giữa nhà ở và Manhattan, rồi chuyển sang chiếc sedan ở garage khi anh ấy lái xe cho tôi đến các cuộc hẹn.”

Aheam phớt lờ anh. “Thế thì Benny, anh đã lái chiếc Mercedes SUV màu đen, mà ông chủ của anh đã tử tế đề nghị anh sử dụng như là xe riêng của anh đi đến căn hộ của anh ở Astoria cách

tối nay hai tuần, cái buổi tối mà Leesey biến mất ấy.”

“Không. Ông DeMarco đã để chiếc SUV trong garage ở căn hộ cao cấp bởi vì ông ấy sẽ lái ra sân bay buổi sáng với các thiết bị cho câu lạc bộ đánh golf của ông ấy. Tôi đưa ông ấy về Woodshed vào khoảng mười giờ trong chiếc sedan, rồi sau đó lái về nhà tôi tối hôm đó.”

“Thế rồi anh đi vào căn hộ của mình và leo lên giường à.”

“Ừ - ừm. Lúc đó khoảng mười một giờ.”

“Benny, vấn đề đậu xe khá tồi tệ ở khu vực gần chỗ anh, có phải không?”

“Việc đậu xe đều tồi tệ khắp nơi trong thành phố New York.”

“Nhưng anh gặp may. Anh có một chỗ cho chiếc xe của ông chủ anh ngay trước tòa nhà căn hộ của anh. Điều đó có đúng không?”

“À, vâng, đó là nơi tôi đậu nó. Tôi về nhà và đi ngủ rồi mở Jay Leno. Anh ấy thực sự thật vui. Anh ấy nói chuyện về...”

“Tôi không bận tâm đến chuyện anh ấy nói về điều gì. Tôi lo lắng về thực tế rằng chiếc Mercedes màu đen mà Nick DeMarco là chủ không có mặt ở đó cả đêm hôm đó. Người hàng xóm của anh ở căn hộ 6D đã trông thấy anh chạy vào chỗ phía trước tòa nhà vào lúc 5 giờ 15, khi anh ấy đi làm. Hãy nói cho chúng tôi biết, Benny, anh đã ở đâu? Anh có nhận một cuộc gọi khẩn cấp từ ông DeMarco không? Có phải đại loại đã có một vấn đề rắc rối gì đó không?”

Nét mặt của Benny Seppini trở nên tức giận và ương bướng. “Chẳng phải việc của anh.” Hắn gào lên.

“Benny, anh có một cái điện thoại di động với thẻ trả tiền trước không?” Ahearn chất vấn.

“Anh không phải trả lời câu hỏi đó, Benny.” Paul Murphy thét lên.

“Tại sao không? Chắc chắn là tôi có. Tôi đặt vài vụ cá cược. Một trăm đô ở đây và ở kia. Vì thế cứ bắt tôi đi.”

“Không phải anh đã mua một trong những cái điện thoại di động và những tấm thẻ trả trước đó như là món quà sinh nhật trò đùa cho Nick, tôi định nói cho ông DeMarco chứ?”

“Giữ yên lặng đi, Benny.” Paul Murphy thét lên.

Benny đứng phắt lên. “Tại sao tôi lại phải như vậy? Tôi sẽ bảo cho các anh biết chuyện gì đã xảy ra tối hôm đó. Tôi nhận một cuộc gọi khoảng nửa đêm từ một quý bà rất dễ thương đã chia tay với một ông chồng nát rượu hạng bét. Bà ta sợ hãi. Lão chồng biết bà ta và tôi thích nhau. Lão để lại một lời nhắn khủng khiếp trên điện thoại di động của bà ấy, nhằm để dọa bà. Tôi không thể nằm lại ngủ, vì thế tôi mặc quần áo và lái xe đến đó. Chỗ của bà ta cách chỗ tôi khoảng một dặm. Tôi ngồi bên ngoài tòa nhà của bà trong xe hơi để chắc chắn rằng hẳn ta sẽ không xuất hiện sau khi các quán rượu đã đóng cửa. Tôi ngồi đó đến tận năm giờ. Sau đó tôi đi về nhà.”

“Anh thực sự là một Ngài Galahad^[6], Benny ạ.” Ahear nói. “Người đàn bà này là ai? Cái gã dễ dọa bà ta là ai?”

“Hắn là một tên cóm.” Benny thẳng thừng đáp. “Một trong những tay cóm tốt nhất của New

York. Bà ta đã nuôi nấng những đứa con, chúng nghĩ rằng hẳn là gã tốt nhất trên cõi đời này và chỉ có một vấn đề rắc rối nhỏ với rượu chè thôi. Bà ấy không muốn gặp rắc rối. Tôi cũng chẳng muốn rắc rối. Vì thế tôi sẽ không nói gì thêm nữa.” Paul Murphy đứng lên. “Thế là đã đủ với chúng tôi rồi.” Anh bảo Ahearn, Barrott và Gaylor. “Tôi chắc chắn rằng các anh sẽ có thể xác minh câu chuyện của Benny, và tôi biết khách hàng của tôi sẽ làm bất cứ điều gì để giúp đỡ cô gái trẻ đang bị mất tích.” Anh ném cho họ một cái nhìn khinh miệt. “Tại sao các anh không thôi đi việc lung sục không đúng người, và hãy đi tìm kẻ bắt cóc Leeseey Andrews và những người phụ nữ trẻ khác ấy? Và tại sao các anh không ngừng việc phí phạm thời gian của các anh khi cứ cố gắng đặt những cái móc tròn trong những cái lỗ vuông trong khi có thể vẫn còn cơ may cứu sống sinh mạng cô ấy?”

Ba người thám tử nhìn những người đàn ông bỏ đi. Khi cánh cửa đóng lại sau lưng họ, Ahearn nói: “Câu chuyện đó đầy những lỗ hổng. Chắc chắn lẽ ra Benny đã có thể che chắn cho chính mình bằng cách đứng ngoài tòa nhà của bạn gái hẳn một lúc, nhưng hẳn vẫn còn nhiều thời gian để đáp trả lại cú gọi khẩn cấp từ Nick và đưa Leeseey đi ra khỏi căn hộ cao cấp ấy.”

Họ nhìn nhau với nỗi thống khổ tuyệt vọng, mỗi người đàn ông lại nghe thấy trong đầu mình, tiếng kêu cứu đầy tuyệt vọng của Leeseey Andrews.

Và khi những bức tường đổ nhào xuống...” Đó là một bản thánh ca dân gian trong sách phúc âm xưa cũ chẳng? Một điều gì đó về Joshua và những bức tường ở Jericho chẳng? Hẳn không chắc chắn. Điều duy nhất *có tính* chắc chắn là thời gian đang cạn dần, rất nhanh.

Ta thật sự, *thật sự* không muốn kết thúc như thế này, hẳn nghĩ. Đó là điều cưỡng bách ta. Ta thực sự đã muốn dừng lại sau vụ đầu tiên. Ta đã không tính đến vụ đầu tiên *thực sự*, dĩ nhiên, chẳng ai biết về vụ đó. Nhưng rồi ta đã không được phép dừng lại.

Thật không công bằng, không công bằng chút nào cả.

Sự kết thúc đang dần đến, hẳn nghĩ, cảm thấy mạch đập nhanh. Ta không thể ngừng lại. Tất cả sẽ kết thúc. Ta sẽ bị phát hiện ra, nhưng ta sẽ không bị bắt. Ta sẽ chết, nhưng ta sẽ đem theo cùng với mình một người mới. Đó là cách tốt nhất - cách *đầy kích động* nhất - để làm phải không?

Ta sẽ hình dung ra điều đó, hẳn tự nhủ mình.

Martha's Vineyard cách Manhattan khoảng ba trăm dặm về hướng đông bắc, và đang dần ấm lên. Vào sáng thứ ba khi thức giấc, tôi nhìn qua cửa sổ thấy một ngày lạnh lẽo trong sáng. Cảm thấy thể chất và tinh thần mạnh mẽ hơn, tôi bước ra khỏi giường và xem cần mặc gì khi tôi đương đầu với Barbara Hanover Galbraith. Trời đủ lạnh để mặc bộ đồ chạy bộ mà tôi đã tổng vào túi xách của mình, nhưng đó lại không phải là bộ quần áo, giày mũ cần thiết mà tôi sẽ chọn cho buổi gặp mặt.

Tôi không muốn trông mình ăn mặc có vẻ quá trịnh trọng hoặc quá xuề xòa. Tôi không muốn có ý nghĩ rằng mình sẽ là cô em bé bỏng của Mack khi gặp Barbara. Cô ấy là một bác sĩ giải phẫu nhi khoa. Tôi là một *tiến sĩ luật học*, một luật sư, và vừa mới hoàn tất công việc làm thư ký với một thẩm phán tòa dân sự. Bộ đồ thay thế của tôi là bộ vét hàng cashmere màu xanh lá cây đậm, áo dây màu trắng phù hợp, và quần jeans trắng mà tôi đã lấy từ trong tủ quần áo vào phút cuối. Bây giờ tôi vui mừng rằng mình đã có chọn lựa trong việc mặc chúng.

Mặc dầu lúc đó đã gần giờ ăn trưa, tôi vẫn gọi bộ phận phục vụ phòng để đặt một bữa điểm tâm kiểu lục địa, uống cà phê đen và gặm một miếng quế trong khi thay quần áo. Tôi nhận ra rằng tôi lo lắng quá mức đến nỗi những ngón tay tôi vụng về, loạng choạng khi chúng gỡ những tấm thẻ gắn vào quần áo từ chỗ giặt ủi ra.

Tôi hoàn toàn ý thức được rằng mình có thể đang làm công việc vớ vẩn của kẻ ngốc. Barbara và con cái của cô ấy có thể đã quay lại Manhattan lúc này rồi. Nhưng tôi không nghĩ rằng tình hình sẽ như thế. Tôi tin rằng cô ấy vẫn đang đến tận nơi này để trốn lánh việc bị chất vấn về Mack với tình trạng hiện hữu.

Tôi chắc chắn rằng nếu tôi gọi trước cô ấy sẽ cúp máy tôi. Nhưng nếu tôi chỉ đơn giản xuất hiện mà không báo trước, hầu như cô ấy sẽ không có cách nào hơn là phải lịch sự chứ không thể đóng cửa trước mặt tôi, vì có lần cô ấy đã từng là khách đến dùng cơm tối tại Sutton Place.

Ít ra tôi hy vọng sẽ không như thế.

Kiểm tra đồng hồ, tôi nhận ra rằng tôi cần phải đi nếu tôi muốn bắt được Barbara ở nhà. Trong xe hơi, tôi đặt hệ thống định vị. Con đường nơi Richard Hanover sống cách đó khoảng sáu dặm. Kế hoạch của tôi là lái xe đến ngôi nhà và nhấn chuông. Nếu không có ai ở đó, tôi sẽ đi vào khu trung tâm của thị trấn và đi bộ loanh quanh một lúc, rồi quay lại ngôi nhà từng giờ một cho đến khi cô ấy có mặt trong đó.

Dường như đó là kế hoạch tốt, nhưng rõ ràng những sự kiện trong ngày đã không diễn ra như vậy. Tôi đến ngôi nhà vào khoảng 12 giờ 30. Chẳng có ai ở đó. Tôi quay lại sau mỗi giờ đến tận 5 giờ 30. Vào lúc đó tôi đã cho rằng đó hoàn toàn là một chuyến đi vô ích, và cực kỳ chán nản như bất kỳ người nào khác có thể trải qua tâm trạng như vậy. Thế rồi khi tôi đang queo chữ U, một chiếc Jeep mang bảng số New York băng ngang qua tôi và queo vào đường chạy xe. Tôi bắt gặp cái liếc nhìn của một người đàn bà ngồi sau tay lái, có người đàn ông ngồi cạnh bà và vài đứa nhỏ ở băng sau.

Tôi lái xe loanh quanh mười phút hay hơn, rồi quay trở lại ngôi nhà và nhấn chuông. Một người đàn ông ở lứa tuổi gần bảy mươi ra mở cửa trả lời. Rõ ràng là ông không có khái niệm tôi là ai nhưng nụ cười của ông rất thân ái. Tôi tự giới thiệu mình, và nói rằng Bruce đã bảo với tôi là gia đình anh ấy đang đi thăm ông. "Mời vào." Ông nói. "Cô hẳn là một người bạn của Barbara."

“Ông Hanover,” Tôi nói, bước qua ngưỡng cửa. “Tôi là em gái Mack MacKenzie. Tôi cần nói chuyện với cô ấy về anh Mack.”

Nét mặt của ông đã thay đổi. “Tôi không nghĩ rằng đó là ý kiến hay.” Ông nói.

“Vấn đề không phải đó là ý kiến hay hoặc dở.” Tôi nói. “Tôi e rằng đó là điều cần thiết.” Không cho ông có cơ hội đáp lại, tôi đi lướt qua ông bước vào phòng khách.

Ngôi nhà được xây theo kiểu Cape Cods đã được coi nới rộng hơn theo năm tháng. Phòng khách không lớn, nhưng thật quyến rũ, với đồ gỗ thời kỳ Đầu Mỹ Quốc và tấm thảm mốc. Trên đầu, tôi có thể nghe thấy âm thanh những bước chân đang chạy và những tiếng cười hét to. Lũ trẻ có vẻ còn bé. Tôi nghĩ rằng mình đã từng nghe nói Barbara và Bruce Galbraith có một cậu con trai và hai đứa con gái song sinh.

Richard Hanover đã biến mất, có lẽ để nói cho con gái ông biết rằng tôi đang có mặt ở đây. Trong khi tôi ngồi chờ, ba cô con gái bé nhỏ dậm mạnh chân bước xuống cầu thang, đi theo sau là một cô bé chừng mười một tuổi. Những đứa nhỏ chạy ào về phía tôi. Hai trong số chúng rõ ràng là song sinh. Những đứa trẻ gái tụ tập quanh tôi, hải lòng vì đang chào một vị khách.

“Cháu tên gì?” Tôi chỉ một trong hai đứa bé song sinh.

“Samantha Jean Galbraith,” cô bé nói đầy tự hào. “Mọi người gọi cháu là Sammy, và chúng cháu đón chuyển phà đi Cape Cod hôm nay.”

Họ đã có chuyến dã ngoại suốt ngày đến Cape, tôi nghĩ. Tôi chỉ sang bé gái song sinh kia. “Cháu tên gì?”

“Margaret Hanover Galbraith. Cháu được đặt tên theo bà cháu, người hiện nay đang ở trên thiên đàng rồi, và mọi người gọi cháu là Meggie.” Cả hai cô bé đều có mái tóc vàng của mẹ chúng, tôi tự nghĩ.

“Và đây là người bà con hay bạn của các cháu?” Tôi hỏi, chỉ tay vào cô gái nhỏ khác.

“Đây là Ava Grace Gregory, người bạn rất tốt của chúng cháu.” Samantha giải thích. Ava Grace bước gần đến tôi hơn và tươi cười rạng rỡ. Samantha quay sang kéo tay cô bé lớn tuổi hơn “Và đây là Victoria Somers. Chị ấy đến đây thăm chúng cháu và thỉnh thoảng chúng cháu đến thăm chị ấy ở nông trại của chị ấy trong bang Colorado.”

“Thỉnh thoảng cháu đi với các em ấy.” Ava Grace sốt sắng nói với tôi. “Và cha cháu đưa tất cả chúng cháu đến Nhà Trắng nữa.”

“Bản thân cô chưa bao giờ được đến đó.” Tôi nói với cô bé. “Điều đó thật tuyệt diệu.” Tôi yêu những đứa trẻ, tôi nói với chính mình. Một ngày nào đó, tôi sẽ có ít nhất bốn đứa cho mình, tôi hy vọng thế.

“Được rồi, các con. Đi lên lầu dọn dẹp sạch sẽ trước khi đến giờ đi ra ngoài ăn tối.” Giọng nói nhẹ nhàng và những đứa trẻ đang đối diện với tôi nên chúng không thể trông thấy nét biểu cảm trên khuôn mặt Barbara Hanover Galbraith. Cô ấy nhìn tôi với vẻ không ưa, căng thẳng đến nỗi cảm xúc duy nhất tôi có thể có là sự sợ hãi.

Tôi đã gặp cô một lần tại bữa cơm tối khi tôi mười sáu tuổi. Tôi đã tan nát cõi lòng vì nhìn vẻ bên ngoài thì có vẻ như Nick đang phải lòng cô lúc đó, nhưng giờ đây anh ấy lại tuyên bố rằng chính cô mới là người đang phải lòng Mack. Bất chợt tôi tự hỏi không biết mình có đọc cảm xúc của cô đúng không. Có phải đó là sự khinh miệt mà tôi đang nhìn thấy trong cặp mắt hẹp và

thứ ngôn ngữ cơ thể đầy căng thẳng của cô ấy không hay còn điều gì đó khác?

Với tiếng chào tạm biệt đồng thanh, các cô bé cùng nhau đi lên lầu. Barbara nói: “Tôi muốn nói chuyện trong phòng làm việc nhỏ hơn.”

Tôi đi theo cô xuôi xuống hành lang hẹp. Có một cái nhà bếp kiểu đồng quê lớn ở cuối dãy, dẫn đến một căn phòng dành cho gia đình. Phòng làm việc nhỏ nằm ở bên trái, phía trước nhà bếp. Nếu tôi dự đoán thì tôi có thể nói rằng đây là nơi Richard Hanover trải qua những buổi chiều khi ông một mình. Căn phòng có giấy dán tường màu anh đào, thảm trải có họa tiết, một cái bàn giấy cỡ trung đi kèm với một cái ghế, một cái ghế dựa ngả ra đặt đối diện với cái máy truyền hình gắn lên tường. Có cái đèn đọc sách ở phía sau ghế dựa, và một giỏ sách báo, tạp chí nằm trong tầm với.

Tôi có thể hình dung ra cha mình trong căn phòng đó.

Barbara đóng cửa lại và ngồi vào phía sau bàn giấy, chỉ để lại cho tôi cái ghế dựa có thể ngả ra được, dường như quá lớn và quá sâu đối với tôi. Tôi biết cô ở lứa tuổi Mack, ba mươi một, nhưng cô là một trong những phụ nữ có vẻ đẹp từ rất sớm không kéo dài. Mặt cô, tôi nhớ trước kia chẳng chút tí vết, nay quá mỏng, cặp môi cô quá hẹp. Làn tóc vàng mà có lần tôi vừa ngưỡng mộ vừa ghen tỵ thì nay được cột chặt thành một búi tóc. Nhưng cô ấy vẫn còn có dáng vẻ thon mảnh, độc đoán. Tôi tưởng tượng rằng sự hiện diện đầy vẻ oai vệ của cô hẳn là niềm an ủi cho cha mẹ những bệnh nhi của cô.

“Tại sao cô lại đến đây, Carolyn?” Cô hạch hỏi.

Tôi nhìn cô, cố gắng suy ngẫm về sự thù địch cùng kiểu như Bruce đang toát ra từ cô. “Barbara,” Tôi nói, “từ những gì tôi hiểu thì trong lúc chị và Mack đang hẹn hò với nhau cách đây mười năm thì anh ấy biến mất dạng. Thành thực mà nói, tôi đã được kể rằng chị khá say mê anh ấy. Nếu như cảnh sát tin tưởng, và như chắc là chị cũng đã đọc trong báo chí, thì Mack đang phạm các tội ác, chỉ có một lý do duy nhất cho điều đó, và đó là vì anh ấy bị suy sụp tinh thần hoàn toàn. Tôi cần biết xem chị có thấy bất kỳ dấu hiệu nào như thế không.”

Cô chẳng nói gì.

Tôi nhìn chằm chằm lại cô. “Tôi đang nói với chị rằng ngay bây giờ khi tôi gặp chồng chị ở văn phòng anh ấy, anh cũng cho thấy sự thù địch như vậy về Mack, điều này khiến tôi bị rối trí. Mack đã từng làm gì với Bruce, và có phải điều đó có dính dáng gì đó đến việc anh ấy biến mất dạng không? Chị có lý do gì để chạy ào đến đây để lẩn tránh việc bị chất vấn? Nếu chị nghĩ chị có thể che giấu tất cả ở đây thì chị lầm. Giới truyền thông đang cắm trại bên ngoài nhà chúng tôi trên phố Sutton Place. Mỗi lần tôi đi ra, đi vào, họ đều cố chĩa micro vào mặt tôi. Trừ phi tôi có thể có vài câu trả lời chân thực từ chị, và tôi thỏa mãn rằng chị không biết gì về lý do Mack biến mất, nếu không, lần sau khi tôi bị giới truyền thông săn đuổi, tôi sẽ nói cho họ biết rằng chị và chồng chị đang giữ lại những thông tin có thể hữu dụng cho việc tìm thấy Leesey Andrews.”

Tôi nhìn khuôn mặt Barbara biến sắc. “Cô không dám làm thế!”

“Ồ, có chứ. Tôi sẽ làm.” Tôi cam đoan với cô. “Tôi sẽ làm *bất kỳ điều gì* để tìm ra Mack và chặn đứng anh ấy lại, nếu anh ấy đang phạm các tội ác, hoặc làm trong sạch tên tuổi anh ấy nếu anh ấy vô tội. Vì theo tất cả những gì tôi biết, anh ấy là nạn nhân của chứng quên tạm thời và có thể đang sống cách đây ba ngàn dặm.”

“Tôi không biết anh ta đang ở đâu, nhưng tôi *thực sự* biết tại sao anh ấy ra đi.” Cầm Barbara Hanover Galbraith bắt đầu run rẩy. “Nếu tôi nói với cô, cô sẽ là sẽ để chúng tôi yên chứ? Bruce

chẳng làm gì với việc anh ta biến mất cả. Bruce yêu tôi và đã cứu vớt cuộc đời tôi. Chính vì điều Mack đã làm với tôi mà anh ấy ghét hẳn.”

“Anh ấy đã làm gì với chị?” Tôi hầu như không thể thốt thành lời. Tôi đã sai lầm rồi. Tôi nhìn thấy không chỉ có sự thù ghét từ bác sĩ Barbara Hanover Galbraith. Tôi còn chứng kiến nỗi đau mà cô đang cố gắng kìm lại.

“Tôi đã say mê Mack. Chúng tôi đi ra ngoài chơi với nhau. Đối với anh ấy, đó là điều tự nhiên, không trách nhiệm, tôi biết điều đó. Nhưng rồi tôi có thai. Tôi hoảng loạn. Mẹ tôi lại bệnh nặng. Bảo hiểm y tế thì không đáng kể, và tất cả số tiền dành cho việc học ở trường y của tôi đã không còn. Tôi đã được chấp thuận cho nhập học ở Columbia Prebysterian và tôi biết tôi không thể đi. Tôi bảo cho Mack biết.”

Cô nuốt nước bọt xuống để tránh không nức nở. “Anh ấy nói sẽ chăm sóc tôi. Anh ấy nói chúng tôi sẽ lấy nhau, và tôi có thể trì hoãn việc học một năm, rồi sau đó sẽ bắt đầu.”

Nghe có vẻ giống Mack, tôi nghĩ.

“Tôi tin tưởng anh ấy. Tôi biết anh ấy không yêu tôi, nhưng tôi cũng chắc chắn có thể *làm cho* anh ấy yêu tôi. Thế rồi anh ấy biến mất tăm. Chỉ như thế thôi. Tôi không biết phải làm gì.”

“Tại sao chị không đi đến gặp cha mẹ tôi?” Tôi căn vặn. “Họ hẳn sẽ chăm sóc chị.”

“Có thể đưa tôi một chút của bố thí cho ăn mày để hỗ trợ con của con trai họ chẳng? Không, cảm ơn cô.”

Barbara cắn môi. “Tôi là một bác sĩ nhi khoa. Tôi hồi hộp được chạm tay vào một sinh linh bé bỏng và cứu vớt cuộc sống của nó. Tôi đã cứu sinh mạng những em bé còn quá nhỏ đến nỗi chúng chỉ vừa khít trong lòng bàn tay tôi. Tôi có khả năng thiên phú làm lành vết thương. Nhưng có một đứa bé mà tôi đã không cứu được. Đứa con của chính tôi. Tôi đã phá thai bởi vì tôi quá tuyệt vọng.” Cô ấy ngoảnh cặp mắt đi chỗ khác và nói tiếp. “Cô biết điều đó không Carolyn? Đôi khi trong ngành chăm sóc nhi khoa, khi một đứa bé đang khóc, tôi đi đến và bế nó lên, rồi an ủi nó, và khi làm điều đó, tôi lại nghĩ đến đứa bé tôi đã phải nạo ra khỏi tử cung của chính mình.”

Cô đứng lên. “Anh cô không chắc chắn việc sẽ trở thành luật sư. Anh ấy bảo với tôi rằng anh sẽ lấy học vị đó để làm vừa lòng cha anh, nhưng thực ra anh ấy thích thử sức trong việc làm nghệ sĩ. Tôi không nghĩ anh ấy điên - tôi cho rằng anh ấy đi đâu đó và thậm chí có thể có thái độ tử tế để cảm thấy xấu hổ với chính mình lúc này. Tôi có nghĩ anh ấy đang phạm các tội ác không? Hoàn toàn không. Tôi ghê tởm anh ta vì những gì anh ta đã làm với tôi, nhưng anh ta không phải là kẻ giết người hàng loạt. Tôi ngạc nhiên khi thậm chí cô đã đưa ra khả năng đó sau khi đã suy nghĩ kỹ.”

“Tôi sẽ đi và tôi hứa tôi sẽ không bao giờ đề cập về cô trong bất kỳ cách thức nào với bất kỳ ai, cũng như không làm cô bận lòng nữa.” Tôi lặng lẽ nói khi đứng lên. “Nhưng tôi vẫn có thêm một câu hỏi nữa. Tại sao Bruce lại ghét Mack đến thế?”

“Có một câu trả lời rất đơn giản. Bruce yêu tôi. Tất cả đều trải qua ở Columbia, từ lúc chúng tôi đang là sinh viên năm thứ nhất, tôi biết điều đó. Sau khi tôi phá thai, tôi đi đến một căn phòng trong khách sạn và nuốt những viên thuốc ngủ. Và sau đó tôi lại quyết định là tôi muốn sống. Tôi đã gọi cho Bruce. Anh ấy chạy ào đến với tôi. Anh ấy đã cứu tôi thoát chết. Anh ấy luôn luôn ở bên tôi, và tôi yêu anh ấy vì điều đó, và tôi đã học được nhiều hơn cách yêu anh ấy vì chính anh ấy. Giờ đây, hãy ban cho tôi một ân huệ và xin hãy bước ra khỏi ngôi nhà này.”

Dưới lầu trong phần còn lại của ngôi nhà thật yên ắng khi tôi bước qua hành lang đi đến cửa trước. Từ trên lầu tôi có thể nghe thấy tiếng lũ trẻ con, và tôi đoán là Richard Hanover đã giữ chúng ở đấy để chúng không thể nghe thấy chúng tôi đang nói những gì.

Nếu có thể mô tả những cảm xúc của mình, tôi sẽ nói tôi cảm thấy như trong một cơn lốc xoáy, bị quăng quật tới lui vào những bức tường đối diện. Cuối cùng tôi đã có câu trả lời tại sao anh tôi biến mất dạng. Mack ích kỷ không sao tả được; anh ấy không muốn đi học trường luật, cũng không yêu Barbara, và việc cô ấy có thai là điều khiến anh bỏ chạy. Thậm chí lời trích dẫn trong cuộn băng cũng có lý. “Khi không được số phận sủng ái và cặp mắt những gã đàn ông... Ta chỉ có một mình với tình trạng bị ruồng bỏ và thiên đường lạnh cảm phiền nhiều cùng những tiếng kêu than vô vọng của ta.”

Để phòng vệ mình, hẳn anh ấy đã phải tính đến việc Barbara đi đến gặp cha mẹ tôi để xin giúp đỡ cho đứa bé của anh ấy.

Lời phát biểu thẳng thừng của Barbara rằng Mack không phải chịu trách nhiệm về các tội ác đó, cơn chấn động của cô ấy khiến tôi có thể xem lời phát biểu ấy là khả năng có thể xảy ra, vừa là sự trách mắng lẫn nỗi an ủi làm dịu lòng tôi. Trong tâm trí mình, tôi đã cố hình dung ra sự phòng vệ cho chúng mất trí của anh. Giờ đây bất kỳ điều gì gây ra sự sợ hãi mà tôi có vì anh đang bắt cóc và giết chết phụ nữ đã chấm dứt. Tôi biết tôi sẽ đánh cược linh hồn bất tử của mình cho thực tế rằng anh ấy vô tội.

Thế thì ai đang làm việc này? Ai cơ chứ? Tôi tự hỏi mình khi bước vào trong xe. Dĩ nhiên, tôi chẳng có câu trả lời.

Tôi lái xe về lại khách sạn, giữ những ngón tay bắt chéo để cầu mong rằng tôi có thể gia hạn thêm thời gian ở lại. Nơi này thực ra giống một quán trọ nhiều hơn là một khách sạn, và chỉ có tám hay mười phòng ngủ thôi. Tôi đã dự định sẽ đi vào lúc sáu giờ chiều và đang thanh toán tiền cho việc trả phòng muộn.

Tạ ơn Chúa, phòng tôi vẫn còn. Tôi không nghĩ có bất kỳ cách nào để tôi có thể chờ chuyển phà rồi sau đó lái xe về nhà trong tâm trạng như thế này. Lái xe về nhà làm gì? Tôi cay đắng tự hỏi mình. Giờ thì tôi chẳng thêm bận tâm tới giới truyền thông. Những cuộc gọi đầy bóng gió của Barrott. Một bà mẹ vắng mặt chẳng muốn ở cạnh tôi. Một “người bạn”, Nick có lẽ đang sử dụng tôi để giúp anh rửa sạch tên tuổi của mình.

Tôi đi lên lầu. Căn phòng lạnh lẽo. Tôi đã để một cửa sổ mở mà người dọn phòng cũng chẳng đóng lại. Bây giờ tôi đóng nó lại và vặn máy sưởi, rồi nhìn mình trong gương. Trông tôi thật hốc hác, mệt mỏi. Mái tóc tôi đã để buông lơ lửng như ủ rũ trên vai tôi.

Tôi chụp lấy cái áo choàng tắm của khách sạn trong tủ, đi vào nhà tắm, và bắt đầu vặn nước bồn tắm. Ba phút sau, tôi cảm thấy hơi ấm của nước bắt đầu bốc hơi lạnh trong cơ thể tôi. Khi mặc lại quần áo, tôi đã chọn bộ đồ chạy bộ mà, thật may mắn, tôi đã mang theo. Thật dễ chịu khi mặc nó, có dây kéo cao đến cổ, chỉ có khuôn mặt và cái đầu tôi lộ ra ngoài. Tôi cuốn tóc ra sau và kẹp nó lại, rồi trang điểm một chút để che giấu sự căng thẳng mà tôi thấy trong cặp mắt và vẻ mặt mình.

Những người nổi tiếng đeo kính đen ban đêm luôn làm tôi thích thú. Tôi thường tự hỏi họ làm cách nào xoay sở để đọc thực đơn trong nhà hàng được. Tối nay, tôi cũng đeo cặp kính mà tôi đã đeo khi lái xe ngày hôm qua. Chúng che kín phần nửa khuôn mặt và khiến tôi có cảm giác được che chắn.

Tôi cầm lấy cái túi đeo vai lên và đi xuống lầu tới nhà hàng, rồi mất tinh thần khi thấy ngoài cái bàn lớn ở giữa đã có tấm bảng giữ chỗ trước trên đó, dường như chẳng còn chỗ nào còn trống

cả. Nhưng người quản lý nhà hàng cảm thấy tội nghiệp tôi. “Còn một cái bàn nhỏ trong góc, gần cửa nhà bếp.” Ông nói. “Tôi không thích dành nó cho khách, nhưng nếu cô không thấy phiền lòng...”

“Điều đó được mà.” Tôi bảo ông.

Tôi được đưa vào ngồi ở chỗ đó đủ lâu để gọi một ly vang và xem kỹ thực đơn trước khi họ bước vào phòng ăn. Bác sĩ Barbara Hanover Galbraith, cha cô ấy, bốn đứa bé gái. Và một người khác nữa. Một cậu con trai khoảng chín hay mười tuổi, cậu con trai có mái tóc màu cát, mà khuôn mặt tôi nhận ra rõ ràng như tôi có thể nhìn thấy chính mình nếu tôi nhìn vào gương.

Tôi nhìn thẳng bé chăm chăm. Cặp mắt to, cái trán cao, nhúm tóc giữa trán, cái mũi thẳng. Nó đang mỉm cười. Nụ cười của Mack. Tôi đang nhìn khuôn mặt Mack. Lạy Chúa, tôi đang nhìn *con trai* Mack.

Bất chợt tôi cảm thấy cái đầu nhẹ hẫng khi sự nhận thức quật vào tâm trí tôi. Barbara đã nói dối. Cô ấy *đã không* phá thai. Cô ấy không hề đi đến khu chăm sóc nữ nhi nào cả và chẳng hề nhớ về đứa bé mà cô ấy đã hủy hoại. Cô ấy đã sinh ra đứa bé ấy, và đang nuôi nấng nó như là con trai của Bruce Galbraith.

Có bao nhiêu phần còn lại trong câu chuyện của cô ấy là sự thực? Tôi tự hỏi mình.

Tôi phải đi ra khỏi đó. Tôi đứng lên và đi băng qua nhà bếp, mặc kệ ánh mắt nhìn chăm chăm của những người nhân viên. Tôi băng vào phòng tiền sảnh, nhảy bổ lên cầu thang, thu xếp hành lý cho vào túi, trả phòng và bắt chuyến phà cuối cùng từ Vineyard. Vào lúc hai giờ sáng, tôi về đến Sutton Place.

Lần đầu tiên, không có xe tải truyền thông ở khu phố.

Nhưng thám tử Barrott đang đứng trong garage. Rõ ràng ông hẳn đã biết rằng tôi đang trên đường về nhà, và tôi nhận ra rằng tôi đã bị theo dõi. Tôi chóng mặt và mệt đừ. “Ông muốn gì?” Tôi hầu như gào thét lên.

“Carolyn, bác sĩ Andrews đã nhận được một lời nhắn nữa từ Leeseys cách đây một tiếng. Những lời nói chính xác của cô ấy là: ‘Cha ơi, Mack nói rằng hắn sẽ giết con bây giờ. Hắn không muốn phải chăm sóc con nữa. Tạm biệt cha. Con yêu cha, cha ơi.’”

Giọng Barrott âm vang khắp garage khi ông thét lên. “Và rồi cô ấy gào rú lên, ‘Không, *xin đừng...*’ Hắn ta đang bóp cổ cô ấy. Hắn ta *đang bóp cổ* cô ấy, Carolyn. Chúng tôi không thể cứu mạng cô ấy. Anh cô đang ở đâu hở Carolyn? Tôi biết là cô biết mà. Cái tên giết người kinh tởm ấy đang ở đâu? Cô phải nói với chúng tôi. Hắn đang ở đâu?”

Ba giờ sáng thứ tư, khi đang lái xe quanh SoHo tìm kiếm một mục tiêu dễ tấn công thì điện thoại di động của hắn reo lên.

“Mày đang ở đâu?” Một giọng nói căng thẳng hỏi.

“Loanh quanh SoHo. Không có gì đặc biệt.” Đây là khu vực hắn ưa thích nhất. Có nhiều phụ nữ trẻ say sưa bỏ nhà về nhà vào giờ này.

“Những đường phố ấy đang đầy bọn cóm. Mày không cố làm bất cứ điều gì ngu ngốc đấy chứ?”

“Ngu ngốc thì không. Náo động, hồi hộp thì có đấy.” Hắn nói, cặp mắt vẫn đang quét quanh. “Tôi cần thêm một con mồi nữa. Tôi không thể tránh được.”

“Đi về nhà và ngủ đi. Ta có một kẻ khác cho mày rồi, và cô ta sẽ là những dòng tít lớn nhất của tất cả các loại báo chí.”

“Tôi có biết cô ta không?”

“Mày biết cô ta.”

“Cô ta là ai?”

Hắn lắng nghe cái tên. “Ồ, điều đó thực sự tốt đấy.” Hắn kêu lên. “Tôi có bao giờ từng nói với ông rằng ông là người cậu mà tôi ưa thích nhất chưa?”

Sự khủng khiếp trong đoạn băng thu lời tạm biệt cuối cùng của Leeseey với cha cô làm chấn động đến tận tâm can cả tổ công tác thám tử cứng rắn nhất. Việc bắt cho được tên giết người hàng loạt ấy trước khi hắn có thể hành sự thêm lần nữa đã trở thành một nhu cầu cháy bỏng đối với từng người. Cả tổ công tác xét đi, xét lại mọi sự kiện dẫn đến ánh sáng trong suốt quá trình điều tra.

Vào sáng thứ tư, họ lại tụ tập đầy văn phòng Ahearn.

Gaylor đang báo cáo về những gì ông phát hiện ra. Câu chuyện của Benny Seppini đã được kiểm tra. Ông đã đi gặp Anna Ryan, người vợ đang sống ly thân của Walter Ryan, một trung sĩ cảnh sát được mọi người biết đến vì thói nghiện rượu nặng và tính khí ổn. Anna Ryan khẳng định rằng bà ta đã nói chuyện với Benny vào đêm thứ hai cách đây hai tuần và có bày tỏ nỗi sợ hãi ông chồng của bà với Benny. Khi được báo cho biết rằng Benny tuyên bố hắn đã ngồi trong xe hơi bên ngoài tòa nhà chung cư của bà, bà đã mỉm cười và nói: “Đó là điều Benny sẽ làm!”

“Điều đó không có nghĩa là Benny không nhận một cú điện thoại khẩn cấp từ DeMarco tối hôm đó.” Ahearn vạch ra. “Nhưng chúng ta sẽ chẳng bao giờ chứng minh được điều đó.”

Aheam bắt đầu đọc những ghi chú của mình. Trong vài ngày qua kể từ khi hắn bị các thám tử chìm theo dõi, Nick DeMarco không làm gì khác thường. Các cuộc điện đàm bị ghi âm lại của hắn hầu như chỉ thiên về công việc. Vài cuộc từ một đại lý bất động sản xác nhận rằng căn hộ ở Đại Lộ Công Viên của hắn đang được rao bán. Thực ra, một bản chào giá đã được thực hiện mà hắn nói hắn sẽ xem xét. Hắn đã cố gọi điện cho Carolyn MacKenzie có đến sáu, bảy lần, nhưng rõ ràng là cô ấy đã khóa máy di động của mình. “Chúng tôi biết cô ấy đang trên đường đi đến Martha’s Vineyard.” Ahearn nói.

“DeMarco không biết, và anh ta đang trở nên khá lo lắng về cô ta.”

Aheam nhìn lên để chắc chắn rằng anh vẫn được mọi người lắng nghe. “Carolyn đi gặp cô bạn gái cũ của anh trai cô ấy, bác sĩ Barbara Hanover Galbraith, nhưng cô ấy không ở lại lâu. Người chồng không đến đó. Sau đó, khi gia đình họ đến khách sạn nơi Carolyn đang ở, cô ấy đứng bật dậy và lái xe về nhà. Carolyn không nhận bất kỳ cuộc điện thoại nào trong khách sạn cả. Cô ấy không sử dụng điện thoại di động của mình từ lúc cô ấy rời thành phố vào ngày thứ hai, sau khi cô gặp gia đình Kramer, cho đến bây giờ.”

“Cô ta khóc khi rời nhà gia đình Kramer vào sáng thứ hai. Chúng tôi có tấm hình cô ấy rời khỏi tòa nhà đó. Rồi một gã chạy theo cô ấy đến tận xe hơi của cô. Đây là tấm hình chụp hắn với cô.” Aheam đặt những lời ghi chú của anh xuống và trao cho Barrott những tấm hình. “Chúng tôi đã kiểm tra hắn. Hắn tên là Howard Altman. Hắn làm việc cho Derek Olsen, người sở hữu hàng mớ tòa nhà chung cư nhỏ, kể cả cái mà Mack đã sống ở đó. Altman bắt đầu công việc khoảng hai tháng sau khi MacKenzie biến mất dạng.”

Những tấm hình được chuyển tay nhau rồi quay trở về bàn giấy của Aheam. “Người của chúng ta đã quay về để gặp gia đình Kramer trưa thứ hai.” Giọng Aheam càng lúc càng trở nên mệt mỏi. Trong đầu mình, anh không thể dừng nghe tiếng kêu khóc của Leeseey. “*Không, xin đừng...*” Anh tăng hăng. “Gus Kramer nói hắn bảo Carolyn rằng vợ hắn đã trông thấy Mack tại buổi lễ Misa khi tên này để lại lá thư ngắn trong cái rổ đựng đồ quỳn góp, rằng tên này là kẻ giết người và cô ta phải để họ yên thân. Carolyn bật khóc rồi chạy ào ra.”

“Lần đầu tiên khi chúng tôi gặp bà ta,” Gaylor nói, “bà Kramer đã không kể với chúng ta rằng

bà ấy đã trông thấy Mack trong nhà thờ buổi sáng, lúc hắn để lại lá thư ngắn ấy, bởi vì bà không có mắt kiếng nhìn xa vì thế bà không chắc được đó có phải là hắn không. Rồi trưa thứ hai bà lại nói rằng giờ đây bà bị thuyết phục rằng đó *chính là* Mack. Chúng ta có tin được bà ta không?”

“Tôi không tin bất kỳ điều gì gia đình Kramer nói với chúng ta.” Aheam thẳng thừng đáp. “Nhưng tôi không nghĩ Gus Kramer là tên giết người hàng loạt.” Anh nhìn Barrott. “Hãy tóm tắt lại những gì Carolyn MacKenzie đã bảo anh khi anh gặp cô ta trong garage sáng nay đi.”

Những quầng tròn đen sẫm dưới cặp mắt Roy Barrott đã biến thành những túi mắt. “Chúng tôi đã nói ra điều đó trong garage. Cô ta thề rằng anh trai mình vô tội, rằng chỉ vì Leesey đã dùng tên anh ta không có nghĩa rằng cô ấy không bị buộc làm điều đó. Cô nói rằng cô sẽ xem xét kỹ lưỡng mọi phát biểu mà chúng ta làm hay đã làm và đọc từng lời đã được báo chí phát hành, và nếu cô ta tìm ra bất kỳ điều gì cho thấy anh cô là tên giết người, cô ta sẽ kiện ra tòa cho đến khi lũ phụ nữ kia quay về nhà.” Ông dừng lại, bóp trán. “Cô ta bảo tôi rằng cô ta là một luật sư và là một luật sư giỏi nữa đấy, và cô ta sẽ chứng tỏ điều đó cho tôi thấy. Cô nói rằng nếu anh trai cô ta có tội, cô ta sẽ là người đầu tiên giao nộp anh ta trước khi anh ta kết thúc mọi việc trong bộ ván thiên, rồi cô ấy làm việc chết bỏ để tạo ra lời biện hộ về chứng mất trí cho hắn ta.”

“Anh có tin cô ta không?” Chip Dailey, một trong những thám tử mới nhất hỏi.

Barrott nhún vai. “Ừm, tôi tin rằng cô ta tin hắn vô tội. Giờ đây tôi cũng tin rằng cô ta chẳng hề liên lạc với người anh trai. Nếu hắn là người dùng điện thoại di động của Leesey để gọi về căn hộ của mẹ cô ta, thì đó phải là một trong những trò chơi khác nữa của hắn.”

Điện thoại Aheam reo vang. Khi anh trả lời, nét mặt anh thay đổi, rồi anh nói. “Phải chắc chắn không có khả năng gây ra bất kỳ lỗi lầm nào đấy.” Sau khi ngắt cuộc nói chuyện, anh nói. “Lil Kramer đã trải qua hai năm trong tù khi bà ta mới hai mươi bốn tuổi. Lúc đó bà ta làm việc cho một phụ nữ đứng tuổi. Khi người này chết, nhiều đồ nữ trang của bà ta bị biến mất. Lil bị kết án đã ăn cắp chúng.”

“Bà ta có thừa nhận điều đó không?” Barrott hỏi.

“Không bao giờ. Cũng chẳng thành vấn đề. Bà ta bị kết án tại một phiên xét xử. Tôi muốn bà ta và Gus Kramer được đem đến đây ngay bây giờ.” Anh nhìn quanh phòng. “Được rồi. Tất cả các bạn đều biết nhiệm vụ của mình.” Mắt anh rơi vào Barrott, người hầu như đang đứng ngủ trên cặp chân mình. “Roy, về nhà đi ngủ đi. Anh có thực sự bị thuyết phục rằng Carolyn không liên lạc gì với anh trai cô ta không?”

“Có.”

“Thế thì quên việc bám đuôi cô ta đi. Chúng ta biết không có đủ chứng cứ để tạm giữ gia đình Kramer, nhưng một khi họ rời đây, tôi muốn cả hai người đó phải bị theo dõi.”

Khi tổ công tác quay trở lại nhận nhiệm vụ, Aheam nói điều gì đó mà anh không chắc sẽ được chia sẻ. “Tôi đã nghe đoạn băng thu ít ra là một trăm lần. Điều này nghe có thể kỳ cục, nhưng chúng ta đang phải xử trí với một kẻ mất trí. Các anh nghe thấy Leesey gào thét lên và rồi có tiếng thở hổn hển, và âm thanh ùng ục, nhưng rồi hắn đã ngắt điện thoại di động của cô ấy. Chúng ta không thực sự nghe thấy là cô ấy đã chết.”

“Anh có nghiêm túc nghĩ rằng cô ấy vẫn còn sống không?” Gaylor hỏi đầy vẻ ngờ vực.

“Tôi nghĩ cái gã mà chúng ta đang phải xử trí sẽ không đi ra ngoài trò chơi đó, vâng, đúng thế.”

Sau khi gào thét tương xứng với thám tử Barrott, tôi leo lên lầu và thấy những lời nhắn có liên quan từ cả Nick lẫn Elliot trong máy. “Em đang ở đâu hở Carolyn? Hãy gọi cho anh nhé. Anh lo lắng về em.” Đó là từ Nick. Lời nhắn cuối cùng của anh đã để lại vào lúc nửa đêm. “Carolyn, máy điện thoại di động của em không mở. Khi về nhà, em hãy gọi cho anh nhé, không kể lúc đó là mấy giờ.”

Elliot đã để lại ba lời nhắn, cái trễ nhất lúc 11 giờ 30 khuya. “Carolyn, điện thoại di động của cháu bị tắt. Hãy gọi cho ta. Ta rất lo lắng cho cháu. Ta đã gặp mẹ cháu chiều nay, và ta cảm thấy bà ấy mạnh mẽ về mặt tình cảm hơn nhiều, nhưng ta cảm thấy như thể khi ta lo lắng cho bà ấy được thì có lẽ ta lại thất bại với cháu. Cháu *biết* cháu quý giá ra sao với ta mà. Hãy gọi cho ta ngay khi cháu nhận được lời nhắn này nhé.”

Lắng nghe tất cả các lời nhắn, sự lo âu trong giọng nói của cả hai người, tôi cảm thấy như được bổ nhào vào một căn phòng ấm áp sau trận bão giá băng. Tôi yêu cả hai người, nhưng tôi sẽ khó mà gọi cho bất kỳ người nào trong hai người ở thời khắc 3 giờ 30 sáng như thế này. Tôi đã chạy ào ra khỏi nhà hàng ở Martha’s Vineyard mà không ăn tối, và giờ đây tôi nhận ra rằng tôi đang chết đói. Tôi đi vào nhà bếp và dùng một ly sữa với nửa miếng bánh mì sandwich kẹp bơ đậu phộng. Tôi đã không ăn bơ đậu phộng trong nhiều năm, nhưng không hiểu sao lúc này tôi thấy thèm khát nó. Rồi tôi thay quần áo và ngã lưng xuống giường. Tôi đã cố không nghĩ rằng tôi sẽ ngủ, nhưng giây phút tôi nhắm mắt lại thì tôi thiếp đi luôn.

Chìm vào một mê cung với những giấc mộng sâu thẳm cùng bóng tối đầy tiếng than khóc và một điều gì đó khác nữa. Nó là gì chứ? Tôi đang cố nhìn một khuôn mặt của ai đã trốn tránh tôi, đối xử cay độc với tôi? Đó không phải là Mack. Khi tôi mơ về anh ấy, tôi trông thấy một cậu bé con mười tuổi, với nhúm tóc trên trán và mái tóc màu cát cùng cặp mắt to. *Con trai của Mack. Cháu trai của tôi.* Tôi thức giấc khoảng tám giờ, mặc một cái áo choàng và vẫn còn choáng váng, tôi đi xuống nhà bếp.

Trong ánh sáng ban mai, căn bếp dường như quen thuộc một cách rõ nét hơn. Bất cứ khi nào mẹ đi đâu xa, bà ấy để người quản gia lâu năm của chúng tôi có kỳ nghỉ ngắn; Sue đến đây chỉ mỗi tuần một lần để giữ cho căn hộ tươi mát. Tất cả những dấu hiệu nho nhỏ cho thấy rằng hôm qua bà ấy đã đến trong khi tôi có mặt ở Vineyard. Có sữa tươi trong tủ lạnh, và thư từ tôi quăng đại vào cái quầy trong nhà bếp đã được xếp thành chồng gọn gàng. Tôi thật biết ơn rằng bà ấy đã đến đây vào đúng ngày tôi đi vắng. Tôi hẳn không thể nào chịu được lòng thương xót của bà đối với tôi về Mack.

Tôi chẳng có chút khát khao nhỏ nhất để ăn bất kỳ cái gì. Nhưng đầu óc tôi thật tỉnh táo và tôi phải có một số quyết định. Tôi cố nghĩ kỹ chúng trong lúc uống ba tách cà phê.

Thám tử Barrott. Tôi thành thực cho rằng mình đã thuyết phục được ông ấy nghĩ tôi không đang bảo vệ Mack, nhưng nói một cách khác, tôi đã không kể với ông ấy về điều có thể làm mọi thứ dính dấp đến việc Mack biến mất...

Barbara đã bảo tôi rằng việc Bruce tức giận Mack là vì cách Mack đối xử với cô ấy. Nhưng có lẽ còn có nhiều hơn điều đó. Bruce đã luôn yêu thương Barbara một cách tuyệt vọng. Rõ ràng anh ta đã cưới cô ấy theo điều kiện của cô - “Hãy làm cha của con em và gửi em đến học ở trường y khoa.” Anh ta có làm bất kỳ điều gì để ép buộc Mack phải bỏ trốn không? Anh ta có để dọa gì anh ấy không? Và nếu thế thì với lý do gì?

Đơn thuần điều này nghe chẳng có lý đối với tôi.

Con trai của Mack. Tôi đã bảo vệ nó. Barbara không biết rằng tôi đã trông thấy nó. Nó đang lớn lên như là con trai của một bác sĩ giải phẫu bệnh nhi và một nhà doanh nghiệp kinh doanh bất động sản giàu có. Nó có hai người em gái nhỏ. Tôi chẳng bao giờ làm đảo lộn thế giới của nó; nếu tôi cố gắng ném sự ngờ vực vào Bruce, và Barrott bắt đầu đào bới mối quan hệ giữa Barbara và Mack trước khi Mack biến mất, điều đó có thể xảy ra.

Tôi cần ai đó để nói chuyện, ai đó mà tôi hoàn toàn có thể tin cậy được. Nick ư? Không. Người luật sư mà chúng tôi thuê ư? Thurston Carver? Không. Và rồi câu trả lời đã đến, nó quá sức đơn giản, tôi không thể tin rằng mình đã nghĩ ra nó nhanh đến thế: Lucas Reeves! Ông ấy đã có mặt trong cuộc điều tra ngay từ buổi đầu. Ông ấy đã phỏng vấn Nick, Barbara và Bruce cũng như gia đình Kramer. Tôi gọi cho văn phòng ông. Lúc đó chỉ mới 8 giờ 30, nhưng ông đã có mặt ở đó. Ông bảo tôi đến ngay khi tôi có thể đến được. Ông nói rằng ông và nhân viên của ông đang làm việc chẳng vì gì cả mà chỉ để tìm cho ra kẻ bắt cóc Leeseey thôi.

“Thậm chí nếu ngay cả đó là Mack ư?” Tôi nói.

“Dĩ nhiên, ngay cả nếu đó là Mack, nhưng tôi tuyệt đối không tin câu trả lời sẽ thuộc về cậu ấy.”

Tôi tắm rửa, rồi bật máy truyền hình và nghe tin tức trong khi đang thay quần áo. Cảnh sát đưa tin cho giới truyền thông biết rằng đã nhận được một cuộc điện thoại khác nữa từ Leeseey. “Nội dung không được tiết lộ, nhưng theo nguồn tin cảnh sát khẳng định thì rất có thể hiện giờ cô ấy đã chết.” Nguồn tin CNN nói như thế.

Khi tôi mặc chiếc quần jean và cái áo len cô tông dài tay vào, tôi nghĩ rằng ít ra bằng cách không tiết lộ nội dung chính xác cuộc điện đàm, tên của Mack vẫn chưa bị nêu ra.

Tôi thích nữ trang nên luôn đeo hoa tai và một vật gì đó quanh cổ. Hôm nay tôi chọn sợi dây chuyền vàng có hạt ngọc trai mà cha đã tặng, rồi tôi lục lọi trong ngăn kéo để lấy ra đôi hoa tai mà Mack đã tặng nhân sinh nhật thứ mười sáu của tôi. Chúng có hình mặt trời lóe sáng bằng vàng với một viên kim cương bé tí xíu ở giữa. Tôi cảm thấy gần gũi với cả cha và Mack khi tôi vặn chốt đôi hoa tai.

Từ Sutton Place đến văn phòng Reeves khoảng cách chừng một dặm, nhưng tôi quyết định đi bộ. Sau quá nhiều thời gian ngồi trong xe vài ngày qua, tôi cần tập thể dục. Vấn đề là làm thế nào để tôi có thể né tránh giới truyền thông đây. Tôi đã làm điều đó bằng cách đi xuống garage và chờ vài phút cho đến khi một cư dân trong tòa nhà đi xuống. Rồi tôi xin đi nhờ. Ông ấy là một người lớn tuổi trông có vẻ đạo mạo, tử tế. Tôi chưa từng gặp ông. “Có thể cho tôi ẩn mình dưới sàn xe ở băng sau của ông cho đến khi chúng ta đi xa khoảng hai dặm phố được không ạ?” Tôi năn nỉ.

Ông nhìn tôi đầy thương cảm. “Cô MacKenzie, tôi chắc chắn hiểu được lý do tại sao cô muốn tránh né giới truyền thông, nhưng tôi e rằng mình không nên là người giúp cô. Tôi là một thẩm phán liên bang.”

Tôi hầu như cười phá lên không tin được. Nhưng rồi viên thẩm phán ra hiệu cho một người nào đó vừa mới bước ra khỏi thang máy. “Xin chào, David.” Ông nói. “Người phụ nữ trẻ này cần giúp đỡ, và tôi biết anh sẽ giúp được.” Cảm thấy gò má đỏ bừng lên vì bối rối, tôi cảm ơn cả hai người.

David, cho dù là ai đi chẳng nữa, đã thả tôi ở góc Đại lộ Công Viên và đường số Năm Mươi Bảy. Tôi đi bộ phần đường còn lại; những ý nghĩ cứ tản mạn trong đầu tôi khi nhìn những mẫu báo bị cơn gió thoảng thổi tung lên và dính vào lề đường. Tháng năm hầu như đã kết thúc. *Ô Mary, hôm nay chúng con đội vương miện cho người với những bông hoa nở rộ, Nữ Hoàng của các*

Thiên Thần, Nữ Hoàng Tháng Năm. Chúng tôi vẫn thường hát bài đó mỗi tháng năm tại Viện Thánh Tâm, và có một năm khi tôi chỉ mới bảy tuổi, tôi đã được đội vương miện làm bức tượng Thánh Mẫu Đồng Trinh.

Quay nhanh trở lại khung cảnh hiện nay - tôi quỳ gối trên sàn xe để tránh né những cái micro và máy quay phim!

Khi tôi đến được văn phòng Lucas Reeves, bóng dáng người đàn ông nhỏ nhắn nhưng dáng vẻ mạnh mẽ với giọng nói đầy âm hưởng đã giúp tôi tập trung lại. Ông nắm tay tôi thật mạnh mẽ, như thể ông hiểu rằng tôi cần sự giao tiếp với con người. “Vào đây, Carolyn.” Ông nói. “Tôi vừa mới bố trí lại nơi này.” Ông dẫn tôi vào căn phòng hội họp lớn. Các bức tường được phủ đầy những tấm hình mà trong đó những khuôn mặt được phóng rõ ra. Một số khuôn mặt là những hình cận cảnh, những cái khác rõ ràng được lấy ra bên ngoài. “Những tấm hình này được bắt đầu khi người phụ nữ trẻ thứ nhất biến mất dạng cách đây mười năm.” Reeves giải thích. “Chúng tôi chọn lọc chúng từ các tấm hình đăng trên báo chí, các đoạn băng ghi trên truyền hình, trong các camera an ninh. Chúng được chụp ở bên trong và quanh các câu lạc bộ nơi bốn người phụ nữ trẻ ấy biến mất. Tôi đã mời tổ công tác các thám tử của văn phòng Chương Lý Quân đến đây và xem xét kỹ chúng để xem nếu, chỉ trong trường có thể thôi, có một khuôn mặt nào đó sẽ gây ra một kết nối mà cho đến nay đã bị bỏ qua chẳng. Tại sao cô không thử nhìn chúng?”

Tôi đi quanh phòng, dừng lại khi nhìn thấy những khuôn mặt của Mack, Nick và vài người trong số bạn bè của họ tại câu lạc bộ thứ nhất. Trông họ quá trẻ, tôi nghĩ. Rồi tôi đi quanh tất cả bốn bức tường, từ tấm hình được cắt dán một cách có kỹ thuật này đến tấm khác, và rồi lại tấm khác, cặp mắt tôi tìm kiếm và tìm kiếm. Có lúc tôi dừng lại. Cái này trông giống... tôi nghĩ, rồi hầu như cười phá lên. Ngu ngốc làm sao. Thậm chí tôi không thể nhìn thấy khuôn mặt người đàn ông, chỉ cặp mắt và cái trán người đó.

“Có bất cứ điều gì không?” Lucas hỏi.

“Không. Chỉ những khuôn mặt rõ ràng là của Mack và Nick trong câu lạc bộ thứ nhất.”

“Được rồi. Chúng ta hãy đi vào văn phòng tôi nhé.”

Chúng tôi ngồi trong đó. Cà phê theo nghi thức được đưa ra, và rồi tôi kể cho Lucas Reeves nghe những gì tôi biết được tại Martha’s Vineyard. Ông lắng nghe, khuôn mặt càng lúc càng trở nên nghiêm trọng. “Thế thì giờ đây có vẻ như Mack có lý do chính đáng để biến mất. Một người phụ nữ anh không yêu đang mang thai con anh. Anh không muốn cưới cô ấy. Anh không muốn đi học trường luật. Vậy thì thay vì làm cha mẹ cô, đặc biệt là cha cô, thất vọng, anh thà chọn nguy cơ chạy trốn thôi. Căn nguyên vấn đề của đa phần các tội ác là một trong hai yếu tố, tình yêu hay tiền bạc. Trong trường hợp của Mack, động cơ tiên quyết cho việc anh biến mất là vì anh không có tình yêu với Barbara.”

Reeves dựa lưng ra sau ghế. “Người ta bỏ chạy vì thiếu điều đó. Nếu - và tôi lặp lại, *nếu* - Mack có liên quan đến cái chết của người đàn bà thứ nhất, điều đó cũng có thể giải thích vụ trộm các cuộn băng khỏi nhà người giáo viên trước đây của cậu ấy. Khi bà ta được phỏng vấn, bà ta không thể đưa ra bất kỳ giải thích nào về việc cậu biến mất, ngoại trừ việc nói rằng có thể cậu ấy đã làm một kịch sĩ tài tình ngoại hạng. Nhưng có lẽ cậu ấy đã thổ lộ quá nhiều với bà ấy, và cảm thấy là dấu sao mình cũng cần phải lấy lại những cuộn băng ấy. Tôi đã nghiên cứu kỹ các hồ sơ. Cái chết của bà ấy phần lớn không phải vì cú đâm vào đầu bà khiến bà bị bất tỉnh, mà là chính bởi việc té xuống lề đường. Việc té ấy đã gây ra chứng xuất huyết não cướp đi sinh mạng của bà.

Ông đứng lên, đi đến bên cửa sổ. “Carolyn, có những vấn đề ở đây mà chúng ta chưa có câu trả

lời. Ngay cả nếu như anh trai cô là một phần của sự việc ấy, tôi không nghĩ cậu ấy là *tất cả* sự việc ấy.” Ông dừng lại rồi nói thêm: “Khi tôi gọi cho Đội Trưởng Ahearn, ông ấy không tiết lộ toàn bộ nội dung lời nhắn Leesey để lại, nhưng ông nói rằng cô ấy có nói về Mack.”

“Thám tử Barrott bảo với tôi điều cô ấy nói.” cổ họng tôi thắt lại khi tôi dẫn lại những lời nói thống thiết của Leesey, và rồi tôi lặp lại những gì tôi đã thét vào mặt Barrott.

“Và cô đã đúng. Cô ấy có thể đã bị buộc phải dùng đến tên cậu ấy.”

“Tôi sẽ tiếp tục quay trở lại thực tế rằng Bruce Galbraith căm ghét Mack.” Tôi nói. “Hãy nghĩ xem anh ta hẳn đã căm ghét Mack nhiều như thế nào khi Mack quan hệ với Barbara. Giả sử Mack đã *thực sự* bỏ chạy.” Tôi bắt đầu tự biện luận. “Giả sử Bruce vẫn sợ một ngày kia anh ấy sẽ xuất hiện và Barbara sẽ chạy lại với anh ấy. Cô tuyên bố rằng cô căm ghét Mack, nhưng tôi tự hỏi điều đó có thực không. Mack là một mẫu người quá sức đặc biệt. Anh ấy luôn nói rằng cá tính của Bruce thật rộng tuếch. Khi tôi gặp Bruce hồi tuần trước, anh ấy đã bày tỏ thái độ thù địch công khai, vì vậy rõ ràng đó không phải là sự trao đổi xã giao bình thường. Nhưng anh ấy là một kẻ có vẻ bề ngoài thật đơn giản, và trong khi anh ta cực kỳ thành công, tôi cá rằng trong cuộc sống hàng ngày, anh ta vẫn là cùng một con người đơn điệu và đáng chán thế thôi. Nick nói rằng họ đã gọi anh ta là “Kẻ Xa Lạ Đơn Độc” và anh ta cũng có mặt trong câu lạc bộ buổi tối cô gái đầu tiên biến mất.” Tôi nhìn chăm chăm Reeves khi ông xem xét tất cả những chi tiết này.

“Tôi tự hỏi ông Galbraith đã được điều tra kỹ lưỡng ra sao cách đây mười năm.” Reeves nói. “Tôi sẽ xem xét kỹ vấn đề này.”

Tôi đứng lên. “Tôi sẽ không giữ ông lâu hơn, Lucas.” Tôi nói. “Nhưng tôi vui mừng có ông ở phía tôi.” Tôi sửa lại “ở phía Mack nữa.”

“Vâng, đúng thế.” Ông đi cùng tôi qua khu vực tiếp tân đến cánh cửa. “Carolyn, tôi nói hơi có tính cách cá nhân, nhưng cô đang sống trong sự căng thẳng có thể bẻ gãy ngay cả những người đàn ông cứng rắn nhất. Có nơi chốn nào để cô có thể tránh đi, để được ở một mình, hay với một người bạn thân thiết nào đó không?” Ông nhìn tôi đầy vẻ lo âu.

“Tôi đang nghĩ về điều đó.” Tôi nói. “Nhưng trước tiên tôi sẽ đi thăm mẹ mình đã, cho dù bà có muốn gặp tôi hay không. Như ông biết, bà ấy đang ở trong một viện điều dưỡng tư ở Connecticut, nơi Elliot đưa bà đến.”

“Tôi có biết.” Đứng ở cửa ra vào, Reeves cầm lấy tay tôi một lần nữa. “Carolyn, toàn bộ tổ công tác thám tử từ văn phòng Chương Lý Quận đến và đi khỏi đây mỗi buổi chiều. Có thể một người trong bọn họ sẽ phát hiện được một khuôn mặt trong cái biển những khuôn mặt và điều đó sẽ mở ra cho chúng ta một cánh cửa.”

Tôi đi bộ về nhà. Lần này tôi chẳng cần phải trốn lén vào tòa nhà chung cư. Những cửa xe truyền thông vẫn cảnh giác mở tung ra, và các phóng viên chạy ào đến bên tôi khi tôi tiến đến tòa nhà.

“Carolyn... cô nghĩ gì?”

“Cô MacKenzie, cô có phát đi lời kêu gọi để anh trai cô tự nộp mình không?”

Tôi hướng mặt về phía micro. “Tôi sẽ phát đi lời kêu gọi cho một ai đó hoặc tất cả mọi người nên nghĩ rằng anh trai tôi vô tội trong bất kỳ một tội ác nào và tất cả các tội ác ấy. Hãy nhớ rằng cho đến nay chưa có bằng cứ còn con nào chống lại anh ấy. Mọi điều đều chỉ dựa trên những lời nói bóng gió và sự giả định. Và hãy để tôi nhắc tất cả các ông rằng có những đạo luật

về tội phỉ báng và những hình phạt nghiêm trọng đối với việc vi phạm chúng đấy.”

Tôi vội vã bước vào trong, không cho họ có cơ hội đối đáp lại. Tôi bước lên căn hộ và bắt đầu trả lời những cuộc điện thoại bị bỏ lỡ. Cuộc thứ nhất là của Nick. Sự khuây khỏa, bớt lo lắng của Nick khi nghe thấy tiếng tôi thật chân tình; khiến tôi phải để nó sang một góc trong tâm trí mình. Tôi cần phải có thời gian suy nghĩ về nó.

“Carolyn, đừng làm như thế này với anh. Anh đã bị sụp đổ. Thậm chí anh đã gọi cho Đội Trưởng Ahearn để xem có phải họ đang giữ em ở đó không. Ông ta nói họ không nghe thấy tin tức gì về em.”

“Họ không nghe gì về em, nhưng họ biết em ở đâu.” Tôi nói. “Hiển nhiên là em đang bị theo dõi.”

Tôi kể với Nick rằng mình đã gặp Barbara ở Martha’s Vineyard, nhưng đó là một chuyến đi vô ích. Tôi chọn lọc cẩn thận thông tin tôi đưa cho anh. “Em đồng ý với anh. Có lẽ cô ấy đã lấy Bruce để có tấm vé đi học trường y, nhưng dường như cô ấy vẫn đang giữ phần mình trong cuộc mặc cả.” Tôi cũng không thể cưỡng lại được việc có cơ hội đả kích cô ấy kịch liệt. “Cô ta để em biết rằng cô ta là một bác sĩ giải phẫu nhi khoa yêu nghề và tận tụy đến đâu, rằng đôi khi cô ấy đi khắp khu săn sóc nhũ nhi, cô ấy đi đến với một em bé đang khóc và ẵm nó lên để vỗ về, an ủi nó.”

“Barbara là như thế đó.” Nick đồng ý. “Carolyn, tại sao em lại nêu ra những điều đó?”

“Chỉ là thế thôi.” Tôi có thể nghe thấy sự mệt mỏi trong giọng nói của mình.

“Anh cũng thế. Bọn cóm đã cào bới anh và Benny trên than hồng một lần nữa. Có thông tin tốt lành chứ?” Giọng anh sáng lên. “Anh sẽ bán căn hộ ở Đại Lộ Công Viên của mình.”

“Cái căn làm anh có cảm giác giống như Roy Rogers ấy à?” Tôi mỉm cười.

“Chính xác. Người môi giới bảo với anh rằng người mua dự định cào bằng nó để thiết kế lại. Chúc anh ta gặp may.”

“Anh sẽ đi đâu?”

“Đến căn hộ cao cấp. Anh đang mong đến đó, nếu như có bất kỳ điều gì anh mong ngóng vào giờ phút này. Bọn anh đã bắt được một đứa mười chín tuổi có bằng lái xe giả trong câu lạc bộ tối qua. Nếu bọn anh phục vụ con bé đó, bọn anh hẳn đã bị đóng cửa. Anh không ngạc nhiên nếu con bé được bọn cóm cài vào để tăng thêm áp lực đối với anh.”

“Chẳng có gì khiến em bị ngạc nhiên lúc này cả.” Tôi nói đầy hàm ý.

“Ăn cơm tối nay nhé? Anh muốn gặp em.”

“Không, em không nghĩ thế. Em sắp lái xe đi thăm mẹ. Em cần đích thân mình nhìn thấy bà ra sao lúc này.”

“Anh sẽ lái xe đưa em đi.”

“Không, em phải đi một mình.”

“Carolyn, hãy để anh hỏi em một điều. Nhiều năm trước đây, Mack bảo với anh rằng em đã say mê anh và rằng anh phải cẩn thận không khuyến khích điều đó bằng cách lợi dụng em.” Anh

ngừng lại, rõ ràng cố giữ cho giọng nói mình có vẻ khô hài. “Có cách nào để anh có thể lấy lại niềm say mê đó, hay giờ đây nó chỉ còn ở phía bên anh không thôi?”

Tôi biết có tiếng cười trong giọng nói của mình. “Anh ấy thật tệ khi bảo anh như thế.”

“Không, không phải.” Giọng Nick lại trở nên nghiêm túc. “Được rồi, Carolyn. Anh sẽ để em đi. Nhưng cứ giữ lại ý nghĩ rằng chúng ta sẽ vượt qua mớ hỗn độn này nhé.”

Tôi bắt đầu khóc. Tôi không muốn anh nghe thấy và tôi đã đóng máy, nhưng rồi ngay lập tức tôi tự hỏi không hiểu Nick có bắt đầu nói “cùng nhau” hay tôi chỉ tưởng tượng ra từ ngữ đó bởi vì tôi đã muốn vô cùng cho điều đó trở thành như vậy?

Rồi trong đầu tôi lần đầu tiên nảy ra ý nghĩ rằng rất có thể điện thoại di động của tôi và cả đường dây điện thoại trong căn hộ đều bị nghe lén. Dĩ nhiên họ phải làm thế, tôi nghĩ. Barrott đã chắc chắn rằng tôi có liên lạc với Mack. Họ sẽ không từ bỏ cơ hội nào để không biết được nếu anh ấy có gọi.

Ngẫm nghĩ về cuộc nói chuyện giữa tôi với Nick, tôi tự hỏi không biết tại họ có nổ tung ra khi anh gợi ý rằng họ đã cố tình tìm cách bẫy anh với một kẻ uống rượu dưới tuổi quy định tại Woodshed hay không.

Tôi hy vọng thế.

Lil và Gus Kramer ngồi lo lắng, cứng ngắc người trong văn phòng của đội trưởng Larry Ahearn. Ahearn nhìn họ kỹ lưỡng, hình dung ra cách anh tiếp cận họ. Rõ ràng khi Gaylor đưa họ vào, Lil Kramer hầu như sắp sụp đổ. Đôi tay bà run lấy bầy. Hai bên mép bà giật giật thấy rõ. Bà sắp khóc. Nhẹ nhàng bắt đầu, hay cứ để bà ta như vậy? Anh quyết định chọn cách cứng rắn.

“Lil, bà đã không để chúng tôi biết bà đã trải qua hai năm trong tù vì trộm cắp nữ trang.” Anh đập luôn.

Cứ như thể anh vừa đâm vào miệng bà. Bà hỗn hển thở, cặp mắt mở to, và bà bắt đầu rên rỉ. Gus nháy dựng lên. “Anh câm họng ngay.” Hắn thét lên với Ahearn. “Hãy xem xét trường hợp đó. Bà ấy chỉ là cô gái trẻ đến từ Idaho, không gia đình, ngày đêm chăm sóc cho một bà già. Bà ấy chẳng hề bao giờ *chạm tay* đến mớ nữ trang ấy! Những người bà con của bà già ấy là những kẻ duy nhất có liên quan đến sự an toàn trong căn nhà bà ấy. Họ đã bày ra chuyện đó với Lil để không những đã có được mớ nữ trang ấy mà còn lãnh được khoản tiền bảo hiểm, cầu Chúa cho họ mục rữa dưới địa ngục đi.”

“Tôi chưa hề gặp bất kỳ ai đi tù mà lại không bị dàn dựng cả.” Ahearn sống sượng nói. “Ngồi xuống, ông Kramer.” Anh quay sang Lil. “Mack có từng bao giờ kết tội bà về việc ăn cắp bất kỳ thứ gì không?”

Đôi vai Lil Kramer lún xuống. “Tôi không thể tránh được nếu họ nói. Chẳng ai sẽ tin tôi cả. Chỉ vì trước khi cậu ấy biến mất, Mack đã hỏi về chiếc đồng hồ mới của cậu ấy, xem tôi có trông thấy nó không. Tôi biết cậu ấy ám chỉ rằng tôi đã lấy nó. Tôi quá sức bức mình, tôi đã quát lên với cậu ấy. Tôi nói ba người các cậu trong căn hộ đó rất cầu thả, rồi khi các cậu không tìm ra được vật gì đó thì các cậu lại đổ lỗi cho tôi.”

“Ai khác còn đổ lỗi cho bà nữa?” Ahearn hếch sách.

“Cái gã Bruce Galbraith khó chịu nữa. Hắn ta không thể tìm thấy chiếc nhẫn có huy hiệu trường cao đẳng của cậu ấy, cứ như thể tôi đã làm điều gì để lấy nó đi vậy. Tôi đã làm gì với nó chứ? Thế rồi, sau đó một tuần, cậu ta nói rằng cậu đã tìm thấy nó trong túi quần mình. Không lời xin lỗi, dĩ nhiên. Không hề có câu ‘Tôi xin lỗi, bà Kramer’.” Giờ đây bà ấy đang nức nở, những giọt nước mắt tuyệt vọng.

Ahearn và Gaylor nhìn nhau, biết rằng họ cùng nghĩ đến một điều: Việc này thật dễ kiểm tra.

“Thế rồi bà không biết Mack có tìm ra chiếc đồng hồ của anh ấy không trước khi anh ta biến mất dạng à?”

“Không, tôi không biết. Và đó là lý do tại sao tôi rất lo sợ khi cậu ấy quay về, cậu ấy sẽ lại kết tội tôi nữa.” Lil Kramer bắt đầu rên rỉ. “Và đó là lý do tại sao khi tôi nghĩ tôi đã trông thấy cậu ấy trong nhà thờ ngày hôm nọ -”

“Bà *nghĩ* bà trông thấy anh ấy trong nhà thờ à!” Ahearn ngắt lời. “Bà bảo với chúng tôi bà chắc chắn đã trông thấy anh ấy ở đó mà.”

“Tôi đã trông thấy một người nào đó có vóc người giống cậu ấy, rồi khi tôi nghe nói rằng cậu ấy đã để lại một lá thư ngắn, thì tôi chắc chắn, nhưng rồi tôi lại không chắc, và tôi đoán là giờ đây tôi chắc chắn, nhưng -”

“Nhưng tại sao bất thành linh bà lại quyết định dọn đi Pennsylvania?” Gaylor chen ngang.

“Bởi vì cháu trai của ông Olsen, Steve Hocney nghe thấy Mack hỏi tôi về cái đồng hồ, và giờ đây Steve đang ngồi trên đầu tôi.” Bà ấy gào lên. “Bởi vì hẳn ta muốn chúng tôi than phiền về Howie với cậu của hắn và làm cho tay kia bị sa thải và... và... tôi không thể... chịu đựng... điều đó ... thêm nữa. Tôi chỉ muốn chết. Tôi chỉ muốn chết...”

Lil Kramer chồm lên phía trước và dùng hai tay che kín mặt.

Đôi vai gầy của bà run lên khi bà nức nở khóc. Gus quỳ xuống bên cạnh bà và đặt đôi tay ông ta qua vai bà. “Được rồi mà, Lil.” Ông nói. “Được rồi mà. Chúng ta đi về nhà bây giờ.”

Ông ta ngược nhìn lên, trước tiên là Ahearn, rồi sau đó là Gaylor. “Đây là điều tôi nghĩ về hai anh.” Ông nói rồi nhổ toẹt xuống tấm thảm.

Cuộc điện thoại khác, sau khi kết thúc câu chuyện với Nick, là của Jackie Reynolds, người bạn và là chuyên gia tâm lý của tôi; cô đã cố gắng gọi cho tôi và tôi thì lại hoãn gọi trả lời. Dĩ nhiên Jackie đã đọc báo chí, nhưng chúng tôi chẳng nói chuyện nhiều kể từ sau bữa cơm tối giữa tôi và cô ấy, khi tất cả mọi chuyện này mới bắt đầu. Ghi nhớ sự ngờ vực rằng điện thoại có thể bị nghe và thu băng lén, tôi đưa ra những câu trả lời rất chung chung cho những câu hỏi của cô ấy.

Tôi biết cô ấy nắm được vấn đề. “Carolyn, mình có hai cuộc hẹn bị hủy.” Cô nói. “Cậu có bất kỳ dự định nào về việc ăn trưa không?”

“Không.”

“Thế thì tại sao cậu không lại đây, chúng ta sẽ gọi bánh mì sandwich và cà phê chứ?”

Điều đó nghe thật tốt đối với tôi. Văn phòng của Jackie kể bên căn hộ nơi cô ấy sống trên đường số Bảy Mươi Tư Phía Đông và Đại Lộ số Hai. Khi tôi cúp máy, tôi nhận ra rằng tôi muốn có được sự hướng dẫn của cô ấy rất nhiều về chuyến đi thăm mẹ mà tôi dự định làm. Điều này nhắc tôi nhớ rằng tôi chưa nói chuyện với Elliot.

Tôi quay số văn phòng ông, và được nối thẳng đến với ông. “Carolyn, ta không biết phải nghĩ gì khi ta không gọi được cho cháu.”

Tôi nghe thấy có sự trách móc trong giọng nói của ông và tôi xin lỗi. Tôi biết tôi nợ ông điều đó. Tôi giải thích rằng tôi đã đi Martha’s Vineyard và đó là lý do. Rồi, ý thức một cách thận trọng việc có khả năng bị nghe lén, tôi nói rằng đó là một chuyến đi vô ích, và rằng tôi sẽ lái xe lên trễ chiều nay để gặp mẹ. “Nếu bà từ chối gặp cháu, ít ra cháu đã cố gắng. Cháu sẽ có mặt ở đó từ khoảng bốn đến năm giờ.” Tôi bảo ông.

“Ta nghĩ đó là giờ tốt đấy.” Ông chậm rãi nói. “Ta hy vọng chính mình cũng sẽ có mặt ở đó khoảng năm giờ. Ta muốn cùng nói chuyện với cháu và Olivia.”

Sau khi nói chuyện xong về điều này, chúng tôi cùng gác máy. Ông muốn nói chuyện gì với cả hai chúng tôi? Tôi tự hỏi. Chắc chắn trong tình trạng dễ tổn thương của mẹ, ông sẽ không rút lại sự hỗ trợ hiện đang có với bà. Xin đừng, Chúa ơi, không phải điều đó! Bà cần ông ấy. Tôi nghĩ về cái đêm chỉ cách đây vài tuần, sau khi Mack để lại lá thư ngắn đó và trong bữa cơm tối bà tuyên bố rằng bà đã quyết định để anh ấy sống cuộc đời mình. Tôi nghĩ về cách bà và Elliot nhìn nhau, và cách ông dự định tham gia cùng bà ở Hy Lạp. Tôi nghĩ về cách đôi vai họ chạm vào nhau khi họ cùng đi bách bộ xuôi xuống phố sau khi chúng tôi rời Le Cirque. Elliot có thể làm mẹ hạnh phúc. Mẹ đã sáu mươi hai tuổi rồi. Bà có mọi cơ hội để sống thêm hai mươi hay ba mươi năm khỏe mạnh nữa - trừ phi, dĩ nhiên, tôi đã hủy hoại nó bằng cách phạm lỗi lầm ngớ ngẩn khi đi đến căn phòng tổ công tác thám tử và gặp Barrott.

Tôi thay cái áo khoác và quần tây, rồi như tôi đã làm tối qua tại Martha’s Vineyard, cố dùng phấn nền để che các quầng thâm dưới mắt và trang điểm để che đầy hết mọi thứ ở vẻ bề ngoài của tôi với lớp mascara và son môi.

Tôi lái xe ra khỏi garage, lần này bằng chiếc xe của tôi, và... Ngạc nhiên chưa! Ngạc nhiên chưa!... Lúc này các xe truyền thông đã biến mất. Tôi cho rằng họ đã hình dung ra rằng họ cần phải tránh xa tôi càng nhiều càng tốt khi họ sắp hết một ngày.

Khi tôi đến đường Bảy Mươi Tư, tôi để xe hơi trong garage của Jackie và đi lên lầu. Khi cô ấy ra

cửa đón, chúng tôi ôm ghì lấy nhau. “Thật chẳng khác gì hơn việc có thật nhiều căng thẳng trong một ngày ăn kiêng vậy.” Cô ấy bình luận. “Mình không gặp cậu trong hai tuần, và mình cá là cậu đã sụt ít nhất là hơn hai cân”.

“Ít ra là như thế.” Tôi đồng ý khi đi theo cô ấy vào văn phòng của cô. Đó là một căn phòng có kích cỡ trung bình, thoải mái với một cặp ghế bành có bọc nệm đối diện bàn giấy của cô. Tôi nhớ cô đã sưu tầm những bản in của Anh thế kỷ thứ mười chín hình những con chó và con ngựa, và bọc lộ sự say mê một số mẫu rất tuyệt vời được lồng khung treo trên tường. Tôi tưởng tượng những bệnh nhân mới chú ý về chúng khi bọc lộ vấn đề rắc rối đã đưa họ đến để tìm kiếm sự giúp đỡ của Jackie.

Chúng tôi đồng ý ăn món thịt jambon và phomai Thụy Sĩ trét trên bánh mì lúa mạch với xà lách, tương mù tạt, và uống cà phê đen. Cô ấy gọi điện đặt món ăn, rồi chúng tôi cùng ngồi xuống chuyện trò. Tôi kể cho cô ấy nghe về việc tôi đã gặp Barbara, chỉ giữ lại thực tế là cô ấy đã sinh ra con trai Mack. Và vì vậy, cảm thấy nếu giữ lại thông tin này sẽ không chân thực, tôi đưa ra kịch bản của Barbara rằng cô ấy đã phá thai.

“Đó là lý do sống còn khiến Mack phải chạy trốn.” Cô ấy đồng ý. “Nhưng chỉ giả định rằng anh ấy đi đến gặp cha hoặc mẹ cậu hoặc cả hai. Theo cậu nghĩ một trong hai người hoặc cả hai sẽ làm gì?”

“Ủng hộ họ trong việc họ quyết định lấy nhau và có đứa bé. Cho Mack vào học trường luật.”

“Cho Barbara vào trường y chứ?”

“Tôi không biết.”

“Tôi biết cha cậu rất rõ. Ông ấy chắc chắn sẽ không chịu thua việc Mack muốn tách ra để làm nghệ thuật.”

“Vì rằng đó là điều chắc chắn, mình đồng ý.” Rồi tôi kể cho Jackie nghe mình đã lo lắng rằng Elliot có thể xem xét lại việc muốn lấy mẹ trong khi tình trạng hiện tại khi Mack đang bị ngờ vực, hoặc không hiểu anh ấy có sẽ bị bắt giữ và đưa ra xét xử không.

“Mình cũng lo là như thế.” Jackie thành thực nói. “Thế diện có ý nghĩa rất nhiều đối với những loại người như Elliot. Mình biết có người giống như vậy. Ông ta khoảng tuổi của Elliot, một người góa vợ, một trong những người dễ thương nhất mà cậu từng muốn biết, nhưng lại là một kẻ trưởng giả học làm sang. Mình đùa với ông ấy rằng ông ấy có thể bị chết trước khi hẹn hò được với người nào có vai vế trong xã hội, bất kể bà ta đẹp hay thành công thế nào.”

“Ông ấy đã nói gì khi cậu bảo ông ta như thế?” Tôi hỏi Jackie.

“Ông ta cười phá lên, nhưng không bác bỏ điều đó.”

Nhân viên ở bàn giấy gọi lên nói rằng các món ăn đang được mang lên. Chúng tôi cùng ngồi ăn trưa, và Jackie bắt đầu nhắc tôi rằng tôi đang dự định nộp đơn xin việc ở văn phòng Chương lý quận. Thế rồi tôi biết cô ấy ước gì có thể nuốt mất lưỡi mình cho xong. Bạn có thể tưởng tượng được rằng Chương lý quận ở Manhattan sẽ thuê mướn em gái của một kẻ cướp của giết người bị kết án chăng?

Suốt cả buổi chiều, hoặc một mình hoặc từng cặp một, các thành viên của Tổ Công tác Thám tử đến thăm văn phòng của Lucas Reeves và nghiên cứu những tấm hình mà ông ấy đã chuẩn bị cho họ điều tra. Đôi khi họ lẫn lộn dừng lại ở một hay vài tấm hình. Họ nghiên cứu tấm được làm rõ nét của Mack MacKenzie với những đường nét mà anh ta trông có thể như thế ngày nay. Một vài người trong số họ đưa nó ra so sánh với một tấm chụp rõ nét, nổi bật treo trên tường, nhưng sau cùng tất cả đều bỏ đi, nhún vai với sự thất vọng và thua cuộc.

Roy Barrott là một trong những người cuối cùng đến đó, vào lúc năm giờ kém mười lăm. Ông đã về nhà và đổ ập người xuống giường trong ba tiếng đồng hồ. Giờ đây, râu cạo sạch sẽ, tươi mát và tỉnh táo, ông cần cù xem qua hàng trăm bức ảnh trong khi Lucas Reeves kiên nhẫn ngồi chờ trong văn phòng mình.

Sau cùng, lúc bảy giờ mười lăm, khi Lucas đi vào để kiểm tra với ông, ông đã chào thua. “Tất cả số ảnh đó bắt đầu nhìn thấy quen quen rồi.” Ông nói. “Tôi không biết tại sao, nhưng tôi cảm thấy như thể tôi đã bỏ lỡ cái gì đó ở đấy.” Ông chỉ tay lên bức tường ở xa.

Lucas Reeves nhú mồm. “Kỳ cục, Carolyn MacKenzie cũng dừng lại ở khu vực đó. Tôi có cảm giác rằng có điều gì đó khiến cô ấy chú ý, nhưng cô ấy hẳn cũng đã gạt bỏ đi khả năng đó. Nếu không, tôi chắc chắn là cô ấy hẳn đã nói điều gì đó.”

Barrott đứng trước bức tường đó một lần nữa. “Nó chưa xảy ra, ít nhất là không phải tối nay.”

Reeves thò tay vào túi và lôi ra một tấm danh thiếp. “Tôi đã viết ra đây số điện thoại di động của tôi cho các anh. Nếu có bất kỳ điều gì xảy ra cho các anh và các anh muốn quay trở lại đây bất kỳ giờ nào, hãy gọi cho tôi và tôi sẽ chỉ thị cho người bảo vệ để các anh vào ngay lập tức.”

“Tốt thật, xin cảm ơn anh.”

Barrott quay trở về phòng tổ công tác để tìm nguồn năng lực mới hầu có thể giải quyết rốt ráo vấn đề này. Aheam, cà vạt kéo sộc sệch, khuôn mặt hốc hác và mệt mỏi, đang đếm bước trong văn phòng. “Có lẽ chúng ta đang bước vào điều gì đó.” Anh nói. “Steve Hockney, cháu trai của chủ nhân tòa nhà chung cư mà MacKenzie đã sống ở đó, có hồ sơ vị thành niên được che đậy. Chúng tôi đã xem qua nó, vụ việc khá nghiêm trọng, nhưng không có bạo hành. Từng mua bán marijuana[7], trộm cắp. Cậu hẳn đã có thể thuê các luật sư giỏi để giữ hẳn ở ngoài hai năm trong một trung tâm dành cho trẻ vị thành niên. Theo Lil Kramer, Hockney đang gây áp lực cho bà vì việc MacKenzie đã bị thất lạc chiếc đồng hồ. Điều đó xảy ra chỉ trước khi Mack biến mất một hay hai ngày. Chúng ta đang tìm kiếm Hockney. Ban nhạc của hẳn có những hợp đồng biểu diễn thường xuyên trong khu SoHo - Làng Greewich, và hẳn sử dụng nhiều cách thay đổi trang phục, thậm chí cả tóc giả và phụ liệu để thay đổi ngoại hình của hẳn.”

“Thế còn những gì còn lại mà gia đình Kramer đã kể cho anh nghe thì sao?”

“Chúng tôi đã nói chuyện với Bruce Galbraith. Hẳn ta là kẻ rất lạnh lùng. Hẳn thừa nhận rằng hẳn thực sự có hỏi Lil Kramer về cái nhẫn ở trường học của hẳn, nhưng bà ta đã hiểu sai vấn đề. Hẳn không kết tội bà. Hẳn tuyên bố hẳn chỉ hỏi bà xem bà có thấy nó không trong khi bà lau chùi, dọn dẹp. Bà ta đã nhảy dựng lên trời và nổi nóng lên. Khi biết về quá khứ của bà ta, anh có thể hiểu tại sao bà lại nhạy cảm quá mức trước một câu hỏi kiểu như thế.”

Bob Gaylor đã đến trong khi Aheam đang nói. “Người của chúng ta vừa mới tiếp cận được cậu của Hockney, Derek Olsen, lão chủ nhân các tòa nhà. Lão ta xác nhận có sự xung đột giữa trợ lý

của hắn, Howard Altman và cháu trai của hắn, Steve Hockney. Lão nói lão phát ốm vì cả hai. Lão đã để lại lời nhắn trên điện thoại của họ rằng lão sẽ bán tất cả những bất động sản đó và rằng quả banh phát lệnh công phá sẽ đâm vào tòa nhà dưới phố ở đường số 104 vào sáng mai. Chúng tôi đã không để lộ ra rằng chúng ta đang sẵn lòng đưa cháu trai của lão. Chúng tôi bảo lão rằng chúng tôi đang xác minh câu chuyện kể của gia đình Kramer.”

“Thế lão đã nói gì về họ?”

“Những người tốt tính, chăm chỉ. Lão tin cậy họ với tất cả những gì lão có.”

“Chúng ta có bất kỳ tấm hình nào của Hockney không nhỉ?” Barrott hỏi. “Tôi muốn so sánh hắn với một khuôn mặt tôi đã trông thấy tại văn phòng Reeves mới vừa rồi. Tôi có cảm giác rằng mình đã để hụt một điều gì đó.”

“Có một tấm trong những bức hình chụp để quảng bá hắn với ban nhạc của hắn trên bàn giấy của tôi.” Ahearn bảo ông. “Chúng ta có hàng tá hình như vậy với người của chúng ta trên đường phố.”

Barrott bắt đầu lục lại cái đồng hồ độn chẳng gọn gàng tí nào trên bàn làm việc của Ahearn, rồi nhặt lên một tấm hình ông tìm thấy ở đó. “Đây *chính là tấm đó*”, ông nói to lên.

Ahearn và Gaylor nhìn ông chăm chăm. “Anh đang nói về chuyện gì thế?” Ahearn căn vặn.

“Tôi đang nói về cái gã này.” Ông nói, chỉ tay vào tấm hình. “Cái tấm hình *khác* của Leesey đang đứng tạo dáng cho bạn cô ấy chụp đầu rồi, cái tấm có Nick DeMarco ở hậu cảnh đấy?”

“Một trong những bản in lại của nó ở đâu đó trong cái chõng đó đấy.”

Barrott lúng lúng, rồi, với tiếng lẩm bẩm đầy vẻ hài lòng, ông nói: “Nó đây rồi.” Ông đưa ra hai tấm hình, so sánh chúng. Chỉ một giây sau ông quay số gọi điện thoại di động cho Lucas Reeves.

Như tôi kỳ vọng, viện điều dưỡng nơi mẹ đang ở tạm có nội thất và vẻ ngoài sang trọng, xa xỉ như tôi có thể hình dung ra bất kỳ nơi nào Elliot sẽ chọn cho bà ở. Thảm trải sàn dày dặn, đèn tỏa ánh sáng dịu dàng, những bức họa đẹp tuyệt treo trên tường. Tôi đến đó khoảng 4 giờ 30, và cô tiếp tân đã được dặn kỹ lưỡng rằng tôi đang trên đường đi đến đó.

“Mẹ cô đang chờ gặp cô đấy.” Cô ta nói với giọng nói theo kiểu những giọng nói có âm điệu chuyên nghiệp mà đối với tôi dường như thật phù hợp với môi trường chung quanh đó. “Phòng của bà ở lầu bốn, có tầm nhìn tuyệt đẹp xuống khu đất chung quanh.” Cô đứng lên và dẫn tôi ra thang máy, một vật được trang trí thật đẹp có người nhân viên điều khiển thang máy và băng ghế ngồi bọc nhung bên trong.

Người đi cùng tôi thì thầm: “Xin vui lòng đưa cô đây đến căn hộ của bà Olivia, Mason nhé.” Và tôi nhớ đã từng nghe nói rằng ở một số nơi điều dưỡng tâm thần đắt tiền như thế này những cái họ trong tên khách hàng không được tiết lộ ra với tất cả mọi người. Tôi nghĩ ở đây cũng như thế. Những người khách khác không cần biết bà Charles MacKenzie Sr. đang ở cùng với họ.

Trên lầu bốn, chúng tôi bước ra và đi xuôi theo hành lang đến căn hộ sang trọng nằm ở góc tòa nhà. Sau khi gõ nhẹ cửa, người dẫn đường cho tôi mở nó ra. “Bà Olivia,” cô ấy gọi, giọng cô cao hơn một chút, nhưng vẫn ngân nga theo kiểu được huấn luyện ở các trường dành cho con nhà đài các. Tôi bước ra phía sau cô để đi vào căn phòng khách cực kỳ trang nhã. Tôi đã từng nhìn thấy hình ảnh những căn hộ sang trọng trong Plaza Athénée tại Paris, và tôi cảm thấy như thể mình đang bước vào một trong những căn đó. Rồi mẹ xuất hiện ở lối đi từ trong phòng ngủ. Không một lời nào khác, người dẫn đường bước đi, sau đó mẹ và tôi cùng nhìn nhau.

Tất cả những tình cảm xung đột, cơn thác đổ của những cảm xúc mà tôi đã trải qua cuối tuần này khi mẹ tìm nơi ẩn náu trong căn hộ của Elliot ủa đến toàn thân tôi khi tôi nhìn bà. Tôi lỗi. Tức giận. Cày đắng. Rồi tất cả bị cuốn trôi đi hết, chỉ còn lại điều duy nhất tôi cảm thấy đó là lòng yêu thương. Đôi mắt đẹp của bà ngập tràn nỗi thống khổ. Bà nhìn tôi không chắc chắn như thể bà không biết sẽ kỳ vọng điều gì ở tôi.

Tôi bước đến chỗ bà và choàng tay qua vai bà. “Con xin lỗi,” Tôi nói. “Con thực sự vô cùng hối tiếc. Con cho rằng bất kể mình có tự nhủ bao nhiêu lần đi nữa, ‘Giá như con đừng cố đi tìm Mack’, thì con cũng chỉ có thể nói với mẹ rằng con thà mất cả cuộc đời mình để sửa lại điều con không thể làm được.”

Rồi đôi tay bà bắt đầu vuốt ve khắp mái tóc tôi theo cách mà bà vẫn làm khi tôi còn là một đứa trẻ. Đôi bàn tay mẹ tràn đầy yêu thương, an ủi, và tôi biết rằng bà đã có được sự bình yên trong tâm trí với những gì tôi đã làm.

“Carolyn, chúng ta cho qua việc đó đi nhé,” Bà nói. “Cho dù sự việc đó có xảy ra như thế nào chẳng nữa. Nếu Mack làm mọi việc người ta nói nó đã làm, chỉ có một điều mẹ có thể chắc chắn: nó không trong tình trạng tâm trí khỏe mạnh.”

“Họ nói bao nhiêu điều với mẹ?”

“Mẹ đoán mọi thứ như thế. Hôm qua mẹ đã nói chuyện với bác sĩ Abrams, chuyên gia tâm thần học của mẹ, rằng mẹ không còn muốn được bảo vệ nữa. Mẹ có thể tự ký giấy ra khỏi đây bất kỳ lúc nào, nhưng mẹ thà chấp nhận mọi thứ mà mẹ phải biết khi mẹ có thể nói hết với ông ấy.”

Đây chính là người mẹ mà tôi nghĩ tôi đã bị mất, người đã giữ cho cha có được tâm trí bình ổn

khi Mack biến mất, người mà ý nghĩ đầu tiên là chỉ dành cho tôi khi bà biết cha đã qua đời trong biến cố 11/9. Tôi là sinh viên năm thứ ba ở Columbia lúc đó, có dịp về ngủ ở nhà và trong lúc vẫn còn ngủ say thì cái máy bay thứ nhất đâm vào tòa tháp. Kinh hoàng, chính mẹ đã quan sát thấy nó lúc đó. Văn phòng cha nằm ở tầng thứ 103 của Tòa Tháp Phía Bắc, tòa tháp đầu tiên bị đâm phải. Bà đã cố gọi cho ông ấy và thực sự đã nổi thông được với ông. “Liv, lửa đầy bên dưới bọn anh,” ông nói. “Anh không nghĩ chúng ta còn gặp lại nhau.”

Đường dây kết nối tắt ngấm, và vài phút sau đó, bà trông thấy tòa tháp sụp đổ. Bà đã để tôi ngủ cho đến khi tôi thức giấc một cách tự nhiên, khoảng bốn mươi lăm phút sau đó. Tôi mở mắt ra và thấy bà ngồi trong phòng tôi, lệ tuôn thành dòng từ cặp mắt bà. Rồi bà lắc người tôi với đôi tay bà trong khi kể lại cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.

Đây là mẹ tôi như bà đã từng năm này sang năm khác cho đến khi các cuộc gọi vào Ngày của Mẹ đã xé nát bà ra.

“Mẹ ơi, nếu mẹ cảm thấy thoải mái ở đây, con mong mẹ cứ ở lại lâu thêm một khoảng thời gian nữa.” Tôi nói. “Mẹ không muốn có mặt ở Sutton Place theo cách nó hiện đang có, và một khi giới truyền thông có được thông tin mẹ quay trở lại căn hộ của Elliot, bọn họ sẽ lại săn lùng mẹ ở đó nữa.”

“Mẹ hiểu điều đó, nhưng Carolyn ơi, còn con thì sao? Mẹ biết con sẽ không đến đây, nhưng chẳng có nơi nào con có thể chạy trốn khỏi bọn họ mà?”

Mẹ có thể chạy nhưng mẹ không thể lẩn trốn được, tôi nghĩ. “Mẹ ơi, con nghĩ con cần thiết phải có mặt quanh quần và để cho người ta nhìn thấy được.” Tôi nói. “Bởi vì trừ phi chúng ta có bằng chứng tuyệt đối chống lại, con sẽ cứ tin và thề một cách công khai rằng Mack vô tội.”

“Đó chính xác là điều cha con sẽ làm.” Giờ đây mẹ mỉm cười, nụ cười thực sự. “Thôi nào. Chúng ta hãy cùng ngồi xuống nhé. Mẹ ước gì chúng ta có thể có một cái cocktail nhưng điều đó sẽ không xảy ra ở đây.” Bà nhìn tôi, có chút gì đó lo lắng. “Con có biết là Elliot đang đi tới không?”

“Có ạ. Con đang mong gặp ông ấy.”

“Ông ấy là một tảng đá.”

Tôi thừa nhận rằng mình cảm thấy có nỗi nhức nhối vì lòng ghen tuông, nhưng rồi lại cảm thấy có tội về việc đó. Elliot *thực sự là* một tảng đá. Cách đây hai tuần, mẹ đã nói với tôi rằng tôi là điểm tựa và niềm an ủi của bà. Cảm giác có tội của tôi phai nhạt đi khi tôi nhớ rằng Elliot có thể sắp sửa tuyên bố rằng ông cần tách mình ra khỏi những vấn đề rắc rối của chúng tôi. Những lời nói của Jackie đang lặp lại trong tâm trí tôi. “*Thế diện có ý nghĩa rất nhiều đối với những loại người như Elliot.*”

Nhưng khi ông đến, mọi thứ mà tôi e sợ đều hóa ra hoàn toàn sai lầm. Thực ra trong cách thức trình trọng, khiến người khác phải nể nang ông, ông đang tìm kiếm sự chúc tụng của tôi để cưới mẹ. Ông ngồi kế bên bà trên cái ghế sofa và nói với tôi một cách nghiêm túc, thiết tha:

“Carolyn, ta đoán là cháu biết ta đã luôn yêu thương mẹ cháu.” Ông nói. “Ta luôn nghĩ bà ấy là vì sao sáng trên cao không nằm trong tầm với của ta. Nhưng giờ đây ta biết mình có thể bảo bọc bà với tư cách là một người chồng ở thời điểm khó khăn trong cuộc đời bà.”

Tôi biết mình phải cảnh báo ông. “Elliot, nếu Mack có bao giờ bị xét xử như là một kẻ giết người hàng loạt, chú sẽ phải ý thức được rằng tình trạng ai cũng biết về vấn đề đó sẽ rất kinh khủng. Khách hàng với tầm cỡ mà chú giao dịch có thể sẽ không hài lòng rằng vị cố vấn tài chánh của họ lại đều đặn, thường xuyên xuất hiện trên những tờ báo lá cải.”

Elliot nhìn mẹ tôi, rồi quay lại nhìn tôi. Với một vẻ gì đó lấp lánh trong cặp mắt mình, ông nói: “Carolyn, nói một cách rành mạch, đó cũng là bài diễn văn ta nghe được từ mẹ cháu. Ta có thể hứa với cháu điều này: Ta thà nói với các khách hàng đáng kính của mình hãy xéo đi trước khi ta từ bỏ dù chỉ một ngày được ở bên cạnh mẹ cháu.”

Chúng tôi dùng cơm tối ở một trong những phòng ăn riêng. Đó là một buổi kỷ niệm với tầm cỡ nhỏ. Tôi đồng ý với kế hoạch của họ rằng họ sẽ lấy nhau càng sớm và càng thầm lặng càng tốt. Tôi lái xe về nhà chiều hôm ấy và cảm thấy tốt hơn nhiều về mẹ, nhưng cũng vẫn có một cảm giác kỳ lạ rằng Mack đang cố gắng tiếp cận tôi. Tôi hầu như cảm nhận được sự hiện diện của anh ấy trong xe hơi. Tại sao thế nhỉ?

Một lần nữa, chẳng thấy dấu hiệu gì của giới truyền thông ở Sutton Place. Tôi đi ngủ và nghe tin tức lúc mười một giờ. Đoạn băng ghi hình có một phần lời phát biểu của tôi với giới truyền thông được trình chiếu, và tôi nói với giọng nghe thật đỉnh tai nhức óc và đầy vẻ phòng vệ. Giờ đây thông tin đã rò rỉ hay được phép rò rỉ ra ngoài, rằng Leeseey đã nêu tên Mack như kẻ bắt cóc cô ấy.

Tôi tắt tivi. Tình yêu hay tiền bạc. Tôi suy nghĩ và nhắm mắt lại. Đó là điều Lucas Reeves nói là nguyên nhân cho đa phần các tội ác. Tình yêu hay tiền bạc. Hoặc *tình trạng không có tình yêu*, như trong trường hợp của Mack.

Vào lúc ba giờ sáng, tôi nghe thấy tiếng ù ù trong máy điện thoại nội bộ. Tôi bước ra khỏi giường và chạy ào xuống lầu để nhận điện. Đó là người chạy việc vặt. “Tôi xin lỗi, thưa cô MacKenzie,” anh nói: “Nhưng có ai đó vừa trao một lá thư ngắn cho người gác cổng và nói rằng đây là vấn đề sống còn mà cô phải có nó ngay lập tức.”

Anh ta ngần ngừ, rồi nói tiếp: “Với tất cả mọi điều ai cũng biết, đây có thể là ý tưởng đùa cợt khủng khiếp của một kẻ nào đó, nhưng...”

“Đưa nó lên đi.” Tôi ngắt lời anh ta.

Tôi đứng ngay cửa chờ cho đến lúc Manuel đi xuôi theo hành lang và trao cho tôi một phong bì màu trắng trơn. Lá thư ngắn nằm trong đó được viết trên giấy trơn.

Nội dung là: “Carolyn, ta gửi lá thư này qua người đưa thư bởi vì điện thoại của cháu bị nghe lén. Mack vừa gọi cho ta. Cậu ấy muốn gặp cả hai chúng ta. Cậu ấy đang chờ ở góc đường số 104 và Riverside. Gặp nhau ở đó nhé. Elliot.”

“Hắn kia rồi,” Barrott kêu lên, “Trên con đường phía trước mặt Wooshed trong đêm Leeseey biến mất dạng. Nếu các anh nhìn từ góc quay máy camera an ninh chụp hắn, hắn có thể nhìn thấy cái bàn của DeMarco. Và hắn lại ở đằng kia kìa, trong cùng một khung hình như DeMarco, đang quan sát Leeseey khi cô ấy tạo dáng cho người bạn cùng phòng chụp.”

Được người bảo vệ tháp tùng; người này đã được cho phép đưa họ vào trong, cả bọn đang có mặt trong văn phòng của Lucas Reeves. Họ đã nghiên cứu hàng trăm tấm hình được dựng trên các bức tường, cho đến khi họ có thể chỉ ra khuôn mặt họ đang tìm kiếm.

“Đây là một tấm nữa trông giống hắn ta, nhưng mái tóc để ngắn hơn,” Gaylor nói, nét kích động có thể nhận thấy dễ dàng trong giọng nói của ông.

Lúc đó là mười giờ ba mươi. Biết rằng họ sẽ còn phải có một đêm dài trước mặt, cả bọn vội vã quay về văn phòng để bắt đầu xử lý các thông tin về kẻ có nhiều khả năng bị tình nghi hơn.

Lucas Reeves không ngủ ngon đêm thứ tư. “Tình yêu hay tiền bạc” là nhóm từ cứ chạy quanh đầu ông theo kiểu bóng trâm. Vào lúc sáu giờ sáng, khi ông thức giấc, câu hỏi vẫn đang lẩn tránh ông bất thành linh bật ra trong đầu ông. Ai sẽ quan tâm hơn việc làm cho một con người đã chết dường như vẫn còn sống sót?

Tình yêu hay tiền bạc.

Tiền bạc, dĩ nhiên rồi. Nó đang bắt đầu rơi vào đúng chỗ như những miếng câu đố. Như thế thì đơn giản đến mức độ phi lý, nếu ông ấy đúng. Lucas, một người khét tiếng luôn thức dậy sớm, chẳng bận lòng việc đánh thức người khác khi ông cần có câu trả lời cho một câu hỏi. Lần này, may mắn, người cố vấn của ông, một luật sư địa ốc nổi tiếng, cũng là một người thức dậy sớm.

“Có thể nào một quỹ thừa kế bị phá sản không, hoặc nó luôn bất khả xâm phạm?” Lucas đột ngột hỏi.

“Chúng không dễ dàng bị phá sản bằng bất kỳ phương tiện gì, nhưng nếu có một lý do chính đáng và có hiệu lực để nhúng tay vào nó, thì người điều hành quỹ sẽ thường phải gánh chịu trách nhiệm.”

“Đó là điều tôi nghĩ. Tôi sẽ không làm phiền anh thêm nữa đâu. Cảm ơn anh, người bạn của tôi ạ.”

“Bất cứ khi nào, Lucas. Nhưng không trước bảy giờ lần tới nhé, được chứ? Tôi thức dậy sớm, nhưng vợ tôi vẫn thích ngủ đây.”

Tôi mặc quần tây, chuôi chân vào đôi sandal, túm lấy cái áo mưa dài để che kín phần áo ngủ bên trên của tôi, và chạy vội ra chỗ thang máy, dúm lá thư ngẩn đó vào trong cái túi đeo vai của tôi khi tôi chạy ào xuôi theo hành lang. Trong khi tôi vội vã đi gặp Mack trước khi anh ấy đổi ý về việc muốn gặp mặt tôi, tôi quên mất là garage đã đóng cửa lúc ba giờ sáng. Manuel nhắc tôi về điều đó khi tôi yêu cầu nhấn nút thang máy xuống tầng garage.

Tôi đã làm điều duy nhất có thể làm - bước ra ngoài, đi vào phố, và điên cuồng nhìn quanh để vẫy một chiếc taxi. Chẳng có chiếc nào trên đường Sutton Place cả, nhưng khi tôi quẹo lên đường số Năm Mười Bảy tôi trông thấy một trong những chiếc xe chạy trong phố của dân gypsy đang đi đến. Tôi hẳn có vẻ bên ngoài rất hoang dại đối với ông ta khi tôi vẫy bằng cả hai tay để làm cho ông ta nhìn thấy tôi, và rồi ông ta đã dừng lại. Tôi bước lên, và ông ta quẹo chữ u đi về phía tây.

Khi chúng tôi đến góc đường số 104 và Riverside, chẳng có ai ở đó, tôi trả tiền taxi và bước ra khỏi xe xuống đường. Rồi tôi chú ý thấy có chiếc xe van đậu xuôi theo dãy phố, và mặc dầu ánh đèn đã tắt, tôi có linh cảm rằng Elliot và Mack có thể ở trong đó. Tôi đi gần lại hơn để nhìn rõ hơn và giả vờ như đang lục tìm chìa khóa, như thể tôi đang đi đến gần tòa nhà chung cư. Khi băng qua đường, tôi có thể trông thấy một công trường xây dựng lớn kề bên tòa nhà ở trọ trong thành phố đã cũ ngay ở góc đường.

Thế rồi một người đàn ông bước ra khỏi lối đi tối đen của tòa nhà kế bên. Trong khoảnh khắc tôi tưởng đó là Elliot, nhưng rồi tôi có thể nhìn thấy hẳn ta còn trẻ hơn nhiều, một kẻ nào đó có khuôn mặt quen thuộc. Tôi nhận ra hẳn là người đại diện cho chủ nhân của tòa nhà chung cư nơi Mack ở. Tôi đã gặp hẳn lần đầu tiên khi tôi ghé qua nhà gia đình Kramer, và hẳn đã nói chuyện với tôi vào ngày thứ hai sau khi tôi rời căn hộ của họ đầy những giọt nước mắt.

Hắn đang làm cái quái gì ở đây lúc này vậy nhỉ, tôi tự hỏi mình, và Elliot ở đâu rồi?

“Cô MacKenzie,” hẳn vội vã nói. “Tôi không biết cô còn nhớ tôi không. Tôi là Howard Altman đây mà.”

“Tôi nhớ ông. Ông Wallace đang ở đâu?”

“Ông ấy đang có mặt cùng với một gã nào đó mà tôi thấy đang đóng ở chỗ đó. Ông Olsen là chủ của nơi này. Thỉnh thoảng tôi ghé qua kiểm tra nó, mặc dầu giờ đây nó đã bị đóng cửa.” Hẳn đang gật đầu về hướng tòa nhà ở trọ nằm ở góc đường. “Cái gã tôi tìm thấy đã đưa tôi năm mươi đô nếu tôi viết một lời nhắn cho cô và giao nó cho cô.”

“Họ đang ở bên trong tòa nhà đó à? Người đàn ông kia trông ra sao?”

“Hắn khoảng ba mươi, tôi cho là như thế. Hắn bắt đầu kêu lên khi ông Wallace bước vào. Cả hai người đều làm thế.”

Mack đang ở đó, cố gắng ẩn mình trong đám tàn tích đổ vụn. Tôi đi theo Howard Altman băng qua đường và đi dọc theo hàng rào công trường đến cửa sau của ngôi nhà. Hẳn ta mở nó ra và chỉ tay cho tôi vào, nhưng khi tôi nhìn vào bên trong tối đen, tôi hoảng hốt và bước lùi lại. Tôi biết có điều gì đó không đúng rồi. “Hãy yêu cầu ông Wallace ra ngoài này.” Tôi nói với Howard.

Câu trả lời của hẳn là túm ngay lấy tôi và kéo tôi vào bên trong ngôi nhà. Tôi quá sững sờ đến mức không cưỡng lại được. Hẳn giật mạnh cho cánh cửa đóng lại sau lưng, và trước khi tôi có

thể gào thét lên hay chiến đấu để tự giải thoát mình thì hắn đã đẩy tôi ngã xuống các bậc cầu thang. Một nơi nào đó theo chiều đi xuống, tôi đập bốp đầu xuống đất bất tỉnh. Tôi không biết mất đến bao lâu trước khi mở mắt ra. Chung quanh chỉ là bóng đen như mực. Bầu không khí tôi đang thở hôi tanh không chịu nổi.

Mặt tôi đóng đầy máu. Đầu tôi nhức như búa bổ và có điều gì đó không đúng đã xảy ra với chân phải của tôi. Nó bị gấp lại dưới thân mình tôi và nhoi nhói đau.

Rồi tôi cảm thấy có vật gì đó đang chuyển động bên cạnh tôi, và một giọng nói thì thào, rên rỉ. “Nước, xin cho tôi nước.”

Tôi cố dịch chuyển mà không thể làm được. Tôi biết chân tôi đã bị gãy rồi. Tôi chỉ làm được điều duy nhất mà tôi nghĩ có thể làm được. Tôi dấp một ngón tay vào miệng, rồi dò dẫm trong bóng tối cho đến khi tôi có thể tìm ra cặp môi nứt nẻ của Leeseey Andrews.

Với chứng thấp khớp ngày càng tăng, Derek Olsen thường thức giấc lúc nửa đêm, đau nhói nhói ở hai bên hông và đầu gối. Vào đêm thứ Tư, khi những khớp xương đau nhức của lão làm cho lão thức giấc, lão không thể ngủ lại được. Cú gọi điện thoại từ cảnh sát về đứa cháu trai Steve của lão hiển nhiên có nghĩa là nó lại đang gặp kiểu rắc rối nào đó rồi. Quá nhiều đối với năm mươi ngàn mà ta sẽ để lại cho nó, Olsen nghĩ thế. Lão có thể bỏ qua điều đó quá đi chứ!

Một điểm sáng đó là chỉ sau vài tiếng nữa lão sẽ có niềm vui được trông thấy quả banh phát lệnh công phá để đập tan tòa nhà dưới phố cũ kỹ, đổ nát đó thành những mảnh vụn. Mỗi mảnh vụn bay lên không khí đại diện cho tiền mà ta có được trong việc thỏa thuận, lão suy nghĩ đầy vẻ thỏa mãn. Ta sẽ không đặt nó qua tay Doug Twining để chính hắn sẽ điều hành vụ đầu cơ. Đó là lý do hắn nổi khùng biết bao khi phải trả cho ta quá nhiều.

Ý nghĩ thật thích thú khiến lão cảm thấy thoải mái tới mức một lúc nào đó trước buổi bình minh lão ngủ thiếp thật sâu vào kéo dài đến tận tám giờ sáng một cách bình thường. Nhưng vào sáng thứ năm, điện thoại của lão reo vang lúc sáu giờ. Đó là thám tử Barrott, ông muốn biết Howard Altman đang ở đâu. Hắn đã không trở về căn hộ của hắn suốt cả đêm.

“Tôi có phải người giữ trẻ của hắn không nhỉ?” Olsen cau kính hặc sặc. “Ông đánh thức tôi dậy để hỏi tôi việc hắn ở đâu thôi à? Làm sao tôi biết được? Tôi đâu có xã giao với hắn. Hắn làm việc cho tôi mà.”

“Howard lái loại xe nào vậy?” Barrott hỏi.

“Khi hắn lái cho tôi, hắn lái chiếc SUV của tôi. Tôi không nghĩ hắn có xe riêng. Tôi không bận tâm.”

“Hắn có bao giờ lấy chiếc SUV của ông vào buổi chiều tối không?”

“Tôi làm sao biết được điều đó. Nhưng tốt hơn là hắn không được làm thế. Đó là một chiếc Mercedes đấy.”

“Nó màu gì?”

“Màu đen. Ở tuổi tôi, ông nghĩ tôi muốn một cái màu đỏ ư?”

“Ông Olsen, chúng tôi thực sự cần nói chuyện về Howard,” Barrott nói. “Ông biết gì về cuộc sống riêng của hắn không?”

“Tôi chẳng biết gì cả. Tôi muốn chẳng biết gì. Hắn làm việc cho tôi gần mười năm. Hắn đã làm tốt công việc.” “Ông có kiểm tra những giấy chứng nhận, tham khảo khi ông thuê mướn hắn không?”

“Hắn được nguồn giới thiệu không chê vào đâu được, cố vấn tài chính của tôi, Elliot Wallace.”

“Cám ơn ông, ông Olsen. Chúc ông một ngày tốt lành.”

“Ông đã làm hỏng gần hết ngày này của tôi rồi. Tôi sẽ bị mệt cả ngày.” Derek Olsen ném mạnh cái ống nghe xuống. Nhưng không phải cả ngày, lão nghĩ khi hình dung quả banh phát lệnh công phá đập vào điểm đen con heo đất tiết kiệm của lão.

Ở đầu dây bên kia, Barrott, không thể che giấu nỗi hân hoan, nói: “Elliot Wallace đã tiến cử hẳn cho công việc đó.”

“Nó gắn kết với giả thuyết của Lucas Reeves.” Aheam đồng ý. “Nhưng chúng ta phải làm mọi việc thật nhẹ nhàng. Wallace là một nhân vật lớn trên phố Wall đấy.”

“Vâng, nhưng hẳn sẽ không phải là người điều hành đầu tiên nhúng tay vào các quỹ của khách hàng hẳn, nếu đó là cách sự việc diễn ra,” Barrott nói. “Có bất kỳ kết quả nào về dấu vân tay không?”

“Chưa có. Chúng tôi không thể chắc những cái chúng ta lấy được từ cửa bên ngoài căn hộ của Howard thực sự là của hẳn, nhưng dấu sao chúng tôi cũng vẫn đang gạn lọc chúng. Tôi thề rằng gã đó có một hồ sơ trước kia.” Gaylor nói.

Barrott kiểm tra đồng hồ của mình. “Bảo vệ ở tòa nhà của Wallace nói thông thường hẳn thức dậy lúc tám giờ ba mươi. Chúng ta sẽ chờ hẳn.”

Một lần nữa, Carolyn lại không trả lời điện thoại di động của cô. Nick đã gọi cho cô lúc tám giờ sáng thứ năm với ý tưởng sẽ đưa cô ra ngoài ăn sáng. Anh muốn gặp cô. *Tôi cần* trông thấy em, anh nghĩ. Trong bản tin cuối cùng, anh đã ngắm nhìn đoạn băng ghi hình cô trên truyền hình, nồng nhiệt bảo vệ Mack.

Anh muốn biết cô đã thực hiện chuyến thăm mẹ cô như thế nào. Anh biết cô đã cảm thấy bị thương tổn ra sao vì mẹ cô đã từ chối gặp cô.

Ít ra thì điện thoại của cô cũng mở. Nó đang đổ chuông. Nó đã bị tắt trưa thứ hai và cả ngày thứ ba. Một cảm giác dày vò rằng có điều gì đó không đúng khiến Nick quyết định ghé qua Sutton Place, và kiểm tra cho chắc rằng cô ấy có ở nhà.

Người canh cửa buổi sáng chỉ vừa mới đến nhận nhiệm vụ. “Tôi không biết cô ấy đã quay trở về chưa,” cậu ta nói khi Nick hỏi về Carolyn. “Theo như tôi hiểu thì cô ấy có một lời nhắn khẩn cấp vào khoảng ba giờ sáng và vội vã đi ra ngoài. Có ai đó đã trao lá thư ngắn cho người gác cửa của cô ấy nói rằng đó là một vấn đề sống chết. Tôi hy vọng mọi việc sẽ ổn thôi.”

Mọi việc *không* ổn chút nào. Nick điên cuồng nghĩ. Anh bắt đầu gọi số điện thoại giờ đây đã trở thành quen thuộc của thám tử Barrott.

“Cám ơn ông vì đã gặp chúng tôi, ông Wallace.” Barrott lịch sự nói.

“Điều đó được thôi. Có tin tức gì về Mack không?” Elliot hỏi.

“Không, tôi e rằng không, nhưng chúng tôi có vài vấn đề ông có thể giúp chúng tôi làm rõ.”

“Dĩ nhiên rồi.” Ông đưa tay ra hiệu cho những thám tử ngồi xuống.

“Ông biết Howard Altman chứ?”

“Vâng, tôi biết. Anh ta là nhân viên của khách hàng Derek Olsen của tôi.”

“Không phải là ông đã thực sự tiến cử Altman với ông Olsen cách đây mười năm sao?”

“Tôi tin mình đã làm điều đó.”

“Bằng cách nào ông đã ngẫu nhiên biết được ông Altman?”

“Tôi không thực sự nhớ chắc lắm. Nhưng nếu tôi nhớ lại thì một người khách hàng trước đây đã bán một bất động sản nào đó và muốn tìm cho anh ta một việc làm khác.” vẻ mặt của Elliot trống rỗng.

“Người khách hàng đó là ai vậy?”

“Tôi thậm chí không chắc là mình có thể nhớ được. Tôi đã giao dịch rất ngắn ngủi với ông ta. Nhưng đó là một trong những điều trùng hợp. Olsen đã đến và đề cập rằng ông ấy đang có một thời khoảng khủng hoảng cần sự giúp đỡ hữu hiệu và tôi đã đưa tên của Altman cho ông ấy.”

“Tôi hiểu. Chúng tôi chắc chắn cảm kích nếu có được tên của người khách hàng đấy, và tôi chắc rằng ông cũng muốn tìm ra ông ấy. Altman có thể là một kẻ bị tình nghi trong vụ bắt cóc Leeseey Andrews, dĩ nhiên điều này làm trong sạch tên tuổi của Mack MacKenzie.”

“Bất kỳ điều gì làm trong sạch tên tuổi của Mack sẽ là vô giá đối với tôi.” Elliot bảo Barrott, giọng ông run lên đầy cảm xúc.

Barrott chăm chú nhìn ông, trong bộ đồ lớn may ở tiệm tuyệt đẹp, cái áo sơ mi màu trắng bảnh bao, cái cà vạt màu đỏ và xanh da trời đẹp đẽ. Ông chăm chú ngắm khi Wallace gỡ cặp mắt kiếng ra, cúi nó, rồi lại đeo nó vào. Có điều gì về gã này mà ta đang nhìn thấy nhỉ, ông tự hỏi mình. Đó là cặp mắt và cái trán. Chúng trông thật quen thuộc. Rồi ông tự hỏi: *Điều đó có thể được không? Lạ Chúa tôi, hẳn trông giống Altman.* Ông ra hiệu cho Gaylor thay phiên chất vấn.

“Ông Wallace, ông thực sự là người điều hành bất động sản của MacKenzie chứ?”

“Tôi chính là người điều hành tất cả các quỹ ủy thác của gia đình MacKenzie.”

“Người điều hành độc quyền à?”

“Vâng.”

“Những điều khoản của quỹ ủy thác của Mack là gì?”

“Nó được ông của cậu ấy thiết lập. Cậu ấy sẽ không nhận được lợi tức của nó cho đến khi cậu ấy đến tuổi bốn mươi.”

“Trong thời gian đó, dĩ nhiên, nó vẫn tiếp tục tăng trưởng.”

“Chắc chắn rồi. Nó đã được đầu tư một cách cẩn thận.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Mack chết?”

“Quỹ ủy thác đó sẽ thuộc về con cái của cậu ấy, và nếu cậu ấy không có con, thì nó sẽ thuộc về em gái của cậu ấy, Carolyn.”

“Mack có thể yêu cầu có một khoản tạm ứng trong quỹ của anh ta mà vì điều đó, ông với tư cách là một người điều hành thấy rằng có lý do đáng tin cậy không?”

“Nó phải đáng tin cậy cực kỳ. Ông cậu ấy không muốn có những kẻ thừa kế chơi bời.”

“Thế còn thực tế rằng anh ta sắp sửa lập gia đình; rằng người vợ tương lai của anh ta đang mang thai đứa con của anh; rằng anh không còn muốn cha mẹ mình phải trả tiền cho cách anh sống nữa; rằng anh muốn chính mình thu xếp việc vào học đại học và muốn trả tiền cho vợ anh đi học trường y thì sao? Phải chăng tất cả những điều đó đều là lý do đúng và đủ để rút tiền ra từ quỹ ủy thác?”

“Có thể, nhưng tình huống đó đã không xảy ra.” Elliot Wallace đứng lên. “Như các anh có thể hiểu, tôi có lịch làm việc bận rộn và -”

Điện thoại di động của Barrott vang lên. Đó là DeMarco. Barrott lắng nghe, quyết định giữ một vẻ nhìn bề ngoài bí hiểm trên khuôn mặt. Carolyn MacKenzie đã mất tích. Một nạn nhân mới, ông nghĩ.

Wallace, đang giơ một cánh tay lên, cố gắng tiễn họ ra khỏi văn phòng ông. Lucas Reeves đã đứng, Barrott nghĩ. Mọi chuyện đều khớp vào đúng chỗ. Ông quyết định bẫy Wallace với thông tin giả.

“Không quá nhanh như vậy đâu ông Wallace,” ông nói. “Chúng tôi sẽ không đi đâu hết. Chúng tôi đã bắt giữ Howard Altman. Hắn đang khoác lác về những vụ bắt cóc. Hắn đang khoác lác về việc đang làm cho ông.” Ông ngừng lại một chút. “Ông đã không nói với chúng tôi rằng ông có liên hệ họ hàng với hắn.”

Sau cùng, vẻ bề ngoài điềm tĩnh của Elliot đã cho thấy có dấu hiệu căng thẳng. “Ồ, Howie tội nghiệp,” ông ta thở dài. Với một tay dựa trên bàn làm việc, và tay kia đưa vào trong ngăn kéo trên cùng. “Dĩ nhiên là hắn hoàn toàn bị chứng hoang tưởng rồi.”

“Không, hắn không bị hoang tưởng.” Barrott cắt ngang.

Elliot Wallace lại thở dài. “Đứa cháu trai thần kinh không ổn định của ta đã hứa sẽ chết theo kiểu cách khiến người khác phải nín thở và đem cả Carolyn lẫn Leesey theo cùng với hắn. Hắn thậm chí chẳng thể xử lý điều đó tốt được nữa.”

Với một cử động nhanh chóng, dứt khoát, Elliot Wallace rút ra từ ngăn kéo bàn giấy một khẩu súng lục và hướng nó vào trước trán hắn. “Như người bà con Franklin sẽ làm điều này. Những người Mỹ đồng hương của tôi ơi, xin vĩnh biệt.” Hắn nói, và kéo cò súng.

Larry Ahearn đang ở trong phòng tổ công tác khi cuộc gọi đến từ Barrott. “Larry, chúng ta đã đúng về Wallace. Hắn vừa mới bắn bay óc ra ngoài xong. Trước khi làm điều đó, hắn nói với chúng tôi rằng Altman là cháu trai của hắn. Hắn nói rằng Altman đang có Carolyn và Leeseey và gã này sẽ giết họ rồi tự tử luôn. Nhưng hắn lại không nói với chúng tôi họ đang ở đâu.”

Với sự trầm tĩnh lạnh băng, Ahearn tiếp thu những thông tin gây sốc ấy. “Kể từ vài giờ qua, không một dấu vết nào chúng ta nhận được trong những cú phone đó dẫn chúng ta đi đến bất kỳ điều gì.” Anh nói. “Hoặc là các máy điện thoại bị tắt hoặc là chúng đang ở trong vùng mà chúng ta không nhận được tín hiệu. Còn Altman thì sao? Hắn phải có một cái điện thoại di động. Tôi sẽ gọi cho chủ của hắn, Olsen, trên đường dây khác. Thôi chờ vậy nhé.”

Derek Olsen, với chiếc ghế xếp trong tay, sắp sửa ra ngoài, đi bộ xuống khu phố để nhìn trái banh công phá hủy hoại căn nhà dưới phố cũ kỹ của lão. Bực bội vì cú phone thứ nhì từ các thám tử, lão thậm chí càng bực mình hơn vì lý do có cú phone đó. “Chắc chắn Howie có điện thoại di động. Ài mà không có? Chắc chắn ta biết số của hắn. Đó là 917-555-6262. Nhưng ta nói với các người điều này. Đó chính là cái ta trả tiền. Ta nhận hóa đơn thanh toán. Ta quan sát nó như chim diều hâu quan sát con mồi. Chỉ dành cho công việc thôi. Ta đoán hắn còn có một cái nữa. Làm sao ta có thể biết được chứ? Ta đang trên đường đi ra ngoài xem một sự kiện đầy kích động. Tạm biệt nhé.”

Khi Barrott đang chờ trên đường dây để Ahearn kiểm tra với Olsen, thám tử Gaylor nhanh chóng di chuyển để xiết chặt an ninh trong khu nhà. Với một tay, ông khóa cửa văn phòng của Wallace lại và với tay kia, quay số 911 trên chiếc điện thoại di động của ông.

Rồi ông nghe Barrott đập tan niềm hy vọng của ông khi anh ấy phản ứng lại điều Ahearn đang nói với anh ấy. “Số của chiếc điện thoại di động dành cho công việc mà Olsen đưa cho anh dành cho Altman đã khóa máy! Nhưng chờ cho một phút. Dầu sao Wallace hắn là chẳng bao giờ đủ ngốc nghếch để gọi Altman trên đường dây đó. Phải còn có một số khác mà hắn thường sử dụng để tiếp cận gã này. Chờ một chút, Larry.”

Bằng hai sải chân, Barrott băng qua căn phòng và quỳ gối bên cạnh thi thể Wallace, lục soát khắp các túi của hắn. “Nó đây rồi!” Ông rút mạnh ra một chiếc điện thoại di động loại tối tân nhỏ, mở nó ra và cuộn màn hình tới phần chỉ dẫn. Hắn phải có nó ở đó, ông nghĩ thế khi phát hiện ra các chữ tat “H.A.”. Ông nhấn số 5 rồi sau đó là nút gửi đi, và thở một chút để cầu nguyện, giữ chiếc điện thoại sát tai mình.

Nó đổ chuông hai hồi và sau đó có câu trả lời. “Chú Elliot”, một giọng nói có âm vực cao đầy cáu kỉnh: “Chúng ta đã thực sự chào tạm biệt nhau tối qua rồi. Cháu không muốn nói chuyện nữa đâu. Chỉ còn lại vài phút thôi.”

Đường dây kết nối bị ngắt. Trong vòng vài giây, Barrott quay trở lại với chiếc điện thoại của mình, đưa số của Howard Altman cho Ahearn, lúc này đang điên cuồng chờ chuyển nó cho những kỹ thuật viên điện thoại để truy tìm định vị số điện thoại đó.

Hắn đi xuống tầng hầm ba lần trong suốt cái đêm dài lê thê đó. Khi tôi nằm kế bên Leeseey trên sàn nhà dơ dáy, lạnh lẽo và ẩm ướt, cơn đau rung chuyển từ cái chân tôi, khuôn mặt tôi đóng cứng ngắc lớp vẩy máu khô, các ngón tay của tôi quắp lấy những ngón tay của Leeseey, hắn cứ la hét, cười phá lên rồi rên rỉ và gào gừ. Tôi kinh khiếp âm thanh những bước chân trên các bậc cầu thang, không biết có phải đã đến lúc hắn quyết định giết chết chúng tôi chưa.

“Còn nhớ Tên giết người Zodiac không?” Hấn nức nở lần thứ nhất khi đi xuống. “Lão không muốn tiếp tục nữa. Ta cũng không. Lão viết thư cho một tờ báo mà lão biết có thể truy tìm ra lão. Ta cũng viết một cái, nhưng ta đã xé nát nó ra. Ta bị hành hạ ghê gớm, nhưng ta chẳng muốn vào tù. Vụ cô gái đầu tiên xảy ra khi ta mới mười sáu tuổi. Ta đã để vụ đó lại sau lưng ta. Rồi nó lại xảy ra. Ta là kẻ chăm sóc cho gia sản đó, và con gái của lão quản gia quá xinh xắn. Khi người ta phát hiện ra tử thi cô gái ấy, họ đã ngờ vực ta. Mẹ ta bèn gửi ta đến New York để ở cùng với người anh trai yêu quý của bà, cậu ta, Elliot Wallace...”

Elliot Wallace! Bác Elliot Wallace! Nhưng đó là điều không thể được, tôi nghĩ, không thể như thế.

Tôi cảm thấy hơi thở của hấn trên gò má mình. “Cô không tin ta, phải không? Cô phải tin đấy. Mẹ ta bảo với lão ấy rằng lão phải giúp đỡ ta hoặc nếu không bà ấy sẽ bóc trần sự gian trá của lão. Nhưng ngay cả trước khi ta gặp lão ấy, thì nó lại đã xảy ra rồi, ngay sau khi ta đến New York, cô gái thứ nhất trong cái hộp đêm đó. Ta vác thi thể cô ta ném xuống sông. Thế rồi ta gặp cậu Elliot, và ta kể cho lão ấy nghe và nói rằng ta hối hận, và rằng lão phải thu xếp cho ta có công việc hoặc ta sẽ đi đến đồn cảnh sát và tự nộp mình rồi kể cho báo chí nghe rằng lão là đồ giả mạo.”

Giọng Altman trở nên châm biếm. “Dĩ *nhiên*, lão nói sẽ tìm ra một công việc cho ta.” Cặp môi hấn chạm vào trán tôi. “Giờ thì cô tin ta rồi chứ, Carolyn?”

Hơi thở của Leeseey trở thành tiếng rên rĩ yếu ớt, đầy vẻ kinh sợ. Tôi xiết chặt tay cô. “Tôi tin anh.” Tôi nói. “Tôi biết anh đang kể sự thực.”

“Cô có biết rằng ta đang hối hận không?”

“Có, có. Tôi biết điều đó.”

“Thế thì tốt.”

Ở đây tối quá nên tôi không thể trông thấy hấn nhưng vẫn cảm nhận rằng hấn đã rời khỏi chúng tôi. Rồi tôi lại nghe thấy tiếng hấn đi lên cầu thang. Sẽ còn bao lâu nữa trước khi hấn quay trở lại nhỉ? Tôi điên cuồng tự hỏi mình. Tôi đã quá ngốc nghếch. Chẳng ai biết tôi đi đâu. Có lẽ đã nhiều giờ trước khi có ai đi tìm tôi. Nick, tôi nghĩ, Nick ơi, hãy lo lắng. Hãy biết rằng có điều gì đó sai lầm rồi. Hãy đi tìm em. Hãy đi tìm chúng em.

Tôi nghĩ khoảng hai tiếng đồng hồ đã trôi qua, rồi tôi gào thét lên. Hấn quá nhẹ nhàng đến nỗi tôi chẳng nghe thấy hấn quay trở lại rồi. Tay hấn bịt kín miệng tôi.

“Chẳng ích gì mà kêu gào lên đâu, Carolyn.” Hấn nói. “Leeseey đã kêu gào hồi đầu. Ta đã đi xuống đây và bảo với cô ta về tấm hình cô ta có đăng trên báo chí. Cô ta đã không muốn thu bằng những lời nhảm cho cha cô ta, nhưng ta bảo cô ta rằng nếu làm thế, ta có thể thả cô ta ra. Nhưng ta đâu có ý định đó. Giờ đây đừng có mà gào thét lên nữa. Nếu cô làm, ta sẽ giết cô đấy.”

Hấn lại bỏ đi. Tim tôi đập thành thịch. Chân tôi đau đến mức không chịu nổi. Liệu Lucas Reeves hay thám tử Barrott có cố tìm cách liên lạc với tôi không nhỉ? Liệu họ và Nick có nhận ra rằng có điều gì đó sai lầm rồi không?

Lần cuối hấn quay lại, tôi có cảm giác rằng trời đã sáng. Tôi có thể nhìn thấy bóng của hấn trên cầu thang. “Ta sẽ chẳng bao giờ còn phạm một tội ác nào khác nữa, Carolyn ạ.” Hấn nói. “Ta thực sự thích thú công việc quản lý các tòa nhà, và ta yêu những người bạn ta quen trên Internet. Ta vẫn nghĩ ta có thể dừng lại. Ta thực sự đã cố gắng. Thế rồi cậu Elliot lại nói *bây giờ* ta mắc nợ ông ấy một ân huệ. Ông ấy cần ta giữ bảo anh trai cô. Mack đã tìm đến Elliot. Cậu ta

muốn lấy vợ và trả tiền cho việc đi học của cậu và cả của cô vợ nữa. Nhưng cậu Elliot đã bòn rút hầu hết tiền bạc trong các khoản thu nhập từ cả hai quỹ ủy thác của các người. Ông ta đầu tư hàng tấn tiền vào một khoản nào đó mà giờ đây đã tan thành mây khói. Ông cố gắng dẹp bỏ Mack, nhưng ông hiểu rằng Mack đã nghi ngờ. Ta phải giết cậu ấy thôi.”

Ta phải giết cậu ấy thôi. Ta phải giết cậu ấy thôi. Mack đã chết, tôi cay đắng nghĩ thế. Bọn chúng đã giết chết anh ấy rồi.

“Elliot phải để cho mọi người nghĩ là Mack vẫn còn sống để các quỹ ủy thác không bị kiểm tra. Ta buộc Mack nói những lời mà cô đã nghe thấy trong cú phone vào Ngày của Mẹ trước khi ta bắn cậu ấy. Thế rồi một năm sau đó Elliot lại buộc ta phải giết người giáo viên và ăn cắp những cuộn băng mà bà ấy có từ Mack để ông ta có thể ngụy tạo ra những cuộc gọi mới vào Ngày của Mẹ. Elliot là một thiên tài kỹ thuật. Trong nhiều năm ông đã hòa trộn những điều Mack nói trong những cuộn băng đó thành các cuộc gọi khác. Anh trai của cô đã được chôn ngay tại đây với những cô gái khác. Nhìn này, Carolyn.”

Hắn chìa tia đèn pin mỏng mảnh qua lại sàn tầng hầm. Tôi ngẩng đầu lên.

“Hãy nhìn những đường chéo ở đâu đó chứ? Anh trai cô và những gái khác đã được chôn ở đó kề cận nhau.”

Mack đã chết trong suốt những năm tháng này mà chúng tôi vẫn cứ hy vọng và cầu nguyện cho anh ấy quay trở về với chúng tôi. Thực tế việc Mack đã bị chôn ở đây trong cái tầng hầm dơ dáy và khốn khổ này khiến lòng tôi tràn ngập nỗi thống khổ không sao ngăn được. Không hiểu sao tôi đã luôn tin rằng mình sẽ tìm ra anh ấy. Mack. Mack. Mack.

Altman đang phá lên cười, cái âm thanh chát chúa, chói chang. “Chắc chắn là Elliot đã được sanh ra ở nước Anh. Mẹ cậu ấy đến từ Kansas. Bà là cô hầu gái cho một gia đình người Mỹ chuyển đến nước Anh. Bà đã có thai ở Luân Đôn và được gửi về nhà sau khi đứa bé chào đời. Bà đã giúp cậu ấy ngụy tạo tất cả những câu chuyện về việc là thân nhân của Tổng Thống Roosevelt. Họ cùng nhau ngụy tạo ra những điều đó. Bà giúp cậu ấy có được cách nhấn trọng âm theo kiểu Anh Quốc đầy vẻ phô phang ấy. Cậu ấy rất giỏi trong việc bắt chước các kiểu giọng nói. Ba năm cuối cùng thậm chí chính cậu ấy còn làm ra giọng của Mack cơ đấy. Cậu ấy biết cô đã so sánh giọng thực của Mack với các cuốn phim ở nhà. Có phải cô đã bị cậu ấy biến thành kẻ ngốc không nào?”

Giọng Altman càng lúc càng chát chúa hơn. “Chúng ta chỉ còn mười lăm phút nữa trước khi việc đó kết thúc. Họ sắp sửa giật sập tòa nhà này. Nhưng ta muốn bảo cho cô biết. Ta đã để lá thư ngắn đó trong cái rổ đựng đồ quỳên góp đấy. Cậu Elliot lo lắng rằng cô sẽ bắt đầu việc tìm kiếm Mack. Elliot đã bảo ta để nó ở đó. Lil Kramer trông thấy ta ở nhà thờ. Ta thấy bà nhìn ta hai lần. Nhưng rồi bà cho rằng ta là Mack vì cô đã bảo với bà là cậu ta có mặt ở buổi lễ Misa đó. Vĩnh biệt, Carolyn. Vĩnh biệt Leeseey.”

Lần cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng bước chân hắn thoái lui. Mười lăm phút. Tòa nhà này sắp sửa bị giật sập trong mười lăm phút nữa. *Mình sắp sửa chết, tôi nghĩ thế, và mẹ sắp sửa lấy Elliot...*

Leeseey đang run rẩy. Tôi chắc rằng cô hiểu điều hắn nói. Tôi giữ tay cô và làm ẩm ướt môi cô, nói chuyện với cô, xin cô hãy chờ đợi, rằng mọi người đang tìm kiếm chúng tôi. Nhưng giờ đây tôi thực sự chẳng còn tin vào điều tôi đang nói. Tôi tin rằng Leeseey và tôi sẽ là những nạn nhân cuối cùng của gã khủng này và Elliot Wallace. Trong khoảnh khắc đó, tôi nghĩ rằng ít ra tôi sẽ sớm có mặt cùng với Mack và cha.

“Chúng tôi đã tóm được hắn. Hắn đang ở đường số 104 và Riverside.” Larry Aheam kêu thét lên.

Một tiếng chuông cảnh báo vang lên khắp những chiếc xe của tổ công tác trong khu vực chung quanh đó. Những tiếng còi báo động rền rĩ vang lên, họ chạy ào ra hiện trường.

Quả banh công phá đã vào vị trí. Một Derek Olsen thật hài lòng nhìn thấy rằng đối thủ kinh doanh của hắn, Doug Twining đang ở bên trong buồng lái của cái cần cầu.

“Một.” Derek nhảy lên và bắt đầu đếm.

“Hai.” Rồi sự khoái trá vì chiến thắng tắt ngấm trên đôi môi lão. Có ai đó đang đẩy để mở cửa sổ lót ván ở tầng hai của ngôi nhà dưới phố cũ kỹ ấy. Có ai đó đang đưa cặp chân lên ngưỡng cửa sổ và vẩy vẩy. Altman. Đó chính là Howie Altman.

Quả banh công phá đang lắc lư về phía ngôi nhà. Vào khoảnh khắc cuối cùng, Twining phát hiện ra Altman và đã lắc những bộ kiểm soát để quả banh giáng hụt vào ngôi nhà vài centimét.

Những chiếc xe của tổ công tác, với các bánh xe kêu lên rin rít, đang vòng quanh góc nhà.

“Quay trở lại! Quay trở lại!” Một Howie Altman đang gào thét lên và chạy dọc theo mái cổng vòm, vẩy hai tay hướng về cái cần cầu. Khi hắn bắt đầu nhảy lên, nhảy xuống, lớp gỗ mục nát bẹp dúm vào trong và ngôi nhà bắt đầu vỡ nát ra, từng lầu một ngã bổ nhào xuống. Nhìn thấy những gì đang xảy ra, Altman lao ngược trở lại qua cửa sổ kịp thời để cho hàng tấn xà bần đổ ào xuống người hắn.

Cảnh sát ào ra khỏi những chiếc xe tổ công tác. “Tầng hầm,” Một trong số những cảnh sát thét lên. “Tầng hầm. Nếu họ có ở đó, đấy là cơ hội duy nhất của họ.”

Trần nhà đang rơi xuống quanh chúng tôi. Tôi co người lại và cố gắng lao mình qua người Leeseey lúc này đang hầu như không thở nổi. Tôi cảm thấy có một mảnh vỡ văng vào vai, rồi đầu và tay tôi. Quá muộn, quá muộn rồi, tôi nghĩ. Giống như Mack và những cô gái khác, Leeseey và tôi đã bị dọa dầy phải kết thúc cuộc đời ở đây rồi.

Thế rồi tôi nghe thấy âm thanh cánh cửa bên ngoài tầng hầm được kéo mở ra, và những tiếng la hét vọng đến chỗ tôi từ bên trên. Đó là khi tôi để mình chìm vào cơn mê sảng và thoát khỏi nỗi đau đớn ở thân thể. Tôi cho rằng người ta đã cho tôi uống thuốc an thần khá mạnh, bởi vì phải mất đến hai ngày sau tôi mới thực sự thức tỉnh. Mẹ ngồi trên cái ghế bên cạnh cửa sổ trong phòng bệnh viện, ngắm nhìn tôi như bà đã làm vào ngày 11/9. Khi chúng tôi trải qua ngày đó, chúng tôi đã cùng khóc trong tay nhau, lần này thì vì Mack, chàng trai trẻ, người con trai, người anh trai đáng trân trọng, đã chết chỉ vì anh ấy muốn nhận lấy trách nhiệm của mình.

Một năm sau

Khi cuốn sách này dừng lại, chúng tôi biết rằng Elliot đã cướp của chúng tôi cả một gia tài. Rõ ràng, như Altman đã huênh hoang, rằng Mack đã nhận ra có điều gì đó sai lầm với quỹ ủy thác của anh, và nhận thức đó đã phải trả giá bằng chính sinh mạng của mình.

Thật là một phép lạ khi Leeseey vẫn còn sống sót. Cô ấy bị trói chặt trên cái sàn nhà dơ bẩn ấy trong mười sáu ngày đêm, không thể động đậy được, Altman cứ hết dọa dẫm sẽ giết chết cô ấy rồi lại nhiech móc cô về việc đã nhảy vào chiếc SUV bên ngoài Woodshed khi hắn bảo cô rằng Nick đã gửi hắn đến để lái xe đưa cô về nhà. Hắn chỉ cho cô một vài nắp nước mỗi ngày. Đói và khát đến mức bị mất nước, cô ấy ở trong tình trạng cực kỳ nguy kịch khi được đưa vào bệnh viện. Cũng giống như mẹ thức trắng đêm bên cạnh tôi, cha và anh của Leeseey cũng thức trắng trong phòng bệnh viện của cô ấy, vô về và van xin cô ấy hãy quay trở lại với cuộc sống.

Gia đình Andrews đã trở thành những người bạn rất tốt của chúng tôi. Bác sĩ David Andrews, cha của Leeseey, thường xuyên mời mẹ và tôi dùng cơm tối ở câu lạc bộ của ông tại Greenwich. Tình bạn của họ đã là sự an ủi rất lớn khi mẹ và tôi phải chiến đấu với nỗi đau về cái chết của Mack. Tôi biết chúng tôi đã giúp đỡ Leeseey khi cô ấy phục hồi cảm xúc từ sự thử thách khủng khiếp mà cô phải chịu đựng. Mẹ đã bán căn hộ ở Sutton Place và hiện đang sống trên đường Central Park West. Tôi chú ý thấy rằng bác sĩ David thường xuyên đến dùng cơm tối và đi xem hát với bà.

Chúng tôi thu xếp để giữ kín không cho giới truyền thông biết toàn bộ câu chuyện về lý do Mack đã nghi ngờ quỹ ủy thác của anh ấy không hoạt động đúng đắn. Dĩ nhiên tôi kể cho mẹ nghe về con trai của Mack. Đó không phải là điều tôi có thể giấu không nói với bà. Bác sĩ Barbara Hanover Galbraith đến gặp chúng tôi và nói với chúng tôi rằng cô đã hối tiếc biết bao khi cho là Mack đã bỏ rơi cô. Thậm chí sau đó cô vẫn không hoàn toàn thành thật. Cô đã không thừa nhận rằng cô đã sanh ra con của Mack cho đến khi tôi căn vặn cô. Thế rồi cô van xin chúng tôi hãy chờ cho đến khi đứa bé lớn hơn để nói cho nó biết về sự thật đó, và chúng tôi đã phải đành lòng đồng ý như vậy. Mẹ và tôi ước ao với tất cả trái tim mình rằng chúng tôi có thể biết và ở cạnh con trai Mack. Chúng tôi lặng lẽ tham dự những vở kịch và các buổi hòa nhạc tại trường cậu bé, St. David's và những lần đó lại khiến chúng tôi thấy giống như được nhìn thấy Mack vậy. Họ gọi cậu bé là Gary. Còn đối với mẹ và tôi, cậu bé sẽ luôn là Charles MacKenzie đời thứ ba.

Gia đình Kramer đang hưởng thụ cuộc sống ở Pennsylvania. Khi họ biết sự thật về việc Mack biến mất, họ đã đến để xin lỗi mẹ và tôi. Lil bảo cho chúng tôi nghe rằng vì bà đã đi tù do tội trộm cắp khi còn là một phụ nữ trẻ tuổi, nên bà đã quá miễn cảm khi Mack hỏi bà về cái đồng hồ của anh ấy. Nó đã được tìm thấy trong căn hộ của Howard Altman. Chúng tôi chẳng bao giờ biết được rằng gã ấy đã ăn trộm nó từ trong căn hộ thời học cao đẳng của Mack hay đã lấy nó sau khi giết chết anh ấy.

Lil cũng giải thích điều bà đã tìm thấy trong căn phòng của Mack đã khiến cho Gus tức giận. "Đó là một lá thư ngắn ngớ ngẩn biến tôi thành trò đùa, nói rằng tôi muốn cậu ấy đưa tôi đi khiêu vũ, và điều đó làm tổn thương tình cảm của tôi," bà nói. Dĩ nhiên đó là lá thư ngắn mà Nick đã viết và sau đó quăng đi. Hiển nhiên anh đã đúng về sự kiện rằng Lil có hơi tò mò, thóc mách. Khi tôi hỏi anh về điều đó, anh bảo rằng anh đã vò nát nó và ném nó vào giỏ rác gần bàn giấy của Mack. Đó là lý do tại sao Lil nghĩ Mack đã viết nó.

Tôi hạnh phúc khi kể lại rằng tôi là một trong những trợ lý Chương Lý Quận của Manhattan thật bận rộn và thường xuyên làm việc với các thám tử ở đó, những người thoát tiên đã ngờ vực tôi và giờ đây lại là những người bạn và đồng nghiệp thân thiết của tôi.

Nick và tôi đã lấy nhau cách đây ba tháng. Chúng tôi đã biến căn hộ tiện nghi trở thành một căn hộ New York thật quyến rũ. Woodshed đang vận hành tốt. Một trong những nơi ăn uống của chúng tôi là cửa tiệm bán mì ống và pizza vừa mới mở cửa lại của cha anh ở Queens. Tôi đã luôn nói rằng tôi sẽ có bốn đứa con, và chúng tôi đang trông ngóng sẽ có đứa thứ nhất mà không phải chờ quá lâu. Tôi hy vọng rằng nó sẽ là con trai. Tên nó sẽ là Charles MacKenzie DeMarco.

Chúng tôi sẽ gọi thằng bé là Mack.

HẾT

-
- [1] Tiến sĩ Phil: Chương trình trò chuyện trên truyền hình có chủ đề về tâm lý của nhà tâm lý học Phillip Calvin McGraw.
- [2] Món rau trộn nổi tiếng của nhà hàng huyền thoại Brown Derby ở Hollywood, Los Angeles, California. Hiện nay trên thế giới có rất nhiều biến thể của loại rau trộn này.
- [3] Tên thương mại của loại xe ô tô chuyên chạy trên đường đá, vừa có khả năng kéo như xe tải loại nhỏ vì được trang bị bốn bánh đều tạo lực đẩy, vừa có khoảng trống chứa hành khách như một chiếc xe minivan.
- [4] Danh thủ chơi golf chuyên nghiệp của Mỹ.
- [5] Loại áo choàng che kín mặt, chỉ chừa lại đôi mắt của phụ nữ Hồi giáo.
- [6] Tên của một hiệp sĩ trong các hiệp sĩ bàn tròn của vua Arthur, và cũng là một trong ba người đạt được chén thánh trong câu chuyện thần thoại về vua Arthur.
- [7] Một loại cần sa.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>